

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM
BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ HUYỆN PHÚ LƯƠNG

LỊCH SỬ
ĐẢNG BỘ
HUYỆN PHÚ LƯƠNG
TẬP II
(1955 - 2000)

Kính Biếu

HUYỆN ỦY PHÚ LƯƠNG XUẤT BẢN
NĂM 2005

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

LỊCH SỬ ĐẢNG BỘ HUYỆN PHÚ LƯƠNG

TẬP II
(1925 - 2000)

1973

Thư viện

HUYỆN ỦY PHÚ LƯƠNG XUẤT BẢN

NĂM 2002



ANH HÙNG LỰC LƯỢNG VŨ TRANG NHÂN DÂN

NHÂN DÂN VÀ LỰC LƯỢNG VŨ TRANG NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ LƯƠNG

TỈNH THÁI NGUYÊN





*Đón nhận danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân
thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp.*



LỜI GIỚI THIỆU

Tiếp theo cuốn "Lịch sử Đảng bộ huyện Phú Lương 1930 - 1954" do Huyện uỷ xuất bản năm 1996, thực hiện các Chỉ thị, Nghị quyết của Bộ Chính trị Ban chấp hành Trung ương Đảng và Ban Thường vụ Tỉnh uỷ Thái Nguyên về việc nâng cao chất lượng biên soạn các công trình Lịch sử Đảng, lịch sử các ngành ở địa phương, từ năm 2002, Ban Thường vụ Huyện uỷ Phú Lương tiến hành tổ chức nghiên cứu, biên soạn công trình "Lịch sử Đảng bộ huyện Phú Lương 1954 - 2000".

Đây là một công trình khoa học Lịch sử của Đảng bộ được tập thể Ban Thường vụ và Thường trực Huyện uỷ lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức nghiên cứu, biên soạn chặt chẽ, công phu. Qua 2 cuộc Hội thảo khoa học với sự tham gia đóng góp ý kiến của nhiều đồng chí cán bộ lãnh đạo Huyện uỷ, Hội đồng nhân dân, Uỷ ban nhân dân huyện trong các thời kỳ và qua 2 lần làm việc trực tiếp của Ban Thường vụ Huyện uỷ với Tổ biên soạn, bản thảo đã được sửa chữa, chỉnh lý và bổ sung, đảm bảo tính khách quan, khoa học.

Cuốn sách đã dựng lại một cách tương đối trung thực quá trình xây dựng, trưởng thành và thành tích lãnh đạo của Đảng bộ trên các lĩnh vực kinh tế - văn hoá - xã hội - quốc phòng - an ninh trong 10 năm sau khi hoà bình lập lại; trong các thời kỳ kháng chiến chống Mỹ, cứu nước; xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; đổi mới công nghiệp hoá - hiện đại hoá trên địa bàn. Cuốn sách cũng phản ánh cả những mặt chưa thành công của Đảng bộ trong công tác xây dựng, củng cố tổ chức cơ sở Đảng và lãnh đạo nhân dân trong huyện thực hiện các nhiệm vụ vừa sản xuất, vừa phục vụ chiến đấu, chi viện chiến trường; xây dựng, phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội ở địa phương.

Trên cơ sở đó, cuốn sách đã nêu lên một số kinh nghiệm chính trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo chiến tranh, xây dựng và phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội của Đảng bộ để cấp uỷ Đảng, chính quyền các cấp trong huyện nghiên cứu, vận dụng đẩy mạnh công cuộc đổi mới, thực hiện thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước trên địa bàn.

Với các nội dung trên, cuốn sách vừa là tài liệu giáo dục lịch sử truyền thống cho các thế hệ cán bộ, đảng viên trong Đảng bộ, cho nhân dân và cán bộ, chiến sĩ lực lượng vũ trang địa phương; vừa là tài liệu nghiên cứu, rút kinh nghiệm lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp uỷ Đảng, chính quyền và các đoàn thể quần chúng trong huyện.

Nhân kỷ niệm các ngày lễ lớn trong năm 2005, Ban Thường vụ Huyện uỷ quyết định xuất bản và phát hành cuốn sách "Lịch sử Đảng bộ huyện Phú Lương 1954 - 2000". Thay mặt Ban Thường vụ Huyện uỷ, tôi xin trân trọng cảm ơn sự ủng hộ, giúp đỡ của các cơ quan, ban ngành, đoàn thể ở huyện, ở tỉnh và toàn thể các đồng chí cán bộ lãnh đạo Huyện uỷ, Hội đồng nhân dân, Uỷ ban nhân dân huyện trong các thời kỳ; cảm ơn sự cổ vũ, đồng tình của nhân dân các dân tộc trong huyện.

Trong quá trình lãnh đạo, chỉ đạo nghiên cứu, biên soạn cuốn sách, do điều kiện còn nhiều hạn chế về tư liệu lịch sử, nên chắc chắn cuốn sách không tránh khỏi thiếu sót. Rất mong các đồng chí và bạn đọc góp ý, phê bình và bổ sung.

Thay mặt Ban chấp hành Đảng bộ huyện, tôi xin trân trọng giới thiệu với các đồng chí trong Đảng bộ, nhân dân các dân tộc trong huyện và đông đảo bạn đọc cuốn sách "Lịch sử Đảng bộ huyện Phú Lương 1954 - 2000".

BÍ THƯ HUYỆN ỦY

Nguyễn Thế Đề

Chương I

PHỤC HỒI VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ, THỰC HIỆN CẢI TẠO XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VÀ XÂY DỰNG CHỦ NGHĨA XÃ HỘI (1954-1965)

I- HOÀN THÀNH CẢI CÁCH RUỘNG ĐẤT, KHÔI PHỤC VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ, VĂN HOÁ (1955-1957)

Chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ (7/5/1954) là một đòn giáng quyết định, đập tan hoàn toàn kế hoạch quân sự Nava, buộc thực dân Pháp phải ký kết Hiệp định Giơnevơ (21/7/1954), cam kết công nhận độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của nhân dân Việt Nam. Miền Bắc nước ta được hoàn toàn giải phóng và bước vào thời kỳ quá độ tiến lên chủ nghĩa xã hội. Miền Nam vẫn chịu sự kiểm soát của thực dân Pháp, sau đó là đế quốc Mỹ và tập đoàn tay sai do Ngô Đình Diệm cầm đầu. Vì vậy, ở miền Nam, nhân dân ta phải tiếp tục thực

hiện cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, giải phóng miền Nam, tiến tới thống nhất đất nước.

Hoà chung với niềm vui chiến thắng của dân tộc, nhân dân các dân tộc huyện Phú Lương - dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ - hăng hái bắt tay vào công cuộc lao động xây dựng quê hương.

Là vùng tự do trong kháng chiến chống thực dân Pháp, từ sau khi hoà bình lập lại, huyện Phú Lương có nhiều điều kiện thuận lợi cho việc xây dựng, phát triển kinh tế, văn hoá, từng bước cải thiện đời sống nhân dân.

Nhân dân các dân tộc huyện Phú Lương có truyền thống cần cù, chịu khó, luôn đoàn kết thương yêu đùm bọc lẫn nhau, một lòng tin tưởng đi theo Đảng làm cách mạng và tham gia kháng chiến. Năm 1956, Đảng và Chính phủ chủ trương thành lập Khu Tự trị Việt Bắc, đem lại bầu không khí phấn khởi trong nhân dân các dân tộc, nhất là các dân tộc thiểu số.

Trong những năm kháng chiến chống Pháp, huyện Phú Lương có 14 xã đã trải qua giảm tô. Thông qua đó, ý thức giác ngộ quyền lợi giai cấp của quần chúng được nâng lên; nông dân được làm chủ ruộng đồng, càng thêm phấn khởi sản xuất. Cán bộ, đảng viên được rèn luyện ý thức tư tưởng, nâng cao lập trường giai cấp.

Bên cạnh thuận lợi, Phú Lương còn gặp nhiều khó khăn, phức tạp. Trong những năm đầu sau ngày hoà bình

được lập lại, hầu hết cán bộ từ xã đến huyện được điều động đi tham gia công tác cải cách ruộng đất và giảm tô, dẫn đến tình trạng thiếu cán bộ lãnh đạo. Mặt khác, trong quá trình thực hiện giảm tô, do chưa nắm vững chính sách, chúng ta đã phạm phải một số sai lầm về tổ chức, về phân định thành phần giai cấp. Tình hình nông thôn trở nên căng thẳng. Nội bộ cán bộ, đảng viên và quần chúng mất đoàn kết, nghi ngờ lẫn nhau. Một số cấp uỷ chỉ có 1-2 đồng chí làm việc, còn lại đều vin vào hoàn cảnh neo đơn, bỏ việc. Riêng Chi bộ xã Cổ Lũng chỉ có 1/3 trong tổng số 46 đảng viên còn tham gia công tác; Uỷ ban hành chính xã chỉ có 3 trong tổng số 7 uỷ viên hoạt động; Ban Chấp hành Nông hội chỉ có 1 đồng chí Bí thư làm việc, số còn lại đều thoái thác công tác. Tình trạng thiếu cán bộ lãnh đạo ở địa phương do vậy càng trở nên nghiêm trọng.

Trong kháng chiến chống Pháp, một số xã của huyện Phú Lương nằm trong khu vực An toàn khu (ATK) Trung ương. Một số cơ quan, kho tàng, công xưởng của Nhà nước được đặt trên địa bàn Phú Lương. Nhân dân các dân tộc Phú Lương đã từng đóng góp công sức, tiền của cho kháng chiến, trực tiếp bảo vệ các cơ quan, công xưởng của Trung ương. Ngược lại, các cấp uỷ Đảng và chính quyền địa phương cũng nhận được sự giúp đỡ của cán bộ các cơ quan Trung ương trong việc điều hành các mặt công tác, giải quyết một số việc khó. Nhưng từ sau ngày hoà bình lập lại, khi các cơ quan Trung ương rời khỏi Phú

Lương để trở về địa điểm cũ, thì Đảng bộ và chính quyền địa phương cũng không còn nhận được sự hỗ trợ quý báu đó.

Tình hình chính trị-xã hội ở huyện Phú Lương trong những năm đầu sau hoà bình cũng có những mặt phức tạp. “Một số phần tử trong đảng Phục Quốc ở Yên Ninh, Yên Trạch đả kích cán bộ, tuyên truyền xuyên tạc chính sách của Nhà nước. Đảng Việt-Pháp ở Vô Tranh (thực chất là một nhóm các phần tử lưu manh gồm 36 tên-trước Cách mạng là bọn đầu trộm đuôi cướp) nổi lên xuyên tạc chính sách, phá hoại đoàn kết, gây chia rẽ trong nội bộ giữa cán bộ và nhân dân, gây hoang mang trong quần chúng”⁽¹⁾.

Thêm vào đó, Phú Lương là huyện miền núi và trung du, diện tích đất canh tác không nhiều, phần lớn là đất đồi, một số xã lại bỏ hoang tới hàng trăm mẫu. Vì vậy, sau khi kháng chiến kết thúc, cuộc sống của nhân dân các dân tộc trong huyện rất khó khăn, thiếu thốn, dẫn đến “hiện tượng thiếu ăn trầm trọng, nhất là các xã Yên Ninh và Phú Đô”⁽²⁾.

Đảng bộ Phú Lương đã biết khai thác những mặt thuận lợi, lãnh đạo chính quyền các cấp trong huyện tổ chức

⁽¹⁾ Báo cáo công tác 3 tháng đầu năm 1955 của Huyện uỷ Phú Lương-Số 11/BC-PL, tr.3.

⁽²⁾ Báo cáo tình hình mọi mặt công tác từ 15/7 đến 15/8/1954 của Huyện uỷ Phú Lương - Số 23 - BC/PL - 19/8/1954, tr.1.

nhân dân các dân tộc từng bước giải quyết khó khăn, ổn định tình hình chính trị-xã hội.

Sau khi học tập Nghị quyết 10 của Trung ương Đảng (khoá II) về sửa chữa sai lầm trong phát động quần chúng giảm tô, cải cách ruộng đất và chỉnh đốn tổ chức do Tỉnh uỷ triệu tập, Huyện uỷ Phú Lương khẩn trương triển khai công tác sửa sai. Huyện uỷ triệu tập cuộc họp (16-17/12/1956) gồm Bí thư hoặc chi uỷ xã và số cán bộ của tỉnh được phái về làm nhiệm vụ sửa sai. Hội nghị nhận định tình hình, đánh giá phong trào chung của địa phương và bố trí cán bộ tham gia công tác. Toàn huyện Phú Lương có 14 xã trong diện sửa sai. Căn cứ vào khả năng cán bộ và tình hình các xã, trong bước 1, Huyện uỷ chủ trương tiến hành sửa sai ở 9 xã: Yên Lạc, Sơn Cẩm, Cổ Lũng, Phấn Mễ, Động Đạt, Vô Tranh, Yên Ninh, Yên Trạch và Yên Đỗ. Những xã này đã trải qua cuộc vận động thực hiện giảm tô, phát động quần chúng thành lập Khu Tự trị Việt Bắc và thực hiện nhiều chính sách lớn, đáng chú ý là cuộc vận động yêu nước chống Mỹ, bán thóc yêu nước năm 1955. Nhưng nhìn chung, tình hình các xã này khá phức tạp và chia thành 2 loại:

- Loại xã qua giảm tô chỉ bộ bị giải thể.
- Loại xã tuy không bị giải tán chỉ bộ, nhưng có vấn đề nghi vấn chính trị.

Trong quá trình thực hiện, nhận thấy thiếu cán bộ phụ trách, Huyện uỷ kịp thời tạm dừng nhiệm vụ sửa sai ở xã

Yên Lạc, chỉ còn lại 8 xã; mỗi xã có từ 2 đến 3 cán bộ trực tiếp chỉ đạo, có sự phân công, phân nhiệm rõ ràng. Được một thời gian, công việc dồn dập, nhiều cán bộ bị ốm, số cán bộ tăng cường của tỉnh lại rút về, cho nên mỗi xã chỉ còn 1 cán bộ phụ trách, dẫn đến tình trạng khó khăn, lúng túng.

Thông qua công tác sửa sai, huyện đã xác minh được số đảng viên bị xử trí oan là 78 đồng chí; số đã xác minh có thể phục hồi chức vụ và Đảng tịch là 57 đồng chí, trong đó có 14 chi uỷ viên và 16 cán bộ khối Quân, Dân, Chính⁽¹⁾. 7 trong 8 chi bộ xã sửa sai (trừ xã Động Đạt) bước đầu được củng cố và kiện toàn. Chi bộ xã Yên Trạch trong thời gian giảm tô bị giải tán, sau khi xác minh lại, đã được cấp trên cho khôi phục. 15 trong số 22 đảng viên bị xử trí sai được phục hồi Đảng tịch và phục chức, tư tưởng dần dần ổn định. Tính đến tháng 7/1957, Đảng bộ Phú Lương có 418 đảng viên, sinh hoạt ở 14 chi bộ nông thôn và 3 chi bộ cơ quan. Qua sửa sai, các Ban chi uỷ được bầu lại, có sự phân công, phân nhiệm rõ ràng. Nhìn chung, cán bộ, đảng viên sau sửa sai đều phấn khởi làm việc; chế độ sinh hoạt, thỉnh thị báo cáo dần dần đi vào nền nếp.

Từ ngày 27 đến 28/1/1957, Huyện uỷ triệu tập hội nghị kiểm điểm công tác sửa sai. Đánh giá công tác sửa

⁽¹⁾ B/c tình hình sửa sai của Phú Lương trong công tác bước 1 - Số 6- BC/PL 17/1/1957, tr.2.

sai bước 1, bên cạnh những thành tích, ưu điểm, Hội nghị khẳng định: Công tác tuyên truyền chưa làm được sâu rộng và chưa tận dụng được hết khả năng của các ngành, các giới. Một số chi uỷ và Uỷ ban cũng như các ngành, các giới tuy được bổ sung cán bộ, nhưng một số xã còn yếu. Công tác bồi dưỡng trình độ chuyên môn và lý luận cho cán bộ còn hạn chế. Đối với những xã chưa qua sửa sai thì bộ máy lãnh đạo gần như bị tê liệt, mọi công văn, giấy tờ cấp trên gửi xuống không được thi hành. Nguyên nhân dẫn đến tình trạng này là do trong giảm tô, những thắc mắc của quần chúng với cán bộ chưa được giải quyết; cán bộ sinh ra bi quan, tiêu cực, phần lớn chờ sửa sai xin nghỉ công tác. Trên cơ sở tổng kết, rút kinh nghiệm đợt 1, từ cuối tháng 7/1957, Huyện uỷ tập trung chỉ đạo công tác sửa sai đợt 2 trong phạm vi 5 xã.

Trong quá trình chỉ đạo, Huyện uỷ biết gắn công tác sửa sai với nhiệm vụ phát triển sản xuất, phục hồi kinh tế. Ngày 24, 25/11/1954, Huyện uỷ triệu tập hội nghị gồm đại biểu các xã để bàn về công tác lãnh đạo sản xuất, vạch ra kế hoạch thực hiện cụ thể; nhiệm vụ trung tâm trước mắt là làm thủy lợi, xây dựng và củng cố tổ đổi công.

Việc lãnh đạo làm thủy lợi để chống hạn được Huyện uỷ xác định là một công tác chính. Ngay từ tháng 7/1954, dưới sự chỉ đạo của Huyện uỷ, các xã đã huy động nhân công đắp đập, làm mương, phai, tát nước, tháo ao... để chống hạn, bảo đảm sản xuất vụ mùa và phòng đói khi

giáp hạt. Bằng những biện pháp này, chỉ trong một tháng, không kể 5 xã: Tức Tranh, Phú Đô, Hợp Thành, Phấn Mễ, Yên Ninh, huyện Phú Lương đã chống được hạn hán cho trên 700 mẫu ruộng. Trong công tác làm thủy lợi, nhiều xã đã động viên được đông đảo mọi tầng lớp nhân dân, kể cả các hộ công thương tham gia sửa chữa mương, phai giúp nông dân. Tuy nhiên, công tác thủy lợi của huyện còn gặp nhiều khó khăn, trở ngại: Các xã Yên Trạch, Hợp Thành, Phủ Lý, Động Đạt vẫn còn tới 240 mẫu ruộng chưa có nước cấy, vì không có điều kiện làm mương, phai. Vì vậy, lãnh đạo chống hạn là một trọng điểm công tác của Huyện uỷ trong những năm sau.

Từ năm 1956, phong trào làm thủy lợi được phát động rộng rãi trong toàn huyện; bộ đội, học sinh cũng tham gia tích cực. Với khẩu hiệu: “Vắt đất ra nước thay trời làm mưa”, nhân dân các dân tộc huyện Phú Lương bằng mọi biện pháp, quyết tâm dẫn nước vào đồng ruộng. Hầu hết các xã đều đắp đập, làm mương, phai, cọn nước, đào giếng, gánh nước tưới cho lúa và hoa mầu. Trong phong trào chống hạn, thanh niên là lực lượng nòng cốt. Nhiều điển hình tập thể và cá nhân tiên tiến xuất hiện: Anh Vũ Đình Thông, một đoàn viên thanh niên xã Phấn Mễ đã bỏ ra 55 ngày làm xong một cọn nước, được Trung ương Đoàn, Tỉnh Đoàn và Uỷ ban hành chính Khu Tự trị Việt Bắc khen thưởng. Chi Đoàn thanh niên xã Động Đạt vận

động 100 đoàn viên thanh niên và thiếu niên vận chuyển 15 m³ đá lên đập Khe Nác ngay trong ngày 3 Tết...

Khôi phục kinh tế là một nhiệm vụ trung tâm của toàn Đảng, toàn dân trong những năm đầu sau khi hoà bình lập lại. Nhận thức rõ điều đó, Huyện uỷ triệu tập nhiều hội nghị chuyên đề bàn về việc triển khai thực hiện kế hoạch Nhà nước. Riêng trong năm 1956, huyện mở 3 cuộc họp gồm 270 đại biểu tham dự:

- Hội nghị ngày 14/1/1956 gồm Bí thư chi bộ các xã, cán bộ các ngành, các giới.
- Hội nghị từ ngày 9 đến ngày 11/3/1956 gồm Bí thư, Chủ tịch Uỷ ban hành chính các xã và các Trưởng xóm. Tiếp đó là hội nghị gồm cán bộ các ngành, các giới.

Sau các hội nghị cấp huyện, các xã, các xóm cũng lần lượt triển khai học tập và tuyên truyền giáo dục trong cán bộ, đảng viên và quần chúng về nhiệm vụ kế hoạch 3 năm khôi phục kinh tế (1955-1957). Riêng trong năm 1956, các xóm tổ chức cho nhân dân học tập 121 kỳ, với tổng số 10.500 người tham dự. Các tổ chức Nông hội, Thanh niên, Phụ nữ, Hội Mẹ chiến sĩ... cũng mở được nhiều đợt học tập cho hội viên.

Công tác tuyên truyền, giáo dục được Huyện uỷ và Uỷ ban hành chính huyện quan tâm thực hiện dưới nhiều hình thức phong phú. Khẩu hiệu, áp phích tuyên truyền được viết hoặc dán ở những nơi công cộng, trên vách nhà, bình phong... Xóm nào cũng có chòi phát thanh và các tổ tuyên

truyền đều hoạt động tích cực. Một số xã còn sáng tác ca dao, tổ chức cổ động sâu rộng trong nhân dân.

Được sự chỉ đạo của các cấp uỷ, từ huyện xuống xã đều xây dựng kế hoạch sản xuất. Ty Nông lâm hướng dẫn và giúp đỡ nông dân áp dụng các biện pháp kỹ thuật vào sản xuất. Phong trào làm phân bón ruộng được phát động trong toàn dân. Các nguồn phân được tận dụng. Ngoài phân chuồng, các xã còn làm phân xanh, làm quây ủ phân. Đoàn Thanh niên các xã tổ chức cho đoàn viên thanh niên đi nhặt phân trâu, bò rơi vãi ở các ngã đường, thực hiện khẩu hiệu “Sạch làng tốt ruộng”. Việc sử dụng bừa cỏ Nghệ An cùng với các biện pháp kỹ thuật chọn giống, ngâm mạ nước nóng 3 sôi 2 lạnh, gieo mạ thưa, cấy nhỏ rảnh... được phổ biến trong nông dân.

Trải qua một năm thực hiện, năng suất lúa tăng lên, đời sống nhân dân được cải thiện hơn trước. Đến năm 1956, toàn huyện chỉ còn 15 gia đình (49 nhân khẩu) ở 4 xã (Yên Đỗ, Hợp Thành, Phấn Mễ, Vô Tranh) là thiếu, đói⁽¹⁾.

Vào thời điểm này, cuộc vận động thành lập Khu Tự trị Việt Bắc được tiến hành sâu rộng, nhân dân các dân tộc trong huyện thêm phấn khởi, tích cực hoàn thành nghĩa vụ đối với Nhà nước. Việc đóng thuế vụ hạ hoàn thành trước thời hạn 3 tháng. Nghĩa vụ nộp thuế trong

⁽¹⁾ Báo cáo 1 năm của BCH Đảng bộ Phú Lương-Số 04/BC-PL-10/1/1957 tr.3.

năm 1956 căn bản hoàn thành: Thuế nông nghiệp đạt 99,88%, thuế công thương nghiệp đạt 96,8%; Công tác thu mua thóc trong năm vượt mức kế hoạch; Việc thu mua các hàng lâm thổ sản: Song, mây, nứa, lá... đạt 100%⁽¹⁾.

Ngoài sản xuất nông nghiệp và khai thác lâm thổ sản, Huyện uỷ cũng chú trọng lãnh đạo phát triển tiểu thủ công nghiệp. Đầu tháng 10/1956, huyện tổ chức hội nghị đại biểu Ngành Thủ công nghiệp nhằm kiểm điểm việc thực hiện kế hoạch, cải tiến kỹ thuật, tăng năng suất, chất lượng, bảo đảm cung cấp các loại nông cụ (dao, liềm, cuốc...) cho nhân dân.

Việc xây dựng, củng cố tổ đổi công trong thời gian đầu chưa được các cấp lãnh đạo quan tâm đúng mức. Từ giữa năm 1956, thực hiện Nghị quyết của Tỉnh uỷ, Huyện uỷ tổ chức 2 cuộc hội nghị chuyên đề bàn về xây dựng, củng cố tổ đổi công. Trong năm 1956, toàn huyện có 465 tổ đổi công, trong đó có 32 tổ đổi công thường xuyên⁽²⁾. Tổ đổi công xóm Đông Chùa (xã Yên Đổ) được Huyện uỷ chọn làm chỉ đạo và kịp thời rút kinh nghiệm báo cáo trước Hội nghị đổi công toàn huyện (cuối năm 1956).

Những kết quả trên không tách rời vai trò lãnh đạo của Đảng bộ, trực tiếp là Huyện uỷ. Năm 1954, Huyện uỷ Phú Lương mới có 1 đồng chí Bí thư (Nguyễn Bình Sơn) điều hành mọi công việc. Năm 1955, vì phần lớn cán bộ

⁽¹⁾ Báo cáo một năm của BCH Đảng bộ Phú Lương-Số 04-Tlđd, tr.7.

được điều động tham gia cải cách ruộng đất và giảm tô, nên cả Huyện uỷ và Uỷ ban hành chính huyện chỉ có đồng chí Nguyễn Quang Oánh phụ trách. Ngày 28/1/1956, đồng chí Lê Thị Gạo được cử về làm Phó Bí thư Huyện uỷ và đến cuối năm, Huyện uỷ có 5 đồng chí. Các ban của Huyện uỷ cũng được xây dựng và kiện toàn từng bước. Ban Tuyên huấn Huyện uỷ từ chỗ chưa có cán bộ (giữa năm 1956), đến cuối năm đã có 2 đồng chí. Ban Tổ chức từ 1 đồng chí (đầu năm 1956), đến cuối năm có 3 đồng chí... Dù đội ngũ cán bộ còn thiếu, nhưng Huyện uỷ đã khắc phục khó khăn, trong năm tổ chức được 5 đợt học tập cho cán bộ, đảng viên về chính sách Khu Tự trị Việt Bắc và Cương lĩnh Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; về đấu tranh hiệp thương Tổng tuyển cử; Nghị quyết 10 của Trung ương Đảng (khoá II) và Nghị quyết XX của Đảng Cộng sản Liên Xô...

Các tổ chức quần chúng cũng được tăng cường và hoạt động tích cực hơn, nhất là Đoàn Thanh niên với phong trào cải tiến kỹ thuật, Nông hội với phong trào xây dựng tổ đổi công, chống hạn.

Bước sang năm 1957, huyện Phú Lương có một số thuận lợi mới: Bộ máy lãnh đạo các ngành, các giới trong huyện đã được củng cố và kiện toàn một bước. Đặc biệt, trải qua công tác sửa sai, các ban chi uỷ ở các xã được củng cố; hoạt động của các ngành, các giới dần dần đi vào nền nếp. Tình hình nông thôn so với trước ổn định hơn.

Tuy nhiên, ở một số xã chưa qua sửa sai, bộ máy lãnh đạo còn chuyêch choạc, tư tưởng trong cán bộ và nhân dân không ổn định.

Xuất phát từ tình hình thực tế ở địa phương, Huyện uỷ đã kịp thời xác định phương hướng chỉ đạo cụ thể đối với mọi mặt công tác:

- Về nông nghiệp, Huyện uỷ nhấn mạnh phải tích cực vận động làm cỏ, trừ sâu, tăng thêm nguồn phân bón nhằm tăng năng suất lúa; đề phòng hạn hán ở những chân ruộng cạn bằng cách đắp bờ giữ nước; đồng thời đẩy mạnh trồng hoa mầu, cây công nghiệp. Mặt khác, phải phát triển chăn nuôi gia súc, đề phòng dịch bệnh và vệ sinh chuồng trại theo sự hướng dẫn của chuyên môn...

- Về tiểu thủ công nghiệp, Huyện uỷ chủ trương mở cuộc điều tra trên toàn huyện. Trên cơ sở đó, củng cố các cơ sở sẵn có (lò rèn, đan lát...).

- Đối với hoạt động thương nghiệp, Huyện uỷ chủ trương tăng cường lãnh đạo bình ổn vật giá, cấm đầu cơ tích trữ, giữ vững những mặt hàng chính; đẩy mạnh giao lưu hàng hoá giữa thành thị và nông thôn; tăng cường sự kết hợp giữa hợp tác xã với cửa hàng mậu dịch quốc doanh nhằm đảm bảo cung cấp và thu mua những mặt hàng cần thiết cho nhân dân.

Để phục vụ sản xuất và đời sống nhân dân, Huyện uỷ nhấn mạnh phải bảo đảm giao thông thông suốt, nhất là trong mùa mưa bão. Đối với những xã nằm ven trục quốc lộ cần chú ý kiểm soát cầu cống, kịp thời sửa chữa

khi bị hư hỏng. Huyện chủ trương huy động nhân công phát dọn các đường tiểu mạch giữa huyện và xã, đường liên xã, liên xóm; củng cố các đường dây thông tin từ huyện lên tỉnh, đồng thời chấn chỉnh các tổ chức giao thông viên ở các xã.

Nhằm thúc đẩy sản xuất nông nghiệp phát triển, Huyện uỷ và Uỷ ban hành chính huyện tập trung lãnh đạo, chỉ đạo công tác thuỷ lợi, làm cỏ, bón phân cho lúa. Từ xã Hợp Thành làm trọng điểm, Huyện uỷ rút kinh nghiệm lãnh đạo công tác chống hạn cho các xã. Nhờ đó, công tác chống hạn đạt kết quả tốt. Chỉ tính riêng trong 3 tháng quý III năm 1957, toàn huyện đã huy động 6.235 công làm thuỷ lợi, tưới nước cho 2.297 mẫu ruộng.

Ngoài công tác chống hạn bảo đảm nguồn nước cho đồng ruộng, việc làm cỏ, bón phân được coi trọng. Tại các xã, mỗi mẫu ruộng bình quân bón 50 gánh phân, làm cỏ ít nhất được 1 lần. Năng suất lúa bình quân đối với loại ruộng có nước đạt 400 kg/mẫu, loại trung bình đạt 350 kg/mẫu. Riêng xã Phấn Mễ gặt thí điểm lúa Nam Ninh đạt 495 kg/mẫu (85,34% chỉ tiêu kế hoạch)⁽¹⁾. Sản lượng thu hoạch lúa mùa trong năm 1957 kém hơn năm 1956 khoảng 15%. Sản lượng hoa mầu (ngô, khoai lang, khoai sọ, đỗ các loại) cũng bị giảm sút do chuột phá hoại.

(1) Báo cáo thực hiện kế hoạch 6 tháng đầu 1957 của huyện Phú Lương. Số 445-BC/PL - 1/7/1957, tr.3

Ngành chăn nuôi ở Phú Lương tương đối phát triển. Tính đến cuối năm 1957, đàn trâu của huyện có 5.336 con, đàn lợn có 3.627 con, không kể các loại gia súc, gia cầm khác. Ngoài ra, tại các xã Yên Ninh, Yên Trạch, Yên Đổ, Phú Lý... đều chú ý phát triển nghề thả cá. Tính riêng 2 xã Yên Đổ và Tân Thành, diện tích thả cá là 107 mẫu 9 sào⁽¹⁾.

Trong quá trình lãnh đạo sản xuất, Huyện uỷ rất quan tâm đến việc tổ chức, hướng dẫn nông dân từ làm ăn cá thể đi dần vào con đường làm ăn tập thể, từng bước cải tạo quan hệ sản xuất trong nông nghiệp. Đến cuối năm 1957, toàn huyện có 472 tổ đổi công, trong đó có 55 tổ đổi công thường xuyên, 9 tổ bình công chấm điểm, 339 tổ đổi công từng vụ và 69 tổ đổi công từng việc. Tuy nhiên, ở một số xã, do hoạt động tổ chức Nông hội yếu, nên phong trào tổ đổi công còn nhiều hạn chế.

Bên cạnh những thành tựu đạt được trong nhiệm vụ khôi phục kinh tế, công tác văn hoá, giáo dục, y tế trong huyện cũng bước đầu phát triển. Tính đến cuối năm 1957, ngoài các trường cấp I ở phần lớn các xã, Phú Lương đã có một trường phổ thông cấp II, gồm một lớp 5, hai lớp 6 và một lớp 7, với tổng số 131 học sinh và 6 giáo viên. Trong nhà trường, tổ chức công đoàn giáo viên và các tổ

⁽¹⁾ Báo cáo 3 tháng thực hiện nhiệm vụ quý 3/1957. Số 946-KTTC-16/10/57, tr.4

chuyên môn được xây dựng, dần dần đi vào hoạt động có nền nếp, mặc dù cơ sở vật chất rất nghèo nàn, dột nát.

Phong trào bình dân học vụ tiếp tục được duy trì. Huyện Phú Lương chia thành 2 miền, mỗi miền do 1 cán bộ phụ trách, có nhiệm vụ kiểm tra, giúp đỡ phong trào. Các lớp huấn luyện, bồi dưỡng chuyên môn và nghiệp vụ cho giáo viên thường được tổ chức trong các năm. Riêng trong quý III năm 1957, Phòng Giáo dục huyện tổ chức một lớp huấn luyện ngắn ngày cho 53 người. Tháng 9/1957, được sự giúp đỡ của Ty Giáo dục, huyện tổ chức cho cán bộ, giáo viên đi tham quan, góp phần tạo nên khí thế mới trong Ngành Giáo dục Phú Lương. Ngoài ra, Ủy ban hành chính huyện luôn chỉ đạo chặt chẽ với các ngành, các giới, nhất là Đoàn thanh niên, đẩy mạnh phong trào thanh toán nạn mù chữ. Nhờ đó, 13/14 xã đều có phong trào bình dân học vụ, khá nhất là 4 xã: Yên Đổ, Cổ Lũng, Phấn Mễ, Yên Trạch. Đến cuối năm 1957, toàn huyện có 60 lớp công, 1 lớp tư, với tổng số gần 90 giáo viên bình dân học vụ.

Phòng Y tế huyện đến năm 1957 có 3 cán bộ, trong đó có 1 Trưởng phòng, 1 y tá và 1 nữ hộ sinh. Dù thiếu cán bộ và mọi phương tiện, nhưng Phòng vẫn cố gắng hoàn thành nhiệm vụ: Cấp cứu 6 lần, phát thuốc cho 320 người. Ngoài ra, trong quý III năm 1957, Phòng còn thành lập 4 Ban phòng bệnh xã (đạt 50% chỉ tiêu), 31 Ban phòng bệnh xóm (đạt 75,2%), 20 Tổ trợ sản (đạt 74%), 19

túi thuốc xóm (đạt 70%), huấn luyện cho 110 vệ sinh viên.

Trong quá trình lãnh đạo, xuất phát từ đặc điểm tình hình địa phương, Huyện uỷ coi trọng các mặt công tác vùng cao. Toàn huyện Phú Lương có 6 xã thuộc vùng cao, mỗi xã có từ 1 đến 2 xóm có đồng bào dân tộc ít người sinh sống. Bà con ở đây vừa làm ruộng, vừa làm rẫy. Riêng xóm Tân Tiến (xã Tân Thành) có 6 gia đình sống bằng nghề làm rẫy. Vì vậy, đời sống nhân dân ở đây rất thấp kém và không ổn định.

Nhằm giải quyết tình trạng trên, Huyện uỷ tổ chức hội nghị bàn về vấn đề sản xuất ở vùng rẻo cao. Sau hội nghị, huyện đã xây dựng một kế hoạch thực hiện sản xuất, chủ yếu là trồng các loại cây hoa mầu ngắn ngày. Kết quả trong 4 xóm vùng cao, không kể 164,1 mẫu lúa rẫy, bà con đã trồng được 9 sào khoai sọ, 5,3 mẫu rau cải, hơn 4 mẫu ngô, 5,3 mẫu đỗ tương⁽¹⁾.

Theo chủ trương của tỉnh, huyện chọn xóm Tân Tiến (xã Tân Thành, nay là xã Ôn Lương) làm điểm chỉ đạo công tác vùng rẻo cao. Tại xóm này, được sự lãnh đạo của Huyện uỷ, nhân dân các dân tộc đã trồng được 5,9 mẫu ngô, 8 sào lúa Nam Ninh... Cùng với sản xuất, bà con trong xóm lập được tủ thuốc trị giá 10.000 đồng, mở được 1 lớp bình dân học vụ gồm 9 trẻ em và 2 người lớn, làm đường giao thông đến tận nơi hẻo lánh, tạo điều kiện

(1) Báo cáo 3 tháng thực hiện nhiệm vụ quý 3 năm 1957 của huyện Phú Lương. Tlđđ, tr.3.

thuận lợi cho việc đi lại. Đời sống của nhân dân các dân tộc trong xóm được cải thiện từng bước. Nhân dân càng thêm tin tưởng, phấn khởi tham gia các hoạt động xã hội, phát triển sản xuất. Từ kết quả công tác thí điểm tại xóm Tân Tiến, Huyện uỷ rút ra được nhiều bài học kinh nghiệm tốt cho công tác vùng cao trong huyện.

II- CẢI TẠO XÃ HỘI CHỦ NGHĨA ĐỐI VỚI CÁC THÀNH PHẦN KINH TẾ (1958-1960)

Sau 3 năm tiến hành khôi phục kinh tế, miền Bắc sôi nổi bước vào thời kỳ thực hiện những nhiệm vụ của cách mạng xã hội chủ nghĩa.

Vào trung tuần tháng 11/1958, Ban Chấp hành Trung ương Đảng họp Hội nghị lần thứ 14, đề ra chủ trương cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với các thành phần kinh tế cá thể của nông dân, thợ thủ công, tiểu thương và công thương nghiệp tư bản tư doanh, khâu chính là hợp tác hoá nông nghiệp. Đối với miền núi, Nghị quyết Trung ương Đảng lần thứ 16 (4/1959) đề ra chủ trương tiến hành cuộc vận động hợp tác hoá nông nghiệp kết hợp với hoàn thành cải cách dân chủ; nghĩa là trong khi củng cố và phát triển tổ đổi công và hợp tác xã nông nghiệp, cải tiến kỹ thuật, tăng năng suất lương thực và hoa mầu, phải kết hợp với việc xoá bỏ những tàn tích của chế độ phong kiến về chiếm hữu ruộng đất và những hình thức bóc lột phong kiến.

Quán triệt Nghị quyết của Trung ương Đảng, Hội nghị đại biểu Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên (2/1959) chủ trương kiên quyết lãnh đạo nhân dân các dân tộc thực hiện cải tạo xã hội chủ nghĩa, trọng tâm là cải tạo và phát triển nông nghiệp.

Khi bước vào thời kỳ thực hiện nhiệm vụ kế hoạch 3 năm cải tạo xã hội chủ nghĩa (1958-1960), Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Phú Lương lần thứ V được triệu tập (12/1958). Kiểm điểm tình hình thực hiện các mặt công tác trong những năm đầu, Đại hội khẳng định những thành tích đạt được trên các lĩnh vực kinh tế-xã hội; đồng thời vạch rõ những hạn chế, thiếu sót trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng bộ. Trên cơ sở đánh giá những mặt thuận lợi và khó khăn của địa phương, đồng thời quán triệt Nghị quyết 14 Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Đại hội xác định nhiệm vụ trọng tâm của Đảng bộ trong những năm trước mắt phải tập trung lãnh đạo thắng lợi công cuộc vận động hợp tác hoá nông nghiệp, phát triển sản xuất, từng bước cải thiện đời sống nhân dân các dân tộc. Đại hội bầu Ban Chấp hành Đảng bộ, gồm 5 đồng chí, do đồng chí Phan Văn Tĩnh làm Bí thư, đồng chí Lê Thị Gạo làm Phó Bí thư.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ, từ mùa thu 1958, công cuộc vận động hợp tác hoá nông nghiệp được thực hiện. Cuối năm 1958 đầu năm 1959, hai hợp tác xã nông nghiệp đầu tiên được xây dựng thí điểm ở xã Yên Đỗ, có 35 hộ nông dân tham gia (chiếm 1,5% tổng số hộ).

Nhận rõ mục đích, ý nghĩa cuộc vận động hợp tác hoá nông nghiệp, huyện tổ chức cho 105 cán bộ xã, xóm học tập về bình công chấm điểm, về chính sách hợp tác hoá nông nghiệp. Đầu mùa thu năm 1959, được sự giúp đỡ của tỉnh, Huyện uỷ và Uỷ ban hành chính huyện phân công cán bộ xuống các xã làm công tác tuyên truyền giáo dục, vận động xây dựng hợp tác xã nông nghiệp.

Sau đợt “Giáo dục Mùa Thu”, toàn huyện thành lập được 15 hợp tác xã nông nghiệp, với 310 hộ tham gia (13,4% tổng số nông hộ). Nhìn chung, phong trào hợp tác hoá nông nghiệp ở huyện Phú Lương phát triển với tốc độ khá nhanh, nhưng không đều. Các xã Yên Đổ, Phủ Lý có phong trào tương đối khá, đạt tỷ lệ trên 50% tổng số nông hộ tham gia. Trong khi đó, một số xã (Yên Lạc, Tân Thành...) chỉ đạt 4,8%, thậm chí còn một số “xã trắng” (xã không có hợp tác xã: Yên Ninh, Cổ Lũng, Sơn Cẩm, Vô Tranh, Phú Đô, Tức Tranh).

Đến cuối năm 1959, tình trạng trên được khắc phục, 13/14 xã đã có hợp tác xã. Riêng phong trào ở xã Yên Trạch và Tam Hợp có những bước phát triển vượt bậc. Tính đến ngày 31/12/1959, toàn huyện đã xây dựng được 45 hợp tác xã nông nghiệp, với 1.470 hộ xã viên (chiếm 40,26% tổng số hộ nông dân); trong đó có 1 hợp tác xã đã chuyển lên bậc cao⁽¹⁾. Bước đi của phong trào hợp tác hoá

⁽¹⁾) B/c công tác từ Đại hội trước đến nay của Đảng bộ Phú Lương - Số 06/BC - 20/4/60, tr.2.

Bước vào năm 1960, năm có nhiều sự kiện quan trọng, Đảng bộ và nhân dân các dân tộc huyện Phú Lương đẩy mạnh thi đua với một khí thế mới. Từ ngày 23 đến ngày 29/4/1960, Đại hội đại biểu Đảng bộ Phú Lương lần thứ VI được triệu tập. Tham dự Đại hội có 64 đại biểu chính thức và 4 đại biểu dự khuyết.

Đại hội Đảng bộ diễn ra trong không khí khẩn trương, phấn khởi và trong sự quan tâm theo dõi với niềm tin tưởng, mong chờ của các tổ chức, đoàn thể các giới, các ngành ở địa phương. Bà con các dân tộc trong huyện đều hướng về Đại hội với một tình cảm sâu sắc. Đại hội nhận được trên 70 lá thư chúc mừng và thư báo cáo thành tích từ các đoàn thể, các nơi gửi về...

Đại hội thảo luận bản Dự thảo Điều lệ Đảng, bản Báo cáo sự lãnh đạo của Đảng bộ trong nhiệm kỳ trước; trên cơ sở đó, thông qua Báo cáo đề án công tác của Đảng bộ trong nhiệm kỳ mới và cử đại biểu đi dự Đại hội Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên (gồm 14 đồng chí, do đồng chí Phan Văn Tĩnh làm Trưởng đoàn). Đại hội đã bầu Ban Chấp hành Đảng bộ gồm 15 uỷ viên chính thức và 1 uỷ viên dự khuyết.

Ngày 2/5/1960, Ban Chấp hành Đảng bộ họp phiên đầu tiên tại Văn phòng Huyện uỷ để bầu Ban Thường vụ, Bí thư và Phó Bí thư; đồng thời phân công nhiệm vụ đối với từng cấp uỷ viên. Ban Thường vụ Huyện uỷ gồm 5 đồng chí. Đồng chí Phan Văn Tĩnh được tín nhiệm tái cử

giữ chức Bí thư, phụ trách chung và đồng chí Hoàng Ngọc Thăng là Phó Bí thư, phụ trách khối chính quyền, trực tiếp lãnh đạo kế hoạch.

Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện lần thứ VI (4/1960) là một sự kiện quan trọng trong đời sống chính trị của Đảng bộ và nhân dân các dân tộc huyện Phú Lương. Đại hội không chỉ vạch ra phương hướng, nhiệm vụ cho Đảng bộ trong những năm 1961-1962, mà còn là nguồn cổ vũ đối với cán bộ, đảng viên và nhân dân trong huyện vững bước đi lên trên chặng đường mới.

Để lãnh đạo phát triển sản xuất, trước mắt là giành thắng lợi vụ mùa năm 1960, Huyện uỷ triệu tập hội nghị gồm các Bí thư chi bộ, Chủ tịch Uỷ ban hành chính xã, Chủ nhiệm hợp tác xã bàn về kế hoạch phát triển sản xuất; tiếp đó là hội nghị bàn về cải tiến kỹ thuật. Tháng 5/1960, Huyện uỷ phát động “Chiến dịch Cờ hồng” và tiếp đến là “Chiến dịch Cờ hồng đông-xuân” (từ ngày 25/10/1960), tạo nên không khí thi đua sôi nổi trên mặt trận sản xuất. Nhờ đó, dù gặp thiên tai, nhưng tổng sản lượng lương thực năm 1960 vẫn tăng hơn năm 1958.

Cùng với việc đẩy mạnh sản xuất, Đảng bộ tập trung lãnh đạo củng cố và phát triển phong trào hợp tác hoá nông nghiệp. Từ kết quả và kinh nghiệm của năm 1959, đến năm 1960, huyện Phú Lương xây dựng được 84 hợp tác xã nông nghiệp, gồm 2.762 hộ (chiếm 75% tổng số hộ nông dân). Riêng xã Tân Thành đạt 97% số hộ nông dân

vào hợp tác xã. Theo sự chỉ đạo của Huyện uỷ, các hợp tác xã Hợp Thành, Tân Thành, Phú Lý đã bầu lại Ban Quản trị; đồng thời mở 2 lớp huấn luyện cán bộ hợp tác xã về công tác “ba quản”, “ba khoán”⁽¹⁾. Ngoài ra, huyện còn cử một số cán bộ Ban Quản trị đi tập huấn từ 7 đến 15 ngày ở tỉnh.

Công tác thuỷ lợi được đẩy mạnh, coi đó là biện pháp quan trọng hàng đầu trong sản xuất nông nghiệp. Ngay từ năm 1959, Huyện uỷ triệu tập hội nghị bàn về công tác thuỷ lợi tại xã Yên Trạch - một xã điển hình về xây dựng tiểu thuỷ nông - để rút kinh nghiệm lãnh đạo trong toàn Đảng bộ. Từ sau Hội nghị, cán bộ, đảng viên và quần chúng được nâng cao thêm nhận thức về phương châm phát triển thuỷ lợi. Công tác thuỷ lợi thực sự trở thành phong trào quần chúng rộng rãi. Trong năm 1959, huyện huy động 18.056 công làm thuỷ lợi, đắp và sửa được 584 ao, hồ, nương, đập... chủ động tưới nước cho trên 4.130 ha ruộng lúa khỏi bị hạn hán. Sang năm 1960, huyện tiếp tục bổ sung quy hoạch hệ thống thuỷ lợi trên địa bàn, mở lớp huấn luyện cho 23 cán bộ xã về nghiệp vụ thuỷ lợi và thường xuyên vận động nhân dân đắp bờ giữ nước. Trong năm này, cùng với việc sửa chữa, làm mới ao, hồ, nương, phai, huyện còn huy động một lực lượng lớn nhân công tu sửa đập trung thuỷ nông Núi Phấn và

⁽¹⁾ Ba khoán: Khoán công (lao động), Khoán sản lượng, Khoán chi phí.

chuẩn bị khởi công xây dựng hồ chứa nước Na Hiên (xã Yên Trạch). Với 46.797 công được huy động làm thủy lợi, trong năm 1960, huyện Phú Lương đã biến 472 mẫu ruộng khô cần thành ruộng có nước 2 vụ và đủ nước cấy thêm 422 mẫu ruộng lúa chiêm⁽¹⁾. Mặc dù vậy, phong trào vẫn chưa đều; các xã Yên Lạc, Phấn Mễ, Yên Ninh có điều kiện làm thủy lợi, nhưng không được chú ý đúng mức.

Các biện pháp kỹ thuật liên hoàn: Cày sâu, bừa kỹ, cấy dày, phân bón, dùng cày cải tiến, cày 51... được áp dụng rộng rãi hơn, kể cả những xã phía bắc. Năm 1959, huyện Phú Lương chỉ mới có một số xã dùng cày cải tiến, bừa cải tiến. Sang năm 1960, bà con nông dân trong huyện đã dùng 335 cày cải tiến, 23 cày 51, 214 máy bơm nước, 2 guồng nước, 6 máy cấy, 426 cào cỏ Nghệ An...

Nhờ đẩy mạnh phong trào hợp tác hoá nông nghiệp kết hợp với công tác thủy lợi và các biện pháp kỹ thuật, sản lượng lương thực trong các năm đều tăng: Năm 1958 tăng hơn năm 1957 là 73%; năm 1959 tăng hơn năm 1958 là 12,9%. Riêng về lúa, sản lượng năm 1958 tăng lên 17% so với năm 1957 và năm 1959 tăng hơn 1958 là 19,8%⁽²⁾. Sang năm 1960, thiên tai liên tiếp xảy ra: Vụ chiêm bị hạn hán, vụ mùa bị sâu, rệp, muối phá hoại. Lúc lúa đang trổ

⁽¹⁾ B/c công tác năm 1960 của UBHC huyện Phú Lương. Số 84/BC-21/1/1961, tr.4.

⁽²⁾ Báo cáo công tác lãnh đạo từ Đại hội trước đến nay của Đảng bộ Phú Lương - Số 06/BC - 20/4/1960, tr.6.

bông thì bị trận lụt lớn, gây ngập úng trên 2.412 mẫu ruộng, làm mất trắng 115 mẫu. Đến khi lúa chín, lại bị sâu cắn gié phá hoại. Vì vậy, sản lượng thóc năm 1960 bị giảm sút so với năm 1958.

Trong quá trình vận động hợp tác hoá nông nghiệp, với quyết tâm lãnh đạo lãnh đạo tốt nhiệm vụ hoàn thành cải cách dân chủ theo tinh thần Nghị quyết 16 (4/1959) của Trung ương Đảng, Huyện uỷ phân công một đồng chí Huyện uỷ viên trực tiếp lãnh đạo xã thí điểm (Phấn Mễ) để rút kinh nghiệm cho các xã khác.

Sau khi tìm hiểu, nghiên cứu cụ thể, Huyện uỷ ra quyết định hạ xuống thành phần trung nông cho 11 gia đình trong số 21 gia đình bị quy là địa chủ và 6 gia đình trong số 17 gia đình bị quy là phú nông. Các gia đình bần nông thuộc các xã Cổ Lũng, Vô Tranh, Phấn Mễ được quyền sở hữu một số ruộng đất, 13 con trâu, bò và 2 mẫu chè.

Song song với cuộc vận động hợp tác hoá nông nghiệp, việc cải tạo thành phần kinh tế cá thể của thợ thủ công và tiểu thương cũng được tiến hành. Toàn huyện Phú Lương có 143 hộ làm nghề thủ công. Năm 1959, Phú Lương mới lập được 1 hợp tác xã thủ công, gồm 9 hộ. Đến năm 1960, từ 1 hợp tác xã đã phát triển thành 2 hợp tác xã thủ công dưới hình thức hỗn hợp, 1 hợp tác xã cơm phở và 4 tổ buôn chung bán riêng, gồm 107 hộ⁽¹⁾. Ngoài

(1) Báo cáo công tác lãnh đạo từ Đại hội trước... Tlđd, tr.4.

ra, có 31 hộ thủ công đã chuyển sang hợp tác xã nông nghiệp.

Được sự quan tâm lãnh đạo của Đảng bộ và sự cố gắng của cán bộ phụ trách, các hợp tác xã mua bán từng bước vượt qua khó khăn và đạt nhiều thành tích đáng kể. Cán bộ và xã viên nêu cao tinh thần phục vụ, không quản ngày đêm, thời tiết, tranh thủ bốc vác hàng kịp thời phục vụ nhân dân. Trong dịp Tết Nguyên đán, để đáp ứng yêu cầu của nhân dân các dân tộc trong huyện, cán bộ nghiệp vụ và Ban Quản lý đều tham gia bán hàng. Vì vậy, trong năm 1959, về mặt cung cấp, hợp tác xã đạt 96,16% và về thu mua, đạt 92,6% mức kế hoạch. Việc cung cấp thực phẩm cho cán bộ, công nhân viên nhà nước cũng được ổn định hơn trước. Theo chủ trương của Huyện uỷ, Ngành Thương nghiệp Phú Lương còn xây dựng các cửa hàng chính và đại lý để cung ứng vật tư, nông cụ phục vụ sản xuất. Đến cuối năm 1960, hợp tác xã mua bán huyện Phú Lương phát triển thêm 463 xã viên và 471 cổ phần (so với năm 1959, tăng lên 213 xã viên và 221 cổ phần).

Ngoài các hình thức hợp tác xã mua bán, hợp tác xã thủ công nghiệp và thương nghiệp, Huyện uỷ Phú Lương còn lãnh đạo thành lập hợp tác xã tín dụng. Tính đến năm 1960, toàn huyện có 1.414 hộ tham gia hợp tác xã tín dụng (chiếm 36,6% tổng số hộ), tăng gấp 2,5 lần so với năm 1959. Vào thời điểm này, trên địa bàn huyện, đã có 12/14 xã (trừ 2 xã Phú Đô và Phấn Mễ) lập được 18 quỹ

tín dụng, trong đó có 11 quỹ hoạt động tốt. Tuy mới là bước đầu, nhưng với số tiền gần 4.000 đồng, quỹ tín dụng của huyện đã giúp cho nhân dân có thêm vốn đầu tư vào sản xuất và chăn nuôi.

Cùng với việc phát triển nông nghiệp, thủ công nghiệp và thương nghiệp, trong những năm 1958-1960, trên địa bàn Phú Lương bắt đầu hình thành các xí nghiệp công nghiệp địa phương.

Để phục vụ Khu công nghiệp gang thép Thái Nguyên, Xí nghiệp gạch ngói Tân Long, Mỏ than Khánh Hoà được xây dựng. Đầu năm 1960, Tỉnh uỷ chuyển giao tổ chức Đảng ở 2 cơ sở này về cho Đảng bộ Phú Lương trực tiếp lãnh đạo. Dù mới thành lập, thời tiết không thuận lợi, đội ngũ công nhân lành nghề và nguyên vật liệu đều thiếu, nhưng được sự lãnh đạo chặt chẽ của chi bộ, cán bộ và công nhân trong các xí nghiệp đều tích cực sản xuất, hoàn thành vượt mức kế hoạch năm 1960. Mỏ than Khánh Hoà hoàn thành kế hoạch trước 1 tháng, vượt chỉ tiêu kế hoạch 2,96%. Xí nghiệp Tân Long vượt 0,07% kế hoạch, đồng thời vận động công nhân tiết kiệm nguyên vật liệu trị giá trên 10.000 đồng.

Phú Lương là một huyện miền núi và trung du, có nhiều khả năng phát triển lâm nghiệp và trồng cây công nghiệp. Rừng Phú Lương có nhiều loại gỗ quý, như nghiến, đinh, lim, sến, lát, chò chỉ... Nhưng bên cạnh những khu rừng gỗ quý hiếm này, Phú Lương vẫn có

những khu rừng bị khai thác đến mức kiệt quệ, chỉ còn lại nửa tép, giang khuy, rừng nương ớt... chiếm một diện tích khá lớn .

Trước thực trạng đó, thực hiện chủ trương của Trung ương Đảng, từ đông-xuân 1959-1960, Huyện uỷ lãnh đạo phát động phong trào trồng cây gây rừng rộng rãi từ trong các cơ quan, trường học, đến tận các thôn xóm. Với phong trào này, toàn huyện trồng được 42.660 cây (đạt 45% kế hoạch). Ngoài ra, riêng 2 xã Cổ Lũng và Phú Đô còn trồng được 1.971 cây cọ, 2.430 cây ăn quả, 6.424 cây tre, mai...

Đi đôi với việc trồng cây gây rừng, công tác tuyên truyền, giáo dục ý thức bảo vệ rừng trong cán bộ và nhân dân được coi trọng. Trong năm 1960, huyện tiến hành khoanh rừng, được nhân dân bảo vệ và tôn trọng. Tình trạng chặt gỗ bừa bãi về cơ bản được khắc phục. Việc phát rừng làm nương bãi được tiến hành theo sự hướng dẫn của địa phương, do đó hiện tượng xảy ra cháy rừng không còn nghiêm trọng như trước.

Công tác khai thác lâm sản cũng được đẩy mạnh, góp phần cải thiện sinh hoạt cho nhân dân các dân tộc. Trong năm 1960, Phú Lương thành lập được 15 tổ hợp tác và 2 tổ cá thể khai thác gỗ, với số lượng 110 người và 80 con trâu kéo. Toàn huyện đã khai thác được một khối lượng lâm sản (gồm các loại gỗ, tre, mai, nửa, lá...) trị giá 110.184 đồng (đạt 80% mức kế hoạch). Phát huy thế

mạnh của địa phương, Huyện uỷ chú trọng phát triển trồng cây công nghiệp. Trong năm 1960, toàn huyện trồng được:

- 29,9 mẫu bông, thu hoạch được 2.157 kg.
- 111,5 mẫu vùng, thu hoạch được 6.356 kg.
- 89,5 mẫu lạc, thu hoạch được 24.916 kg.
- 103,9 mẫu đỗ tương, thu hoạch được 36.048 kg.
- 50,8 mẫu chè, thu hoạch được 2.825 kg.
- 5,4 mẫu thuốc lá, thu hoạch được 979 kg.

So với hai năm trước, diện tích trồng cây công nghiệp đều giảm, nhưng năng suất vẫn được giữ vững.

Ngành chăn nuôi của huyện, do làm tốt khâu chăm sóc và vệ sinh chuồng trại, nên đàn gia súc, gia cầm nhìn chung tiếp tục phát triển qua các năm⁽¹⁾.

Công tác xây dựng cơ bản trong những năm 1958 - 1960 cũng có những chuyển biến tốt. Huyện uỷ xác định “yêu cầu việc xây dựng cơ bản rất lớn... Muốn thực hiện

(1)

Năm	Trâu (con)	Bò (con)	Ngựa (con)	Lợn nái (con)	Lợn bột (con)	Dê (con)	Gà, vịt... (con)
1959	7.805	311	12	643	7.673	175	73.969
1960	7.864	506	11	749	8.013	212	100.056

được cần phải có điều kiện căn bản... phải dựa vào lực lượng quần chúng, bản thân cán bộ, đảng viên phải nỗ lực... Chú ý khi xây dựng là phải hết sức chống tham ô, lãng phí tiền, vật liệu, sức người..”⁽¹⁾.

Được sự quan tâm giúp đỡ của cấp trên, dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ và các cấp chính quyền, cán bộ, đảng viên và nhân dân trong huyện vượt qua mọi khó khăn, từng bước xây dựng cơ sở vật chất ngày càng khá hơn. Các cơ quan, nông trường, trường học, hợp tác xã mua bán, phòng thuế, y tế, ngân hàng đã có những nếp nhà gỗ, nhà ngói chắc chắn. Các hợp tác xã nông nghiệp cũng xây dựng được hệ thống nhà kho, sân phơi, hội trường. Huyện còn mở được 2 trạm xá dân lập, làm được một công trình thuỷ nông để cung cấp nước cho đồng ruộng. Hệ thống đường dân sinh được sửa chữa, bảo đảm cho việc đi lại thuận tiện hơn.

Những năm 1958-1960 cũng đánh dấu bước phát triển mới về văn hoá, giáo dục, y tế. Các hoạt động văn hoá, văn nghệ ngày càng trở thành một nhu cầu không thể thiếu trong đời sống tinh thần của nhân dân các dân tộc huyện Phú Lương. Các xã Phấn Mễ, Sơn Cẩm, Cổ Lũng, Yên Đổ, Tân Thành, Hợp Thành đều thành lập đội văn nghệ. Riêng xã Phấn Mễ có 3 đội (2 đội kịch, 1 đội múa).

⁽¹⁾ Nhiệm vụ năm 1960 của toàn Đảng bộ Phú Lương-Số 125-NV/HU-15/4/1960. Tr. 5.

Dù điều kiện, phương tiện phục vụ biểu diễn còn rất nghèo nàn, thiếu thốn, nhưng các đội văn nghệ vẫn thường xuyên duy trì hoạt động, phục vụ nhân dân địa phương, góp phần thiết thực xây dựng cuộc sống tươi vui, lành mạnh.

Phong trào thể dục, thể thao được phát động rộng rãi trong các cơ quan, nông trường, nhất là trường phổ thông cấp II, tạo nên cuộc sống vui tươi, lành mạnh trong đồng bào các dân tộc. Huyện còn xây dựng được 2 Nhà văn hoá (Sơn Cẩm và Tân Thành) và 4 tủ sách tại các xã Phấn Mễ, Sơn Cẩm, Tân Thành, Hợp Thành, mỗi tủ có trên 50 đầu sách; lập được một tổ sáng tác thơ, ca, hò, vè, gồm 10 sáng tác viên.

Bộ máy thông tin các xã từng bước được kiện toàn, phục vụ tốt nhiệm vụ chính trị của địa phương. Trong đợt phục vụ công tác điều tra dân số (1960), Ngành Thông tin huyện đã tổ chức phát thanh 993 lần, kẻ 582 khẩu hiệu ở những nơi công cộng và 1.172 khẩu hiệu gia đình, làm 23 bình phong mới⁽¹⁾.

Phong trào Bỏ túc văn hoá và Bình dân học vụ tiếp tục được duy trì. Đến năm 1960, Phú Lương có 9 xã với 78 xóm trong tổng số 14 xã và 132 xóm đã căn bản hoàn thành xóa nạn mù chữ cho 1.993 người ở độ tuổi từ 12

(1) Báo cáo công tác toàn năm 1960... Tlđd, tr.12, 11.

đến 45 (đạt tỷ lệ 84%). Cùng thời gian này, 640 cán bộ xã từ hệ bổ túc văn hoá được chuyển lên học lớp 1 và lớp 3.

Ngành Giáo dục vỡ lòng và phổ thông phát triển khá nhanh. Đến năm 1960, toàn huyện có 11/14 xã (trừ các xã Phú Đô, Yên Lạc và Yên Ninh) đều mở được các lớp vỡ lòng (78,5%). Các xã Tân Thành, Hợp Thành, Phủ Lý, Phấn Mễ, Yên Trạch đạt tỷ lệ cao nhất (95%). Trong năm học 1959-1960, toàn huyện có 11 trường cấp I và 1 trường cấp II, với tổng số 49 giáo viên và 1.721 học sinh. Sang năm học 1960-1961, huyện có 12 trường cấp I và 1 trường cấp II, gồm có 59 giáo viên và 2.363 học sinh. Số học sinh lớp 6 lên lớp 7 và số học sinh tốt nghiệp cấp II đều đạt 100%⁽¹⁾.

Công tác vệ sinh phòng bệnh, chăm lo bảo vệ sức khoẻ cho nhân dân được Đảng bộ quan tâm lãnh đạo. Phòng Y tế huyện từng bước được củng cố. Đến năm 1960, Phòng có 4 cán bộ; trong đó có 1 y sĩ, 2 y tá và 1 hộ sinh; mỗi xã đều có từ 1 đến 2 y tá. Tổng số cán bộ y tế xã trong năm này là 153 người (năm 1959 là 128 người); đồng thời, huyện còn xây dựng được 2 trạm xá dân lập thuộc 2 xã Yên Trạch và Tân Thành, mỗi trạm có 1 y tá, 1 nữ hộ sinh, được trang bị những dụng cụ và các thứ thuốc cần thiết, bảo đảm cho việc chữa các bệnh thông thường.

⁽¹⁾ Báo cáo công tác toàn năm 1960... Tlđđ, tr.12, 11.

Trên cơ sở củng cố mạng lưới y tế từ huyện xuống xã, hàng năm, Ngành Y tế huyện tổ chức bồi dưỡng cho chị em phụ nữ những hiểu biết cần thiết về chăm sóc bảo vệ sản phụ, thai nhi. Trong năm 1960, huyện tổ chức học tập cho 8.062 người (tăng 25% so với năm 1959). Cán bộ y tế từ huyện xuống đến xã đều tích cực tuyên truyền, vận động nhân dân thực hiện vệ sinh phòng bệnh. Ý thức phòng bệnh trong nhân dân các dân tộc ngày càng được nâng cao. Phong trào thực hiện vệ sinh phòng bệnh được quần chúng hưởng ứng và mang lại kết quả bước đầu⁽¹⁾.

Bên cạnh những thành tích đạt được, công tác y tế còn nhiều mặt hạn chế, yếu kém. Sự quan tâm lãnh đạo của các cấp bộ Đảng và chính quyền đối với hoạt động y tế chưa thường xuyên. Cán bộ y tế còn có tư tưởng nặng về

(1)

Loại	1959	1960
Giếng nước	1.688 cái	3.107 cái
Hố xí	1.619 cái	1.855 cái
Chuồng trâu xa nhà	1.930 cái	2.257 cái
Gia đình uống nước đun sôi	3.634 gia đình	3.755 gia đình
Gia đình nằm màn	3.482 gia đình	3.520 gia đình
Tủ thuốc	103 tủ, trị giá 646 đ.	133 tủ, trị giá 999 đ

công điểm, tinh thần phục vụ còn yếu. Cơ sở vật chất của các cơ sở y tế còn rất nghèo nàn, thiếu thốn...

Những kết quả đạt được trong công cuộc cải tạo và bước đầu phát triển kinh tế, văn hoá (1958-1960) bắt nguồn từ sự trưởng thành của Đảng bộ.

Để nâng cao vai trò lãnh đạo của Đảng bộ đối với mọi mặt công tác ở địa phương, Huyện uỷ rất coi trọng việc nâng cao trình độ giác ngộ chính trị của cán bộ, đảng viên. Trong năm 1959, Huyện uỷ tổ chức 3 đợt chỉnh huấn cho cán bộ, đảng viên các cơ quan Quân, Dân, Chính, Đảng cấp huyện và xã. Qua đó, nhìn chung cán bộ, đảng viên nhận thức rõ hơn về đường lối cách mạng xã hội chủ nghĩa ở nước ta; lập trường, quan điểm cũng được nâng lên.

Công tác tuyên truyền được đẩy mạnh, hướng vào một số công tác lớn trong từng thời điểm quan trọng: Sản xuất đông-xuân 1958-1959 và 1960, nghĩa vụ quân sự, bầu cử Hội đồng nhân dân và Uỷ ban hành chính, công tác “ba thu”⁽¹⁾, v.v...

Việc củng cố, kiện toàn tổ chức là một khâu đặc biệt quan trọng để nâng cao sức chiến đấu của Đảng bộ. Sau khi kiện toàn các Ban chỉ uỷ, thực hiện chỉ thị của Trung ương Đảng, Huyện uỷ Phú Lương triệu tập hội nghị toàn Đảng bộ để bầu lại Ban Chấp hành, gồm 13 đồng

⁽¹⁾ Ba thu: Thu mua, Thu thuế, Thu nợ.

chí. Với số lượng uỷ viên Ban Chấp hành tăng hơn trước, các ngành quan trọng đều có cấp uỷ phụ trách, do đó sự lãnh đạo của Đảng bộ toàn diện hơn.

Trải qua những năm thực hiện cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với các thành phần kinh tế, nhiều chi bộ đảng được củng cố, đảng viên được rèn luyện, thử thách. Nhiều chi bộ trước đây trong tình trạng nát kém, đảng viên bất mãn, nằm im hàng 2- 3 năm không chịu hoạt động, đã trở thành những chi bộ khá, đảng viên hăng hái hoạt động. Nhiều quần chúng ưu tú, đã từng được rèn luyện qua thực tiễn công tác, được vinh dự đứng trong hàng ngũ của Đảng. Trong 2 năm (1959-1960), Đảng bộ đã kết nạp 88 đảng viên mới. Sức chiến đấu của Đảng bộ nhờ đó được tăng cường.

Bộ máy chính quyền và đoàn thể các cấp cũng được củng cố. Thông qua các đợt tuyên truyền và tổ chức bầu cử Quốc hội, Hội đồng nhân dân, lập trường tư tưởng, ý thức giác ngộ xã hội chủ nghĩa trong cán bộ, đảng viên và nhân dân được nâng lên một bước. Toàn huyện có 304 uỷ viên Hội đồng nhân dân cấp xã, tuyệt đại bộ phận đều tham gia hoạt động trong các ngành, các giới và trong các Ban Quản trị hợp tác xã, xứng đáng là đại biểu của nhân dân.

Các uỷ viên Uỷ ban hành chính nhìn chung đều phát huy tinh thần trách nhiệm, khắc phục mọi khó khăn để hoàn thành công tác được giao. Lễ lối làm việc của Uỷ ban hành chính từ huyện xuống xã có nhiều chuyển biến.

Ủy ban hành chính các xã đều có bộ phận thường trực các ngày trong tuần (trừ Sơn Cẩm), cho nên kịp thời nắm bắt và giải quyết mọi công việc ở địa phương.

Công tác mặt trận được Huyện uỷ rất quan tâm. Đến năm 1960, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc huyện có 15 uỷ viên, trong đó có 2 uỷ viên thường trực. Dù gặp nhiều khó khăn, nhưng trong năm 1960, do hoạt động tích cực của Ủy ban Mặt trận, huyện đã thành lập được Ban đấu tranh thống nhất, vận động được 7.497 người tham gia đấu tranh đòi Mỹ - Diệm huỷ bỏ Luật 10/59, đòi Phái đoàn viện trợ quân sự Mỹ (MAAG) rút khỏi miền Nam; viết 206 bản kiến nghị gồm 5.323 chữ ký và 9 bản tham gia ý kiến của địa phương gửi lên Ủy ban Quốc tế giám sát và kiểm soát ở Việt Nam. Mặt trận Tổ quốc huyện còn tổ chức Hội Phụ lão làm công tác tuyên truyền, vận động bài trừ mê tín dị đoan, thực hiện chính sách của Đảng...

Công tác phụ vận cũng có nhiều tiến bộ, động viên được đông đảo chị em phụ nữ tham gia tích cực trong phong trào cải tiến kỹ thuật, cày sâu, cấy dầy, làm phân bón. Nhiều cá nhân tiên tiến trong phụ nữ xuất hiện. Trong phong trào thi đua lập thành tích chào mừng kỷ niệm ngày Phụ nữ quốc tế 8/3/1960, toàn huyện có 6 nữ kiện tướng làm phân từ 2.000 kg đến 3.000 kg. Tuy vậy, công tác phụ vận còn có nhiều hạn chế do “tư tưởng phong kiến trong Đảng bộ còn khá phổ biến, chưa thông cảm với hoàn cảnh khách quan của phụ nữ nên ít giúp đỡ

để chị em có điều kiện công tác, ít chú ý động viên và khuyến khích phụ nữ, vẫn coi thường làm cho chị em thiếu phấn khởi”⁽¹⁾.

Công tác củng cố lực lượng hậu bị được Huyện uỷ và các cấp chính quyền coi trọng. 12 trong tổng số 14 Xã đội đều có chi uỷ viên phụ trách. Cán bộ phụ trách quân sự các cấp trong huyện được thay nhau đi bồi dưỡng để nâng cao trình độ. Trong năm 1960, cơ quan Huyện đội đã cử 98 cán bộ Xã đội và trung đội dự lớp huấn luyện quân sự do tỉnh mở, 100% đạt kết quả từ yêu cầu trở lên. Ngoài ra, huyện còn tổ chức học tập quân sự cho dân quân loại II, đạt 49,6%; dân quân loại I đạt 78,3%; cán bộ Xã đội đạt 66,6%; cán bộ trung đội đạt 79,8%; cán bộ tiểu đội đạt 72,2%⁽²⁾.

III- THỰC HIỆN KẾ HOẠCH 5 NĂM LẦN THỨ (1961-1965)

Năm 1960 là năm đánh dấu những thắng lợi có tính chất quyết định trong công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa và bước đầu phát triển kinh tế, văn hoá ở miền Bắc. Dưới ánh sáng Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng toàn quốc lần thứ III (9/1960), nhân dân miền Bắc sôi nổi bước vào thời kỳ mới. Kế hoạch 5 năm lần thứ 1 (1961 - 1965), với

⁽¹⁾ Báo cáo công tác lãnh đạo từ Đại hội trước... Tlđd, tr.18.

⁽²⁾ Báo cáo công tác toàn năm 1960... Tlđd, tr.16.

nhiệm vụ xây dựng bước đầu cơ sở vật chất và kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội, là sự khởi đầu cho quá trình công nghiệp hoá xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc nước ta.

Vận dụng Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng toàn quốc lần thứ III vào thực tế địa phương, Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên (3/1961) ra Nghị quyết nêu rõ: “Ra sức phát triển nông nghiệp toàn diện, phát triển lâm nghiệp, đồng thời tích cực phát triển công nghiệp địa phương, trên cơ sở củng cố và hoàn thành tốt công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với nông nghiệp, thủ công nghiệp, thương nghiệp nhỏ... Phát triển nông nghiệp với củng cố và phát triển phong trào hợp tác hoá nông nghiệp là nhiệm vụ trung tâm gắn chặt với nhau, thúc đẩy nhau phát triển, nhằm dần dần bảo đảm được những nhu cầu chính về lương thực, thực phẩm, về nông cụ cải tiến, nông cụ thường và những hàng tiêu dùng ở trong tỉnh... Đồng thời ra sức phát triển văn hoá, đào tạo cán bộ cho phong trào hợp tác hoá...”⁽¹⁾.

Bước vào năm đầu thực hiện kế hoạch 5 năm lần thứ 1 (1961-1965), huyện Phú Lương đứng trước nhiều khó khăn, phức tạp: Chỉ tiêu sản xuất nông nghiệp giao cho các xã khá cao, thời tiết lại rét đậm; việc quản lý lao động của các hợp tác xã không chặt chẽ, nhất là vào dịp Tết Nguyên đán, nhiều xã viên bỏ việc hợp tác xã rủ nhau đi

⁽¹⁾ Lịch sử Đảng bộ tỉnh Bắc Thái 1955-1975. Xuất bản 1991. Tr. 50, 51.

khai thác lâm thổ sản để bán lấy tiền sắm Tết; mạ để già không muốn cấy, có nơi cho trâu ăn; tư tưởng bảo thủ, lạc hậu vẫn tồn tại...

Trước tình hình trên, các cấp bộ Đảng từ huyện xuống xã biết dựa vào quần chúng tìm cách giải quyết, tập trung lãnh đạo phát triển sản xuất kết hợp với củng cố phong trào hợp tác xã.

Đầu năm 1961, Huyện uỷ phát động chiến dịch “Phát cao cờ hồng, quyết thắng đông - xuân, tiến quân toàn diện”. Khắp huyện đều dấy lên phong trào thi đua đua kịp và vượt hợp tác xã Đại Phong (Quảng Bình). Xã nào cũng có những đơn vị đặt tên danh dự là “Đại Phong”: “Hợp tác xã Đại Phong”, “Xã viên Đại Phong”, “Trai, gái Đại Phong”...

Dưới sự lãnh đạo của Huyện uỷ, chính quyền và đoàn thể các cấp, các ngành cùng phối hợp giải quyết triệt để tư tưởng lạc hậu, củng cố sự đoàn kết nội bộ, đẩy mạnh hoàn thành kế hoạch sản xuất. Trên cơ sở chấn chỉnh bộ máy lãnh đạo sản xuất từ huyện xuống đến xã, hợp tác xã, Huyện uỷ tập trung lãnh đạo trọng điểm để rút kinh nghiệm; đồng thời phân công một số cán bộ có khả năng đi xuống giúp các xã thực hiện kế hoạch sản xuất, quyết giành vụ mùa thắng lợi.

Giữa lúc đang tập trung lãnh đạo thi đua thực hiện kế hoạch 5 năm bước đầu có kết quả, Đại hội đại biểu Đảng bộ lần thứ VII huyện Phú Lương được triệu tập từ

28/3 đến 1/4/1962. Tham dự Đại hội có 68 đại biểu chính thức⁽¹⁾. Bước vào phần nghị sự, sau bản báo cáo về Cương lĩnh và 10 nhiệm vụ đảng viên, liên hệ phê phán những khuyết điểm của một số đảng viên trong Đảng bộ, Đại hội diễn ra trong bầu không khí sôi nổi: 30 ý kiến phát biểu tham luận về Đường lối chung của Đảng và Báo cáo kiểm điểm nhiệm kỳ công tác của Ban Chấp hành Đảng bộ khoá VI. Trên cơ sở đó, Đại hội đã thông qua đề án công tác nhiệm kỳ mới, sau 69 lượt ý kiến tham gia đóng góp.

Đại hội bầu Ban Chấp hành gồm 15 uỷ viên chính thức và 2 uỷ viên dự khuyết.

Ngày 2/4/1962, Ban Chấp hành Đảng bộ khoá VII họp phiên đầu tiên nhằm đánh giá kết quả Đại hội và bầu Ban Thường vụ Huyện uỷ gồm 5 đồng chí. Đồng chí Phan Văn Tĩnh được bầu làm Bí thư, các đồng chí: Hoàng Ngọc Thăng và Nguyễn Ngọc Sơn được bầu làm Phó Bí thư.

Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ VII là nguồn cổ vũ, động viên cán bộ, đảng viên và nhân dân các dân tộc Phú Lương hăng hái thi đua đẩy mạnh sản xuất và công tác. Tiếp theo chiến dịch “Phát cao cờ hồng Đông-Xuân 1961 – 1962”, thi hành chủ trương của Tỉnh uỷ, Huyện uỷ và

(1) Trên thực tế chỉ có mặt 64 trong số 71 đại biểu chính thức được triệu tập, nên 4 đại biểu dự khuyết có mặt tại Đại hội được quyết định đưa lên đại biểu chính thức.

Ủy ban hành chính huyện quyết định mở đợt thi đua thật sâu rộng trong toàn Đảng bộ, trong các cơ quan, công, nông trường, xí nghiệp, trường học và các ngành, các giới, với nội dung là “Vụ mùa 5 nhất”: Diện tích nhiều nhất, năng suất cao nhất, thu hoạch tốt nhất, đời sống khá nhất, hoàn thành nghĩa vụ tốt nhất.

Để tập trung chỉ đạo tốt đợt thi đua giành “Vụ mùa 5 nhất”, Huyện uỷ triệu tập cuộc hội nghị gồm các Bí thư chi bộ, Chủ tịch Ủy ban hành chính các xã, Chủ nhiệm các hợp tác xã và lãnh đạo các ngành, các giới. Trên cơ sở kiểm điểm, đánh giá tình hình sản xuất vụ đông - xuân 1961 - 1962, Hội nghị thảo luận và thông qua kế hoạch thực hiện vụ mùa năm 1962. Sau Hội nghị này, cán bộ xã cùng số cán bộ tăng cường trở về địa phương xúc tiến mọi công việc chuẩn bị cần thiết:

- Hợp tác xã mua bán, với vai trò đòn bẩy phát triển sản xuất, được phân công chuẩn bị đầy đủ nông cụ, phân bón, vôi, phốt phát... kịp thời bán cho nhân dân, phục vụ vụ mùa.

- Ngành Ngân hàng chuẩn bị số vốn cần thiết cho nhân dân vay (chủ yếu là hợp tác xã và tổ đổi công).

- Ngành Thông tin-Tuyên truyền củng cố bộ máy và các đội văn nghệ, sửa chữa các chòi phát thanh, bình phong, kẻ, vẽ khẩu hiệu, tranh cổ động với nội dung và phương hướng cụ thể để tuyên truyền cho vụ mùa.

- Ngành Y tế đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục ý thức vệ sinh phòng bệnh, bảo vệ sức khỏe, gây thành phong trào “Sạch làng tốt ruộng”.

Từ đầu tháng 7/1962, không khí thi đua càng trở nên nhộn nhịp: 166 khẩu hiệu được dán ở những nơi công cộng, 983 khẩu hiệu gia đình, 158 lần phát thanh cùng nhiều hình thức tuyên truyền, cổ động khác được tổ chức.

Trong thi đua, phong trào tăng gia sản xuất tự túc được phát động. Từ thị trấn đến các thôn xóm, cơ quan, công, nông trường, xí nghiệp, trường học... đều tận dụng các mảnh đất nhỏ xung quanh nhà để trồng rau xanh và biến những khu đồi cỏ rậm thành nương sắn. Tuy nhiên, trong quá trình lãnh đạo, Đảng bộ mới chú trọng tăng năng suất và tăng vụ, chưa quan tâm đúng mức vấn đề khai hoang. Nhiều hợp tác xã trích tới 2-3 mẫu ruộng 5% cho xã viên dùng một phần để đào ao, mà không tổ chức khai hoang, nên diện tích canh tác của hợp tác xã ngày một giảm. Tính đến đầu năm 1962, trên địa bàn huyện Phú Lương vẫn còn 1.241,2 mẫu ruộng đất bỏ hoang. Riêng xã Phấn Mễ, diện tích bỏ hoang lên tới 200 mẫu⁽¹⁾.

Thuỷ lợi là một trong những biện pháp kỹ thuật liên hoàn để tăng năng suất lúa. Với phương châm: “Giữ nước là chính, tiểu thuỷ nông là chính, dân làm là chính”, bước

(1) Báo cáo tình hình 2 năm qua nhiệm vụ năm 1960-1961 của BCH Đảng bộ Phú Lương - Số 02/BC - 20/3/1962, tr. 10

vào những năm 60, công tác thuỷ lợi trong huyện có bước chuyển biến mới, thực sự trở thành phong trào quần chúng. Ngoài việc sửa chữa hệ thống mương, phai, đập cũ, trong năm 1961, với tổng số 84.293 công, cán bộ và nhân dân huyện Phú Lương làm thêm được 21 đập, 6 phai, 454 con mương, 10 guồng nước và 286 ao, đủ nước tưới cho 1.827,6 mẫu ruộng trước kia bị hạn trở thành ruộng làm 2 vụ ăn chắc. So với năm 1960, hệ thống thuỷ lợi năm 1961 tăng 2,3 lần. Công tác quy hoạch thuỷ lợi được thực hiện và đem lại hiệu quả tốt. Các xã: Yên Trạch, Yên Ninh, Yên Lạc, Yên Đổ, Tân Thành, Hợp Thành, Phủ Lý, Động Đạt, Sơn Cẩm, Túc Tranh và Phú Đô về căn bản đã giải quyết được việc chủ động tưới nước cho đồng ruộng. Đến năm 1962, phong trào làm thuỷ lợi càng được đẩy mạnh hơn. Chỉ tính đến ngày 27/7/1962, sau một tháng chiến dịch làm mùa, cán bộ và nhân dân trong huyện đã sửa được 6.965 mét mương. Riêng xã Sơn Cẩm đào một con mương dài 2.050 mét để đưa nước vào ruộng. Huyện Đoàn thanh niên cùng với cấp uỷ 4 xã chủ trương huy động 50 thanh niên đi đắp đập Khuôn Lồng (xã Yên Đổ), nhưng đã có 164 thanh niên xung phong và hoàn thành công việc trong 4 ngày với tổng số 283 công⁽¹⁾. Trong năm 1962, toàn huyện sửa chữa 52 các loại mương, phai, đập nước và làm thêm 21 công trình mới.

(1) Báo cáo sơ kết 1 tháng đấu tranh chính trị đi đôi với chiến dịch vụ mùa 1962 - Số 88/BC-HU-3/8/1962, tr.3

Sau thuỷ lợi, phong trào làm phân cũng rất sôi nổi. Cùng với việc đẩy mạnh phong trào hợp tác hoá nông nghiệp, bà con nông dân xã viên có ý thức tận dụng các nguồn phân và dùng vôi bón ruộng để chống chua. Đoàn Thanh niên và dân quân là lực lượng đi đầu trong phong trào làm phân bón ruộng. Các phong trào “Rừng thanh xuân, phân 1 tấn”, “Phong trào ngàn cân, cá nhân 2 tấn” cùng với “Chiến dịch làm phân chôn vùi Mỹ - Diệm” được phát động, thực sự thu hút đông đảo đoàn viên thanh niên tham gia, bình quân mỗi người làm được từ 1.300 kg đến 1.500 kg phân. Riêng vụ mùa năm 1962, chỉ trong một ngày, xã Sơn Cẩm huy động 886 người làm được 10.233 kg phân⁽¹⁾.

Việc cải tiến nông cụ và áp dụng các biện pháp kỹ thuật được đẩy mạnh hơn trước. Trong năm 1961, toàn huyện có 2.927 nông cụ cải tiến các loại. Các xã: Cổ Lũng, Sơn Cẩm, Phấn Mễ là những đơn vị sử dụng nhiều nông cụ cải tiến; mỗi xã có từ 458 đến 548 nông cụ các loại. Sang năm 1962, số nông cụ cải tiến tăng lên 6.890, đạt tỷ lệ 94%. Vào thời điểm này, Phú Lương có 25 hợp tác xã và 5 xã: Hợp Thành, Tân Thành, Phủ Lý, Cổ Lũng, Sơn Cẩm đã bỏ việc sử dụng cày cũ. Các biện pháp kỹ thuật: Cày sâu, cấy dầy, chọn giống và xử lý giống... tiếp tục được đẩy mạnh.

(1) Báo cáo tổng kết 1962 của Ủy ban hành chính huyện Phú Lương - 2/1963, tr.11

Nhờ có sự lãnh đạo, chỉ đạo chặt chẽ của các cấp uỷ và chính quyền, tổng sản lượng lương thực trong hai năm 1961, 1962 đều tăng. Năm 1961 đạt 16.534,432 tấn, tăng hơn năm 1960 là 8.178 kg⁽²⁾. Sang năm 1962, dù bị hạn hán, thiên tai gây thiệt hại, nhưng tổng sản lượng lương thực vẫn tăng hơn năm 1961 là 75.129 kg⁽³⁾. Đây là năm Phú Lương được mùa lớn, vượt kế hoạch tỉnh giao cả về diện tích, năng suất và tổng sản lượng. Trong năm này, 8 trong 17 chỉ tiêu đều hoàn thành vượt mức: Nam Ninh, lúa mùa, lúa rẫy, khoai lang, sắn, rau xanh, vùng, đồ các loại đều đạt từ 122,4% đến 403,3% và nếu so với năm 1961 thì vượt 10 chỉ tiêu⁽⁴⁾.

Phong trào trồng mầu và rau xanh, thực hiện khẩu hiệu “Vườn rau tự túc” không những trở thành tập quán của các gia đình mà cả trong các cơ quan. Nhờ đó, về cơ bản, huyện Phú Lương đã giải quyết được vấn đề tự túc lương thực và ổn định được giá cả thị trường.

Ngành chăn nuôi cũng đạt được những kết quả khả quan. Năm 1962, đàn trâu của huyện có 7262 con, đạt 79,5% kế hoạch, so với năm 1961 đạt 102,9%; riêng xã Tân Thành đạt tỷ lệ 110%. Đàn lợn của huyện có 12.204 con, bình quân mỗi hộ nuôi được 2,6 con; so với năm

⁽²⁾ Báo cáo tình hình 2 năm qua nhiệm vụ năm 1960-1961... Tlđđ, tr.10.

⁽³⁾ ⁽⁴⁾ Báo cáo nhiệm kỳ một năm của BCH Đảng bộ huyện Phú Lương - 15/4/1963, tr. 8, 9.

1961, vượt 0,2 con. Xã đạt tỷ lệ cao nhất là Phú Đô, bình quân mỗi hộ nuôi được 5,2 con; thấp nhất là xã Cổ Lũng (1,6 con/hộ). Chăn nuôi gà, vịt đạt bình quân mỗi hộ trong huyện là 47 con, tăng hơn 14,2 con so với năm 1961⁽¹⁾. Điều đáng chú ý là một số cơ sở biết cải tiến nguồn dự trữ thức ăn cho gia súc, biết chọn giống và bảo vệ gia súc.

Cùng với chăn nuôi gia súc, Phú Lương tiếp tục đẩy mạnh chăn nuôi cá - một nguồn thực phẩm dồi dào của cán bộ và nhân dân các dân tộc trong huyện. Trong năm 1961, toàn huyện đào, đắp thêm 286 hồ, ao với diện tích trên 188 mẫu; nuôi, thả 854.000 con cá, không kể 78.487 con được thả ở các ruộng lúa⁽²⁾. Đến năm 1962, toàn huyện đào thêm được 20 ao thả cá mới với diện tích trên 200 mẫu⁽³⁾.

Từ năm 1963 trở đi, sau khi Nhà nước ban hành chính sách bán thưởng các hàng công nghệ phẩm, ngành chăn nuôi trong huyện càng phát triển hơn. Bình quân mỗi hộ gia đình nông dân nuôi được 3 con lợn/năm, một số xã đạt 4 con mỗi hộ/năm. Tính riêng năm 1963, đàn trâu của huyện tăng 12%; đàn lợn bột tăng 45%; bình quân 6 hộ nuôi được 1 con lợn nái. Diện tích nuôi, thả cá vượt kế

⁽¹⁾ ⁽³⁾ Báo cáo nhiệm kỳ một năm của BCH Đảng bộ huyện Phú Lương - 15/4/1963, tr.11.

⁽²⁾ Báo cáo tình hình 2 năm qua nhiệm vụ năm 1960-1961... Tlđd, tr.13

hoạch 1% và so với năm 1962 vượt 2,2%. Sang năm 1964, phong trào chăn nuôi vẫn được giữ vững.

Đối với sản xuất lâm nghiệp, chỉ tiêu tỉnh giao cho huyện ngày càng tăng. Cuối năm 1962 lại có một chiến dịch khai thác đột xuất. Hạt Lâm nghiệp Phú Lương được thành lập, nhưng chưa ổn định về tổ chức. Trong khi chưa có Hạt trưởng, Hạt phó, thì số nhân viên giảm dần, từ 24 người chỉ còn 15 người. Toàn huyện có một đội khai thác nửa gồm 15 người, một đội sơn tràng chuyên nghiệp gồm 3 tổ, với 27 người và 6 trâu kéo, một đội vận chuyển gồm 15 người và một đội tu bổ rừng gồm 15 người.

Được sự chỉ đạo chặt chẽ của Huyện uỷ, Hạt Lâm nghiệp Phú Lương bố trí từng bộ phận, phân công người phụ trách rõ ràng, bố trí các trạm thu mua và đặt lịch chu đáo, nên việc khai thác và thu mua lâm thổ sản đều đạt yêu cầu. Trong năm 1961, số tiền thu mua là 131.725 đồng, đạt 85% mức kế hoạch. Sang năm 1962, phần lớn chỉ tiêu đều đạt và vượt mức được giao: Gỗ đạt 124,32%; lá cọ đạt 162,11%...

Nhằm phủ xanh những khu đồi trọc, huyện giao chỉ tiêu trồng rừng cho các xã và hợp tác xã. Các xã: Cổ Lũng, Phấn Mễ... là những đơn vị thực hiện đạt kết quả tốt; còn nhìn chung các xã khác thiếu sự kiểm tra, đôn đốc, nên đạt kết quả kém. Trong năm 1962, toàn huyện trồng được 129.631 cây; trong đó có 29.090 cây lấy gỗ, thấp hơn năm 1961.

Từ năm 1963, do yêu cầu công nghiệp hoá và nhu cầu kiến thiết của nhân dân, Ngành Lâm nghiệp có những bước phát triển mạnh. Dù gặp khó khăn về phương tiện, về giao thông, v.v... nhưng cán bộ, nhân viên Ngành Lâm nghiệp Phú Lương đã vươn lên hoàn thành tốt kế hoạch khai thác và tu bổ rừng. Tính riêng trong năm 1963, huyện khai thác được: 3.703 m³ gỗ tròn (vượt kế hoạch); 1.422 tấn nửa giấy (vượt 77% mức kế hoạch); 3.500 ste củi (vượt 75%); tu bổ trong khai thác được 127 ha rừng (vượt 111%); tu bổ ngoài khai thác 40 ha (đạt 100%); trồng cây nhân dân được 132.535 cây (vượt 18%); nộp thuế lâm sản vượt 20%. Trong phong trào trồng cây nhân dân, một số điển hình tiên tiến xuất hiện, nổi bật là hợp tác xã Suối Bốc (xã Yên Ninh), gồm 28 hộ người Dao, trong năm 1963 đã trồng được 29.000 cây xoan, trở thành một đơn vị trồng cây khá nhất tỉnh Thái Nguyên và được tặng cờ thi đua. Đồng chí Hành, một đảng viên và là Chủ nhiệm hợp tác xã, không chỉ gương mẫu đi đầu mà còn kiên trì vận động nhân dân tích cực trồng cây gây rừng, được công nhận là một Kiện tướng trồng cây.

Công nghiệp địa phương của Phú Lương mới được xây dựng từ năm 1960, với 2 cơ sở đầu tiên là Xưởng gạch Tân Long và Mỏ than Khánh Hoà. Sang năm 1961, có thêm 2 lò gạch của xã Động Đạt và 2 lò vôi. Các cơ sở gạch Tân Long và Mỏ than Khánh Hoà có rất ít đảng viên. Lúc mới thành lập, tại 2 cơ sở này có 3 đồng chí,

đến năm 1962 cũng chỉ tăng lên 7 đồng chí. Trong số công nhân làm việc tại 2 cơ sở ấy, có cả một số tề, nguỵ, địa chủ và con cháu địa chủ; tình hình tư tưởng có những diễn biến phức tạp. Dù gặp nhiều khó khăn về tổ chức, về đội ngũ công nhân và nguyên vật liệu, nhưng nhờ có sự chỉ đạo chặt chẽ của chi bộ, biết lấy chính trị làm gốc để giáo dục, động viên công nhân viên chức hăng hái lao động, nên hằng năm cả 2 cơ sở đều đạt và vượt mức kế hoạch tỉnh giao. Riêng Mỏ than Khánh Hoà không chỉ vượt kế hoạch làm đất trước thời hạn 6 tháng, mà còn tổ chức đi lao động xã hội chủ nghĩa gây quỹ đỡ đầu hợp tác xã Bá Sơn.

Từ năm 1963 trở đi, sản xuất công nghiệp của huyện Phú Lương có bước phát triển mới. Ngoài các cơ sở đã có từ trước, toàn huyện có 4 hợp tác xã thủ công nghiệp (1 hợp tác xã rèn, 2 hợp tác xã may mặc, 1 hợp tác xã cắt tóc), 2 tổ chế biến bột sắn, 1 tổ đan lát, 2 lò rèn ở 2 xã Hợp Thành và Phấn Mễ, 6 cửa hàng sửa chữa xe đạp. Một số cơ sở thủ công nghiệp và hợp tác xã nông nghiệp còn xây dựng 5 lò vôi, 2 lò gạch nhằm phục vụ nhu cầu kiến thiết cơ bản, 3 lò sấy thuốc lá.

Cùng với sự phát triển nông nghiệp và công nghiệp, Ngành Thương nghiệp, Tài chính, Ngân hàng cũng phát triển mạnh. Doanh số bán ra của hợp tác xã mua bán năm 1961 tăng hơn năm 1960 là 178.944 đồng. Đến năm 1962, Huyện uỷ đề ra chủ trương chuyển hướng, đem

hàng về phục vụ nông thôn ở dưới cơ sở, chấn chỉnh lề lối làm việc và củng cố bộ máy hoạt động, cải tiến cách giao nhận hàng để nâng cao hiệu quả phục vụ. Cùng thời gian này, trên địa bàn huyện có 3 cửa hàng lớn đặt ở Đu, Giang Tiên, Hợp Thành và 3 cơ sở nhỏ ở Yên Ninh, Yên Trạch, Yên Lạc.

Các mặt hàng mua vào, bán ra trong 2 năm 1961, 1962 đều tăng lên so với trước. Số gạo bán ra trong năm 1961 nhiều hơn năm 1960 là 188.677,2 kg, không kể 15.355 kg thịt và 76.425 mét vải (tăng 38% so với năm 1960). Mặt hàng nguyên vật liệu xây dựng cũng tăng lên rất nhanh. Trong năm 1962, mức bán ra là 722.224,28 đồng, đạt 110,3% mức kế hoạch; số mua vào là 33.994 đồng, đạt 120% mức kế hoạch.

Mặc dù gặp nhiều khó khăn, Ngành Thương nghiệp huyện đã có những cố gắng lớn, bảo đảm hoàn thành kế hoạch, hàng năm vượt chỉ tiêu trên giao từ 94% đến 97%, đồng thời giảm chi phí lưu thông 0,46%. Một kết quả quan trọng là trong 2 năm (1961-1962), huyện đã đẩy mạnh công tác thương nghiệp miền núi theo chủ trương của Đảng. Việc cung cấp hàng hoá và tổ chức thu mua cho nhân dân ở các vùng xa xôi, hẻo lánh được chú ý hơn, có ảnh hưởng tốt đến chính sách dân tộc của Đảng.

Ngành Thương nghiệp huyện còn vận động nhân dân các xã làm hợp đồng thu mua các mặt hàng ở địa phương: Chè Cổ Lũng, vùng Túc Tranh, đỗ tương Động Đạt, Yên

Đổ... Ngược lại, đối với những loại hàng khan hiếm, như vải hoa, pôpolin, pin đèn... Ngành ưu tiên bán cho cán bộ và xã viên ở các xã.

Bên cạnh những thành tích, ưu điểm, Ngành Thương nghiệp huyện vẫn còn có nhiều hạn chế, thiếu sót. Quan điểm phục vụ sản xuất nông nghiệp còn lệch lạc, nặng về kinh doanh những mặt hàng tiêu thụ mạnh, ít quan tâm đến những công cụ cải tiến. Việc mở rộng cửa hàng phục vụ nhân dân chưa rộng rãi và chưa có những mặt hàng phục vụ kịp thời và thích hợp với yêu cầu ở từng nơi, nhất là đồng bào ở vùng rẻo cao... Các cấp uỷ chưa thực sự quan tâm đến công tác giáo dục chính trị tư tưởng cho cán bộ, công nhân viên...

Từ năm 1963, do đời sống nhân dân được cải thiện, dân số phát triển tự nhiên và tiếp nhận đồng bào miền xuôi, cho nên sức mua tăng lên, yêu cầu đối với Ngành Thương nghiệp càng lớn hơn. Ngoài những cơ sở có từ trước, huyện mở thêm được 4 cửa hàng hợp tác xã mua bán ở các xã Yên Trạch, Yên Lạc, Phủ Lý, Sơn Cẩm; đồng thời bàn giao 2 cửa hàng Hợp Thành và Yên Ninh cho xã quản lý. Cũng từ đó trở đi, các mặt hàng được chuyển về nông thôn, đưa đến tay người tiêu dùng kịp thời hơn trước.

Sự phát triển nhanh về kinh tế, văn hoá đòi hỏi một khối lượng chi ngân sách ngày càng lớn. Yêu cầu phục vụ sản xuất nông nghiệp và các công trình xây dựng cơ bản

trong huyện cũng nảy sinh nhiều khoản chi mới. Chỉ riêng về sản xuất trong năm 1960-1961, huyện đã phải chi 39.390 đồng, chưa kể các khoản chi về kiến thiết cầu, đường, nhà cửa... cũng tăng lên rất nhiều.

Để đáp ứng yêu cầu trên, Ngành Tài chính huyện Phú Lương có nhiều cố gắng bảo đảm cân đối giữa thu và chi. Trong năm 1961, số thu vượt mức kế hoạch, đạt tỷ lệ từ 105% đến 127,7%, chưa kể những phần thất thu khác. Nếu so với năm 1959, tổng số thu của huyện trong năm này tăng gấp 4,5 lần⁽¹⁾. Điều đáng chú ý là, trong quá trình thu, chi, Ngành Tài chính huyện đã vận dụng đúng phương châm của Đảng, không những tập trung vốn vào việc xây dựng, phát triển kinh tế để tăng nguồn của cải vật chất, mà còn chú trọng vào việc không ngừng nâng cao đời sống văn hoá tinh thần của nhân dân các dân tộc.

Trong năm 1962, tuy gặp nhiều khó khăn, trở ngại trong quản lý thị trường, nhưng nhờ tinh thần cố gắng của cán bộ, nhân viên và sự giúp đỡ của các cấp, công tác tài chính vẫn đạt 99,2% kế hoạch và so với năm 1961 đạt 101,2%⁽²⁾(2). Công tác “ba thu” được Đảng bộ đặc biệt chú ý lãnh đạo thực hiện. Đối với huyện Phú Lương, công tác vận động “ba thu” đã trở thành nghĩa vụ từ những năm trước; hằng năm thu vào hai vụ: Chiêm và mùa. Từ năm

⁽¹⁾ Báo cáo tình hình 2 năm qua nhiệm vụ 1960-1961... Tlđđ, tr. 17.

⁽²⁾ Báo cáo tổng kết năm 1962 của Ủy ban hành chính huyện Phú Lương... Tlđđ, tr. 23.

1962, cứ gần đến kỳ thu vụ chiêm và vụ mùa, Ban Chấp hành Đảng bộ lại mở hội nghị để bàn kế hoạch thực hiện và kiên quyết tập trung lực lượng, tận dụng mọi chức năng sẵn có của huyện nhằm phục vụ tốt công tác “ba thu”. Nhờ đó, trong vụ chiêm năm 1962, thu thuế đạt 107%; thu mua đạt 117,2%; đến vụ mùa, thu thuế đạt 102% và thu mua đạt 82%.

Từ năm 1963, Đảng và Chính phủ đề ra chính sách ổn định nghĩa vụ 3 năm. Đây là một điều kiện thuận lợi trong việc thực hiện chính sách nghĩa vụ lương thực, giải quyết được tư tưởng băn khoăn, vướng mắc trong nhân dân. Nhìn chung, chính sách lương thực của Nhà nước được các cấp uỷ và chính quyền vận động nhân dân thực hiện tương đối tốt.

Trong quá trình lãnh đạo phát triển sản xuất, Huyện uỷ chú trọng công tác củng cố và từng bước hoàn thiện quan hệ sản xuất mới xã hội chủ nghĩa.

Trên đà phát triển của những năm 1959-1960, từ năm 1961 trở đi, phong trào hợp tác hoá nông nghiệp tiếp tục được đẩy mạnh. Vào thời điểm này, toàn huyện có 78 hợp tác xã nông nghiệp, với 70% số hộ nông dân tham gia; trong đó có 1 hợp tác xã (Môn Bình, xã Hợp Thành) gồm 41 hộ đã chuyển lên bậc cao. Xã Phú Đô từ chỗ là một “xã trắng”, đến năm 1961 đã có 50% số hộ nông dân tham gia hợp tác xã. Một số nơi (Yên Trạch, Phú Lý, Hợp Thành, Yên Đỗ) bắt đầu đi vào liên hợp và hợp

nhất các hợp tác xã từ quy mô nhỏ lên quy mô lớn. Riêng xã Tân Thành xây dựng hợp tác xã với quy mô toàn xã.

Song, cũng chính vào lúc ấy, một số hợp tác xã gặp nhiều khó khăn về tư tưởng và có nguy cơ tan vỡ hoặc đình trệ sản xuất. Các hợp tác xã: Khe Vàng, Làng Pháng (xã Phú Đô), Yên Bình, Ao Then (xã Yên Đổ), Chính Bình (xã Yên Lạc), Làng Hìn, Làng Lân (xã Phấn Mễ), Ba Luồng, Suối Bốc (xã Yên Ninh), Yên Thành (xã Yên Trạch) đều có nhiều xã viên chán nản, muốn xin ra hợp tác xã, hoặc bỏ sản xuất và tự động ra làm cá thể.

Trước tình trạng trên, các cấp uỷ kiên trì giáo dục, động viên cán bộ và quần chúng, quyết tâm giữ vững phong trào; đồng thời giải quyết những thắc mắc, khó khăn cho xã viên. Một số Ban Quản trị hợp tác xã được bầu lại và điều hành sản xuất tương đối tốt. Công tác “ba quản”, “ba khoán” có nhiều chuyển biến theo chiều hướng tích cực. Vai trò làm chủ của quần chúng xã viên được nâng lên. Nhiều hợp tác xã đã hoàn thành vượt mức kế hoạch sản xuất, điển hình là hợp tác xã Tân Thành (vượt 10 tấn). Nhiều hợp tác xã cũng đạt năng suất khá cao: Hợp tác xã Cộng Hoà thu hoạch bình quân 962 kg/mẫu. Hợp tác xã Cây Thị thu hoạch 751 kg, Làng Mới đạt 717 kg/mẫu... Một số hợp tác xã (Mỹ Khánh, xã Phấn Mễ và Tân Lập thuộc xã Động Đạt) kinh doanh nhiều ngành nghề. Hợp tác xã Môn Bình (Hợp Thành) được

bình chọn là một trong số 10 hợp tác xã Đại Phong, là lá cờ đầu của toàn tỉnh.

Bên cạnh đó, phong trào hợp tác xã lúc này cũng bộc lộ nhiều thiếu sót: Cán bộ Ban Quản trị ở một số hợp tác xã bất mãn, muốn xin nghỉ việc. Nguyên tắc quản lý dân chủ trong hợp tác xã bị vi phạm, xã viên ít được bàn bạc và phát huy sáng kiến, kinh nghiệm sản xuất. Công tác tài chính không minh bạch, có hiện tượng tham ô. Công tác “ba khoán” không bảo đảm, gần như khoán trắng...

Những hạn chế, thiếu sót trên đây đã làm cho phong trào hợp tác xã không những dậm chân tại chỗ, mà còn bị giảm sút. Trong khi kết nạp được 56 hộ xã viên mới thì có 184 hộ xã viên xin ra hợp tác xã. Tỷ lệ hộ nông dân gia nhập hợp tác xã bị tụt dần, từ 70% trong năm 1961, chỉ còn 61,81%. Xã Phú Đô từ chỗ có 50% số hộ nông dân tham gia hợp tác xã (năm 1961), sang năm 1962 giảm dần và trở thành “xã trắng”. Đến cuối năm 1962, toàn huyện có 78 hợp tác xã; trong đó có 24 hợp tác xã đạt loại khá, 24 hợp tác xã loại trung bình và 28 hợp tác xã loại yếu. Đó là những vấn đề đặt ra cho Đảng bộ phải có những biện pháp củng cố phong trào hợp tác hoá theo tinh thần Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ VII (1962).

Thực hiện Nghị quyết 5 của Trung ương (khoá III) và Nghị quyết của Bộ Chính trị về cải tiến quản lý hợp tác xã, cải tiến kỹ thuật, phát triển sản xuất nông nghiệp toàn diện, mạnh mẽ và vững chắc; căn cứ vào tình hình thực tế

ở địa phương, Huyện uỷ xác định phương hướng, “nhiệm vụ chủ yếu là củng cố vững chắc về mọi mặt đối với các tổ chức sẵn có để bảo đảm ổn định tổ chức, ổn định sản xuất để tạo mọi điều kiện tốt cho cuộc vận động cải tiến quản lý hợp tác xã toàn diện. Trên cơ sở củng cố tốt để phát triển tổ chức những hợp tác xã mới ở những nơi chưa có và kết nạp thêm những xã viên mới với điều kiện thật chín muồi, quần chúng thật sự tự nguyện tự giác xin gia nhập và có đủ cán bộ lãnh đạo, tránh gò ép, mệnh lệnh”⁽¹⁾.

Theo phương hướng, nhiệm vụ được xác định, Huyện uỷ triển khai các biện pháp nhằm củng cố phong trào hợp tác hoá nông nghiệp. Trước hết, Huyện uỷ tổ chức một bộ phận làm công tác củng cố, gồm cán bộ các ngành: Nông thôn, Tài chính, Ngân hàng, do một đồng chí trong Ban Thường vụ Huyện uỷ phụ trách. Tổ công tác này dành thời gian tập trung cho công tác củng cố hợp tác xã, không được đi công tác khác. Các ban, ngành, đoàn thể, chính quyền chịu trách nhiệm trước Huyện uỷ; cùng nghiên cứu vạch ra kế hoạch cụ thể; phân công cán bộ phụ trách và tổ chức chỉ đạo chặt chẽ. Ở mỗi xã, theo chủ trương của Huyện uỷ, có một đồng chí trong Ban Thường vụ chi uỷ chịu trách nhiệm cùng với Bí thư Đoàn Thanh niên, Phụ nữ, Xã đội, Thông tin, cán bộ đầu ngành và Chủ nhiệm các hợp tác xã được tập trung cho công tác

(1) Phương hướng và nhiệm vụ công tác mọi mặt năm 1963 và 1964-1965 của Huyện Đảng bộ huyện Phú Lương-16/4/1963, tr.3.

củng cố hợp tác xã, kết hợp xây dựng tổ đổi công và hợp tác xã ở các “xóm trắng”.

Trên cơ sở xây dựng bộ máy tổ chức, Huyện uỷ chủ trương phân loại xã và hợp tác xã để có phương hướng công tác cho phù hợp.

Đối với loại xã có tỷ lệ nông dân vào hợp tác xã trên 70% (Tân Thành, Hợp Thành, Phú Lý, Yên Trạch, Phấn Mễ và Cổ Lũng), chủ yếu làm nhiệm vụ củng cố; đồng thời phát triển những hộ nông dân cá thể vào hợp tác xã.

Loại xã từ 20 đến 60 hộ, lấy việc phát triển đi đôi với củng cố là chủ yếu; đặc biệt chú trọng xây dựng ở những nơi chưa có hợp tác xã, hoặc hợp tác xã bị vỡ.

Đối với loại “xã trắng” (Phú Đô), Huyện uỷ quyết tâm tìm mọi biện pháp xây dựng nhiều tổ đổi công thường xuyên.

Đối với các hợp tác xã loại khá, Huyện uỷ nhấn mạnh phải nâng cao tinh thần làm chủ của xã viên; phương hướng sản xuất phải sát với thực tế nhằm bảo đảm đời sống cho xã viên, bảo đảm cho hợp tác xã có tích lũy và làm tốt nghĩa vụ đối với Nhà nước.

Đối với các hợp tác xã loại trung bình, Huyện uỷ coi trọng việc giáo dục chính trị, thực hiện tốt các mặt sản xuất và các chính sách của Nhà nước, chấn chỉnh hoặc bầu lại các Ban Quản trị và đẩy mạnh các tổ chức hoạt động trong hợp tác xã.

Đối với hợp tác xã loại kém nát, chủ yếu đi sâu phát động tư tưởng quần chúng, giải quyết những vấn đề tồn tại, động viên nâng cao tinh thần làm chủ cho số hộ xã viên còn lại, nâng cao phê bình và tự phê bình, giải quyết những việc sai sót giữa Ban Quản trị với một số hộ xã viên “chân trong chân ngoài” và số hộ đã ra hợp tác xã, chấn chỉnh hoặc bầu lại các Ban Quản trị và các tổ chức hoạt động trong hợp tác xã.

Thực hiện chủ trương của Huyện uỷ, đồng thời quán triệt Nghị quyết 70 của Trung ương Đảng về cuộc vận động cải tiến quản lý hợp tác xã nông nghiệp, từ năm 1963, Huyện uỷ chọn Hợp tác xã Cây Châm làm thí điểm công tác cải tiến quản lý. Công tác thí điểm về căn bản đạt được yêu cầu theo tinh thần Nghị quyết 70. Từ kết quả công tác thí điểm, Huyện uỷ rút được những bài học kinh nghiệm cho công tác lãnh đạo cải tiến quản lý hợp tác xã trong những năm tiếp theo.

Cùng với việc cải tiến quản lý hợp tác xã, cải tiến kỹ thuật và trên cơ sở đó, công tác củng cố hợp tác xã nông nghiệp được đẩy mạnh. Thực hiện chủ trương của Trung ương Đảng và Tỉnh uỷ, Huyện uỷ quyết định tổ chức lại quy mô hợp tác xã cho thích hợp với đặc điểm tình hình miền núi. Theo hướng ấy, Hợp tác xã Tân Thành và Hợp Thành đều được tách ra thành 2 hợp tác xã quy mô nhỏ; 4 hợp tác xã ở Yên Trạch được sáp nhập thành 2 hợp tác xã với quy mô lớn hơn. Như vậy, trong năm 1963, toàn

huyện Phú Lương có 82 hợp tác xã nông nghiệp, với 2.634 hộ xã viên (chiếm 52,4% tổng số hộ nông dân). Nếu so với năm 1962, tỷ lệ này thấp hơn 4% vì dân số tăng tự nhiên và từ năm 1963, huyện Phú Lương tiếp nhận trên 200 hộ nông dân miền xuôi lên tham gia xây dựng và phát triển kinh tế, văn hoá.

Song song với việc tổ chức lại quy mô hợp tác xã, Huyện uỷ tăng cường công tác giáo dục chính trị tư tưởng, bồi dưỡng đạo đức, phẩm chất cách mạng, nâng cao ý thức làm chủ của quần chúng xã viên. Đối với cán bộ, đảng viên, Huyện uỷ chú trọng giáo dục đạo đức chí công vô tư, ý thức gương mẫu trong việc chấp hành chính sách của Nhà nước, nâng cao quan điểm phục vụ quần chúng.

Những biện pháp trên đã đem lại kết quả bước đầu. Từ giữa năm 1964, phong trào hợp tác hoá bắt đầu được phục hồi và sang năm 1965 thì phát triển mạnh hơn; đặc biệt là 2 xã: Phú Đô và Túc Tranh. Xã Phú Đô từ chỗ hợp tác xã bị vỡ hoàn toàn, trở thành “xã trắng”; đến năm 1965, số nông hộ tham gia hợp tác xã đã lên tới 93%. Xã Túc Tranh từ chỗ chỉ có 2 hợp tác xã, với tỷ lệ 54%, đã lên tới 98% tổng số nông hộ. Nhìn chung, phong trào hợp tác xã nông nghiệp đã có nhiều chuyển biến tốt hơn trước. Trong phong trào thi đua vụ mùa năng suất cao, có 10 hợp tác xã trong số 24 hợp tác xã đăng ký đã đoạt giải thi đua của Chính phủ; 6 hợp tác xã vượt kế hoạch; 1 hợp tác xã trồng

cây khá nhất; đại bộ phận hợp tác xã chấp hành tốt chính sách lương thực của Nhà nước.

Hợp tác xã được củng cố là một trong những nhân tố quan trọng đưa sản xuất nông nghiệp phát triển đi lên. Khi bước vào thực hiện vụ đông-xuân 1962-1963, huyện Phú Lương gặp phải hạn hán kéo dài 5-6 tháng; mạ chiêm trễ 70-80 ngày không có nước cấy. Trước tình hình này, đầu tháng 1/1963, Ban Thường vụ Huyện uỷ triệu tập hội nghị gồm các Bí thư, Chủ tịch Uỷ ban hành chính xã, Chủ nhiệm hợp tác xã, lãnh đạo các ngành, các giới để bàn biện pháp giải quyết; đồng thời quyết định phát động chiến dịch chống hạn.

Hưởng ứng chủ trương của Huyện uỷ, khoảng 600 dân quân và 170 đoàn viên thanh niên được huy động lên công trường xây dựng công trình trung thuỷ nông Khuôn Lồng (xã Yên Đổ) để lấy thành tích chào mừng Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ VIII (4/1963) và mừng thọ Hồ Chủ tịch. Không đầy 2 tuần lễ, công trình đã hoàn thành. Hệ thống mương, phai được sửa chữa và xây dựng thêm. Tính chung, các xã trong huyện đã đào thêm được 21 ao, hồ; đắp thêm được 18 đập nước; làm được 28 mương, 100 phai, với tổng số 27.693 công. Đó là chưa kể số công của cán bộ và học sinh tham gia làm hồ Cây Châm, hồ Bẩy Mẫu, hồ Làng Lê... Hằng năm, huyện huy động khoảng 2.000 dân công làm đầm, hồ.

Việc áp dụng các biện pháp kỹ thuật liên hoàn trong những năm 1963-1964 cũng được đẩy mạnh hơn trước. Số lượng phân hoá học bón cho đồng ruộng tăng gấp 2 lần năm 1962; số lượng phân chuồng cũng tăng gấp bội. Năm 1962, bình quân mỗi mẫu chỉ dùng 1.300 kg phân chuồng; từ năm 1963, đã tăng lên 1.835 kg phân/mẫu; có xã (Sơn Cẩm) bón 3.500 kg/mẫu. Diện tích làm cỏ 2 lần cho lúa từ năm 1963 gấp 4 lần so với năm 1962. Phong trào cải tiến nông cụ, giải phóng đôi vai cũng ngày càng phát triển rộng rãi. Chính nhờ đẩy mạnh công tác thuỷ lợi và các biện pháp kỹ thuật, những thiệt hại do thiên tai hạn hán đã được hạn chế. Tổng sản lượng lương thực năm 1963 so với năm 1962 tăng lên 172.930 kg⁽¹⁾. Riêng vụ mùa so với kế hoạch, tăng 237 tấn (3,5%). Diện tích trồng hoa mầu là 32.56,5 mẫu, đạt 92% so với năm 1962. Trong đó, ngô tăng hơn năm 1962 là 5%; khoai sọ tăng lên 35%; cây công nghiệp tăng 2,6%.

Trong năm 1963, Đảng bộ và nhân dân các dân tộc Phú Lương tiếp đón 257 hộ, với 1.268 nhân khẩu từ tỉnh Thái Bình lên tham gia xây dựng và phát triển kinh tế, văn hoá. Đồng bào được đưa về sinh sống trên địa phận các xã: Phấn Mễ, Động Đạt, Tân Thành, Phủ Lý, Túc Tranh, Vô Tranh, Yên Ninh, Yên Trạch, Hợp Thành; tổ chức thành 6 đội độc lập; số còn lại ở xen kẽ cùng với bà

(1) Báo cáo tổng kết tình hình lãnh đạo thực hiện kế hoạch năm 1963 của Huyện uỷ Phú Lương-24/1/1964, tr. 3

con xã viên ở địa phương. Trong buổi đầu khó khăn, thiếu thốn, đồng bào được chính quyền và nhân dân địa phương giúp đỡ; san sẻ ruộng đất, trâu bò, nông cụ; giúp làm nhà cửa.

Nhờ có sự quan tâm của chính quyền và nhân dân các dân tộc địa phương, đồng bào nhanh chóng ổn định cuộc sống và đi vào sản xuất trên quê hương mới. Trong năm 1963, đồng bào trong 6 đội độc lập đã khai hoang và trồng được 188,1 mẫu ruộng nước, 76 mẫu lúa đồi, 22 mẫu sắn, 23 mẫu ngô, 6 mẫu khoai lang, 2,3 mẫu rau xanh. Đó là chưa kể số hộ sống xen kẽ với nhân dân địa phương cũng khai hoang được 5,6 mẫu; cấy thêm được 19 mẫu lúa nước, 5,6 mẫu lúa nương, 15 mẫu ngô, hơn 2 mẫu sắn, 4 sào vùng; chăn nuôi được 30 con trâu, 21 con lợn và 231 con gà, vịt. Tổng thu hoạch của các đội độc lập và các hộ xen kẽ là 64.146 kg thóc, năng suất bình quân đạt 520 kg/mẫu. Riêng đội khai hoang độc lập ở làng Lân (xã Phấn Mễ) có 5 hộ, trong vụ mùa đã thu hoạch 3.888 kg thóc; tự túc được lương thực và được suy tôn là đội sản xuất khá nhất tỉnh Thái Nguyên⁽¹⁾.

Bên cạnh những ưu điểm kể trên, việc tổ chức đón tiếp đồng bào miền xuôi lên tham gia xây dựng và phát triển kinh tế, văn hoá tại huyện Phú Lương chưa được chuẩn bị đầy đủ; có mặt bị động. Sự giúp đỡ ban đầu về đời sống

⁽¹⁾ Báo cáo tổng kết tình hình lãnh đạo thực hiện kế hoạch năm 1963 của Huyện uỷ Phú Lương - 24/1/1964, tr. 3, 6.

và sản xuất cho đồng bào có tính chất khoán trắng cho các xã. Do vậy, một số hộ vì quá khó khăn, đã quay trở về quê hương cũ⁽¹⁾. Trong những năm 1964-1965, huyện vẫn tiếp tục đón tiếp đồng bào ở huyện Đông Quan (Thái Bình) và tỉnh Hưng Yên.

Sự tăng trưởng kinh tế trong những năm 1961-1965 có tác dụng thúc đẩy văn hoá, giáo dục phát triển nhanh chóng.

Hoạt động văn hoá có nhiều cố gắng đi sát phục vụ những yêu cầu của công tác chính trị, các nhiệm vụ trung tâm của địa phương; bước đầu đi sâu vào quần chúng, tuyên truyền chủ trương, chính sách của Đảng và Chính phủ, đáp ứng yêu cầu về văn hoá tinh thần của nhân dân.

Ngoài việc phát hành báo chí, lập các tủ sách ở hợp tác xã, Ngành Văn hoá-Thông tin huyện tích cực phổ biến tin tức thông qua các hình thức phát thanh, làm bình phong, kẻ khẩu hiệu... Bộ máy hoạt động thông tin tuyên truyền ở xã, hợp tác xã được củng cố. Trong các đợt thi đua, các cuộc vận động lớn, thanh niên, học sinh, thiếu niên rầm rộ xuống đường phát thanh, kẻ khẩu hiệu tuyên truyền.

Các đội văn nghệ ở các xã tiếp tục được duy trì và phát triển. Đến năm 1962, trong 6 xã đã có 17 đội văn nghệ,

⁽¹⁾ Báo cáo tổng kết tình hình lãnh đạo thực hiện kế hoạch năm 1963 của Huyện uỷ Phú Lương - 24/1/1964, tr. 3, 6.

gồm 250 diễn viên; trong đó có 4 đội thường xuyên hoạt động. Chỉ tính trong năm 1962, huyện tổ chức được 20 đêm hội diễn, với 32 tiết mục phục vụ cho 2.800 người xem; tổ chức 3 kỳ triển lãm, có trên 2.000 người đến xem. Ngoài ra, các đội chiếu bóng lưu động cũng thường xuyên phục vụ nhân dân các xã trong huyện.

Tuy nhiên, công tác văn hoá thời gian đầu vẫn còn nhiều tồn tại. Hai nhà văn hoá không được quan tâm tu bổ, nên ngày càng xuống cấp. Năm 1962, trên địa bàn huyện có 9 tủ sách, nhưng thiếu sự đầu tư nên số lượng sách không phát triển, không đáp ứng được yêu cầu của người đọc. Nguyên nhân dẫn đến tình trạng này là do cán bộ lãnh đạo từ huyện xuống xã chưa nhận thức đầy đủ về tầm quan trọng của công tác thông tin văn hoá.

Từ sau Hội nghị về công tác thông tin văn hoá (1963) với sự có mặt và tham gia ý kiến của đồng chí Nông Quốc Chấn - Ủy viên Khu uỷ và Giám đốc Sở Văn hoá Khu Tự trị Việt Bắc, nhận thức của cán bộ trong huyện được nâng lên. Cũng từ đó, hoạt động thông tin-văn hoá ở huyện có những bước chuyển biến mới. Huyện đã vận động nhân dân cùng Nhà nước xây dựng Phòng Truyền thanh và bắc được 7 loa công cộng. Các đội chiếu bóng lưu động nêu cao tinh thần khắc phục mọi khó khăn, nhất là về giao thông, chiếu phim được 53 buổi ở khắp các xã, phục vụ cho 25.486 lượt người xem. Ngành Văn hoá-Thông tin huyện phát hành được 29.970 tài liệu phổ biến Nghị quyết

70, 71 của Trung ương Đảng về cải tiến quản lý hợp tác xã. Ngoài ra, huyện còn tổ chức các buổi tham quan chọn giống tại xã Hợp Thành, Khu gang thép Thái Nguyên, Bảo tàng Việt Bắc... Các Đội văn công của Khu, của tỉnh Thái Nguyên và tỉnh Thái Bình cũng được mời lên biểu diễn, phục vụ cho hơn 20.000 người xem.

Nghành Giáo dục trong những năm 1961-1965 phát triển khá nhanh. Từ 14 lớp với tổng số 606 học sinh từ vỡ lòng đến cấp II trong năm học 1961-1962, đã tăng lên 156 lớp với tổng số 5.023 học sinh trong năm học 1962-1963. Đến năm học 1964-1965, không kể học sinh vỡ lòng, tính riêng cấp I và cấp II, toàn huyện đã có gần 5.000 học sinh.

Nhằm thực hiện chính sách dân tộc của Đảng, từ năm 1961, huyện Phú Lương xây dựng Trường Thanh niên xã hội chủ nghĩa (vừa làm vừa học), gồm 121 học sinh; trong đó có 75 nam và 46 nữ. Mục tiêu của Nhà trường là đào tạo con em đồng bào các dân tộc thuộc diện chính sách thành những cán bộ có trình độ văn hoá và phẩm chất chính trị, trở về phục vụ công tác ở địa phương và hợp tác xã. Năm 1962, Nhà trường vinh dự được đón Bác Hồ về thăm; được các tỉnh và các trường bạn đến tham quan vì có thành tích sản xuất và học tập. Đó là những nguồn động viên, cổ vũ to lớn đối với thầy và trò tiếp tục vươn lên trong giảng dạy, học tập và rèn luyện. Song, từ năm 1963, Nhà trường gặp khó khăn, nhất là về sản xuất tự túc

lượng thực: Thiếu ruộng làm, lại cách xa nơi trường đóng hàng 3, 4 km; hợp tác xã và nông dân đòi lại ruộng, nên Nhà trường chỉ còn 3 mẫu. Lãnh đạo Nhà trường không lường hết khó khăn và cũng không phát hiện kịp thời, cho nên tình hình trở nên phức tạp; giáo viên và học sinh không yên tâm giảng dạy và học tập. Trước tình trạng này, về mặt tổ chức, Huyện uỷ củng cố bộ phận lãnh đạo Nhà trường; đồng thời giúp Nhà trường xác định phương hướng sản xuất, ổn định tư tưởng trong giáo viên và học sinh. Nhờ đó, từ cuối năm 1963, tình hình Nhà trường được ổn định trở lại; nhưng khó khăn về cơ sở sản xuất vẫn tồn tại. Để giải quyết tốt tình hình sản xuất, ổn định lâu dài, Huyện uỷ quyết định chuyển Trường Thanh niên xã hội chủ nghĩa đến một địa điểm khác.

Trong những năm 1961-1965, công tác thanh toán nạn mù chữ tiếp tục được duy trì và đẩy mạnh. Vào năm 1960, huyện Phú Lương còn trên 1.000 người thuộc 7 xã mù chữ (Túc Tranh, Vô Tranh, Phú Đô, Yên Lạc, Yên Ninh, Sơn Cẩm và Cổ Lũng). Sang đầu năm 1961, huyện đã thanh toán được 85,9%, nhưng vẫn chưa đạt được kế hoạch tỉnh giao (92,5%).

Nhận rõ sự cần thiết phải giải quyết dứt điểm việc thanh toán nạn mù chữ trên địa bàn, Huyện uỷ quyết định tập trung lãnh đạo, mở chiến dịch diệt dốt; kêu gọi đoàn viên thanh niên xung phong tham gia mặt trận xoá mù chữ. Nhờ có sự lãnh đạo, chỉ đạo chặt chẽ của các cấp uỷ,

chính quyền và các đoàn thể quần chúng, công tác xoá mù chữ đạt kết quả tốt. Từ ngày 19/5/1961, Phú Lương được Uỷ ban hành chính Khu Tự trị Việt Bắc công nhận đã căn bản hoàn thành thanh toán nạn mù chữ trong toàn huyện.

Công tác bổ túc văn hoá cũng có những bước tiến bộ nhanh chóng. Đến cuối năm 1961, các xã Hợp Thành, Tân Thành, Vô Tranh, Động Đạt, Phấn Mễ, Yên Ninh đều tổ chức được các lớp bổ túc văn hoá cấp I, với 76 học viên theo học.

Trường bổ túc văn hoá tập trung của huyện được xây dựng từ năm 1959 tiếp tục duy trì mở lớp bồi dưỡng văn hoá cho cán bộ chủ chốt ở xã và hợp tác xã. Trên 100 cán bộ từ trình độ lớp 1, lớp 2 đã được bồi dưỡng tốt nghiệp lớp 4. Đó là không kể trên 100 cán bộ các cơ quan xung quanh huyện cũng đang theo học tại 6 lớp bổ túc văn hoá từ lớp 2 đến lớp 7.

Việc chăm lo bảo vệ sức khoẻ cho nhân dân được các cấp uỷ và chính quyền coi trọng. Đến năm 1962, huyện xây dựng một bệnh xá gồm 20 giường, với 7 cán bộ (trong đó có 2 y sĩ, 3 y tá, 1 dược tá và 1 hộ sinh). Ngoài ra, 10 trong 14 xã (trừ Yên Đổ, Yên Lạc, Phú Đô và Động Đạt) đều có trạm xá.

Với phương châm phòng bệnh hơn chữa bệnh, công tác tuyên truyền, vận động nhân dân thực hiện vệ sinh được đẩy mạnh. Mọi người dân đều có ý thức uống nước

đun sôi; vệ sinh giếng nước, chuồng trại, thực hiện khẩu hiệu “Sạch làng tốt lúa”. Tính đến năm 1962, Ngành Y tế huyện đã vận động nhân dân sửa chữa và làm mới 1.639 hố xí, 1.516 giếng nước, 1.171 chuồng gia súc⁽¹⁾.

Cùng với việc thanh toán tận gốc bệnh sốt rét, từ những năm 1963-1964, Phòng Y tế huyện tổ chức cho cán bộ đi xuống các xã tiêm phòng: Chủng đậu, ho gà, bại liệt, chó dại... cho hàng ngàn người. Cán bộ trong 8 trạm xá xã hoạt động rất tích cực, mang hết tinh thần phục vụ nhân dân. Trong nhân dân các dân tộc, tình trạng mê tín dị đoan, mời thầy cúng bái khi ốm đau đã giảm khá nhiều. Nhân dân ngày càng có ý thức dùng thuốc chữa bệnh.

Song song với quá trình lãnh đạo mọi mặt công tác, Huyện uỷ đặc biệt quan tâm đến vấn đề xây dựng Đảng, từng bước nâng cao sức chiến đấu của Đảng bộ. Thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện lần thứ VI (4/1960), công tác xây dựng Đảng được coi trọng cả ba mặt: Chính trị, tư tưởng và tổ chức; coi trọng cả về số lượng và chất lượng.

Số đảng viên mới được kết nạp qua các năm đều tăng lên. Nếu cuối năm 1959, toàn Đảng bộ có 552 đảng viên, thì đến cuối năm 1961, con số đó đã lên tới 720 (tăng 23,33%). Sang năm 1963, Đảng bộ phát triển thêm 63

⁽¹⁾ Báo cáo tổng kết năm 1962 của Ủy ban hành chính huyện Phú Lương... Tlđd, tr. 29.

đảng viên. Năm 1964, số đảng viên mới được kết nạp là 74 và đến năm 1965 là 104. Những đảng viên mới là những quần chúng ưu tú đã từng được rèn luyện thử thách trong các hoạt động thực tiễn sản xuất và công tác, có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt.

Xuất phát từ tình hình thực tế của một Đảng bộ huyện miền núi, Huyện uỷ rất chú ý bồi dưỡng nâng cao trình độ văn hoá và nhận thức chính trị cho cán bộ và đảng viên. Trong những năm 1960-1962, cùng với việc điều động cán bộ, Huyện uỷ liên tục mở các lớp bồi dưỡng cho cán bộ, đảng viên. Riêng trong năm 1961, ngoài 172 cán bộ, đảng viên được cử đi học để nâng cao trình độ văn hoá và chính trị, Huyện uỷ tổ chức đợt chỉnh huấn, tập trung giải quyết những khó khăn, vướng mắc trong cán bộ, đảng viên và quần chúng, có trên 200 cán bộ cấp huyện và xã tham gia. Ở xã, số chi uỷ viên tham gia chỉnh huấn đạt 93,4%; đảng viên đạt 80,7%; đoàn viên thanh niên đạt 52,1% và số cán bộ ngoài Đảng tham gia chỉnh huấn đạt 95,6%. Sang năm 1962, công tác xây dựng Đảng tiếp tục đạt nhiều kết quả; nhưng trong Đảng bộ cũng bộc lộ những nhược điểm về ý thức tư tưởng, về chấp hành chính sách, nhất là chính sách hợp tác xã. Một số đảng viên, trên cương vị lãnh đạo hợp tác xã, có tư tưởng tự tư tự lợi, tham ô, lãng phí. Một số đảng viên ngại công tác, chỉ lo củng cố gia đình, v.v...

Trong tình hình ấy, Đại hội đại biểu lần thứ VIII Đảng bộ huyện Phú Lương được triệu tập từ ngày 15 đến 19/4/1963, với sự có mặt của 80 đại biểu (trong đó có 74 đại biểu chính thức và 6 đại biểu dự khuyết). Đại hội đã thảo luận và thông qua Đề án công tác của Đảng bộ trong 2 năm (1963-1965) nhằm lãnh đạo nhân dân các dân tộc trong huyện hoàn thành thắng lợi kế hoạch Nhà nước 5 năm lần thứ I. Đại hội bầu Ban Chấp hành Đảng bộ, gồm 17 uỷ viên chính thức và 2 uỷ viên dự khuyết. Ban Thường vụ Huyện uỷ gồm 5 đồng chí. Các đồng chí Trương Văn Thiết được bầu làm Bí thư và Phan Văn Tĩnh làm Phó Bí thư Huyện uỷ.

Đối với công tác xây dựng Đảng, Đại hội Đảng bộ lần thứ VIII nhấn mạnh: Lấy giáo dục tư tưởng xã hội chủ nghĩa làm hàng đầu nhằm nâng cao ý thức tiên phong gương mẫu cho cán bộ và đảng viên, tăng cường phát triển Đảng, củng cố tổ chức chi bộ cho phù hợp với tình hình phát triển sản xuất và hợp tác hoá, đẩy mạnh phong trào thi đua xây dựng “Chi bộ 4 tốt”⁽¹⁾.

Thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ lần thứ VIII, công tác xây dựng Đảng được đẩy mạnh. Từ 26 đến 31/8/1963, Huyện uỷ mở Hội nghị chuyên đề về xây dựng Đảng. Tham dự Hội nghị có các cán bộ lão thành, cán bộ tiền khởi nghĩa, đại biểu Ban Tổ chức Trung ương Đảng,

⁽¹⁾ Chi bộ 4 tốt: Công tác xây dựng Đảng tốt; Sản xuất, chiến đấu, phục vụ chiến đấu, công tác và học tập tốt; Chấp hành đường lối chính sách tốt; Chăm lo đời sống quần chúng tốt.

Tổ chức Khu uỷ, Tỉnh uỷ, cùng 150 đại biểu cơ sở, gồm các uỷ viên Ban Chấp hành Đảng bộ, đại biểu các chi bộ nông thôn, chi bộ cơ quan, trường học, xí nghiệp, lãnh đạo các ngành, các giới...

Hội nghị được nghe đồng chí Bí thư Huyện uỷ trình bày về lý tưởng cộng sản, được ôn lại truyền thống đấu tranh anh dũng của Đảng bộ Phú Lương. Trên cơ sở đó, Hội nghị đã thông qua phương hướng, nhiệm vụ công tác xây dựng Đảng trong thời gian 1963-1965. Hội nghị có tác dụng to lớn trong việc nâng cao lập trường, quan điểm, ý thức phấn đấu trong cán bộ và đảng viên. Cũng từ đó, mọi mặt công tác được đẩy mạnh và thu được nhiều kết quả tốt đẹp. Công tác xây dựng “Chi bộ 4 tốt” cũng bắt đầu được triển khai. Tuy nhiên, đây là công việc rất mới mẻ, nên gặp nhiều lúng túng và không đạt kết quả. Sang năm 1964, phong trào xây dựng “Chi bộ 4 tốt” được đẩy mạnh hơn; nhưng kế hoạch hướng dẫn thiếu cụ thể, thiếu kiểm tra đôn đốc; ở cấp cơ sở bị các công việc khác chi phối, nên số chi bộ đăng ký 4 tốt cũng còn hạn chế.

Bộ máy chính quyền các cấp từ huyện xuống xã từng bước được củng cố và kiện toàn. Thông qua các cuộc bầu cử Hội đồng nhân dân, nhất là cuộc bầu cử năm 1963, đội ngũ cán bộ chủ chốt các cấp chính quyền được nâng cao về trình độ nhận thức, về tinh thần trách nhiệm đối với công việc. Hoạt động của Hội đồng nhân dân và Uỷ ban hành chính các cấp đi dần vào nền nếp. Bên cạnh đó, chế

độ làm việc của Uỷ ban hành chính các xã còn tùy tiện. Có nơi, ngày thường trực của Uỷ ban chỉ có 2 tiếng đồng hồ vào buổi trưa. Có nơi, Uỷ ban hành chính thường trực từ 14 giờ đến 17 giờ. Cũng có nơi chỉ bố trí một số ngày thường trực để giải quyết các công việc trong tuần.

Các tổ chức đoàn thể quần chúng cũng được củng cố và ngày càng phát huy vai trò quan trọng trong việc vận động các tầng lớp nhân dân tham gia mọi mặt hoạt động ở địa phương.

Đoàn Thanh niên trong những năm 1961-1965 trưởng thành rất nhanh chóng cả về số lượng và chất lượng. Trong năm 1961, Đoàn phát triển được 156 đoàn viên mới. Sang năm 1963, có thêm 208 đoàn viên được kết nạp vào tổ chức Đoàn. Là một lực lượng hậu bị của Đảng, Đoàn Thanh niên huyện đã phát huy được vai trò xung kích trong mọi công tác, nhất là trong phong trào làm phân, làm thủy lợi, cũng như phong trào thi đua cải tiến nông cụ, phong trào diệt dốt, v.v... Trong năm 1963, Đoàn Thanh niên làm được 1.830 tấn phân. Chi đoàn thanh niên Đông Đức (xã Động Đạt) xây được một lò vôi 12 tấn. Thanh niên xã Yên Đỗ, Yên Trạch cũng làm được 4 lò vôi nhỏ, 121 cây cải tiến, 47 loóng kéo, 194 cào, bừa cỏ Nghệ An. Thanh niên xã Túc Tranh làm được 124 bừa cỏ cải tiến, trồng 19.662 cây các loại... Trong các phong trào đó, nhiều điển hình tiên tiến trong thanh niên xuất hiện, có

tác dụng tốt trong các giới, các ngành; điển hình là anh Triệu Phú An (Yên Ninh) trồng được 535 cây các loại.

Hội Phụ nữ có vai trò rất to lớn trong việc động viên và tổ chức chị em tích cực đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp, hoàn thành kế hoạch nhà nước. Trong các phong trào làm phân bón ruộng, áp dụng các biện pháp kỹ thuật liên hoàn, chăn nuôi v.v..., phụ nữ là một trong những lực lượng tham gia đông đảo và hăng hái nhất. Trên các mặt hoạt động văn hoá, xã hội, chị em phụ nữ cũng đều tham gia tích cực và phát huy nhiều tác dụng tốt. Nhiều nữ kiện tướng xuất hiện trên mặt trận kinh tế: Kiện tướng làm phân, Kiện tướng chăn nuôi, Kiện tướng làm thủy lợi... Có chị làm được 6.000 tấn phân các loại. Có bà chăn nuôi được 8 con lợn trong một năm và bán cho Nhà nước trên 400 kg thịt (Bà Bình, xã Động Đạt).

Tuy nhiên, công tác phụ nữ trong những năm này còn nhiều hạn chế. Tư tưởng coi thường phụ nữ còn tương đối phổ biến trong cán bộ và đảng viên. Ngược lại, trong chị em phụ nữ vẫn chưa khắc phục được tư tưởng tự ti. Do vậy, tỷ lệ phụ nữ trong Đảng bộ và trong các cấp lãnh đạo còn rất thấp.

Từ sau khi học tập Chỉ thị 99 của Trung ương Đảng về công tác phụ nữ, tư tưởng coi thường phụ nữ mới được khắc phục bước đầu. Nhận thức về vai trò, trách nhiệm của chị em phụ nữ đối với mọi mặt đời sống xã hội cũng được nâng lên. Cũng từ đó, chị em phụ nữ huyện Phú



Bác Hồ về thăm Trường Thanh niên lao động xã hội chủ nghĩa
huyện Phú Lương (ngày 31/12/1962).



*Đồng chí Đỗ Mười - Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng
thăm nhân dân xã Túc Tranh (năm 1988).*



Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XIX



Hội thảo Lịch sử Đảng bộ huyện Phú Lương giai đoạn 1955 - 2000.

Lương mới bắt đầu được giao phó một số cương vị lãnh đạo ở cơ sở sản xuất. Tính đến năm 1965, toàn huyện có 2 phụ nữ làm Chủ nhiệm hợp tác xã nông nghiệp, 75 phụ nữ trong Ban Quản trị, 45 phụ nữ làm Đội trưởng, Đội phó sản xuất...

Xuất phát từ đặc điểm tình hình ở một huyện miền núi, có 2 xã thuộc vùng xung yếu (Yên Trạch và Yên Ninh), Đảng bộ đặc biệt coi trọng công tác xây dựng và củng cố lực lượng dân quân, tự vệ, bảo vệ trật tự trị an. Tính đến cuối năm 1961, lực lượng dân quân, tự vệ chiếm 8,3% tổng dân số toàn huyện. Cùng thời gian này, công tác huấn luyện quân sự cho lực lượng dân quân đạt tỷ lệ 42%. Việc thông tin truyền lệnh báo động từ trên xuống dưới và từ dưới lên trên cũng được tổ chức thực hiện.

Trong phong trào thi đua “Ba nhất”⁽¹⁾, từ năm 1963, lực lượng dân quân, tự vệ huyện Phú Lương đã phấn đấu hoàn thành nhiệm vụ huấn luyện và trị an tác chiến do Tỉnh đội và Huyện uỷ giao phó. Được sự chỉ đạo trực tiếp của cấp uỷ, công tác củng cố tổ chức lực lượng dân quân, tự vệ được thực hiện có kết quả. Đội ngũ dân quân, tự vệ được sàng lọc, loại bỏ những người không đủ tiêu chuẩn về chính trị; đồng thời kết nạp những thanh niên có đủ sức khoẻ và có phẩm chất tốt. Các cán bộ Xã đội, trung đội, tiểu đội dân quân, tự vệ phần lớn là đảng viên, đoàn viên và quân nhân phục viên. Tất cả các thôn xóm trong các xã

⁽¹⁾ Ba nhất: Nhanh nhất, Nhiều nhất, Giỏi nhất.

đều có lực lượng dân quân. Các cơ quan, xí nghiệp, nông trường... đều có tự vệ. Trong năm 1963, huyện cho thành lập một tiểu đoàn tự vệ ở Nông trường Lê Hồng Phong, Mỏ than Khánh Hoà và ở Xưởng gạch Tân Long. Cùng thời gian này, các trung đội tăng cường của huyện được củng cố về tổ chức và trang bị vũ khí, đồng thời giáo dục chính trị cho 2.498 dân quân, tự vệ. Hợp tác xã Môn Bình được chọn làm điểm chỉ đạo xây dựng “Trung đội cờ đỏ” để rút kinh nghiệm cho công tác xây dựng “Trung đội cờ đỏ” trong toàn huyện.

Nhờ sự chỉ đạo chặt chẽ của các cấp uỷ trong Đảng bộ, từ năm 1963 trở đi, phong trào dân quân, tự vệ của huyện Phú Lương vẫn giữ vững loại khá của tỉnh.

Từ cuối năm 1964, do bị thất bại nặng nề trên chiến trường miền Nam Việt Nam, đế quốc Mỹ bắt đầu cho máy bay ném bom bắn phá miền Bắc. Tình hình chính trị, xã hội trên địa bàn Phú Lương có những biểu hiện phức tạp. Những hoạt động do thám của máy bay Mỹ cũng xuất hiện trên bầu trời Phú Lương.

Trước tình hình đó, Huyện uỷ tập trung lãnh đạo công tác quốc phòng, bảo vệ trật tự trị an. Cùng với việc phát triển số lượng đảng viên trong lực lượng dân quân, tự vệ (năm 1964 có 205 đảng viên và đến năm 1965 có 288 đảng viên tham gia), Huyện uỷ coi trọng công tác giáo dục chính trị, làm cho nhận thức tư tưởng trong toàn Đảng bộ, toàn quân và toàn dân có sự chuyển biến kịp với tình hình từ thời bình chuyển sang thời chiến. Ý thức cảnh giác

sẵn sàng chiến đấu được đề cao. Một số vụ việc, như trộm cắp, cờ bạc, đốt nhà... được kịp thời khám phá và giải quyết tốt. Một số phần tử tệ nạn được cho đi cải tạo tập trung.

Tóm lại, trải qua 10 năm kể từ sau ngày hoà bình lập lại trên miền Bắc, dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ, nhân dân các dân tộc huyện Phú Lương đã hoàn thành nhiệm vụ khôi phục và phát triển kinh tế, văn hoá; thực hiện kết quả công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa. Trên cơ sở đó, các cấp Đảng bộ và chính quyền đẩy mạnh phong trào thi đua hoàn thành vượt mức kế hoạch 5 năm lần thứ nhất (1961-1965).

Trong quá trình 10 năm thực hiện những nhiệm vụ của cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa, bộ mặt kinh tế-xã hội của huyện Phú Lương có nhiều chuyển biến rất sâu sắc. Đời sống vật chất và văn hoá tinh thần của nhân dân các dân tộc huyện Phú Lương được nâng lên rõ rệt. Sự đoàn kết nhất trí trong Đảng bộ và trong nhân dân các dân tộc ngày càng được phát huy. Bên cạnh đó, sự lãnh đạo của Đảng bộ trên một số mặt công tác vẫn còn nhiều hạn chế, nổi lên là phong trào hợp tác hoá nông nghiệp chưa được củng cố vững chắc.

Phát huy thành tích, ưu điểm, đồng thời khắc phục những mặt hạn chế, yếu kém, Đảng bộ Phú Lương tiếp tục lãnh đạo nhân dân các dân tộc trong huyện bước vào thời kỳ mới-thời kỳ vừa sản xuất, vừa trực tiếp chiến đấu chống chiến tranh phá hoại do đế quốc Mỹ gây ra.

Chương II

VỪA SẢN XUẤT, VỪA CHIẾN ĐẤU CHỐNG CHIẾN TRANH PHÁ HOẠI, TÍCH CỰC CHI VIÊN CHIẾN TRƯỜNG (1965 – 4/1975)

I- TÌNH HÌNH VÀ NHIỆM VỤ CÁCH MẠNG TRONG GIAI ĐOẠN MỚI

Từ cuối năm 1964, đầu năm 1965, quân và dân ta ở miền Nam liên tiếp giành được nhiều thắng lợi, đỉnh cao là chiến thắng Bình Giã (Bà Rịa). Chiến lược “chiến tranh đặc biệt” của Mỹ-ngụy về cơ bản đã bị thất bại. Trước tình thế nguy khốn đó, đế quốc Mỹ ồ ạt đưa quân viễn chinh, quân chư hầu vào trực tiếp tham chiến ở miền Nam Việt Nam, đẩy cuộc chiến tranh xâm lược sang giai đoạn chiến lược “chiến tranh cục bộ”. Thông qua chiến lược này, đế quốc Mỹ hy vọng tạo ra ưu thế binh lực và hỏa lực để trong thời gian ngắn có thể cứu vãn sự tan rã và sụp đổ của ngụy quân, ngụy quyền miền Nam.

Cùng với việc đưa quân đội viễn chinh vào miền Nam trực tiếp tham chiến, từ đầu tháng 2/1965, đế quốc Mỹ chính thức phát động cuộc chiến tranh phá hoại miền Bắc nước ta bằng không quân và hải quân với quy mô ngày càng lớn, mức độ ngày càng ác liệt.

Phú Lương là một huyện miền núi và trung du nằm ở vị trí trung tâm của tỉnh Thái Nguyên (một tỉnh có Khu công nghiệp gang thép - con chim đầu đàn của Ngành Luyện kim nước ta lúc bấy giờ; có nhiều công trình kinh tế, quốc phòng quan trọng của Trung ương; đồng thời là Thủ phủ - Trung tâm chính trị, kinh tế, quân sự và văn hoá-xã hội - của Khu Tự trị Việt Bắc). Phú Lương có Mỏ than Phấn Mễ (nguồn nguyên liệu chủ yếu cung cấp cho Khu gang thép Thái Nguyên), có Quốc lộ số 3 chạy dọc từ Nam lên Bắc huyện, nối thủ đô Hà Nội, thành phố Thái Nguyên với các tỉnh Bắc Kạn, Cao Bằng lên vùng biên giới Việt- Trung. Từ năm 1965, để đối phó với cuộc chiến tranh phá hoại bằng không quân của đế quốc Mỹ, nhiều cơ sở kinh tế, văn hoá-xã hội, nhiều cơ quan, trường học, bệnh viện... của Trung ương, Khu và tỉnh đã sơ tán đến ở và làm việc tại huyện Phú Lương.

Nhận rõ vị trí có ý nghĩa chiến lược quan trọng của huyện Phú Lương, năm 1964, đế quốc Mỹ đã huy động 25 lần tốp máy bay vào hoạt động trinh sát trên vùng trời của huyện. Đặc biệt, từ đầu năm 1965, hoạt động trinh sát của máy bay Mỹ trên vùng trời huyện Phú Lương ngày càng tăng.

Để chủ động đối phó với cuộc chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ, quán triệt Chỉ thị ngày 30/7/1964 của Tỉnh uỷ Thái Nguyên và Quyết định tháng 1/1965 của Hội đồng Quốc phòng, Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Phú Lương lần thứ IX (khai mạc từ ngày 9/2/1965 với sự tham dự của 80 đại biểu chính thức và 8 đại biểu dự khuyết thay mặt cho 897 đảng viên trong toàn Đảng bộ) đã ra Nghị quyết chỉ rõ nội dung, phương hướng và nhiệm vụ lãnh đạo của Đảng bộ năm 1965 và các năm tiếp theo là “Đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp toàn diện mạnh mẽ và vững chắc. Lấy phương châm thâm canh tăng năng suất, tăng vụ cho lúa là chủ yếu. Bên cạnh sản xuất lương thực cần phải coi trọng sản xuất mầu và các loại cây công nghiệp. Riêng về lúa lấy tăng diện tích là chính. Năm 1965 diện tích cấy lúa phải đảm bảo 14.022 mẫu, trồng mầu: 4.960 mẫu, trồng cây công nghiệp: 1.223 mẫu. Tổng sản lượng lương thực qui ra thóc phải đạt 16.194 tấn, đảm bảo bình quân lương thực đầu người 566 kg một năm. Chăn nuôi đàn trâu, bò phải đạt 10.772 con (tăng 14,4% so với năm 1964), đàn lợn phải đạt 17.735 con (tăng 6,03% so với năm 1964)”.

Đối với nhiệm vụ quân sự và đảm bảo trật tự trị an, Nghị quyết nhấn mạnh “Phải tăng cường sự lãnh đạo của Đảng bộ đối với việc xây dựng lực lượng dân quân, tự vệ và lực lượng hậu bị ở địa phương vững mạnh. Kiện toàn bộ máy lãnh đạo, chỉ huy dân quân, tự vệ các cấp thật sự

là những người trung thành với Đảng, với cách mạng, với nhân dân. Cán bộ, đảng viên ở tuổi nghỉ hưu phải tham gia lực lượng dân quân, tự vệ; đảng viên phải chiếm đa số trong các cấp lãnh đạo, chỉ huy lực lượng vũ trang địa phương.

Phải chấn chỉnh và củng cố bộ máy Công an các xã, phát động quần chúng nhân dân cùng làm tốt công tác bảo vệ trật tự, trị an, phòng chống gián điệp, biệt kích; trấn áp kịp thời các phần tử phản động và các phần tử tham ô”.

Đại hội đã bầu Ban Chấp hành Đảng bộ khoá IX gồm 17 uỷ viên chính thức và 2 uỷ viên dự khuyết. Ban Thường vụ gồm 5 đồng chí, do các đồng chí Trương Văn Thiết làm Bí thư và Phan Văn Tĩnh (Chủ tịch Uỷ ban hành chính huyện) làm Phó Bí thư.

Sau Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ IX, Ban Thường vụ Huyện uỷ tập trung chỉ đạo Đảng bộ xã Túc Tranh thi điểm tổ chức học tập, quán triệt Nghị quyết 11 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng⁽¹⁾ để rút kinh nghiệm lãnh đạo, chỉ đạo ra toàn Đảng bộ. Nhờ có sự chỉ đạo chặt chẽ của Ban Thường vụ Huyện uỷ, 100% các tổ chức cơ sở Đảng trong Đảng bộ, 87,5% đảng viên nông thôn, 92%

(1) Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần thứ 11 họp từ ngày 25 đến ngày 27/3/1965 ra Nghị quyết nêu rõ: Cả nước có chiến tranh, miền Bắc là hậu phương lớn, miền Nam là tiền tuyến lớn. Hội nghị quyết định “Động viên quân và dân cả nước phát triển thể chủ động tiến công địch. Nhanh chóng mở rộng bộ đội thường trực, tăng cường sức mạnh quốc phòng...”

đảng viên các cơ quan, đơn vị đã được nghiên cứu, học tập, quán triệt Nghị quyết 11 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng. Chi bộ, Đảng bộ các xã Cổ Lũng, Yên Ninh, Phú Lý là những đơn vị có số đảng viên tham gia học tập Nghị quyết đạt tỷ lệ cao nhất (97,3%); thấp nhất là Đảng bộ xã Yên Lạc (77%), Động Đạt (74%).

Thông qua đợt học tập, quán triệt Nghị quyết 11 của Trung ương Đảng, đội ngũ cán bộ, đảng viên trong Đảng bộ đã nhận thức rõ hơn về thất bại toàn diện của đế quốc Mỹ và tay sai trong chiến lược “chiến tranh đặc biệt”; thấy được nhiệm vụ cơ bản của Đảng bộ, quân và dân huyện Phú Lương là phải góp phần “Tiếp tục xây dựng miền Bắc, kết hợp chặt chẽ xây dựng kinh tế với tăng cường quốc phòng, kiên quyết bảo vệ miền Bắc, đánh thắng cuộc chiến tranh phá hoại và phong toả bằng không quân và hải quân của địch”.

II- GIỮ VỮNG VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ, VĂN HOÁ, TRỰC TIẾP CHIẾN ĐẤU, PHỤC VỤ CHIẾN ĐẤU GÓP PHẦN ĐÁNH BẠI CUỘC CHIẾN TRANH PHÁ HOẠI LẦN THỨ NHẤT CỦA ĐẾ QUỐC MỸ (1965-3/1968)

Thực hiện Nghị quyết 11 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ IX, từ mùa hè năm 1965, toàn bộ hoạt động lãnh đạo

của Đảng bộ huyện Phú Lương đã chuyển từ thời bình sang thời chiến.

Huyện uỷ xác định lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng và củng cố các tổ chức cơ sở Đảng vững mạnh là một biện pháp cơ bản để thực hiện thắng lợi Nghị quyết 11 của Trung ương Đảng và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ IX.

Từ kết quả phân loại tổ chức cơ sở đảng năm 1964, Huyện uỷ tập trung lãnh đạo củng cố các chi bộ, đảng bộ cơ sở yếu, kém. Huyện uỷ cử một đoàn cán bộ gồm đại diện các Ban Tổ chức, Tuyên huấn, Kiểm tra Huyện uỷ, Huyện Đoàn Thanh niên, Huyện Hội Phụ nữ và Ban chỉ huy Huyện đội, do đồng chí Lý Vũ Quang (Huyện uỷ viên, Trưởng Công an huyện) làm Trưởng đoàn, trực tiếp xuống giúp Chi bộ xã Vô Tranh (tổ chức cơ sở Đảng yếu nhất) lãnh đạo thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước. Đối với xã Động Đạt (một xã có phong trào yếu, nội bộ cán bộ, đảng viên không đoàn kết), Huyện uỷ thành lập một đoàn cán bộ gồm đại diện các cơ quan Huyện đội, Công an, Phòng Hợp tác xã xuống kiểm tra tình hình thực hiện nguyên tắc tập trung, dân chủ của Đảng và chấp hành các chính sách của Nhà nước; phân công đồng chí Hà Quý Vinh (Trưởng ban Kiểm tra Huyện uỷ) xuống trực tiếp làm Bí thư Đảng uỷ thay đồng chí Chu Văn Khôn đi nhận nhiệm vụ khác. Huyện uỷ còn phân công một đồng chí Huyện uỷ viên về làm Bí thư Đảng bộ

xã Sơn Cẩm và một phái viên Huyện uỷ về làm Bí thư Chi bộ xã Yên Lạc.

Nhờ có sự tập trung lãnh đạo sát sao của Huyện uỷ, năm 1965, Đảng bộ xã Sơn Cẩm lãnh đạo xây dựng được 1 hợp tác xã hợp nhất; trong Đảng bộ có thêm 7 đảng viên viết đơn xin vào hợp tác xã. Chi bộ xã Yên Lạc lãnh đạo xây dựng thêm được 3 hợp tác xã mới và có thêm 10 đảng viên xin vào hợp tác xã. Chi bộ xã Túc Tranh lãnh đạo thành lập thêm 2 hợp tác xã mới, củng cố được 8 hợp tác xã cũ. Đảng bộ xã Động Đạt có sự chuyển biến tốt về đoàn kết nội bộ, có tác dụng thúc đẩy mọi mặt hoạt động của xã.

Công tác phát triển đảng viên mới được chú trọng tập trung vào những nơi chưa có, hoặc có ít đảng viên và đồng bào các dân tộc ít người. Năm 1965, Đảng bộ phát triển được 97 đảng viên mới (trong đó có 88 đảng viên khối nông thôn và 9 đảng viên khối cơ quan); xoá được 2 “xóm trắng” (xóm không có đảng viên) là xóm Phú Đô, xã Phú Đô và xóm Bằng Ninh, xã Yên Ninh. Trong số 97 đảng viên mới, có 22 là nữ, 37 là đoàn viên, 59 là người các dân tộc Nùng, Dao, Sán Dìu, Sán Chí. Số đảng viên mới được kết nạp năm 1965 đảm bảo chất lượng tốt, không có trường hợp nào bị khiếu nại hoặc xoá tên⁽¹⁾. Đảng bộ xã Phấn Mễ phát triển được 18 đảng viên mới (cao nhất huyện).

(1) Năm 1964 kết nạp 74 đảng viên thì có 2 bị khiếu nại, 2 phải xoá tên.

Công tác xây dựng và củng cố Đảng trong năm 1965 có nhiều chuyển biến cả về số lượng và chất lượng. Kết quả bình xét, phân loại chất lượng chi bộ và đảng viên năm 1965, Đảng bộ có 15 “Chi bộ 4 tốt” (tăng 3 chi bộ so với năm 1964); 32 chi bộ khá (tăng 4 chi bộ so với năm 1964); 17 chi bộ trung bình (giảm 3 chi bộ so với năm 1964); 390 đảng viên 4 tốt (tăng 10,5% so với năm 1964); 360 đảng viên khá (tăng 11,8% so với năm 1964); 57 đảng viên kém (giảm 1,9% so với năm 1964). Số đảng viên vi phạm khuyết điểm phải xử lý kỷ luật năm 1965 giảm 75% so với năm 1964. Đây là một sự cố gắng rất lớn của Đảng bộ trong công tác giáo dục, rèn luyện đội ngũ đảng viên.

Những cố gắng đó của Đảng bộ đã tạo điều kiện thuận lợi cho việc xây dựng và kiện toàn đội ngũ cán bộ, đặc biệt cán bộ dân tộc thiểu số. 50% cán bộ Dân, Đảng và Chính quyền và 60% cán bộ lãnh đạo từ Phó phòng trở lên là người các dân tộc thiểu số. Điều đó có ý nghĩa rất quan trọng đối với việc vận động, tổ chức nhân dân các dân tộc ít người trong huyện thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước.

Tuy nhiên, trong công tác xây dựng Đảng, Đảng bộ Phú Lương cũng còn nhiều thiếu sót, khuyết điểm:

- Dù số lượng đảng viên kết nạp năm 1965 tăng 31% so với năm 1964, nhưng so với chỉ tiêu Tỉnh uỷ giao chỉ đạt 65%; so với chỉ tiêu Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ IX, chỉ đạt 38,8%. Nguyên nhân của tình trạng này là do

đảng uỷ, chi uỷ xã thiếu quan tâm lãnh đạo thường xuyên; Huyện uỷ thiếu kiểm tra, đôn đốc.

- Công tác giáo dục chính trị, tư tưởng chưa được coi trọng đúng mức.

- Công tác phát triển đảng viên mới chưa mạnh và thiếu thường xuyên.

- Chưa coi trọng thường xuyên công tác xây dựng Chi bộ 4 tốt và đảng viên 4 tốt; sinh hoạt chi bộ, tổ đảng không đều, nội dung sinh hoạt còn chậm được cải tiến.

- Công tác lãnh đạo, chỉ đạo của cấp uỷ Đảng từ huyện xuống cơ sở chưa thật sự sát sao và còn thiếu kiểm tra, đôn đốc thường xuyên.

Trên cơ sở những thành tựu đã đạt được trong công tác xây dựng Đảng và công tác cán bộ, từ năm 1965, Đảng bộ lãnh đạo nhân dân tập trung xây dựng và củng cố hợp tác xã. Cuối năm 1965, toàn huyện có 71,1% số hộ đã vào hợp tác xã nông nghiệp, tăng 17,1% so với năm 1964, nhưng hụt 18,9% so với chỉ tiêu Đại hội Đảng bộ lần thứ IX đề ra. Các xã Động Đạt, Yên Ninh, Yên Lạc vẫn còn nhiều xóm chưa có hợp tác xã. Một số hợp tác xã ở Yên Đổ, Vô Tranh đã được xây dựng và củng cố, nhưng chưa thật vững chắc.

Xuất phát từ tình hình thực tế của địa phương, trong phương hướng xây dựng và phát triển kinh tế, Huyện uỷ tập trung lãnh đạo sản xuất nông, lâm nghiệp. Riêng vụ lúa chiêm xuân 1965, toàn huyện gieo, cấy vượt 14,6% kế

hoạch, tăng 14% so với năm 1964; năng suất thu hoạch bình quân đạt 602 kg một mẫu, vượt 1,4% kế hoạch và tăng 3% so với năm 1964; tổng sản lượng lúa tăng 11,8% kế hoạch, vượt 17% so với năm 1964. Nhờ năng suất và tổng sản lượng lúa chiêm xuân đều tăng, nên việc thực hiện các chính sách thuế, nghĩa vụ, khuyến khích thu mua lương thực, thực phẩm vụ hạ năm 1965 của huyện đều đạt kết quả tốt. Riêng về thực hiện nghĩa vụ thuế nông nghiệp, huyện hoàn thành kế hoạch trước 45 ngày, vượt chỉ tiêu 7,5%; nghĩa vụ thực phẩm thực hiện trong 9 tháng đầu năm đã đạt chỉ tiêu cả năm 1965.

Vụ mùa 1965, Đảng bộ có nhiều cố gắng lãnh đạo, chỉ đạo đẩy mạnh việc dùng phân hoá học, dùng vôi và làm phân xanh bón ruộng để thâm canh, tăng năng suất lúa. Tuy nhiên, do bị hạn hán và sâu phá hoại quá nặng, nên năng suất lúa toàn huyện chỉ đạt bình quân 681kg/mẫu (hạt 129 kg/mẫu so với kế hoạch); tổng sản lượng thóc hạt 335 tấn so với năm 1964 và 13.000 tấn so với kế hoạch. Việc lãnh đạo gieo, trồng rau và các loại cây hoa mầu đều không đạt chỉ tiêu. Diện tích trồng cây công nghiệp tuy tăng 13% so với năm 1964, nhưng so với kế hoạch chỉ đạt 60%.

Kết quả lãnh đạo phát triển chăn nuôi gia súc của Đảng bộ năm 1965 so với kế hoạch đạt 94%, đàn lợn đạt 93%. Các xã Vô Tranh, Tức Tranh, Phú Đô, Yên Lạc đã chú ý chăn nuôi lợn nái sinh sản. Thực hiện chủ trương

của Huyện uỷ, Hợp tác xã Sao Vàng (xã Phấn Mễ) thí điểm tổ chức chăn nuôi lợn tập thể, nhưng kết quả còn hạn chế. Nhìn chung, đàn lợn của huyện chưa đáp ứng được yêu cầu của đời sống nhân dân và phục vụ quốc phòng. Nguyên nhân dẫn đến hạn chế này là do chăn nuôi lợn trên địa bàn vẫn chủ yếu tập trung ở các hộ gia đình, trong đó có tới 60% số hộ gia đình nuôi lợn thả rông, không có chuồng, trại, nên năng suất thấp.

Công tác thuỷ lợi được Đảng bộ đặc biệt coi trọng. Riêng trong năm 1965, huyện đã huy động 282.740 ngày công làm thuỷ lợi, hoàn thành 97% việc đào, đắp công trình thuỷ lợi Khe Dạt (xã Vô Tranh), đảm bảo nước tưới cho 700 mẫu lúa chiêm; đào, đắp hoàn chỉnh 1 hồ rộng 7 mẫu ở xã Phấn Mễ; xây dựng và sửa chữa 23 ao, hồ nhỏ; trang bị cho các hợp tác xã 4 máy bơm; sửa chữa và làm mới hàng trăm đoạn kênh, mương dẫn nước. Hợp tác xã Đồng Chùa (xã Túc Tranh) tích cực, chủ động đắp đập, be bờ giữ nước, đưa diện tích cấy lúa từ 10 mẫu (năm 1964) lên 55 mẫu (năm 1965). Các xã vùng Tứ Yên, Tam Hợp đã chú ý tới việc đắp ao, hồ dự trữ nước chống hạn.

Để phục vụ yêu cầu sản xuất và đời sống, từ năm 1965, Đảng bộ lãnh đạo nhân dân sửa chữa và tu bổ lại hầu hết các đường giao thông liên xóm, liên xã. Tính riêng trong năm 1965, toàn huyện huy động 85.344 ngày công làm đường giao thông, đào, đắp 32.562 m³ đất, đá; xây dựng hoàn chỉnh 27 km đường, đảm bảo xe ô tô đi lại bình thường, 67 km đường xe trâu, bò kéo đi lại được...

Ngoài việc lãnh đạo xây dựng và phát triển kinh tế, năm 1965, Đảng bộ Phú Lương còn lãnh đạo tốt việc đón tiếp và giúp đỡ đồng bào các tỉnh miền xuôi lên xây dựng và phát triển kinh tế miền núi. Đảng bộ huyện xác định “Khả năng phát triển kinh tế và đất đai của huyện Phú Lương có nhiều, nhưng khả năng khai thác, sử dụng của huyện còn hạn chế, thiếu lao động nên không phát triển sản xuất được, kinh tế bị nghèo nàn, lạc hậu. Việc tiếp thu nhân lực để phát triển kinh tế miền núi của huyện Phú Lương giai đoạn này rất phù hợp”. Đến cuối năm 1965, Phú Lương đã tiếp nhận 752 hộ, gồm 3.240 nhân khẩu (có 23 đảng viên) từ các tỉnh Thái Bình và Hưng Yên lên xây dựng và phát triển kinh tế.

Với tinh thần “nhường cơm sẻ áo”, nhân dân các xã trong huyện chia cho đồng bào lên khai hoang trên 280 mẫu ruộng, gần 127 mẫu đất nương, rẫy trồng lúa, 482 mẫu đất trồng sắn và các cây hoa mầu khác. Ngân hàng huyện cho đồng bào khai hoang vay tiền mua được 108 con trâu, 267 con lợn giống. Nhờ đó, đến cuối năm 1965, khoảng 50% số hộ lên khai hoang tạm đủ ăn; một số hộ đã đóng thuế, bán được gà, lợn cho Nhà nước; trên 30% số hộ có mức sống khá. Trong số 150 hộ đồng bào miền xuôi lên xây dựng và phát triển kinh tế ở xã Phấn Mễ có 98% số hộ đã vào hợp tác xã. Trong số những người lên xây dựng và phát triển kinh tế ở Phú Lương, có nhiều người phấn đấu tốt; năm 1965 đã có 2 người được kết nạp vào Đảng.

Nhằm đáp ứng yêu cầu chăm sóc và bảo vệ sức khoẻ nhân dân, Đảng bộ lãnh đạo mở rộng mạng lưới y tế. Toàn huyện xây dựng được 13 trạm xá xã, 5 cửa hàng bán thuốc chữa bệnh. Năm 1965, Bệnh viện huyện và các trạm xá xã đã điều trị được 1.157 lượt bệnh nhân, khám bệnh cho 2.236 lượt người.

Ngành Giáo dục Phú Lương trong những năm 1965-1968 có nhiều bước chuyển biến tốt. Năm học 1965-1966, Trường phổ thông cấp III Phú Lương được thành lập và khai giảng khoá đầu với 126 học sinh. So với năm học 1964-1965, năm học 1965-1966, số học sinh phổ thông các cấp trong huyện tăng từ 4.867 em, lên 5.163 em; số giáo viên tăng từ 153 lên 188 thầy, cô.

Để tổ chức chỉ đạo thực hiện thắng lợi các mục tiêu kinh tế, văn hoá, xã hội, Đảng bộ rất quan tâm đến việc lãnh đạo xây dựng và củng cố bộ máy chính quyền. Huyện uỷ lãnh đạo mở 2 lớp bồi dưỡng nâng cao năng lực công tác cho đại biểu Hội đồng nhân dân huyện và đại biểu Hội đồng nhân dân các xã. Vai trò của chính quyền các cấp trong huyện, đặc biệt là vai trò của chính quyền cấp xã được đề cao, “thể hiện ở các mặt chấp hành chính sách tốt, lập trường, quan điểm vững vàng, dần dần bỏ được tư tưởng hữu khuynh, e dè nể nang. Chính quyền xã Cổ Lũng đã kiên quyết giải quyết tranh chấp về ruộng đất”⁽¹⁾.

(1) B/c tổng kết lãnh đạo của Đảng bộ huyện Phú Lương năm 1965. Ngày 10/3/1966, tr. 25.

Tuy nhiên, “đầu năm 1965, nội bộ chính quyền xã Vô Tranh còn chưa thật sự đoàn kết, thống nhất về ý chí và hành động”; “các xã Phấn Mễ, Vô Tranh, Tức Tranh, Phú Đô, chưa có trụ sở làm việc hoặc có thì nhà gianh, vách nát nên Phòng Tài chính huyện mua cấp cho bàn, ghế không có chỗ kê. Thời gian thường trực của Ủy ban hành chính các xã còn tùy tiện; có xã, có ngày thường trực 2 tiếng đồng hồ vào buổi trưa; có xã lại thường trực từ 14 giờ đến 17 giờ chiều, có ngày lại không có người thường trực”⁽¹⁾.

Theo sự thoả thuận giữa Đảng và Chính phủ hai nước Việt Nam và Trung Quốc, từ giữa năm 1965, Trung Quốc đã cử một số đơn vị quân đội sang giúp nước ta xây dựng, sửa chữa và nâng cấp một số tuyến giao thông quan trọng, trong đó có đoạn Quốc lộ 3 đi qua địa bàn huyện Phú Lương. Trên cơ sở nền đường cũ, các đơn vị bộ đội Trung Quốc đã mở rộng, nâng cấp mặt đường và làm lại cầu trên đoạn đường số 3 từ ngã ba Bờ Đậu lên cầu Ổ Gà..

Theo Chỉ thị của Tỉnh uỷ Bắc Thái⁽²⁾, ngày 28/7/1965, Huyện uỷ Phú Lương quyết định thành lập Tổ Ngoại vụ làm nhiệm vụ giúp Huyện uỷ, Ủy ban hành chính huyện

⁽¹⁾ B/c tổng kết lãnh đạo của Đảng bộ huyện Phú Lương năm 1965. Ngày 10/3/1966, tr. 25.

⁽²⁾ Thực hiện Nghị quyết số 111 NQ/TW của Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng và Nghị quyết số 103-NQ-TVQH ngày 21/4/1965 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, từ ngày 1/7/1965, hai tỉnh Bắc Kạn và Thái Nguyên sáp nhập thành tỉnh Bắc Thái.

lãnh đạo, chỉ đạo công tác phục vụ và bảo vệ trật tự, trị an cho bộ đội Trung Quốc trên công trường làm Quốc lộ 3.

Sau khi kiện toàn tổ chức, xây dựng nền nếp, chế độ làm việc, Tổ Ngoại vụ huyện Phú Lương chỉ đạo Phòng Y tế huyện thành lập các trạm cấp cứu dọc Quốc lộ 3; chỉ đạo Công an huyện đẩy mạnh công tác bảo vệ trật tự, trị an; huy động nhân dân các xã khai thác vật liệu xây dựng, làm giúp bộ đội Trung Quốc 200 nhà ở, nhà bếp và hội trường sinh hoạt. Nhờ đó, cuối năm 1965, khi đến Phú Lương, các đơn vị bộ đội Trung Quốc đã nhanh chóng ổn định chỗ ăn, ở, kịp thời triển khai nhiệm vụ sửa chữa và nâng cấp đường theo đúng kế hoạch.

Giữa lúc Đảng bộ và nhân dân các dân tộc huyện Phú Lương đang ra sức xây dựng và phát triển kinh tế, xã hội, giặc Mỹ huy động lực lượng không quân và hải quân mở rộng chiến tranh phá hoại miền Bắc. Trên địa bàn huyện Phú Lương, trong chín tháng đầu năm 1965, giặc Mỹ đã cho 221 lần tốp máy bay vào trinh sát theo hai hướng Tây - Tây Bắc và Đông - Đông Bắc.

Theo Chỉ thị 01/NC-8/7/1965 của Ủy ban hành chính tỉnh Bắc Thái, Phú Lương nằm trong vùng ở trạng thái phòng thủ có nhiệm vụ phải "... đảm bảo hầm, hố trú ẩn đầy đủ, vững chắc, bảo đảm sản xuất, công tác, sinh hoạt bình thường; tổ chức đón tiếp, giúp đỡ đồng bào sơ tán để đồng bào yên tâm sản xuất"⁽¹⁾.

(1) Chỉ thị về những biện pháp cơ bản của công tác phòng không nhân dân-UBHC tỉnh Bắc Thái-Số 01/NC-8/7/1965, tr. 2.

Thực hiện Chỉ thị của Ủy ban hành chính tỉnh, Phú Lương đã đón tiếp, giúp đỡ cán bộ, giáo viên, công nhân viên chức và học sinh các Trường Thương nghiệp, Bỏ túc công nông, Trung cấp Nông – Lâm của Khu, Nhà trẻ, Nhà mẫu giáo, Bệnh viện Khu, Bệnh viện A, Nhà máy điện Cao Ngạn, Đội bảo vệ Công trường 31 và nhân dân thành phố Thái Nguyên đến sơ tán và làm việc. Do số lượng người sơ tán đến quá đông, nên huyện gặp nhiều khó khăn trong việc cung cấp đảm bảo lương thực, thực phẩm. Đặc biệt, sau ngày máy bay Mỹ ném bom, bắn phá cầu Gia Bầy (17/10/1965) làm 71 người chết tại chỗ, 9 người chết trong các bệnh viện, 67 người bị thương, thì số cơ quan và số người ở thành phố Thái Nguyên sơ tán đến huyện càng đông hơn. Cũng do vậy, việc cung cấp lương thực, thực phẩm của huyện lại càng gặp khó khăn gay gắt hơn. Trước tình hình đó, để tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của Huyện ủy, Ủy ban hành chính huyện đối với công tác sơ tán phòng không, ngày 15/11/1965, Huyện ủy quyết định thành lập Ban sơ tán phòng không huyện, do đồng chí Phan Văn Tĩnh (Phó Bí thư, Chủ tịch Ủy ban hành chính huyện) làm Trưởng ban; các đồng chí Nguyễn Xuân Oanh (ủy viên Thư ký Ủy ban hành chính huyện) và Nguyễn Văn cử (Trưởng Công an huyện) làm Phó ban.

Dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Ban sơ tán phòng không, các khó khăn gay gắt của huyện trong việc cung cấp lương thực, thực phẩm cho những người đến sơ tán từng bước được khắc phục.

Thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ IX, năm 1965, Huyện uỷ đã lãnh đạo đưa 288 đảng viên vào lực lượng dân quân, tự vệ (tăng 40,5% so với năm 1964). Cán bộ, chiến sĩ dân quân, tự vệ Phú Lương tham gia 45.000 ngày công, đào, đắp được 3.000 mét hào giao thông; xây dựng 12 công sự, trận địa bắn máy bay địch và cùng với nhân dân đào hàng ngàn hầm, hố phòng không. Đảng bộ, nhân dân và lực lượng vũ trang Phú Lương trong tư thế sẵn sàng đối phó với cuộc chiến tranh phá hoại bằng không quân của đế quốc Mỹ.

Ngày 20/10/1965, giặc Mỹ huy động 4 tốp, gồm 16 máy bay F4 và F105 ném 46 quả bom phá xuống cầu Ổ Gà. Tiếp theo, 11 giờ 30 phút ngày 31/10/1965, máy bay địch ném 6 quả bom phá xuống khu vực núi Phấn, đánh dấu thời kỳ Đảng bộ, nhân dân và lực lượng vũ trang huyện Phú Lương trực tiếp đối mặt với bom, đạn Mỹ để giữ vững và phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội, đóng góp sức người, sức của chi viện chiến trường. Ngay ngày đầu tiên máy bay Mỹ đánh phá cầu Ổ Gà (20/10/1965), Trung đội dân quân xã Yên Ninh cùng với dân quân, tự vệ các xã, thị trấn Yên Định, Chợ Mới (huyện Bạch Thông), Phúc Chu, Chợ Chu (huyện Định Hoá) nổ súng đánh trả kịp thời, bắn bị thương một máy bay địch.

Đầu năm 1966, quán triệt sâu sắc Nghị quyết của Tỉnh uỷ: "... phải tăng cường chuẩn bị để đối phó với chiến

tranh phá hoại bằng không quân của đế quốc Mỹ với qui mô ngày càng lớn và tính chất ngày càng ác liệt hơn. Tích cực củng cố căn cứ địa, chuẩn bị trận địa, sẵn sàng đánh thắng chiến tranh phá hoại của địch trong mọi tình huống”⁽¹⁾, để đảm bảo công sự, trận địa cho bộ đội tên lửa cơ động lên chiến đấu trên địa bàn huyện, chỉ trong 20 ngày cuối tháng 2, đầu tháng 3/1966, Ban chỉ huy Huyện đội đã huy động 14.360 ngày công của dân quân, tự vệ và nhiều phương tiện san ủi đào, đắp hàng ngàn mét khối đất, đá; xây dựng hoàn chỉnh trận địa tên lửa xã Vô Tranh. Từ giữa tháng 3/1966, các đơn vị bộ đội tên lửa của Quân chủng Phòng không – Không quân cơ động lên Phú Lương đã có trận địa để triển khai chiến đấu.

Đầu tháng 3/1966, sau khi nhận được điện của Ban chỉ huy Tỉnh đội “Phải đề phòng địch không trình sát trước mà bất ngờ đánh phá ngay vào Khu công nghiệp Thái Nguyên và các trận địa phòng không, các trọng điểm giao thông trên các Quốc lộ 3 và 1B; phải đề phòng địch đánh sáng sớm và chiều tối. Các đơn vị trực chiến của dân quân, tự vệ phải thường trực sẵn sàng chiến đấu”, Huyện uỷ, Uỷ ban hành chính huyện và Ban chỉ huy Huyện đội tổ chức kiểm tra công tác phòng không sơ tán ở các trọng điểm giao thông trên Quốc lộ 3.

Ngày 23/4/1966, địch cho 12 chiếc máy bay trình sát vũ trang chia làm nhiều tầng, nhiều hướng vào trình sát

⁽¹⁾ Nghị quyết của Tỉnh uỷ Bắc Thái ngày 7-2-1966

huyện Phú Lương và các huyện Định Hoá, Võ Nhai, Đồng Hỷ, Đại Từ, thành phố Thái Nguyên. Các lực lượng phòng không bảo vệ Thái Nguyên đã nổ súng kịp thời, bắn rơi tại chỗ 2 chiếc, tiêu diệt giặc lái.

Chiều 29/4/1966, giặc Mỹ huy động 15 máy bay ô ạt vào ném bom, bắn phá ác liệt Khu gang thép Thái Nguyên và Nhà máy điện Cao Ngạn. Với tinh thần cảnh giác, sẵn sàng chiến đấu cao, nhân dân và lực lượng vũ trang Thái Nguyên phối hợp với các lực lượng phòng không của Bộ và Quân khu chiến đấu kiên cường, dũng cảm, bắn rơi tại chỗ 2 máy bay Mỹ. Trong đó, chiếc máy bay F105D (chiếc máy bay thứ 1.000 bị bắn rơi trên miền Bắc) bị trúng đạn pháo cao xạ 100 mm của Đại đội 101 (thuộc Trung đoàn 210 ở trận địa Gia Sàng, thành phố Thái Nguyên), bùng cháy như một bó đuốc lớn lao xuống cánh đồng xóm Xâm Găng, xã Tức Tranh, huyện Phú Lương.

Phát hiện máy bay Mỹ bị bắn rơi ở gần, Ban giám thị Trại giam Phú Sơn lập tức cử một tổ cảnh sát, đem theo chó nghiệp vụ, đến cùng với dân quân và nhân dân xã Tức Tranh bảo vệ hiện trường và lùng bắt giặc lái.

Ngày 22/6/1966, ngay sau khi máy bay Mỹ ném 12 quả bom phá, 1 quả bom bi mẹ xuống xã Vô Tranh (nơi Bệnh viện A của tỉnh sơ tán), làm chết 14 người (trong đó có 8 bệnh nhân và người nhà bệnh nhân), đồng chí Nông Văn Minh (ủy viên Ban Thường vụ Huyện ủy, Phó Chủ tịch Ủy ban hành chính huyện) cùng các đồng chí lãnh

đạo Công an huyện và Huyện đội đã có mặt tại hiện trường, chỉ đạo cấp uỷ Đảng và chính quyền xã giải quyết hậu quả, ổn định tư tưởng nhân dân, đôn đốc sửa chữa hầm, hào và củng cố các đội cấp cứu, tải thương... Các đồng chí trong Ban Giám đốc và cán bộ Phòng Y vụ Bệnh viện A kịp thời có mặt tại Khoa Ngoại, chỉ đạo các bác sỹ, y sỹ cùng một số sinh viên Trường Đại học Quân y đang thực tập ở đây tổ chức cấp cứu những người bị nạn.

Sự lãnh đạo, chỉ đạo kịp thời của Huyện uỷ, Uỷ ban hành chính và các cơ quan chức năng của huyện đã giúp cấp uỷ và chính quyền xã Vô Tranh nhanh chóng giải quyết hậu quả, ổn định tư tưởng và đời sống nhân dân.

Trước tình hình giặc Mỹ ngày càng mở rộng chiến tranh trên cả hai miền Nam, Bắc, ngày 17/7/1966, Chủ tịch Hồ Chí Minh ra lời kêu gọi chống Mỹ, cứu nước: “Chiến tranh có thể kéo dài 5 năm, 10 năm, 20 năm hoặc lâu hơn nữa. Hà Nội, Hải Phòng và một số thành phố, xí nghiệp có thể bị tàn phá, song nhân dân Việt Nam quyết không sợ! Không có gì quý hơn độc lập, tự do, đến ngày thắng lợi, nhân dân ta sẽ xây dựng lại đất nước đàng hoàng hơn, to đẹp hơn”.

Hưởng ứng lời kêu gọi của Hồ Chủ tịch, Đảng bộ lãnh đạo nhân dân và lực lượng vũ trang Phú Lương làm tốt công tác chiến đấu và phục vụ chiến đấu, góp phần đánh bại các cuộc ném bom, bắn phá của máy bay địch xuống địa bàn huyện.

Ngày 20/7/1966, từ trận địa tên lửa ở xã Vô Tranh, Tiểu đoàn 72 (thuộc Trung đoàn 285 bộ đội tên lửa) bắn một máy bay trinh sát điện tử EB66 của giặc Mỹ rơi xuống xã Mỹ Phương (huyện Chợ Rã, nay là huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn). Đây là chiếc máy bay trinh sát điện tử E.B66 đầu tiên của giặc Mỹ bị lực lượng phòng không của ta bắn rơi tại chỗ. Đảng bộ, nhân dân và lực lượng vũ trang Phú Lương tự hào vì đã có sự đóng góp của mình vào chiến công có ý nghĩa lịch sử quan trọng đó.

Phát hiện được vị trí hiểm yếu của trận địa tên lửa ở xã Vô Tranh, ngay ngày hôm sau (21/7/1966), máy bay Mỹ đã phóng nhiều loạt đạn tên lửa và rốc két xuống làm cháy trận địa. Ngọn lửa lan nhanh đến các khu vực để đạn tên lửa và triển khai khí tài chiến đấu. Tiểu đội nữ dân quân xã Vô Tranh do Tiểu đội trưởng Lèng Thị Côn chỉ huy đã nhanh chóng lao vào dập tắt ngọn lửa, bảo vệ an toàn đạn tên lửa và máy móc, khí tài chiến đấu. Hành động dũng cảm của cán bộ, chiến sĩ Tiểu đội nữ dân quân xã Vô Tranh đã được Đảng và Chính phủ tặng thưởng Huân chương Chiến công hạng Hai.

Ngày 7/8/1966, lực lượng phòng không bảo vệ thành phố Thái Nguyên bắn một máy bay Mỹ rơi xuống xã Túc Tranh. Tên giặc lái máy bay Mỹ vừa nhảy dù xuống xã Phú Đô, đã bị quân và dân trong xã bao vây, bắt sống.

Trước tình hình máy bay Mỹ ném bom xuống các xã Phú Đô, Yên Ninh, Sơn Cẩm và bắn rốc két xuống xã

Động Đạt, làm chết 3 người, bị thương 9 người (trong các ngày 7, 20 và 28/9/1966), để giảm xuống mức thấp nhất những tổn thất về người và của, thực hiện Chỉ thị 27 của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ, tháng 10/1966, Huyện uỷ Phú Lương tập trung lãnh đạo “Đẩy mạnh công tác phòng không nhân dân”, phát động nhân dân tu sửa và làm thêm hầm, hào phòng tránh. Chỉ sau một tháng, toàn huyện đã làm mới, sửa chữa được 9.528 hầm tập thể, 670 mét giao thông hào (trong đó có 3.765 hầm và 123 mét giao thông hào có nắp), hàng chục nghìn hố phòng tránh cá nhân ở dọc các tuyến giao thông và những nơi công cộng.

Nhờ có hệ thống hầm, hào phòng tránh được củng cố, tu sửa, nên ngày 4/11/1966, máy bay Mỹ ném tới 30 quả bom phá, 2 quả bom bi mẹ xuống các xóm Khe Nác, Phố Trào, Đồng Tiến (thuộc xã Yên Đổ), cũng chỉ làm 4 người bị thương nhẹ. Một quả bom Mỹ rơi trúng Quốc lộ số 3 làm thành một hố sâu 5 mét, đường kính 6 mét. Để đảm bảo giao thông thông suốt, Huyện uỷ, Uỷ ban hành chính huyện huy động nhân dân và lực lượng dân quân, tự vệ các xã và cơ quan trong huyện ra san, lấp hố bom. Chỉ sau 4 giờ, mặt đường đã được sửa chữa, đảm bảo cho xe ô tô qua, lại bình thường.

Ngày 22/11/1966, một tiểu đoàn tên lửa bảo vệ thành phố Thái Nguyên phóng 1 quả đạn trúng đội hình máy bay địch, làm 1 chiếc F4H bùng cháy, rơi xuống xã Phú Đô. Hai tên giặc lái máy bay Mỹ nhảy dù xuống khu vực

Bến Giềng (xã Sơn Cẩm), bị lực lượng dân quân xã Sơn Cẩm phối hợp với cán bộ, chiến sĩ tự vệ Nhà máy mì sợi Bắc Hải tổ chức bao vây, bắt sống một tên (tại cổng Nhà máy mì sợi) và tiêu diệt một tên (tại sườn núi Eo Leặng).

Năm 1966, trên địa bàn huyện Phú Lương, máy bay Mỹ đánh phá 18 trận, ném xuống 99 quả bom phá, 10 quả bom bi mẹ và bắn nhiều loạt đạn rốc két, tên lửa, làm 33 người bị chết, 42 người bị thương; nhiều nhà cửa bị đổ, sập; nhiều trâu, bò bị chết; thiệt hại về tài sản trị giá trên 13.250 đồng. Đảng bộ Phú Lương lãnh đạo nhân dân và các lực lượng vũ trang địa phương kiên cường, dũng cảm chiến đấu và phục vụ chiến đấu, giữ vững mạch máu giao thông, góp phần đưa số máy bay Mỹ bị bắn rơi trên vùng trời Bắc Thái năm 1966 lên 38 chiếc.

Cùng với nhiệm vụ lãnh đạo chiến đấu và phục vụ chiến đấu chống chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ, Đảng bộ lãnh đạo nhân dân giữ vững sản xuất, phát triển văn hoá, giáo dục, y tế, ổn định đời sống, đóng góp sức người, sức của chi viện tiền tuyến.

Ngay từ đầu năm 1966, Huyện uỷ ra Nghị quyết “Đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp, công nghiệp, bảo đảm các nhu cầu thiết yếu của đời sống, bồi dưỡng sức dân để sản xuất và chiến đấu lâu dài. Ra sức động viên mọi lực lượng, phát huy mọi khả năng, đảm bảo mọi yêu cầu chiến tranh để đánh thắng giặc Mỹ xâm lược”.

Thực hiện Nghị quyết của Huyện uỷ, Ngân hàng huyện đã cho các hợp tác xã vay tiền để mua phân bón và

sức kéo; Ủy ban hành chính huyện chỉ đạo Hợp tác xã Hồng Lê (xã Động Đạt) thí điểm thâm canh tăng năng suất lúa và hoa màu để chỉ đạo nhân rộng ra 10 hợp tác xã ở 7 xã trong huyện. Vụ chiêm xuân năm 1966, toàn huyện cấy được 13.986,8 mẫu lúa (tăng 2,1% so với vụ chiêm xuân năm 1965 và tăng 0,7% so với kế hoạch); trồng mầu được 3.843 mẫu (tăng 21,7% so với năm 1965) và trồng cây công nghiệp được 848 mẫu (tăng 14,8% so với năm 1965). Tuy diện tích lúa, mầu và cây công nghiệp đều tăng so với vụ chiêm xuân năm 1965, nhưng do thời tiết diễn biến phức tạp, rét đậm kéo dài; hạn hán và sâu bệnh nặng, nên so với năm 1965, năng suất lúa chiêm xuân giảm 30,5%; tổng sản lượng lúa và hoa màu qui ra thóc giảm 330,7 tấn và hạt 676,5 tấn so với kế hoạch.

Nhằm khắc phục tình trạng trên, Huyện uỷ chủ trương “Tập trung lực lượng để phấn đấu đưa năng suất lúa mùa năm 1966 phải đạt được từ 42 tạ đến 50 tạ một héc ta; đi đôi với phát triển lương thực phải đẩy mạnh sản xuất hoa mầu, cây công nghiệp và chăn nuôi để nâng cao đời sống nhân dân và dành phần cung cấp cho Nhà nước có đủ khả năng đánh thắng giặc Mỹ xâm lược”⁽¹⁾.

Thực hiện chủ trương của Huyện uỷ, Phòng Nông nghiệp huyện hướng dẫn các xã đưa các giống lúa mới (Mộc tuyền, Khê nam lùn, Chiêm ba lá) vào cấy thí điểm trên diện tích 36,8 mẫu; các hợp tác xã xây dựng được 36

⁽¹⁾ Báo cáo sơ kết vụ mùa năm 1966 của huyện Phú Lương, tr. 1.

đội thủy lợi, huy động 195.632 ngày công; đào, đắp 152.537 m³ đất, đá; làm được 106 hồ, ao, 167 mương, máng, 66 phai, đập... đảm bảo đủ nước tưới cho 4.717 mẫu lúa. Thanh niên xã Yên Ninh và Hợp tác xã Cây Châm (xã Động Đạt) xung kích áp dụng các biện pháp kỹ thuật (ngâm thóc giống 3 sôi, 2 lạnh), nhận cấy và chăm sóc ruộng thí điểm cấy giống lúa mới, thu hoạch đạt năng suất 1.300 kg một mẫu. Đặc biệt, Hợp tác xã Tràng Học (xã Phấn Mễ) đạt năng suất 1.840 kg một mẫu trên ruộng thí điểm.

Vụ mùa 1966, năng suất lúa bình quân toàn huyện đạt 693 kg một mẫu; tổng sản lượng lúa, màu, cây công nghiệp tăng 1,7% so với năm 1965. Tổng sản lượng lúa cả năm 1966 đạt 87,7% kế hoạch. So với năm 1965, tổng sản lượng lúa giảm 22%; tổng sản lượng màu tăng 67%.

Từ năm 1966, Huyện uỷ lãnh đạo xây dựng 4 cơ sở chăn nuôi tập thể (dê ở Phủ Lí, trâu ở Yên Lạc, lợn ở Yên Trạch và Phấn Mễ). Dù chưa có kinh nghiệm chăn nuôi tập trung, nhưng kết quả chăn nuôi năm 1966 vẫn đạt khá hơn năm trước. So với năm 1965, đàn trâu, bò tăng 2,5%, đàn lợn nái tăng 1%.

Nhờ sản xuất lương thực, thực phẩm của huyện được giữ vững và có mặt phát triển, nên năm 1966, Phú Lương đã đóng góp cho Nhà nước 2.107.334 kg lương thực (qui ra thóc); 109.175 kg lợn hơi (vượt 9% so với kế hoạch);

165 con trâu (vượt 25% so với kế hoạch); 1.133 kg gà, vịt; 38.675 kg đường phên. Ngoài ra, nhân dân Phú Lương còn bán cho Nhà nước vượt chỉ tiêu 3,6% chè búp, 9,7% thuốc lá.

Tuy chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ diễn ra trên địa bàn huyện ngày càng ác liệt, nhưng các hoạt động văn hoá, giáo dục, y tế vẫn được đẩy mạnh. Các xã đã xây dựng được 7 đội văn nghệ, 38 tủ sách (tăng 38,65% so với năm 1965). Các xã Cổ Lũng, Yên Ninh, Yên Lạc, Yên Đỗ, Động Đạt, Sơn Cẩm, Yên Trạch đều thành lập Ban Thể dục – Thể thao; riêng xã Động Đạt đã có 4 đội thể dục-thể thao, thu hút 40 người tham gia. 13 trên 14 xã trong huyện đã xây dựng được trạm xá xã.

Ngành Giáo dục có những bước phát triển nhanh chóng. So với năm học 1965-1966, trong năm học 1966 – 1967, số học sinh cấp I tăng 13,1%; cấp II tăng 24% và cấp III tăng 34%; số lớp cấp I tăng 13,8%, cấp II tăng 12%; số giáo viên cấp I tăng 18%, cấp II tăng 17% và cấp III tăng 2,2%. Toàn huyện có 14 trường cấp I (mỗi xã có 1 trường), với 137 lớp, 4.360 học sinh; 5 trường cấp II với 32 lớp, 1.240 học sinh; 1 trường cấp III, với 4 lớp (2 lớp 8, 1 lớp 9, 1 lớp 10) và 192 học sinh; ngoài ra, còn có 82 lớp vỡ lòng, với 2.884 học sinh.

Đầu năm 1966, Huyện uỷ tổ chức Hội nghị tổng kết 10 năm xây dựng lực lượng vũ trang địa phương (1955-

1965) và tổ chức học tập quán triệt Nghị quyết của Quân uỷ Trung ương về nhiệm vụ công tác quân sự trong tình hình mới cho 86 đại biểu là Bí thư, Chủ tịch, Trưởng Công an, Xã đội trưởng, Chính trị viên Xã đội và cán bộ Tuyên huấn các xã; lãnh đạo và thủ trưởng các ban, ngành, đoàn thể của huyện. Tiếp đó, các xã, cơ quan, đơn vị cơ sở đã tổ chức quán triệt, học tập Nghị quyết của Quân uỷ Trung ương về nhiệm vụ công tác quân sự trong tình hình mới cho 90% cán bộ, đảng viên.

Toàn huyện xây dựng, củng cố được 98 trung đội, 12 tiểu đội dân quân, tự vệ theo qui mô hợp tác xã; tập huấn được 26,42% Xã đội trưởng, Xã đội phó; 78,57% Chính trị viên trưởng, Chính trị viên phó Xã đội; 61% Trung đội trưởng, Trung đội phó; 50% Chính trị viên trưởng, Chính trị viên phó trung đội và 95% cán bộ tiểu đội. Trong tổng số 98 trung đội dân quân, tự vệ, có 65 trung đội hoàn thành nhiệm vụ huấn luyện quân sự. Kết quả huấn luyện kỹ thuật đạt yêu cầu 93% (có 60% khá, giỏi), chiến thuật đạt yêu cầu 80%. Đánh giá kết quả huấn luyện dân quân, tự vệ năm 1966, Uỷ ban hành chính huyện khẳng định: “Anh em đều nhận thức rõ âm mưu mở rộng chiến tranh xâm lược miền Nam và phá hoại miền Bắc của đế quốc Mỹ và tay sai Thiệu – Kỳ; thấy rõ được thất bại của chúng. 100% trung đội, tiểu đội dân quân, tự vệ trong huyện đều đăng ký phấn đấu đạt danh hiệu “Đơn vị Quyết thắng”, trong đó trung đội dân quân Hợp tác xã Khe

Thương (xã Yên Đổ) đạt kết quả tốt nhất, được cấp trên khen thưởng⁽¹⁾.

Bước sang năm 1967, đế quốc Mỹ mở rộng chiến tranh phá hoại bằng không quân và hải quân ra hầu hết các tỉnh, thành phố miền Bắc.

Tại Phú Lương, ngay từ những tháng đầu năm 1967, máy bay Mỹ đã đánh phá 17 trận ác liệt, làm chết 47 người, bị thương 56 người, giết hại 32 con trâu, bò và phá huỷ nhiều nhà cửa, tài sản của nhân dân. Trong khi đó, vụ chiêm xuân năm 1967 do thời tiết khắc nghiệt, hạn hán kéo dài, sương muối nặng làm chết khá nhiều diện tích lúa và khoai lang ở các xã Yên Hân, Yên Cư, Bình Văn.

Cũng từ đầu năm 1967, thực hiện chỉ thị của Ủy ban hành chính tỉnh, Đảng bộ Phú Lương lãnh đạo nhân dân và lực lượng vũ trang trong huyện đóng góp hàng nghìn ngày công, khai thác hàng vạn cây gỗ, tre, nứa, gần 40 vạn tấn lá cọ, làm 2.500 m² nhà ở, nhà kho, vận chuyển hàng hoá, ngày đêm trang trận địa giúp các Chi đội (tương đương sư đoàn) 62, 170, 168 pháo cao xạ bộ đội Trung Quốc vào bảo vệ Thái Nguyên thay cho Trung đoàn cao xạ 210 của Quân chủng Phòng không-Không quân được điều vào tuyến lửa Khu IV.

Để giải quyết những khó khăn chồng chất do thiên tai, địch hoạ gây ra, Huyện uỷ, Ủy ban hành chính huyện cử

(1) Báo cáo của UBHC huyện Phú Lương tại kỳ họp lần thứ 4 HĐND huyện khoá III.

50 cán bộ các ban, ngành trực tiếp xuống các xã, hợp tác xã lãnh đạo, chỉ đạo, vận động nhân dân làm thủy lợi, chống hạn cứu lúa và hoa mầu. Riêng vụ đông xuân 1967, toàn huyện cấy được 3.600 mẫu lúa chiêm (đạt 95% kế hoạch). Tuy về diện tích hụt so với kế hoạch, nhưng do được chăm sóc đầy đủ, nên năng suất lúa chiêm toàn huyện tăng bình quân 1.616 kg/ha so với năm 1966.

Các xã vùng Tam Hợp, Tứ Yên những năm trước không trồng, hoặc trồng ít khoai lang, vụ xuân năm 1967 trồng nhiều, năng suất khá. Năng suất ngô toàn huyện đạt bình quân từ 800 kg đến 900 kg/ha. Nhân dân ở các xã Cổ Lũng, Giang Tiên và Hợp tác xã Thành Công còn trồng được nhiều rau xanh, cung cấp cho thị trường.

Tuy nhiên, việc lãnh đạo sản xuất nông nghiệp của Đảng bộ cũng còn chưa chú ý tối chăn nuôi. “Đợt rét đầu năm 1967 toàn huyện đã chết hơn 100 con trâu. Việc tổ chức chăn nuôi tập thể làm quá yếu”. Trâu chết, lợn chết, chăn nuôi kém phát triển dẫn đến thiếu sức kéo, thiếu phân bón. Đây chính là khó khăn, là thách thức đối với Đảng bộ trong việc lãnh đạo sản xuất vụ mùa năm 1967.

Từ tháng 4/1967, sau khi tiếp nhận thêm thị trấn Chợ Mới và 9 xã (Nông Hạ, Nông Thịnh, Yên Đĩnh, Quảng Chu, Như Cố, Bình Văn, Thanh Bình, Yên Hân, Yên Cư) của huyện Bạch Thông, Phú Lương trở thành một huyện lớn, nằm ở vị trí trung tâm của tỉnh Bắc Thái, gồm 24 đơn vị hành chính (23 xã và 1 thị trấn); dân số trên 43.140

người, với 8 dân tộc anh em sống xen kẽ với nhau từ lâu đời. (Nếu tính cả những người ở nơi khác sơ tán đến, thì dân số của huyện lên tới gần 52.000 người). Đảng bộ có 48 tổ chức cơ sở đảng trực thuộc (gồm 15 đảng bộ và 33 chi bộ); trong đó có 23 chi bộ, đảng bộ nông thôn, 1 đảng bộ thị trấn và 24 chi, đảng bộ cơ quan, đơn vị, xí nghiệp. Toàn Đảng bộ có 1.636 đảng viên (có 207 đảng viên nữ); trong đó, 348 đảng viên ở các cơ quan, đơn vị, xí nghiệp và 1.288 đảng viên ở nông thôn. So với dân số trong huyện, tỷ lệ đảng viên đạt trên 3,8%. Toàn huyện có 127 hợp tác xã, với trên 82% số hộ nông dân tham gia.

Trong bối cảnh huyện vừa tiếp nhận thêm 10 xã, thị trấn của huyện Bạch Thông, từ ngày 15 đến ngày 19/5/1967, Đảng bộ huyện Phú Lương tổ chức Đại hội đại biểu lần thứ X, với sự có mặt của 138 đại biểu chính thức, 11 đại biểu dự khuyết thay mặt cho 1.636 đảng viên ở 48 đảng bộ, chi bộ cơ sở.

Sau khi phân tích, kiểm điểm, đánh giá kết quả lãnh đạo thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện lần thứ IX, Đại hội xác định vị trí chính trị của huyện nằm trong căn cứ địa kháng chiến chống Pháp trước đây và trong tỉnh hậu phương căn cứ địa kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, “Đất đai của huyện tuy không nhiều lắm, nhưng khá phì nhiêu, màu mỡ; có nhiều sông, suối, khe, lạch, nên có tiềm năng để phát triển kinh tế nông nghiệp và lâm nghiệp”.

Đại hội ra Nghị quyết nêu rõ nhiệm vụ của Đảng bộ và nhân dân các dân tộc huyện Phú Lương “phải quán triệt sâu sắc và thực hiện tốt nhất, đầy đủ nhất các Nghị quyết 11, 12, 13 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về xây dựng, bảo vệ hậu phương và chi viện tiền tuyến”.

Đại hội bầu Ban Chấp hành Đảng bộ khoá X gồm 25 uỷ viên chính thức và 2 uỷ viên dự khuyết. Ban Chấp hành bầu Ban Thường vụ Huyện uỷ gồm 9 uỷ viên. Đồng chí Lâm Đình Phòng được bầu làm Bí thư và các đồng chí Phan Công Nhượng, Ma Văn Quyên làm Phó Bí thư.

Sau Đại hội lần thứ X, Đảng bộ lãnh đạo phong trào sản xuất, xây dựng, củng cố hợp tác xã và công tác chuẩn bị chiến đấu, phục vụ chiến đấu có nhiều chuyển biến tốt.

Từ tháng 6/1967, máy bay Mỹ đánh phá Phú Lương ác liệt hơn. Vào lúc 7 giờ 30 phút ngày 10/6/1967, máy bay Mỹ ném 12 quả bom hơi, 15 quả bom bi mẹ xuống khu vực xã Yên Ninh, làm bị thương 10 người. Tiếp theo, 15 giờ 30 phút ngày 12/6/1967, nhiều tốp máy bay Mỹ liên tiếp ném 45 quả bom phá, 4 quả bom bi mẹ xuống các xóm 6, 7 và Bến Giềng thuộc xã Sơn Cẩm làm chết 3 người, bị thương 4 người; phá hỏng 11 ngôi nhà, thiệt hại về vật chất trị giá 28.000 đồng. Ngày 22/6/1967, máy bay Mỹ lại ném 4 quả bom hơi xuống khu vực Bến Giềng (xã Sơn Cẩm), 4 quả bom phá xuống xóm Hồng Lê (xã Động Đạt), gây thiệt hại về tài sản trị giá 690 đồng... Đặc biệt, vào lúc 15 giờ ngày 11/7/1967, 34 máy bay Mỹ ồ ạt vào

ném 88 quả bom phá và hàng chục quả bom bi mẹ xuống khu vực từ làng Bún đến xóm Rộc Máu (xã Phấn Mỹ), tạo thành một vệt bom dài khoảng 4 km, rộng 500 mét, trùm lên khu nhà ở của cán bộ, công nhân mỏ than và khu dân cư xã Phấn Mỹ, làm chết 36 người, bị thương 15 người. Gia đình ông Đinh Văn Mão có 9 người, bị chết 7 người, còn lại 2 con gái 11 tuổi và 8 tuổi. Gia đình ông Phạm Văn Chân bị một quả bom rơi trúng hầm trú ẩn, chết hết cả 3 người con. Gia đình ông Phạm Văn Bẩm có 7 người, bị chết 4 người (gồm vợ ông Phạm Văn Bẩm đang có thai 5 tháng và 3 người con). Đây là một trận đánh phá lớn nhất của máy bay Mỹ và gây thiệt hại nặng nề nhất đối với Đảng bộ và nhân dân Phú Lương.

Để hạn chế đến mức thấp nhất những thiệt hại do máy bay địch ném bom, bắn phá gây ra, ngày 26/12/1967, Ủy ban hành chính huyện ra Chỉ thị về công tác phòng không nhân dân, chỉ rõ “Qua kiểm tra của huyện, ở một số nơi hầm, hào phòng tránh máy bay địch thiếu hoặc bị hư hỏng, không đảm bảo an toàn, nhất là ở dọc Quốc lộ 3 và các cửa hàng mậu dịch, hợp tác xã mua bán và những nơi công cộng khác. Các xã, cơ quan, đơn vị trường học nằm trên địa bàn huyện phải khẩn cấp đào và sửa chữa lại hầm, hào phòng tránh; tiếp tục đào thêm giao thông hào và hầm trú ẩn ở những nơi công cộng; đào hố cá nhân dọc 2 bên Quốc lộ 3 (đoạn từ Sơn Cẩm lên Chợ Mới cứ cách 2 mét phải đào một hố sâu 1,2 mét; đoạn từ Yên Định lên Nông

Hạ cách 5 mét đào một hố sâu 1,2 mét); hầm, hố phòng tránh của các gia đình và cơ quan, đơn vị phải được thường xuyên củng cố, tu sửa”.

Thực hiện Chỉ thị của Ủy ban hành chính huyện, cán bộ và nhân dân Phú Lương tập trung đào mới và tu sửa được 14.654 hầm, hố, 797.896 mét giao thông hào phòng tránh (trong đó có 9.976 hầm, hố có nắp).

Giữa lúc Đảng bộ tập trung lãnh đạo nhân dân và lực lượng vũ trang địa phương dồn sức đối phó với hành động đánh phá ác liệt của máy bay Mỹ để giữ vững và phát triển sản xuất, ổn định đời sống nhân dân và đóng góp chi viện chiến trường, thì một số tên phản động, bất mãn ở các xã Động Đạt, Yên Đỗ đã tham gia tổ chức phản động “Hội nông dân liên hiệp Việt Nam” do các tên Ma Khánh Hiệu, Lương Văn Dư ở huyện Định Hoá cầm đầu. Chúng kích động nhân dân và các phần tử bất mãn, lưu manh gây rối, tuyên truyền phá hoại bầu cử Hội đồng nhân dân, đòi ruộng đất, cấm chôn xuống ruộng hợp tác xã, đả kích lãnh tụ...

Để giữ vững an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội trên địa bàn, Ban Thường vụ Huyện uỷ kịp thời lãnh đạo các lực lượng công an và dân quân, tự vệ Phú Lương phối hợp với lực lượng công an và dân quân, tự vệ Định Hoá trấn áp, xoá sổ tổ chức phản động “Hội nông dân liên hiệp Việt Nam”.

Với tinh thần “Tất cả để đánh thắng giặc Mỹ xâm lược”, “Thóc không thiếu một cân, quân không thiếu một người”, năm 1967, mặc dù đời sống còn nhiều khó khăn, thiếu thốn, nhưng dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ Phú Lương, nhân dân các dân tộc trong huyện đã bán cho Nhà nước 83.926 kg thịt lợn hơi, 61.000 kg thịt trâu, bò (vượt 1% kế hoạch); 2.963 con gà, vịt (vượt 11,85% chỉ tiêu) và 2.300 quả trứng gà, vịt. Toàn huyện nhập kho được 277.714 kg thóc, vượt 27.714 kg so với kế hoạch được giao. Ngoài ra, nhân dân Phú Lương còn bán cho Nhà nước 7.123 kg đậu tương (vượt 137% kế hoạch), 5.710 kg lạc vỏ (vượt 14,2% chỉ tiêu), 8.959 kg thuốc lá (vượt 5,4% kế hoạch). Hiện tượng cán bộ, đảng viên ở các xã Thanh Bình, Như Cố, Quảng Chu, Phú Đô thiếu gương mẫu thực hiện nghĩa vụ thực phẩm đối với Nhà nước, nhân dân lạm sát thịt lợn đem bán ra ngoài với giá cao, số lợn bán cho Nhà nước quá ít đã được Đảng bộ phát hiện và có biện pháp lãnh đạo ngăn chặn kịp thời.

Đối với công tác quần chúng, Đảng bộ coi trọng việc lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng và củng cố các tổ chức Đoàn Thanh niên và Hội Phụ nữ. Đảng bộ xác định thanh niên là một lực lượng lớn trong sản xuất, chiến đấu và các công tác khác, nên đã liên tục tổ chức nhiều đợt giáo dục, chỉnh huấn đoàn viên, thanh niên. Phong trào thanh niên “Ba sẵn sàng”⁽¹⁾ diễn ra sôi nổi ở khắp các xã, cơ quan,

(1) Sẵn sàng nhập ngũ; Sẵn sàng chiến đấu, sản xuất; Sẵn sàng đi bất cứ nơi đâu, làm bất cứ việc gì khi Tổ quốc cần.

đơn vị trong huyện. Tiếp theo 461 thanh niên Phú Lương lên đường nhập ngũ năm 1966, trong năm 1967, Phú Lương lại có thêm 386 thanh niên ưu tú lên đường đánh Mỹ. Hơn 80% đoàn viên, thanh niên trong huyện đã tham gia lực lượng dân quân, tự vệ, làm nhiệm vụ chiến đấu, phục vụ chiến đấu và đảm bảo giao thông vận tải thời chiến. Hầu hết cán bộ, chiến sĩ dân quân, tự vệ ở 7 trận địa trực chiến bắn máy bay địch của huyện là lực đoàn viên, thanh niên.

Phụ nữ là lực lượng chiếm quá nửa dân số trong huyện, đồng thời cũng là một lực lượng chủ yếu trong lao động sản xuất, phục vụ chiến đấu và chiến đấu. Năm 1967, Đảng bộ lãnh đạo thực hiện tốt các Chỉ thị 152, 153 của Trung ương Đảng và Thông tri số 31 của Chính phủ về công tác vận động phụ nữ. Huyện uỷ khẳng định: Các cấp uỷ Đảng, các ngành, các cơ quan, đoàn thể và cán bộ, đảng viên đã bước đầu coi trọng công tác vận động phụ nữ ... Trong sản xuất chị em phụ nữ chiếm nhiều ngày công hơn nam giới..., chị em đảm đang mọi công việc gia đình: chăn nuôi, trồng trọt, nuôi dạy con cái, chăm sóc bố, mẹ già thay chồng, con đi làm nhiệm vụ đánh Mỹ. Ngoài ra, chị em còn trực tiếp tham gia chiến đấu và phục vụ chiến đấu rất tốt". Trong số hàng trăm chị tham gia lực lượng dân quân, tự vệ, có 32 chị là cán bộ xã đội, trung đội, tiểu đội. Toàn huyện có 11 chị được bổ nhiệm làm Chủ tịch, Phó Chủ tịch xã, 33 chị được bầu vào các đảng

uỷ, chi uỷ; 2.500 chi đạt danh hiệu “Phụ nữ ba đảm đang”.

Thông qua việc xây dựng, củng cố và đẩy mạnh phong trào hoạt động của các tổ chức quần chúng, trong năm 1967, Đảng bộ đã lựa chọn, bồi dưỡng, kết nạp được 113 quần chúng ưu tú vào Đảng (gồm 74 nam và 39 nữ).

Bước sang năm 1968, ở miền Bắc, cuộc chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ bị thất bại nặng nề. Ở miền Nam, quân và dân ta tiến hành Tổng tiến công và nổi dậy, mở đầu bằng cuộc tập kích chiến lược Tết Mậu Thân, đập tan hoàn toàn chiến lược hai gọng kìm “tìm diệt” và “bình định”, góp phần quyết định làm phá sản chiến lược “chiến tranh cục bộ” của đế quốc Mỹ.

Hoà chung với khí thế của cuộc Tổng tiến công và nổi dậy của quân và dân ta ở miền Nam, thực hiện chỉ thị của Tỉnh uỷ, Huyện uỷ Phú Lương lãnh đạo đẩy mạnh công tác phòng, tránh và đánh địch. Công tác phòng không nhân dân đã được cấp uỷ Đảng, chính quyền các cấp đặc biệt coi trọng.

Đảng bộ tập trung lãnh đạo củng cố lực lượng dân quân, tự vệ tăng cường lực lượng trực chiến phòng không. Huyện uỷ cử cán bộ trực tiếp kiểm tra, chỉ đạo sửa chữa hầm, hào bị hư hỏng; đào thêm hầm, hào mới ở những nơi công cộng và trên các cánh đồng lớn. Tháng 1 và tháng 2/1968, Ban chỉ huy Huyện đội mở 2 lớp tập huấn cho cán bộ xã đội và trung đội dân quân, tự vệ.

Trong quý I năm 1968, huyện Phú Lương được Hội đồng nghĩa vụ quân sự tỉnh giao nhiệm vụ cùng với hai huyện Đại Từ và Phổ Yên tuyển 900 tân binh bổ sung cho các đơn vị bộ đội chủ lực. Quán triệt Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ tại Hội nghị giao chỉ tiêu tuyển quân năm 1968 cho các tỉnh, thành miền Bắc “Công tác động viên tuyển quân là công tác trung tâm số một, là vấn đề cấp bách phải được ưu tiên. Động viên lực lượng bổ sung cho chiến trường lúc này có tính chất quyết định”, tháng 1/1968, Huyện uỷ triệu tập Hội nghị chuyên đề bàn về công tác tuyển quân, chủ yếu bàn chủ trương, biện pháp lãnh đạo, chỉ đạo. Tiếp theo, Hội đồng nghĩa vụ quân sự huyện đã họp và phân bổ chỉ tiêu tuyển quân cụ thể cho các xã.

Cũng như các huyện khác trong tỉnh, công tác tuyển quân của huyện Phú Lương năm 1968 gặp nhiều khó khăn hơn trước. Qua nhiều đợt tuyển quân từ năm 1965 đến năm 1967, lực lượng dự bị của huyện đã giảm dần. Mặt khác, công tác tuyển quân năm 1968 lại đặt ra những yêu cầu mới cao hơn: Đối tượng tuyển quân chủ yếu là thanh niên từ 18 tuổi đến 25 tuổi; rất hạn chế tuyển những người trên 30 tuổi, những người có từ 3 con trở lên và những người gia đình có nhiều khó khăn. Bên cạnh đó, do chiến tranh ác liệt kéo dài, trong một bộ phận nhân dân, đặc biệt là trong thanh niên ở các xã, thị trấn bắt đầu nảy sinh tư tưởng ngại gian khổ, hy sinh, không muốn đi bộ đội. Qua

các đợt tuyển quân trong năm 1967, “ở các xã Yên Ninh, Phú Đô, Túc Tranh..., một số thanh niên không đi khám sức khoẻ, hoặc có đi khám nhưng không khám hết các chuyên khoa; cá biệt một số người không thấy rõ nhiệm vụ của mình trong giai đoạn chống Mỹ, cứu nước hiện nay, không chịu đựng được khó khăn, gian khổ, nên nhập ngũ được vài hôm lại đảo ngũ trở về”⁽¹⁾. Hiện tượng một số gia đình cán bộ, đảng viên trong huyện không gương mẫu cho con, em đi bộ đội, gây suy bì, tỵ nạnh trong nhân dân cũng gây khó khăn cho Đảng bộ trong việc lãnh đạo công tác tuyển quân năm 1968.

Trước tình hình trên, với quyết tâm khắc phục khó khăn, hoàn thành tốt nhiệm vụ tuyển quân năm 1968, Hội nghị Huyện uỷ ra nghị quyết nêu rõ: “Bất kỳ trong hoàn cảnh nào cũng kiên quyết động viên đạt và vượt mức quân số, đảm bảo chất lượng tốt, thời gian nhanh, giao quân gọn và an toàn”.

Ban Thường vụ Huyện uỷ giao cho Ban Tuyên giáo, Huyện Đoàn Thanh niên và Ban chỉ huy Huyện đội xây dựng nội dung, kế hoạch hướng dẫn, động viên, tuyên truyền, vận động, giáo dục nhân dân về tình hình nhiệm vụ mới và nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc của thanh niên; giao cho các ngành Y tế, Công an làm tốt công tác khám tuyển, xét duyệt; các ngành Lương thực, Thực phẩm,

⁽¹⁾ Báo cáo kết quả lãnh đạo của Huyện uỷ Phú lương tháng 1 và 2/1968, tr. 4.

Thương nghiệp làm tốt công tác đảm bảo cơ sở vật chất phục vụ công tác tuyển quân; các ngành, các cấp trong huyện tập trung làm tốt chính sách hậu phương quân đội, thực hiện tốt công tác thương binh, gia đình liệt sĩ, giúp đỡ gia đình bộ đội, làm tốt công tác tiễn đưa thanh niên lên đường nhập ngũ.

Hội đồng nghĩa vụ quân sự huyện, do các đồng chí Chủ tịch Ủy ban hành chính huyện và Huyện đội trưởng làm Chủ tịch và Phó Chủ tịch, quyết định chọn xã Yên Ninh làm điểm chỉ đạo thực hiện các bước đăng ký, lập hồ sơ, khám tuyển, xét duyệt để rút kinh nghiệm cho các xã khác.

Sau một tháng triển khai nhiệm vụ tuyển quân đợt một năm 1968, Phú Lương mới khám tuyển và xét duyệt được 32% chỉ tiêu trên giao. Trước tình hình đó, Ban Thường vụ Huyện uỷ cử 24 đồng chí Huyện uỷ viên trực tiếp xuống các xã kiểm tra, đôn đốc, chỉ đạo công tác tuyển quân. Xuống các xã chỉ đạo tuyển quân, các đồng chí Huyện uỷ viên mang theo lệnh gọi nhập ngũ do Chủ tịch Ủy ban hành chính huyện ký sẵn; khám tuyển, xét duyệt được trường hợp nào là phát lệnh gọi nhập ngũ ngay. Đồng chí Bí thư Huyện uỷ trực tiếp đối chiếu, kiểm tra danh sách đảng viên, giao nhiệm vụ cho các đảng bộ, chi bộ từng xã, từng cơ quan, đơn vị cử đảng viên đi đánh Mỹ. Cấp uỷ Đảng, chính quyền các xã Phấn Mễ, Phủ Lý, Nông Hạ làm tốt công tác động viên tư tưởng đối với

những gia đình có người nhập ngũ; tổ chức liên hoan, trao tặng phẩm, tiễn đưa chu đáo, nên những người trúng tuyển đều an tâm, phấn khởi lên đường. Trước khi giao quân, các đồng chí Chủ tịch Ủy ban hành chính và Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ huyện trực tiếp nói chuyện, động viên anh em tân binh lên đường đánh Mỹ.

Nhờ có quyết tâm cao, với nhiều biện pháp tích cực của các cấp ủy Đảng, chính quyền, cơ quan, ban, ngành, đoàn thể quần chúng từ huyện xuống cơ sở, trong kỳ tuyển quân đợt 1 năm 1968, Phú Lương đã hoàn thành vượt mức 0,73% chỉ tiêu. Sau đó, huyện Phú Lương tiếp tục tuyển đủ quân số thành lập một đại đội bộ binh bổ sung cho Tiểu đoàn 68B của Tỉnh đội, trực tiếp huấn luyện đưa vào miền Nam chiến đấu. Trong số này, có nhiều người con ưu tú của huyện Phú Lương hy sinh trên chiến trường, trong đó có đồng chí Hoàng Minh Thành - cán bộ Ban Tuyên giáo Huyện ủy.

Do bị thất bại nặng nề trên cả hai miền Nam, Bắc, ngày 31/3/1968, Tổng thống Mỹ Giôn-xơn buộc phải tuyên bố ngừng ném bom miền Bắc từ vĩ tuyến 20 trở ra; đồng thời chấp nhận đàm phán với đại diện Chính phủ ta tại Hội nghị hai bên ở Pari (Pháp). Cùng với các huyện, thành khác trong tỉnh, Phú Lương đã kết thúc thắng lợi cuộc chiến đấu chống chiến tranh phá hoại lần thứ nhất bằng không quân của đế quốc Mỹ.

Trong cuộc chiến tranh phá hoại miền Bắc lần thứ nhất, trên địa bàn huyện Phú Lương (từ 31/10/1965 đến

28/11/1967), máy bay Mỹ đã ném xuống hầu hết các xã trong huyện 333 quả bom phá, 24 quả bom hơi, 32 quả bom bi mìn và bắn rất nhiều đạn rốc két, tên lửa, gây nhiều tổn thất nặng nề về người và của.

Trong đạn, bom ác liệt của chiến tranh phá hoại do đế quốc Mỹ gây ra, Đảng bộ Phú Lương đã lãnh đạo nhân dân và cán bộ, chiến sĩ lực lượng vũ trang địa phương giữ vững sản xuất, phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội; kiên cường, dũng cảm chiến đấu và phục vụ chiến đấu, góp phần bắn rơi 5 máy bay, tiêu diệt và bắt sống một số tên giặc lái Mỹ; đồng thời đóng góp đầy đủ sức người, sức của chi viện chiến trường.

Những thành tích đạt được trong thời kỳ từ năm 1965 đến tháng 3/1968 đã tạo tiền đề rất quan trọng để Đảng bộ Phú Lương tiếp tục lãnh đạo nhân dân và các lực lượng vũ trang địa phương vươn lên giành những thắng lợi lớn hơn trong thời kỳ đẩy mạnh khôi phục và phát triển kinh tế, tăng cường động viên sức người, sức của chi viện chiến trường, sẵn sàng chiến đấu và chiến đấu đánh bại chiến tranh phá hoại miền Bắc lần thứ hai của đế quốc Mỹ.

III- KHÔI PHỤC, PHÁT TRIỂN KINH TẾ, VĂN HOÁ, GÓP PHẦN ĐÁNH THẮNG CUỘC CHIẾN TRANH PHÁ HOẠI LẦN THỨ 2 CỦA ĐẾ QUỐC MỸ (4/1968-12/1972)

Từ ngày 31/3/1968, tuy phải ngừng ném bom miền Bắc từ vĩ tuyến 20 trở ra để tập trung đánh phá khu vực

phía Nam Quân khu IV, nhưng đế quốc Mỹ vẫn đẩy mạnh trình sát Hà Nội, Hải Phòng và một số tỉnh, thành khác, sẵn sàng đánh phá trở lại bất cứ lúc nào.

Trước tình hình đó, nhằm đưa cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nhân dân ta tiếp tục tiến lên, Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng ra Nghị quyết 175, mở cuộc động viên chính trị “Tất cả để đánh thắng giặc Mỹ xâm lược”.

Thực hiện Nghị quyết 175 của Bộ Chính trị và Thông tri của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ Bắc Thái, ngày 10/4/1968, Ban Thường vụ Huyện uỷ Phú Lương ra chỉ thị nêu rõ quyết tâm triển khai cuộc động viên chính trị “Tất cả để đánh thắng giặc Mỹ xâm lược” trên địa bàn huyện “nhANH gọn nhằm giải quyết những vấn đề thiết thực, phục vụ kịp thời những nhiệm vụ trước mắt theo yêu cầu của tình hình mới”.

Từ ngày 11 đến ngày 15/4/1968, Huyện uỷ họp Hội nghị mở rộng tới các đồng chí Bí thư (hoặc Phó Bí thư đảng uỷ, chi uỷ), uỷ viên Thường vụ phụ trách Tuyên giáo, Tổ chức, Kiểm tra, các đồng chí Bí thư chi bộ, thủ trưởng các đơn vị, trường học, cơ quan, các ngành, các giới trong huyện và toàn thể cán bộ các ban Tuyên giáo, Tổ chức, Kiểm tra của Huyện uỷ.

Sau khi nghiên cứu, quán triệt Nghị quyết 175 của Bộ Chính trị, Thông tri của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ và Chỉ thị của Ban Thường vụ Huyện uỷ, Hội nghị quyết

định thành lập Ban lãnh đạo cuộc động viên chính trị “Tất cả để đánh thắng giặc Mỹ xâm lược”, gồm các đồng chí trong Ban Thường vụ Huyện uỷ, do đồng chí Bí thư Huyện uỷ làm Trưởng ban.

Sau Hội nghị Huyện uỷ mở rộng, Ban Thường vụ Huyện uỷ triển khai đợt I cuộc động viên chính trị, thời gian từ giữa tháng 4 đến ngày 19/5/1968. Ba xã (Yên Ninh, Nông Thịnh và Phấn Mễ) được Ban Thường vụ Huyện uỷ chọn làm thí điểm để rút kinh nghiệm chỉ đạo ra toàn huyện.

Ngày 24/5/1968, Huyện uỷ sơ kết đợt I, rút kinh nghiệm chỉ đạo điểm ở 3 xã. Báo cáo sơ kết của Huyện uỷ khẳng định “Đợt I cuộc động viên chính trị đã giành những thắng lợi bước đầu và sơ bộ rút ra được những kinh nghiệm nhất định. Phong trào trong huyện đã có chuyển biến với khí thế vươn lên”.

Từ kinh nghiệm ở 3 xã chỉ đạo thí điểm, trong đợt II của cuộc động viên chính trị “Tất cả để đánh thắng giặc Mỹ xâm lược”, Ban Thường vụ Huyện uỷ chỉ đạo các chi bộ, đảng bộ cơ sở phải nắm thật vững các yêu cầu và phương châm của Trung ương đề ra là :

- 1- Ra sức chi viện miền Nam, bảo vệ miền Bắc, quyết tâm đánh thắng giặc Mỹ xâm lược.

- 2- Phát huy thuận lợi, khắc phục mọi khó khăn, thực hiện thắng lợi kế hoạch Nhà nước năm 1968 trong bất kỳ

tình huống nào để đảm bảo lực lượng hậu phương và chi viện tiền tuyến lớn.

3- Quan tâm hơn nữa đời sống quần chúng, tổ chức tốt đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân, nắm vững phương châm của Đảng là động viên sức dân phải kết hợp với bồi dưỡng sức dân.

4- Để hoàn thành thắng lợi những nhiệm vụ trên đây, điều then chốt là phải tăng cường sức chiến đấu của Đảng, phát huy cao độ tính tích cực và sáng tạo của quần chúng nhân dân.

Quán triệt yêu cầu của cuộc động viên chính trị, Ban Thường vụ Huyện uỷ đề ra chương trình hành động gồm 4 điểm:

1- Tiếp tục giáo dục, động viên đẩy mạnh đấu tranh phê bình và tự phê bình trong Đảng thật sâu sắc nhằm đẩy lùi tư tưởng bảo thủ, hữu khuynh, cá nhân chủ nghĩa, sợ hy sinh, gian khổ, thiếu tinh thần trách nhiệm và tự do vô kỷ luật.

2- Tập trung cao độ mọi lực lượng để thu hoạch vụ chiêm xuân nhanh gọn, sản xuất vụ mùa đạt năng suất cao.

3- Đảm bảo 100% cơ sở hoàn thành huấn luyện dân quân, tự vệ; 100% thanh niên nam, nữ đăng ký tình nguyện “Ba sẵn sàng”; đảm bảo tốt giao thông thời chiến; giữ gìn tốt trật tự trị an; chống tư tưởng chủ quan, trung bình chủ nghĩa; củng cố tốt hầm, hào phòng không.

4- Phát động và vận động quần chúng nhân dân hoàn thành tốt nghĩa vụ lương thực, thực phẩm đối với Nhà nước; tích cực chi viện miền Nam đánh Mỹ.

Thực hiện chương trình hành động 4 điểm do Ban Thường vụ Huyện uỷ đề ra, các tổ chức cơ sở đảng, các phòng, ban, cơ quan, đơn vị và các xã trong huyện tiến hành tự phê bình và phê bình sâu sắc, bước đầu khắc phục được tư tưởng bảo thủ, hữu khuynh, cá nhân chủ nghĩa, trì trệ, sợ gian khổ, hy sinh trong cán bộ, đảng viên và tư tưởng trung bình chủ nghĩa trong quần chúng. Vai trò tiên phong, gương mẫu của đảng viên từng bước được phát huy, nội bộ Đảng đoàn kết, nhất trí hơn.

Tuy nhiên, ở một vài nơi, một số cán bộ, đảng viên có biểu hiện dao động, sợ hy sinh, không cho con đi bộ đội. Cá biệt, có một vài cán bộ Huyện uỷ viên không nhận nhiệm vụ đi chỉ đạo cải tiến quản lý hợp tác xã⁽¹⁾.

Những mặt yếu kém trên đây đã được giải quyết dứt điểm trong các đợt tiếp theo của cuộc động viên chính trị “Tất cả để đánh thắng giặc Mỹ xâm lược”.

Kết hợp với cuộc động viên chính trị, Đảng bộ tập trung lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ khôi phục và phát triển kinh tế, văn hoá theo tinh thần Nghị quyết đầu năm 1968 của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ.

Bước vào vụ mùa năm 1968, Phú Lương gặp nhiều khó khăn. Trước tình hình nạn sâu đục tim hoành hành ở

⁽¹⁾ Biên bản họp Thường vụ Huyện uỷ ngày 4/8/1968.

khắp các xã trong huyện, làm cho nhiều diện tích mạ bị khô héo, chết lụi, Ban Thường vụ Huyện uỷ tập trung lãnh đạo các xã phun thuốc trừ sâu, không dùng mạ ở những đám ruộng bị sâu hại từ 70% trở lên; đối với những đám mạ bị sâu hại dưới 70%, trước khi cấy phải tắm mạ qua thuốc trừ sâu. Tuy được phát hiện sâu bệnh và chỉ đạo phun thuốc trừ sâu cho mạ kịp thời, nhưng số mạ bị thiệt hại do sâu bệnh phá hoại vẫn lên tới 90 tấn; các xã, hợp tác xã đã phải gieo thêm 6.990 kg mạ muộn.

Đầu tháng 7/1968, có một số trận mưa khá to; sau đó lại nắng rất gay gắt, gây ra hạn hán kéo dài, nhiều xã và hợp tác xã không có nước cấy. Trước tình hình này, Huyện uỷ, Uỷ ban hành chính huyện cử trên 50 cán bộ trực tiếp xuống lãnh đạo, chỉ đạo các xã Cổ Lũng, Tức Tranh, Vô Tranh, Yên Hân, Yên Cư tập trung nhân lực tu sửa, nạo vét kênh, muông, đắp bờ, lắp máy bơm nước tưới ruộng, thu hẹp diện tích bị hạn, đẩy nhanh tốc độ cấy lúa mùa. Đầu tháng 8/1968, toàn huyện cấy được 2071,9 ha; trong đó, các xã Yên Hân, Quảng Chu, Cổ Lũng, Tức Tranh, Vô Tranh, Sơn Cẩm cấy được 90% diện tích. Đến cuối tháng 8, đầu tháng 9 năm 1968, toàn huyện đã căn bản cấy xong lúa mùa. Tuy nhiên, do hạn hán kéo dài và sâu đục thân làm chết nhiều mạ, nên toàn huyện còn tới 70,9 ha ruộng phải bỏ hoang.

Để bù vào diện tích lúa mùa bị hụt, Huyện uỷ lãnh đạo các xã, hợp tác xã đẩy mạnh thâm canh tăng năng suất lúa

và vận động nhân dân tích cực trồng các loại cây hoa mầu, đưa hệ số quay vòng sử dụng ruộng đất tăng từ 1,2 lần (năm 1967), lên 1,7 lần (năm 1968).

Tiếp theo sâu bệnh, hạn hán là lụt lội. Đêm 8 rạng ngày 9/8/1968, một trận mưa rất to kéo dài trên diện rộng, làm nước sông Cầu và các khe, suối ở Phú Lương dâng lên rất cao, gây lũ lụt lớn. Trên địa bàn huyện, số diện tích lúa bị ngập úng lên tới 440,9 ha (trong đó có 35 ha lúa bị nước xoáy trôi, mất trắng); 2.060 kg thóc mạ gieo xuống bị cát, bùn vùi lấp; 18 ha đỗ, lạc; 36 ha mía, 21 ha ngô bị nước ngập làm hư hỏng; 13 ngôi nhà của nhân dân ở thị trấn Chợ Mới và các xã Động Đạt, Sơn Cẩm bị nước cuốn trôi; Xí nghiệp thuỷ tinh Chợ Mới bị trôi một số nhà và tài sản. Lũ lụt làm cho đất bị sụt lở, vùi lấp hai đoạn trên Quốc lộ 3, gây tắc đường ô tô ở hai khu vực xã Thanh Bình và đầu cầu Sáu Hai (thuộc xã Nông Hạ), làm đổ 7 cột điện chạy dọc Quốc lộ 3; dây cáp cầu treo Yên Định bị đứt; 7 máy bơm nước ở các xã Như Cố và Hợp Thành bị cuốn trôi; chân đập trung thuỷ nông Núi Phấn (xã Động Đạt) bị sới lở; một đầu cống đập trung thuỷ nông Phú Đô và hầu hết các công trình thuỷ nông nhỏ trong huyện bị hư hỏng.

Để khắc phục sự thiệt hại do lũ lụt gây nên, ngay đêm 8 rạng sáng ngày 9/8/1968, Thường trực Huyện uỷ trực tiếp chỉ đạo khu vực Chợ Mới khẩn trương di chuyển tài sản của tập thể và nhân dân từ chỗ thấp lên chỗ cao; tổ

chức việc bảo vệ phà và cầu treo; điện khẩn cho đảng uỷ các xã dọc sông Cầu và các xã có tuổi to tổ chức và lãnh đạo việc chống lụt, bảo vệ sản xuất và tài sản của tập thể cũng như của nhân dân; chỉ thị cho các ngành, các cấp tập trung lãnh đạo giải quyết hậu quả lũ lụt.

Sáng ngày 10/8/1968, Ban Thường vụ Huyện uỷ hội ý, phân công nhau trực tiếp xuống các xã kiểm tra và chỉ đạo giải quyết, khắc phục hậu quả lũ lụt, kịp thời ổn định sản xuất và đời sống nhân dân.

Cuộc động viên chính trị “Tất cả để đánh thắng giặc Mĩ xâm lược” đã trở thành động lực thúc đẩy hành động cách mạng cụ thể của cán bộ, đảng viên và nhân dân các dân tộc trong huyện khắc phục hậu quả thiên tai, giữ vững và phát triển sản xuất nông nghiệp. Nhờ đó, năm 1968 tuy diện tích gieo cấy lúa không đạt kế hoạch, sản lượng thóc giảm 1.750 tấn so với kế hoạch, nhưng năng suất các loại hoa mầu vẫn đạt bằng, hoặc cao hơn năm 1967.

Xuất phát từ tình hình phong trào thi đua lao động sản xuất năm 1968 của huyện có chuyển biến, nhưng chưa mạnh, chưa đồng đều và vững chắc; cơ sở vật chất kỹ thuật trong các hợp tác xã nông nghiệp còn nghèo nàn; sản xuất chưa toàn diện, năng suất thấp; nghề rừng chưa được coi trọng...; công tác xây dựng Đảng còn có mặt hạn chế, nhất là về quan điểm, lập trường, ý thức tổ chức; các tổ chức quần chúng chưa được củng cố vững chắc, Huyện uỷ họp ra Nghị quyết xác định nhiệm vụ của Đảng bộ

trong 2 năm (1969-1970) là tập trung lãnh đạo sản xuất nông, lâm nghiệp; coi trọng đúng mức phát triển công nghiệp địa phương, thủ công nghiệp để phục vụ sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp và đời sống nhân dân. Trong sản xuất nông nghiệp, Huyện uỷ chủ trương lấy thâm canh tăng năng suất cây trồng và tăng vụ là chính; đồng thời phát triển cân đối giữa cây lương thực, cây công nghiệp và chăn nuôi; trong lâm nghiệp lấy bảo vệ, trồng và khai thác rừng là nội dung chủ yếu.

Để thực hiện thắng lợi các chỉ tiêu, nhiệm vụ sản xuất nông nghiệp, Ban Chấp hành Đảng bộ huyện phát động 4 cao trào: “Thuỷ lợi-Giao thông-Lâm nghiệp-Phân bón”.

Thực hiện chủ trương của Huyện uỷ, cán bộ và nhân dân các xã ra sức tu sửa các công trình thuỷ lợi, quyết tâm bảo đảm nước tưới cho 60% diện tích gieo, cấy lúa. Chỉ tính riêng 6 tháng đầu năm 1969, toàn huyện đã huy động 52.218 công làm thuỷ lợi; đào đắp 110.369 m³ đất, đá; hoàn thành 12 công trình thuỷ lợi nhỏ (trong đó có 9 hồ, đập ở các xã Phấn Mễ, Yên Đỗ, Yên Trạch, Yên Lạc, Nông Thịnh, Hợp Thành, Quảng Chu, Sơn Cẩm); tu sửa 50 ao, hồ, đập; làm mới 5 km mương, máng dẫn nước. So với cùng kỳ năm 1968, phong trào làm thuỷ lợi năm 1969 đồng đều và đạt kết quả tốt hơn.

Thực hiện cao trào làm phân bón cho vụ mùa, từ tháng 4 đến tháng 7/1969, nhân dân các xã trong huyện đã làm được trên 7.600 tấn phân chuồng, gần 400 tấn phân xanh.

Ngoài ra, Phòng Nông nghiệp huyện còn cung cấp cho các hợp tác xã gần 18,5 tấn phân đạm, lân, ka li...

Nhờ có sự tập trung lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp uỷ Đảng, chính quyền và sự nỗ lực phấn đấu của nhân dân các xã, hợp tác xã, năm 1969 Phú Lương gieo, cấy được 1.436,6 ha lúa chiêm, 120 ha lúa xuân, 4.008 ha lúa mùa; trồng được 499 ha ngô, 339,3 ha khoai lang, khoai sọ, 1.023 ha đậu đỗ, 69 ha chè, 19,3 ha thuốc lá và 213,6 ha rau xanh. Tổng sản lượng lương thực quy thóc đạt 14.114 tấn (tăng 307 tấn so với năm 1968).

Bước sang năm 1970, thời tiết tương đối thuận lợi cho sản xuất nông nghiệp; Nhà nước lại có chính sách mới về ổn định nghĩa vụ đóng góp lương thực của các xã, hợp tác xã, nên đã động viên được tinh thần hăng hái lao động của cán bộ, đảng viên và quần chúng ở nông thôn. Vụ Đông-Xuân năm 1969-1970, toàn huyện gieo, cấy được 1.400 ha lúa chiêm xuân (vượt 80 ha so với năm 1969).

Từ vụ mùa năm 1970, Huyện uỷ, Uỷ ban hành chính huyện lãnh đạo và chỉ đạo các hợp tác xã mạnh dạn đưa các giống lúa mới, có năng suất cao vào đồng ruộng. Tốc độ gieo, cấy và thu hoạch lúa mùa đều đảm bảo và vượt kế hoạch thời gian. Tổng sản lượng lương thực quy ra thóc toàn huyện năm 1970 đạt 14.364 tấn (vượt 420 tấn so với năm 1969).

Theo hướng phát triển nông nghiệp toàn diện, ngoài trồng trọt, Huyện uỷ Phú Lương rất chú trọng lãnh đạo

phát triển chăn nuôi. Ngay từ năm 1968, Huyện uỷ ra Nghị quyết chỉ rõ “Phải tích cực khẩn trương chăm sóc, bảo vệ và phát triển đàn trâu, bò, lợn, trong đó chú trọng đàn trâu, bò và lợn nái sinh sản, nhằm đáp ứng sức kéo và cung cấp giống cho tập thể và hộ gia đình. Phấn đấu mỗi hộ gia đình trên 2 đầu lợn, từ 50 đến 70 con gà, vịt, ngan, ngỗng một năm”. Đề án phương hướng nhiệm vụ hai năm (1969-1970) của Đảng bộ huyện cũng nhấn mạnh: Muốn thâm canh tăng năng suất, phát triển mạnh hoa màu và cây công nghiệp, nhất thiết phải đẩy mạnh chăn nuôi, kiên quyết khắc phục mọi khó khăn, đưa chăn nuôi dần dần trở thành một ngành chính ngang với trồng trọt; phải triệt để phát huy ưu thế chăn nuôi tập thể, nhất là trâu, bò và lợn; tất cả các xã và hợp tác xã đến cuối năm 1969, trên 1 ha gieo trồng phải có 2 trâu cày, kéo và 3 lợn⁽¹⁾.

Thực hiện Nghị quyết của Huyện uỷ và đề án của Đảng bộ huyện, 6 hợp tác xã thuộc các xã Nông Hạ, Nông Thịnh, Thanh Bình đã làm chuồng nhốt trâu, bò tập trung, đảm bảo chắc chắn, thoáng mát về mùa nóng, kín gió, ấm áp về mùa lạnh. Toàn huyện có 5 hợp tác xã tổ chức chăn nuôi lợn tập thể; trong đó, các hợp tác xã Tân Phong (xã Nông Hạ), Tân Thịnh (xã Yên Ninh) đạt kết quả khá. Cuối năm 1969, đàn trâu, bò của huyện đạt 14.122 con (có 8.216 con trâu, bò cày, kéo); đàn lợn có 14.037 (có 1.116 con lợn nái sinh sản). Sở dĩ năm 1969

⁽¹⁾ Đề án phương hướng, nhiệm vụ 2 năm (1969-1970) của Đảng bộ huyện Phú Lương - Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Phú Lương 14/4/1969.

đàn lợn của huyện tăng chậm hơn năm 1968 là do dịch bệnh xảy ra đầu năm làm chết trên 500 con.

Là một huyện có thế mạnh về sản xuất lâm nghiệp, trước tình trạng nạn phá rừng đầu nguồn vẫn còn nghiêm trọng, theo sự chỉ đạo của tỉnh, năm 1968, Huyện uỷ Phú Lương lãnh đạo tốt việc nghiên cứu, điều tra và kết luận tài nguyên rừng. Trên cơ sở đó, Huyện uỷ đã đề ra chủ trương, nhiệm vụ của Đảng bộ và nhân dân Phú Lương là phải kiên quyết khắc phục mọi khó khăn, tích cực bảo vệ rừng và có quy hoạch cụ thể đối với rừng già, trồng cây phủ xanh đồi trọc, nghiêm cấm chặt phá rừng bừa bãi, khẩn trương giải quyết vấn đề định canh định cư để tránh phá rừng...

Thực hiện chủ trương của Huyện uỷ và sau các đợt triển khai thực hiện cuộc động viên chính trị “Tất cả để đánh thắng giặc Mỹ xâm lược”, trong 3 năm 1968-1970, Phú Lương đã hạn chế được nạn phá rừng; trồng thêm nhiều khu rừng mới, với trên 160.000 cây; tu bổ gần 10.000 ha rừng, khai thác gần 16.000 m³ gỗ, trên 3 triệu cây nứa; tổng giá trị sản xuất lâm nghiệp đạt trên 3 triệu đồng, góp phần tăng thêm thu nhập cho nhân dân.

Ba năm 1968-1970 cũng đánh dấu bước phát triển mạnh của Ngành Thủ công nghiệp Phú Lương. So với năm 1969, năm 1970 nghề rèn tăng gấp 3 lần; các nghề mộc, gò, hàn, đan lát, làm mành xuất khẩu từ chỗ chưa có gì, đã vươn lên đáp ứng từ 25% đến 50% nhu cầu của

nhân dân trong huyện. Số thợ thủ công từ 24 người (năm 1966), đã tăng lên 267 người (năm 1970).

Cùng với phát triển sản xuất, phong trào hợp tác hoá nông nghiệp tiếp tục được đẩy mạnh; quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa được củng cố. Tính đến tháng 3/1968, Phú Lương có 91,2% số hộ nông dân vào hợp tác xã; 61,8% tổng số hợp tác xã đã chuyển lên bậc cao; quy mô bình quân mỗi hợp tác xã có 50,8 hộ xã viên.

Đầu năm 1968, Huyện uỷ ra nghị quyết: “Đẩy mạnh củng cố hoàn thiện quan hệ sản xuất mới, trọng tâm là chỉ đạo tốt cuộc vận động cải tiến quản lý hợp tác xã, đưa 95% số hộ nông dân vào hợp tác xã, 100% là hợp tác xã bậc cao; về quy mô, hợp tác xã bình quân các xã phía Nam huyện từ 150 hộ đến 250 hộ, các xã phía Bắc huyện từ 50 hộ đến 70 hộ. Phấn đấu cuối năm 1968 phải có 16 hợp tác xã tiên tiến toàn diện, 65 hợp tác xã khá, 36 hợp tác xã trung bình”.

Thực hiện nghị quyết của Huyện uỷ, Uỷ ban hành chính huyện tập trung chỉ đạo củng cố và phát triển phong trào hợp tác hoá. Nhờ sự nỗ lực phấn đấu của cán bộ và nhân dân, trong năm 1968, Phú Lương đã xây dựng thêm được 1 hợp tác xã của đồng bào Dao gồm 17 hộ; kết nạp thêm 555 hộ vào hợp tác xã, đưa số hộ xã viên trong toàn huyện lên 6.572 trong tổng số 7.087 nông hộ, đạt tỷ lệ 93,77%. (Các xã: Bình Văn, Phấn Mễ, Ôn Lương, Hợp Thành, Yên Trạch, Yên Đỗ, Yên Lạc, Nông Thịnh, Yên

Ninh, Phủ Lý, Đông Đạt, Phú Đô, Yên Hân, Như Cố, Thanh Bình, Yên Định và thị trấn Chợ Mới đạt tỷ lệ 90% số nông hộ trở lên vào hợp tác xã). Cuối năm 1968, Phú Lương đã có 71 trong tổng số 77 hợp tác xã nông nghiệp chuyển lên bậc cao (đạt tỷ lệ 97,21%), tăng 35,68% so với đầu năm. Cũng trong năm 1968, Đảng bộ huyện lãnh đạo hợp nhất 57 hợp tác xã nhỏ thành 16 hợp tác xã vừa và lớn. Đảng bộ các xã Yên Hân, Nông Thịnh lãnh đạo xây dựng được hợp tác xã cao cấp toàn xã. Bình quân mỗi hợp tác xã có 86 hộ xã viên; trong đó có hợp tác xã (ở xã Phấn Mễ) có trên 300 hộ xã viên.

Tuy nhiên, đến cuối năm 1968, huyện Phú Lương vẫn còn 515 hộ chưa vào hợp tác xã. Chất lượng các hợp tác xã còn thấp, toàn huyện mới có 5 hợp tác xã tiên tiến (đạt 6,49%), 20 hợp tác xã khá (đạt 25,97%), 38 hợp tác xã trung bình (chiếm 49,35%), 14 hợp tác xã kém (chiếm 18,18%); số hợp tác xã bậc cao tăng, nhưng năng suất, sản lượng thóc không những không tăng mà còn giảm 1.750 tấn so với 1967.

Từ tình hình trên, trong hai năm (1969-1970), Đảng bộ tiếp tục tập trung lãnh đạo xây dựng, củng cố hợp tác xã. Đến hết quý III năm 1970, toàn huyện có 95,2% số hộ nông dân vào hợp tác xã (tăng 1,43% so với năm 1968); số hợp tác xã bậc cao đạt tỷ lệ 99,45%; quy mô bình quân mỗi hợp tác xã tăng từ 86 hộ (năm 1968) lên 108 hộ. Việc đầu tư xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật cho các hợp tác xã

cũng có những tiến bộ. Các xã và hợp tác xã huy động 99 vạn ngày công đào, đắp 380.000 m³ đất, đá làm thuỷ lợi, đảm bảo đủ nước tưới cho 1.789 ha ruộng.

Cũng trong thời gian 3 năm (1968-1970), bằng phương thức Nhà nước và nhân dân cùng làm, Phòng Giao thông huyện chỉ đạo làm được 140 km đường liên huyện, liên xã, liên xóm; xây dựng 5 cầu xi măng, 18 cầu gỗ, 5 cầu phao và 246 cầu tre. Phong trào giải phóng đôi vai được đẩy mạnh. Toàn huyện tổ chức được 2 hợp tác xã vận tải thô sơ, gồm 57 xe trâu kéo; trong các hợp tác xã và các hộ gia đình còn có trên 1.600 xe cải tiến, xe quệt.

Cùng với việc phát triển sản xuất, trong ba năm (1968-1970), Ngành Giáo dục tiếp tục phát triển, số học sinh phổ thông các cấp tăng 4.885 em; giáo viên tăng 212 người. Các xã tiếp tục duy trì được 12 lớp bổ túc văn hoá, với 371 học viên. Trường Thanh niên dân tộc nội trú được khôi phục, gồm 10 giáo viên và 80 học sinh. Toàn huyện đã có 13 xã xây dựng được nhà trẻ, mẫu giáo.

Mạng lưới y tế huyện được giữ vững và mở rộng. Đến cuối năm 1970, hầu hết các xã trong huyện đã xây dựng được trạm xá, có y sỹ, y tá thường trực; có cửa hàng bán thuốc chữa bệnh cho nhân dân. Bệnh viện huyện tuy còn gặp nhiều khó khăn, thiếu thốn, nhưng nhìn chung hoạt động dần dần đi vào nền nếp. Đạo đức người thầy thuốc được phát huy tốt, gây được lòng tin trong nhân dân.

Hoạt động văn hoá, văn nghệ, thể dục, thể thao cũng được giữ vững và phát triển, song chưa mạnh, chưa đáp

ứng được yêu cầu tuyên truyền phục vụ cho các đợt vận động chính trị lớn.

Trước tình hình địch tiếp tục hoạt động do thám và có khả năng gây trở lại cuộc chiến tranh phá hoại bằng không quân, Đảng bộ Phú Lương tăng cường lãnh đạo công tác giáo dục chính trị tư tưởng, làm cho cán bộ và nhân dân nâng cao ý thức cảnh giác, thực hiện tốt công tác phòng không sơ tán, duy trì nếp sinh hoạt, làm việc theo thời chiến, sửa chữa hầm hào ở những nơi trọng điểm có thể bị địch đánh phá. Lực lượng dân quân, tự vệ được củng cố và phát triển. Riêng 6 tháng đầu năm 1969, toàn huyện đã kết nạp thêm 93 dân quân, du kích. Nhờ Đảng bộ coi trọng lãnh đạo công tác giáo dục chính trị tư tưởng, nên mặc dù địch thả truyền đơn (ngày 28/5/1969) xuống các xã Yên Đỗ, Yên Lạc, Động Đạt, Phú Đô, Vô Tranh, Túc Tranh, Phủ Lý, Hợp Thành, Ôn Lương xuyên tạc đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước, nhưng nhân dân các dân tộc trong huyện vẫn không dao động, giữ vững niềm tin vào đường lối lãnh đạo của Đảng.

Giữa lúc cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước đang thu được nhiều thắng lợi to lớn, Chủ tịch Hồ Chí Minh kính yêu của dân tộc ta đã từ trần vào lúc 9^h47 phút ngày 2/9/1969.

Cùng với toàn Đảng, toàn dân và toàn quân trong cả nước, Đảng bộ và nhân dân các dân tộc huyện Phú Lương hết sức bàng hoàng và vô cùng đau xót khi nghe Đài Phát

thanh tiếng nói Việt Nam đưa tin đau buồn này. Bác Hồ ra đi đã để lại cho toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta (trong đó có Đảng bộ, nhân dân và lực lượng vũ trang huyện Phú Lương) “muôn vàn tình thương yêu” và “lòng tiếc thương vô hạn”. Lúc sinh thời, trong kháng chiến chống thực dân Pháp, mặc dù bận trăm công nghìn việc, nhưng ngày 26/11/1951, Người vẫn dành thời gian để thăm hỏi, động viên và nói chuyện với cán bộ huyện Phú Lương dự Hội nghị bàn về chính sách thuế nông nghiệp, tăng gia sản xuất, sửa chữa cầu đường... Ngày 31/12/1962, Người đến thăm Trường Thanh niên lao động xã hội chủ nghĩa huyện Phú Lương. Tại đây, Người căn dặn cán bộ và nhân dân Phú Lương “Phải nêu cao tinh thần làm chủ tập thể, đoàn kết giúp nhau như anh em một nhà. Mọi người cần phải khắc phục khó khăn, xây dựng, củng cố hợp tác xã, đẩy mạnh sản xuất, làm cho đời sống ngày một ấm no”⁽¹⁾.

Vĩnh biệt Chủ tịch Hồ Chí Minh, từ ngày 6 đến ngày 9/9/1969, Đảng bộ, chính quyền và các ban, ngành, đoàn thể các cấp trong huyện đã long trọng tổ chức Lễ truy điệu Người. Đảng bộ và nhân dân các dân tộc huyện Phú Lương quyết tâm biến đau thương thành hành động cách mạng, quyết tâm thực hiện bằng được những vụ mùa có

⁽¹⁾ Công an nhân dân Thái Nguyên-Lịch sử biên niên 1954-1975, tr. 137.

năng suất cao, đẩy mạnh “ba cao trào”: Thủy lợi, giao thông và trồng cây gây rừng...

Thực hiện Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh, cuối năm 1969, đầu năm 1970, Đảng bộ Phú Lương tập trung lãnh đạo triển khai thực hiện 3 cuộc vận động chính trị lớn: Lao động sản xuất; Phát huy dân chủ và tăng cường chế độ làm chủ tập thể của quần chúng xã viên nông thôn; Nâng cao chất lượng đảng viên và kết nạp đảng viên “Lớp Hồ Chí Minh”.

Ngày 25/5/1970, Huyện ủy họp bàn triển khai kế hoạch thực hiện Nghị quyết 195 của Bộ Chính trị, Chỉ thị 175 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về việc “Nâng cao chất lượng đảng viên, kết nạp đảng viên “Lớp Hồ Chí Minh” và đưa những người không đủ tư cách đảng viên ra khỏi Đảng. Hội nghị nhận định, trước khi bước vào cuộc vận động chính trị “Nâng cao chất lượng đảng viên và kết nạp đảng viên “Lớp Hồ Chí Minh”, đội ngũ cán bộ, đảng viên trong Đảng bộ có nhiều mặt yếu, kém: “80% đảng viên nông thôn xuất hiện tư tưởng tiêu cực, công thần, địa vị, lười sinh hoạt, ít tham gia lao động tập thể với hợp tác xã, bảo thủ trì trệ, không chịu tiếp thu cái mới, thiếu nhiệt tình, thiếu ý thức phấn đấu vươn lên, không muốn nhận nhiệm vụ. Nghiêm trọng hơn, một số đảng viên có chức, có quyền từ đội phó trở lên đều mắc khuyết điểm vay mượn, nợ nần không đúng nguyên tắc chính sách hoặc tham ô tài sản hợp tác xã. Một số đảng viên được bầu là

cấp uỷ viên hoặc uỷ viên Uỷ ban hành chính xã nhưng không hoạt động, công tác; số uỷ viên chuyên trách có hoạt động nhưng chung chung”⁽¹⁾. Hội nghị ra Nghị quyết nêu rõ: Thực hiện Nghị quyết 195 của Bộ Chính trị và Chỉ thị 175 của Ban Bí thư Trung ương Đảng “là một cuộc vận động xây dựng Đảng, có ý nghĩa hết sức quan trọng đối với toàn bộ công tác củng cố và xây dựng Đảng”.

Sau Hội nghị, Huyện uỷ tập trung lãnh đạo các cấp, các ngành và các đơn vị tổ chức triển khai cho cán bộ, đảng viên nghiên cứu, học tập Nghị quyết 195 của Bộ Chính trị và Chỉ thị 175 của Ban Bí thư Trung ương. Năm 1970, toàn Đảng bộ đã có 1.260 đảng viên tham gia học tập (đạt tỷ lệ 70,7%). Các chi, đảng bộ thị trấn Chợ Mới và các xã Yên Dĩnh, Yên Đổ tỷ lệ đảng viên tham gia học tập khá cao.

Thông qua đợt sinh hoạt chính trị, mọi đảng viên trong Đảng bộ đã liên hệ kiểm điểm trách nhiệm cá nhân về ý thức giai cấp, tinh thần của người đảng viên đối với việc thực hiện nhiệm vụ chính trị hiện tại.

Sau hơn 6 tháng triển khai thực hiện Nghị quyết 195 của Bộ Chính trị và Chỉ thị 175 của Ban Bí thư Trung ương Đảng, đến cuối năm 1970, có 350 đảng viên sinh hoạt trong các tổ chức cơ sở đảng ở nông thôn chuyển

⁽¹⁾ Báo cáo sơ kết thực hiện Nghị quyết 195 của Huyện uỷ Phú Lương.

biến rõ rệt, tiếp tục nhận công tác, tích cực tham gia sinh hoạt, lao động tập thể và đóng góp xây dựng hợp tác xã. Một số đảng viên vay mượn, nợ nần hợp tác xã không đúng nguyên tắc, chính sách, đã tự giác trả lại cho tập thể.

Tuy nhiên, kết quả cuộc vận động chính trị trong Đảng bộ chưa cao. Đảng bộ các xã Túc Tranh, Phú Đô, Nông Hạ tỷ lệ đảng viên tham gia học tập còn thấp; cá biệt, Đảng bộ xã Bình Văn không tổ chức được việc triển khai học tập cho cán bộ, đảng viên. Qua học tập, liên hệ, kiểm điểm, mặc dù đa số cán bộ, đảng viên thấy được thiếu sót, khuyết điểm của mình, nhưng chưa đề ra được phương hướng và biện pháp khắc phục một cách cụ thể. Đây chính là nguyên nhân dẫn đến chất lượng đảng viên của Đảng bộ huyện chậm được nâng lên. Trong năm 1970, Đảng bộ vẫn còn 110 đảng viên xin ra hợp tác xã. Trong các chi, đảng bộ ở nông thôn, số đảng viên xuất sắc mới chiếm 3,1%; số đảng viên phấn đấu tốt 32%; số đảng viên phấn đấu chưa tốt và kém còn chiếm tới gần 65%. Trong các chi, đảng bộ khối cơ quan, tỷ lệ đảng viên xuất sắc là 9,5%; đảng viên phấn đấu tốt chiếm 63,2%; số còn lại là phấn đấu chưa tốt và kém...

Trong cuộc vận động “Nâng cao chất lượng đảng viên và kết nạp đảng viên “Lớp Hồ Chí Minh”, toàn Đảng bộ kết nạp được 22 đảng viên mới; đồng thời đưa 33 đảng viên không đủ tư cách ra khỏi Đảng, xoá tên khỏi danh sách 3 đảng viên, thi hành kỷ luật lưu Đảng 8 đảng viên.

Để đánh giá kết quả lãnh đạo của Đảng bộ trong 3 năm 1968-1970 và đề ra phương hướng lãnh đạo của Đảng bộ trong những năm tiếp theo, từ ngày 3 đến ngày 8/11/1970, Đảng bộ huyện Phú Lương tổ chức Đại hội đại biểu lần thứ XI. Tham dự Đại hội có 123 đại biểu thay mặt cho gần 1.800 đảng viên ở 52 tổ chức cơ sở Đảng trực thuộc. Đánh giá kết quả lãnh đạo của Đảng bộ trong nhiệm kỳ lần thứ X, Đại hội khẳng định: “Đảng bộ đã lãnh đạo nhân dân các dân tộc huyện Phú Lương nêu cao tinh thần đoàn kết, phát huy truyền thống đấu tranh cách mạng của quê hương, ra sức khắc phục mọi khó khăn, trở ngại do thiên tai, địch hoạ gây ra, nỗ lực phấn đấu giành được nhiều thành tích trên tất cả các mặt sản xuất, chiến đấu và phục vụ chiến đấu, cải tạo quan hệ sản xuất, xây dựng cơ sở vật chất, kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội...”

Đại hội cũng nghiêm khắc kiểm điểm, vạch ra những thiếu sót, khuyết điểm trong quá trình lãnh đạo thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế, xã hội:

“1- Ba mục tiêu trong nông nghiệp còn đạt ở mức thấp, ba ưu thế của miền núi chưa được phát huy, rừng còn bị tàn phá nghiêm trọng.

2- Phong trào hợp tác hóa còn nhiều mặt yếu về quản lý tư liệu sản xuất và quản lý tài sản; cơ sở vật chất còn nghèo nàn, ngành nghề ít, dân chủ chưa cao.

3- Đóng góp và làm nghĩa vụ lương thực, thực phẩm đối với Nhà nước mỗi năm một giảm, đời sống của quần chúng có lúc, có nơi còn gặp nhiều khó khăn.

4- Công tác Đảng còn yếu về tư tưởng, nội bộ đoàn kết nhất trí chưa cao, nhất là khâu tổ chức chỉ đạo, thực hiện. Trình độ quản lý kinh tế, trình độ văn hoá khoa học kỹ thuật còn thấp. Công tác chính quyền và đoàn thể quần chúng chưa phát huy được vai trò, chức năng trên mọi lĩnh vực công tác”.

Đại hội thông qua Nghị quyết về phương hướng, nhiệm vụ lãnh đạo của Đảng bộ trong 2 năm 1971-1972: “Phải đáp ứng nhanh chóng, đầy đủ, chất lượng tốt và vô điều kiện mọi yêu cầu của tiền tuyến với khẩu hiệu “Thóc không thiếu một cân, quân không thiếu một người”; đẩy mạnh thâm canh tăng năng suất, tăng diện tích và tăng vụ, lấy tăng năng suất và tăng vụ lúa, hoa mầu và cây công nghiệp làm trọng tâm. Coi trọng cả 4 khâu bảo vệ, tu bổ, trồng cây và khai thác trong nghề rừng, nhằm bảo đảm phát huy được ba thế mạnh ở miền núi”.

Đại hội bầu Ban Chấp hành Đảng bộ huyện khóa XI gồm 19 uỷ viên chính thức và 1 uỷ viên dự khuyết. Tại kỳ họp lần thứ 1, Ban Chấp hành Đảng bộ huyện khoá XI bầu Ban Thường vụ Huyện uỷ gồm 5 uỷ viên. Đồng chí Phan Mục Vinh được bầu làm Bí thư, phụ trách chung; đồng chí Ma Văn Quyên được bầu làm Phó Bí thư, phụ trách công tác Đảng, đoàn, chính quyền.

Triển khai Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện lần thứ XI, đầu năm 1971, Huyện uỷ họp phiên thứ hai, xác định nhiệm vụ trung tâm của Đảng bộ trong thời gian

trước mắt. Tháng 4/1971, Huyện uỷ tập trung lãnh đạo học tập, quán triệt và triển khai thực hiện Nghị quyết 19 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về việc tiến hành 3 cuộc cách mạng (quan hệ sản xuất, văn hoá-tư tưởng và khoa học-kỹ thuật).

Thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ lần thứ XI, vụ Đông- Xuân 1970-1971, toàn huyện cấy được 1.650 ha lúa chiêm xuân, đạt 100% chỉ tiêu kế hoạch về diện tích và đạt 202% chỉ tiêu kế hoạch cấy lúa xuân giống mới. Tổng sản lượng lúa chiêm xuân năm 1971 toàn huyện đạt 2.686 tấn; năng suất đạt 18,58 tạ/ha một vụ, tăng 30 kg so với năng suất cấy lúa chiêm. Các hợp tác xã Liên Hoàn (xã Nông Thịnh), Việt Yên (xã Yên Trạch), Phấn Vàng (xã Phấn Mễ), năng suất đạt 5 tấn và xấp xỉ 5 tấn. Vụ mùa năm 1971, toàn huyện gieo, cấy được 4.304 ha lúa nước và lúa nương, đạt 97,8% chỉ tiêu kế hoạch, trong đó 45% diện tích được gieo cấy các giống lúa mới (Mộc tuyền, Nông nghiệp 5, Nông nghiệp 8). Tuy nhiên, do lụt và sâu bệnh phá hoại, nên toàn huyện mất trắng khoảng 220 ha lúa, trong đó các xã Động Đạt, Phấn Mễ, Thanh Bình bị thiệt hại nặng hơn cả.

Ngoài lúa, nhân dân trong huyện còn trồng được 725 ha ngô, 600 ha sắn, trên 300 ha khoai lang, 72,6 ha mía, 47,6 ha thuốc lá và trồng mới thêm được 24,5 ha chè, 26 ha rau xanh.

Thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ lần thứ XI, chăn nuôi tiếp tục được đẩy mạnh. Năm 1971, trong toàn

huyện, đàn lợn có 14.993 con, không kể 269 con được nuôi tại 9 cơ sở chăn nuôi tập thể; đàn trâu, bò có 12.096 con.

Năm 1971, sản xuất lâm nghiệp của huyện gặp nhiều khó khăn do nạn đốt, phá rừng làm nương rẫy ở các xã Như Cố, Yên Định, Bình Văn... xảy ra nghiêm trọng hơn các năm trước; diện tích rừng bị đốt phá lên tới khoảng 300 ha. Nguyên nhân dẫn đến tình trạng này là do Nhà nước chưa có pháp lệnh bảo vệ rừng; các cấp uỷ Đảng, chính quyền từ huyện xuống các xã chưa có biện pháp quản lý, giáo dục, ngăn chặn; chưa tổ chức được các tổ, nhóm tu bổ, bảo vệ rừng. Mặt khác, việc làm nương rẫy có phần đỡ vất vả hơn so với làm ruộng, lại trốn được thuế và nghĩa vụ lương thực đối với Nhà nước nên đã thúc đẩy số người tham gia đốt, phá rừng làm nương, rẫy ngày càng tăng.

Trước tình trạng ấy, Đảng bộ không kịp thời có biện pháp lãnh đạo để ngăn chặn; công tác giáo dục chính trị tư tưởng có lúc bị buông lỏng. Đó chính là nguyên nhân cơ bản dẫn đến sự tan vỡ hàng loạt hợp tác xã, đội sản xuất ở các xã Bình Văn, Phú Đô, Sơn Cẩm, Vô Tranh... Ở nhiều xã khác, hợp tác xã nông nghiệp cũng nằm trong tình trạng không ổn định. Đến cuối năm 1971, tỷ lệ số hộ vào hợp tác xã giảm từ 95,2% (quý III năm 1970), xuống còn 80,4%⁽¹⁾.

⁽¹⁾ Theo Báo cáo tổng kết năm 1971 của Huyện uỷ Phú Lương.

Sự giảm sút của phong trào hợp tác xã là một trong những nguyên nhân hạn chế đến kết quả lãnh đạo của Đảng bộ đối với nhiệm vụ huy động sức người, sức của chi viện tiền tuyến. Bên cạnh các xã Hợp Thành, Ôn Lương có phong trào hợp tác xã khá, tuyển quân đạt 100% chỉ tiêu, các xã Bình Văn, Phú Đô, Vô Tranh, Yên Lạc... có nhiều hợp tác xã bị tan vỡ hoặc kém nát, cán bộ, đảng viên không thực sự gương mẫu cho con em đi bộ đội; cấp uỷ Đảng, chính quyền không tập trung lãnh đạo, chỉ đạo; các đoàn thể Thanh niên, Phụ nữ không được củng cố vững mạnh; số quân nhân bỏ ngũ⁽¹⁾ về không được xử lý kịp thời, ảnh hưởng xấu đến phong trào thanh niên nhập ngũ, tuyển quân đạt chỉ tiêu thấp. Năm 1971, Đảng bộ Phú Lương lãnh đạo tiến hành 3 đợt động viên tuyển quân, chi viện chiến trường, nhưng cũng chỉ huy động được 246 người vào bộ đội, đạt 51% chỉ tiêu kế hoạch.

Năm 1971, sự lãnh đạo công tác giáo dục chính trị tư tưởng của Đảng bộ còn yếu, một số cán bộ, đảng viên và nhân dân chưa nhận thức đầy đủ, đúng đắn và sâu sắc về nghĩa vụ đóng góp lương thực, thực phẩm đối với sự nghiệp kháng chiến chống Mỹ, cứu nước. Các cấp uỷ Đảng, chính quyền còn hữu khuynh, không có biện pháp xử lý đối với những trường hợp không thực hiện nghĩa vụ

⁽¹⁾ Theo báo cáo tổng kết năm 1971, toàn huyện Phú Lương có 144 quân nhân đào, bỏ ngũ về địa phương.

lượng thực, thực phẩm đối với Nhà nước. Mặt khác, một số cán bộ, đảng viên thiếu gương mẫu⁽¹⁾, nêu gương xấu cho quần chúng, nên kết quả lãnh đạo nhân dân làm nghĩa vụ lương thực, thực phẩm đối với Nhà nước năm 1971 đạt rất thấp. Đến ngày 10/11/1971, toàn huyện mới nhập kho được 322.100 kg thóc thuế và nghĩa vụ (so với chỉ tiêu chỉ đạt được trên 20%); thực hiện nghĩa vụ bán thịt lợn hơi mới được 33.566 kg (đạt 37,2% kế hoạch), thịt trâu, bò hơi 64.000 kg, gà 588 kg, cá 772 kg và rau 134.574 kg⁽²⁾.

Để khắc phục những mặt yếu, kém trên đây, căn cứ vào các chỉ thị, nghị quyết của Trung ương và của Tỉnh uỷ, Ban Thường vụ Huyện uỷ đề ra một số mục tiêu lớn cần phải tập trung lãnh đạo để đạt được trong năm 1972:

1- Đưa tổng sản lượng chiêm xuân tăng trên 20%, lúa mùa tăng trên 15%, khoai lang tăng gấp đôi; đàn lợn tăng 8%, đàn trâu, bò tăng 5% so với năm 1971.

2- Phục hồi lại các hợp tác xã đã bị tan vỡ.

3- Hoàn thành 100% chỉ tiêu nghĩa vụ đóng góp lương thực, thực phẩm và động viên tuyển quân, chi viện chiến trường; trong đó lương thực phải đạt được mức giao ổn định là 1.600 tấn thóc.

Thực hiện nghị quyết của Ban Thường vụ Huyện uỷ, ngày 1/1/1972, Ủy ban hành chính huyện tổ chức Đại hội

⁽¹⁾ Báo cáo tổng kết năm 1971 của Huyện uỷ Phú Lương.

⁽²⁾ Báo cáo tổng kết năm 1971 của Huyện uỷ Phú Lương.

ra quân sản xuất với sự tham gia của hơn 2.100 cán bộ, đảng viên, đoàn viên, thanh niên và dân quân, tự vệ. Tiếp đó, Huyện uỷ mở Hội nghị quán triệt Nghị quyết 195 của Bộ Chính trị, Nghị quyết 19 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Chỉ thị 905 của Uỷ ban hành chính tỉnh và Điều lệ hợp tác xã nông nghiệp, nhằm nâng cao nhận thức và năng lực lãnh đạo, chỉ đạo cho đội ngũ cán bộ cơ sở, khôi phục, củng cố và giữ vững phong trào hợp tác hoá nông nghiệp.

Sau Hội nghị, Ban Thường vụ Huyện uỷ lãnh đạo chính quyền và các ban, ngành thành lập các đoàn cán bộ tăng cường cơ sở xuống chỉ đạo khôi phục và củng cố phong trào hợp tác xã ở các xã Sơn Cẩm, Cổ Lũng, Vô Tranh, Phấn Mễ, Động Đạt, Phủ Lý, Phú Đô, Hợp Thành, Yên Đỗ, Bình Văn. Sau 1 tháng chỉ đạo thực hiện, các đoàn cán bộ tăng cường cơ sở đã lãnh đạo, chỉ đạo khôi phục được 1 hợp tác xã ở xã Động Đạt, 1 hợp tác xã ở xã Phủ Lý và một đội sản xuất ở xã Phấn Mễ, với trên 100 hộ trở lại làm ăn tập thể. Tuy nhiên, cùng thời gian trên, các xã Vô Tranh, Hợp Thành lại tiếp tục tan vỡ thêm 8 đội sản xuất, nên toàn huyện vẫn còn hơn 600 hộ làm ăn cá thể.

Trước tình hình đó, Huyện uỷ tăng cường lãnh đạo các xã, hợp tác xã tổ chức tuyên truyền, giáo dục rộng rãi Nghị quyết 195 và Nghị quyết 19 của Trung ương, Chỉ thị 905 của Uỷ ban hành chính tỉnh và Điều lệ hợp tác xã nông nghiệp trong Đảng bộ và nhân dân toàn huyện; đồng

thời tập trung thêm cán bộ, phân công xuống các trọng điểm, vận động nhân dân và chỉ đạo khôi phục, củng cố hợp tác xã.

Tuy Huyện uỷ có nhiều biện pháp khắc phục, nhưng phong trào hợp tác hoá trong huyện vẫn không được cải thiện. Nhiều hợp tác xã tiếp tục tan vỡ; một số hợp tác xã khá ở các xã Động Đạt, Phấn Mễ, Nông Thịnh cũng có hiện tượng hàng loạt đội sản xuất tan vỡ, xã viên bỏ sản xuất tập thể, đi phát rừng, đốt nương, làm rẫy. Phong trào hợp tác xã giảm sút nghiêm trọng. Đến cuối quý I năm 1972, tỷ lệ số hộ nông dân vào hợp tác xã giảm xuống chỉ còn 68%⁽¹⁾.

Sự yếu kém của phong trào hợp tác hoá ở Phú Lương trong những năm 1971-1972 là do những nguyên nhân cơ bản sau đây:

- Một là, phong trào hợp tác xã tuy đã xây dựng nhiều năm, nhưng không được củng cố vững chắc; các hợp tác xã chưa có phương hướng sản xuất rõ ràng, chưa có kế hoạch sản xuất hằng vụ, hằng năm và kế hoạch sản xuất dài hạn. Ban Quản trị hợp tác xã giao chỉ tiêu diện tích, năng suất, sản lượng cho các đội sản xuất còn chung chung.
- Hai là, việc phân phối ăn chia trong các hợp tác xã, các đội sản xuất còn tùy tiện; hiện tượng cán bộ (từ đội

⁽¹⁾ Báo cáo của Huyện uỷ Phú Lương quý I năm 1972.

phó trở lên) lợi dụng chức, quyền tham ô công điểm, tiền, của của hợp tác xã, hoặc giấu giếm diện tích, sản lượng để tham ô tập thể khá phổ biến.

- Ba là, công tác quản lý lao động, quản lý ruộng đất không chặt chẽ; tệ lẩn chiếm ruộng đất, phát rừng làm nương rẫy, bỏ sản xuất tập thể ra sản xuất riêng lẻ diễn ra rất nghiêm trọng.

- Bốn là, một bộ phận cán bộ, đảng viên thoái hoá, biến chất; một số lợi dụng chức quyền vay mượn, tham ô thóc, tiền của hợp tác xã thì muốn hợp tác xã tan vỡ để xoá nợ, phi tang; số có nhiều ruộng đất, nhân lực, có kinh nghiệm làm ăn thì muốn hợp tác xã tan vỡ để sản xuất riêng lẻ nhằm kiếm lời riêng; một số khác không đấu tranh nổi với 2 loại trên thì sinh ra tiêu cực, sợ thù oán, thoái thác trách nhiệm dẫn đến đảng bộ, chi bộ kém nát, bộ máy đảng, chính quyền, đoàn thể rời rạc, tê liệt⁽¹⁾.

Để khắc phục những mặt yếu, kém trên đây, Huyện uỷ tập trung lãnh đạo mở các lớp bồi dưỡng nâng cao trình độ quản lý kinh tế, trình độ kỹ thuật trồng trọt và chăn nuôi cho đội ngũ cán bộ, đảng viên. Huyện uỷ trực tiếp duyệt kế hoạch sản xuất, kịp thời đề ra chủ trương lãnh đạo đưa các giống lúa mới có năng suất cao vào canh tác; lãnh đạo các ngành Ngân hàng, Vật tư nông nghiệp phát huy chức năng, phục vụ tốt sản xuất nông nghiệp.

(1) Báo cáo tổng kết công tác năm 1972 của Huyện uỷ Phú Lương (tài liệu đã dẫn).

Cùng với nhiệm vụ khôi phục và phát triển kinh tế, Đảng bộ coi trọng lãnh đạo công tác an ninh. Ngày 16/3/1972, Ban Thường vụ Huyện uỷ ra chỉ thị chỉ rõ nhiệm vụ của Đảng bộ và nhân dân trong huyện phải “Tăng cường đoàn kết một lòng, phát huy chủ nghĩa anh hùng cách mạng, nâng cao tinh thần cảnh giác cách mạng, kiên quyết chiến đấu tiêu diệt địch, đập tan âm mưu phưu lưu chiến tranh của đế quốc Mỹ, hăng hái thi đua sản xuất tiết kiệm, xây dựng chủ nghĩa xã hội, trở thành hậu phương vững mạnh đối với tiền tuyến lớn anh hùng”.

Thực hiện chỉ thị của Ban Thường vụ Huyện uỷ, cơ quan quân sự các cấp trong huyện phối hợp với các ngành chức năng tập trung lãnh đạo, chỉ đạo công tác xây dựng, củng cố và huấn luyện lực lượng vũ trang địa phương. Công tác huấn luyện dân quân, tự vệ hằng năm đều đạt kết quả tương đối tốt; công tác tuyển quân đợt tuyển quân lần 1 năm 1972, toàn huyện vượt chỉ tiêu 22,1%. Í thức cảnh giác, sẵn sàng chiến đấu trong cán bộ, chiến sĩ lực lượng vũ trang được đề cao.

Trong khi đó, về phía đế quốc Mỹ, sau đòn tiến công chiến lược Xuân-Hè năm 1972 của quân và dân ta ở miền Nam, cùng với âm mưu “Mỹ hoá” trở lại cuộc chiến tranh xâm lược miền Nam, ngày 6/4/1972, chúng liều lĩnh huy động lực lượng lớn không quân, hải quân gây lại cuộc chiến tranh phá hoại miền Bắc.

Do đã dự đoán được âm mưu của đế quốc Mỹ và có sự chuẩn bị từ trước, quân và dân ta bình tĩnh, chủ động và tự

tin bước vào cuộc chiến đấu mới. Ngày 16/4/1972, Ban Chấp hành Trung ương Đảng và Chính phủ ra lời kêu gọi “Toàn Đảng, toàn quân, toàn dân ta, triệu người như một nêu cao chủ nghĩa anh hùng cách mạng, kiên quyết chiến đấu vì độc lập tự do của Tổ quốc, vì sự nghiệp giải phóng miền Nam, bảo vệ miền Bắc xã hội chủ nghĩa, tiến tới hoà bình thống nhất nước nhà.

Các lực lượng vũ trang nhân dân hãy dũng cảm xông lên, liên tục chiến đấu, giết giặc, cứu nước...”

Quán triệt lời kêu gọi của Ban Chấp hành Trung ương Đảng và Chính phủ, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ Bắc Thái họp phiên bất thường, phân công cán bộ đi kiểm tra, đôn đốc công tác phòng không sơ tán và chuẩn bị sẵn sàng chiến đấu của các cơ quan, đơn vị, huyện, thành trong tỉnh. Ngày 19/4/1972, Uỷ ban hành chính tỉnh ra “Chỉ thị tăng cường công tác tuyển quân, sẵn sàng chiến đấu và phòng không nhân dân trong tình hình hiện nay”. Chỉ thị khẳng định Thái Nguyên sẽ là mục tiêu đánh phá của không quân địch; quân, dân trong tỉnh phải nêu cao tinh thần cảnh giác cách mạng, sẵn sàng chiến đấu và tăng cường công tác phòng không sơ tán. Ngày 25/4/1972, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ ra Nghị quyết nêu rõ: “Để đối phó với những âm mưu độc ác của đế quốc Mỹ và bè lũ tay sai, vấn đề khẩn trương trước mắt là cần phải tiến hành gấp việc tổ chức sơ tán, phân tán, dẫn bớt mật độ dân số quá đông ở các khu vực trọng điểm để hạn chế thiệt hại đến

mức thấp nhất nếu địch đánh phá; đồng thời vẫn phải bảo đảm sản xuất và phục vụ chiến đấu tốt”.

Thực hiện các chỉ thị, nghị quyết của Tỉnh uỷ và Ủy ban hành chính tỉnh, rút kinh nghiệm trong cuộc chiến đấu chống chiến tranh phá hoại lần thứ nhất, Huyện uỷ kiên quyết lãnh đạo thực hiện tốt công tác phòng không so tán. Các ban Phòng không nhân dân, cấp cứu phòng không huyện, xã được củng cố, kiện toàn. Hệ thống hầm, hào được tu sửa và làm thêm. Những khu vực trọng điểm, những tụ điểm dân cư dọc theo Quốc lộ 3... được tổ chức sơ tán triệt để.

Do Đảng bộ lãnh đạo tốt công tác phòng không, sơ tán, nên trong cuộc chiến tranh phá hoại lần thứ hai, tuy máy bay Mỹ đánh phá Phú Lương một số trận, nhưng tính mạng, tài sản của cán bộ các cơ quan, đơn vị và nhân dân trên địa bàn huyện vẫn được bảo đảm an toàn. Ngày 25/9/1972, giặc Mỹ cho nhiều tốp máy bay vào đánh phá Mỏ than Phấn Mễ. Nhờ công tác lãnh đạo, chỉ đạo phòng tránh và tổ chức sản xuất của Đảng uỷ và Ban Giám đốc Mỏ phù hợp với thời chiến, nên đã hạn chế được thiệt hại do bom đạn địch gây ra.

Cuối tháng 6 đầu tháng 7/1972, Huyện uỷ Phú Lương lãnh đạo triển khai đợt học tập, quán triệt Nghị quyết 17 ngày 15/6/1972 của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ Bắc Thái đạt kết quả tốt. Qua học tập, hầu hết cán bộ, đảng viên trong Đảng bộ thấy rõ được nhiệm vụ “Giữ vững và phát triển sản xuất trong thời chiến, trọng tâm là sản xuất nông

nghiệp, trước hết là sản xuất lương thực, thực phẩm. Động viên sức người, sức của chi viện cao nhất cho tiền tuyến” do Ban Thường vụ Tỉnh uỷ đề ra. Huyện uỷ lãnh đạo đợt huy động dân công và dân quan tham gia sửa chữa mặt cầu cấp và đường ngầm Sơn Cẩm đạt kết quả tốt.

Không đạt được mục tiêu của cuộc chiến tranh, lại bị tổn thất nặng nề trong cuộc tập kích bằng máy bay chiến lược B52 ném bom xuống Hà Nội, Hải Phòng và một số nơi khác (từ ngày 18 đến ngày 29/12/1972), ngày 15/1/1973, giới cầm quyền Mỹ buộc phải tuyên bố “chấm dứt mọi hoạt động quân sự bao gồm ném bom, bắn trọng pháo và thả mìn” trên lãnh thổ Việt Nam dân chủ cộng hoà. Ngày 27/1/1973, chúng phải ký kết “Hiệp định Pari về chấm dứt chiến tranh, lập lại hoà bình ở Việt Nam”, cam kết tôn trọng độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của nhân dân Việt Nam; rút hết quân Mỹ, quân chư hầu và các nhân viên, cố vấn quân sự Mỹ ra khỏi miền Nam Việt Nam.

Hiệp định Pari được ký kết là một thắng lợi to lớn của nhân dân ta trong gần 20 năm chiến đấu đầy gian khổ, hy sinh; đồng thời tạo ra những cơ sở pháp lý mới rất thuận lợi cho quân và dân ta tiếp tục đẩy mạnh sự nghiệp kháng chiến chống Mỹ, cứu nước đi đến thắng lợi cuối cùng.

IV- TĂNG CƯỜNG TIỀM LỰC MỌI MẶT, CÙNG CẢ NƯỚC DỒN SỨC CHI VIỆN GIẢI PHÓNG HOÀN TOÀN MIỀN NAM (1973-5/1975)

Sau ngày Hiệp định Pari được ký kết, tranh thủ điều kiện hoà bình, dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ, nhân dân các dân tộc huyện Phú Lương ra sức đẩy mạnh sản xuất, ổn định đời sống, tăng cường chi viện chiến trường để giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước.

Bước sang năm 1973, Phú Lương vẫn chưa khắc phục được tình trạng lấn chiếm ruộng đất của hợp tác xã, năng suất lao động còn thấp do chưa tổ chức được việc phân công lao động mới và cơ sở vật chất kỹ thuật còn nghèo nàn. Một số hợp tác xã nông nghiệp vẫn chưa được khôi phục; một số hợp tác xã sau khi được phục hồi, vẫn chưa được củng cố vững chắc.

Trước tình trạng trên, với khẩu hiệu hành động: “Xuống đội, lội đồng, vào chuồng, thông kỹ thuật, bắt điển hình”, các đồng chí Huyện uỷ viên dành nhiều thời gian xuống các xã, hợp tác xã trực tiếp lãnh đạo, chỉ đạo phong trào.

Để thúc đẩy sản xuất nông nghiệp phát triển, tăng năng suất và sản lượng lương thực, Huyện uỷ ra nghị quyết quy định cơ cấu giống cho từng vụ và đầu tư phân bón cho đồng ruộng. Thực hiện nghị quyết của Huyện uỷ, một số hợp tác xã phía Bắc đã vận động các gia đình xã viên nhất lợn lấy phân bón ruộng; hướng dẫn nhân dân nuôi bèo hoa dâu, làm phân xanh, sử dụng phân hoá học và áp dụng các biện pháp kỹ thuật liên hoàn có hiệu quả. Cửa hàng Vật tư nông nghiệp huyện bán phân hoá học cho nông dân tăng gần 30% so với năm 1970.

Nhờ có biện pháp cụ thể và chỉ đạo chặt chẽ của Đảng bộ và chính quyền các cấp, Phú Lương đã phấn đấu hoàn thành vượt mức diện tích cấy lúa so với kế hoạch, trong đó gần 70% là giống lúa mới. So với năm 1970, diện tích lúa năm 1973 tăng 5,3%; năng suất tăng 13,5%; tổng sản lượng tăng 17,7%⁽¹⁾. Đến năm 1974, năng suất lúa đạt 45,51 tạ/ha (vượt mức Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XI đề ra 1%), tăng 20% so với năm 1970; tổng sản lượng đạt 14.324 tấn (tăng 20,1%). Các hợp tác xã Phấn Vàng, Việt Yên đạt 5 tấn/ha. Trong năm 1974, cả hai vụ lúa Phú Lương được mùa lớn; xã nào, hợp tác xã nào cũng có ruộng, có đội đạt 5 tấn thóc/ha⁽²⁾.

Cùng với lúa, Huyện uỷ chú trọng phát triển cây chè. Các hợp tác xã: Phấn Vàng, (xã Phấn Mễ), Việt Yên (xã Yên Trạch)...vừa thâm canh cây lúa, giải quyết tốt lương thực, vừa mở rộng diện tích trồng chè. Các hợp tác xã Bình Long (xã Vô Tranh), Giang Tiên (xã Cổ Lũng), từ chỗ hầu như không có cây chè, đã trồng được hàng chục ha chè đúng kỹ thuật...Tính đến năm 1973, toàn huyện trồng được 242 ha chè (đạt 100% kế hoạch tỉnh giao); vùng phía nam huyện bắt đầu hình thành nhiều hợp tác xã chuyên canh chè.

⁽¹⁾ Bản kiểm điểm của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Phú Lương (khoá XI)-1974.

⁽²⁾) B/c của BCHĐB Phú Lương trước Đại hội Đảng bộ lần thứ XII - số 5/BC-HU -30/4/1975.

Những xã và hợp tác xã có cơ sở chăn nuôi tập trung (Giang Tiên, Phấn Vàng) trồng thêm khoai lang và các loại rau để tăng thức ăn cho gia súc. Để động viên khuyến khích nông dân bán lợn cho Nhà nước, huyện chủ trương hỗ trợ thóc cho các gia đình chăn nuôi. Nhờ đó, trong năm 1973, huyện Phú Lương đã đạt và vượt chỉ tiêu trên giao về nghĩa vụ thực phẩm. Năm 1973, ở hợp tác xã Bá Sơn, hầu như hộ gia đình nào cũng có từ 2 đến 6 con lợn; có hộ nuôi 11, 12 con. Đây là hợp tác xã dẫn đầu huyện về làm nghĩa vụ thực phẩm (16 tấn 52 kg, vượt gần 5 tấn so với kế hoạch được giao).

Năm 1974, đàn trâu của huyện có 14.298 con (đạt 89,3% kế hoạch), tăng 6,4%; đàn lợn có 16.579 con (đạt 92,1% kế hoạch), tăng 9,4% so với năm 1970.

Nghề nuôi, thả cá cũng được chú ý phát triển. Đảng bộ vận động nhân dân thực hiện công hữu hoá hồ, ao có quy mô diện tích từ 100 m² trở lên để nuôi, thả cá; giúp đỡ các hợp tác xã đã có hồ, ao về kinh nghiệm kinh doanh cá, tiếp tục ổn định và nhân rộng trong toàn huyện. Nhiều địa phương trong huyện phát triển nghề nuôi cá đạt hiệu quả tốt, điển hình là các xã Phấn Mễ, Cổ Lũng, Thanh Bình, Ôn Lương...

Tháng 10/1974, Huyện uỷ tổ chức Hội nghị tổng kết công tác chăn nuôi 2 năm (1973-1974). Hội nghị khẳng định: “Chăn nuôi tuy có nhiều tiến bộ nhưng chưa nhận thức đầy đủ Nghị quyết của Trung ương Đảng, còn ngại

khó hoặc tổ chức nuôi không tốt bị lỗ lại bỏ, chưa mạnh dạn đầu tư vốn nên đàn lợn tập thể và gia đình chưa đáp ứng được nhu cầu phục vụ nhân dân và làm nghĩa vụ với Nhà nước”.

Do làm tốt công tác giáo dục chính trị tư tưởng và đời sống nhân dân có phần được cải thiện, cho nên việc thực hiện nghĩa vụ lương thực có nhiều chuyển biến tốt hơn trước. Riêng trong 2 năm (1972-1973), mức huy động lương thực ở cửa hàng Đu tăng 12,23% so với năm 1970. Các Hợp tác xã Hồng Lê (xã Động Đạt), Phấn Vàng (xã Phấn Mễ), Môn Bình (xã Hợp Thành), Xuân Phú (xã Ôn Lương) hoàn thành vượt mức chỉ tiêu làm nghĩa vụ lương thực đối với Nhà nước. Các hợp tác xã khác cũng hoàn thành hoặc xấp xỉ hoàn thành kế hoạch.

Rừng và đất rừng là một tiềm năng lớn và là thế mạnh của Phú Lương. Tuy nhiên, tiềm năng này chưa được khai thác tốt. Trước tình hình đó, giữa năm 1974, Huyện uỷ đưa ra chủ trương tất cả các hợp tác xã đều phải làm nghề rừng, trồng cây, tổ chức đội chuyên khai thác, tu bổ và bảo vệ rừng...

Thực hiện chủ trương của Huyện uỷ, từ cuối năm 1974, nghề rừng ở Phú Lương có bước phát triển mới. Những khu rừng gỗ mỡ, bồ đề, vầu... được tu bổ và phát triển. Các hợp tác xã ở Nông Thịnh, Nông Hạ có biện pháp duy trì nghề rừng tương đối tốt, giá trị tổng sản lượng thu trên 1 triệu đồng, bình quân nhân khẩu nông

nghiệp 19,00 đồng⁽¹⁾. Song, tệ nạn phá rừng làm nương, rẫy trồng lúa, ngô vẫn xảy ra nghiêm trọng ở nhiều nơi trong huyện. Hằng năm, số rừng bị tàn phá trên dưới 500 ha; trong khi đó, Lâm trường Nhà nước trồng 3 năm (1971-1973) mới được 129 ha.

Các công trình giao thông, thuỷ lợi phát triển ngày một tốt, tạo điều kiện thuận lợi cho công tác lưu thông phân phối trên địa bàn huyện và với các huyện bạn. Các hợp tác xã vận động xã viên bỏ ra hàng chục vạn ngày công lao động xã hội chủ nghĩa để xây dựng cơ sở vật chất, làm các công trình phúc lợi công cộng của các hợp tác xã và tận dụng các nguồn hỗ trợ của Nhà nước để phát triển hệ thống thuỷ lợi...

Một trong những nhiệm vụ hàng đầu được Đảng bộ đặc biệt quan tâm là củng cố và đẩy mạnh phong trào hợp tác hoá nông nghiệp. Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XI (1970) đề ra mức “Phấn đấu đến cuối năm 1973 đưa được 95% hộ nông dân lao động vào làm ăn tập thể và giáo dục cán bộ, đảng viên, quần chúng xã viên chấp hành tốt Điều lệ hợp tác xã và chế độ chính sách quản lý tư liệu sản xuất, thực hiện tốt ba cuộc cách mạng, đẩy mạnh phong trào tiến lên mạnh mẽ”.

Huyện uỷ xác định: “Muốn đưa giai cấp nông dân đi lên chủ nghĩa xã hội, không có con đường nào khác con

⁽¹⁾ Báo cáo của Ban Chấp hành huyện Đảng bộ Phú Lương trước Đại hội huyện lần thứ XII.

đường đưa nông dân vào hợp tác xã sản xuất nông nghiệp, có hợp tác xã thì ở nông thôn mới có chủ nghĩa xã hội, có hợp tác xã nông nghiệp thì mới thực hiện được Nghị quyết lần thứ 19 của Ban Chấp hành Trung ương là đưa nền nông nghiệp từ sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, làm cơ sở cho sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá”⁽¹⁾.

Nhằm khắc phục những mặt yếu kém trong những năm trước, ngay sau Đại hội XI, Huyện uỷ lãnh đạo tổ chức cho cán bộ, đảng viên học tập Nghị quyết 195 của Trung ương Đảng về nâng cao chất lượng đảng viên, kết hợp học tập Nghị quyết số 2 của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện; lấy việc củng cố hợp tác xã, đẩy mạnh sản xuất làm trọng tâm; đồng thời nâng cao trình độ cán bộ, đảng viên ở nông thôn về công tác quản lý hợp tác xã, kỹ thuật cấy lúa...

Thông qua việc học tập Nghị quyết 19, 20 của Trung ương, Huyện uỷ kiểm điểm sâu sắc những ưu, khuyết điểm trong công tác lãnh đạo củng cố phong trào hợp tác xã; tổ chức cho cán bộ xã đi tham quan học tập điển hình tiên tiến ở các huyện, tỉnh bạn; tập trung lực lượng cán bộ xuống cơ sở để củng cố, giữ vững và phát triển phong trào hợp tác xã.

⁽¹⁾ Bản kiểm điểm của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Phú Lương (khoá XI).

Xuất phát từ tình hình thực tế của địa phương, căn cứ vào ý kiến chỉ đạo của Tỉnh uỷ, Huyện uỷ Phú Lương ra Nghị quyết nêu rõ: Cần phải kiên trì, giữ vững quy mô hợp tác xã hiện có trong toàn huyện để ổn định đối với những nơi hợp tác xã tạm thời tan vỡ... Đối với những hộ xin ra hợp tác xã, kiên quyết thực hiện đúng tinh thần Chỉ thị số 905 của Tỉnh uỷ Bắc Thái về ruộng đất, trâu cày... Căn cứ vào quy định của tỉnh về chế độ phụ cấp công cho cán bộ hợp tác xã, huyện đề ra những quy định cụ thể cho từng loại hợp tác xã có quy mô khác nhau, cán bộ chuyên trách khác nhau, theo đúng nguyên tắc “làm nhiều hưởng nhiều, không làm không hưởng”. Huyện cũng chỉ đạo kiên quyết đấu tranh thu róc nợ để hợp tác xã có vốn sản xuất kinh doanh; những trường hợp ngoan cố sẽ kiên quyết xử lý; thực hiện thí điểm công tác “3 khoán” ở hợp tác xã Yên Thịnh (xã Yên Ninh); tập huấn “3 khoán” và kỹ thuật cây, con cho cán bộ huyện, xã, hợp tác xã trong toàn huyện; xây dựng nội quy quản lý đàn trâu hợp tác xã; hằng năm tiến hành bình xét loại, phát công điểm hai lần cho sát tình hình chăm sóc, bảo vệ gia súc của từng hộ xã viên.

Ngày 20/11/1973, Huyện uỷ mở Hội nghị tổng kết 13 năm (1960-1973) xây dựng hợp tác xã sản xuất nông nghiệp. Trên cơ sở phân tích, đánh giá tình hình, Hội nghị đề ra phương hướng, nhiệm vụ xây dựng phong trào hợp tác hoá năm 1974 và những năm tiếp theo. Nhờ có đường

lối, chủ trương đúng đắn và quyết tâm cao của toàn Đảng bộ cũng như của nhân dân các dân tộc trong huyện, một số hợp tác xã tan vỡ được phục hồi. Số hộ nông dân vào hợp tác xã tăng từ 68,1% (năm 1971), lên 74% (năm 1974). Toàn huyện có 16 hợp tác xã tiên tiến, 20 hợp tác xã trung bình, 13 hợp tác xã kém, 6 hợp tác xã nát, kém và 8 hợp tác xã mới được phục hồi. Các Hợp tác xã Phú Thành (xã Phấn Mễ), Đồng Chùa, Đồng Tâm (xã Túc Tranh), Bản Quất (xã Như Cố)... là những hợp tác xã điển hình tiên tiến của huyện. Đến hết quý I/1975, toàn huyện có 6.223 hộ (chiếm 82,3% số nông hộ) và trên 4.000 ha ruộng đất canh tác (chiếm 83% tổng số diện tích canh tác toàn huyện) đã vào hợp tác xã.

Là một huyện có khả năng rất lớn về phát triển thủ công nghiệp, nhưng trong những năm 1973-1975, nghề thủ công chưa được phát triển đúng mức, giá trị các mặt hàng thủ công chưa cao, chưa thu hút được người làm nghề. Trên địa bàn huyện có 2 nhà máy công nghiệp của tỉnh: Nhà máy giấy 62 và Nhà máy đường, nhưng chỉ có Nhà máy giấy hoạt động tương đối tốt, đời sống công nhân ổn định. Nhà máy đường, do nguồn mía không đủ cung cấp, nên không sử dụng hết công suất, công nhân không có việc làm ổn định, lương không đều, đời sống công nhân gặp rất nhiều khó khăn.

Ngành Giáo dục huyện trong thời gian này cũng có nhiều chuyển biến tốt. Hầu hết con em đồng bào các dân

tộc trong độ tuổi đều được đến trường học. Tính đến năm 1975, bình quân trên địa bàn huyện, cứ 5 người dân có 2 người đi học. Phong trào thi đua “Hai tốt” tiếp tục được duy trì và đẩy mạnh. Nhờ đó, chất lượng giảng dạy và học tập trong các nhà trường từng bước được nâng lên. Kết quả thi hết cấp năm học 1973-1974: Cấp I đạt 86%, cấp II đạt 88%, cấp III đạt 90% kế hoạch. Nếu so với năm học 1972-1973, cấp I tăng 6%, cấp II tăng 8% và cấp III tăng 10%⁽¹⁾. Đến năm học 1974-1975, tỷ lệ học sinh tốt nghiệp ở cả 3 cấp học đều đạt trên 100% so với chỉ tiêu kế hoạch.

Chính sự quan tâm đầu tư kịp thời của cấp uỷ Đảng, chính quyền và nhân dân trong huyện đã giúp đội ngũ thầy, cô giáo thêm yêu nghề và yên tâm công tác. Song, bên cạnh đó, một số xã chưa quan tâm đúng mức đến công tác giáo dục; một số thầy, cô giáo thiếu tinh thần trách nhiệm với nghề, ý thức tổ chức kỷ luật lỏng lẻo, ảnh hưởng không tốt đến chất lượng dạy và học. Ngành học mẫu giáo còn thiếu và yếu, nhất là về cơ sở vật chất. Hệ thống lớp học chưa được xây dựng đầy đủ, nhất là ở các xã vùng sâu, vùng xa. Ở một số nơi, trẻ em muốn đến lớp học, phải đi trên một quãng đường rất xa và khó khăn. Vì vậy, nhiều gia đình, nhất là đồng bào các dân tộc ít người, không có điều kiện cho con, em đi học. Đến đầu năm

(1) Báo cáo sơ kết công tác 6 tháng đầu năm 1974 ngày 15/7/1974 – BCHĐB Phú Lương.

1975, Phú Lương còn 100 trẻ thất học và hàng ngàn em học chưa hết cấp I đã phải nghỉ ở nhà đi lao động⁽¹⁾. Ngành học bổ túc văn hoá tuy được chú ý, nhưng chưa trở thành phong trào rộng rãi ở hầu hết các cơ quan, xí nghiệp...

Công tác chăm sóc, bảo vệ sức khoẻ nhân dân được quan tâm hơn trước. Một số trạm y tế được mở rộng; trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cũng như tinh thần, thái độ phục vụ của đội ngũ y, bác sỹ cũng được nâng cao. Một số bệnh dịch thường xảy ra ở những năm trước được đẩy lùi.

Việc thực hiện chính sách hậu phương quân đội cũng như công tác động viên tuyển quân được Đảng bộ và các cấp chính quyền, đoàn thể thực hiện tốt. Từ cuối năm 1973, Phú Lương là một trong ba huyện được Bộ chỉ huy quân sự tỉnh chỉ đạo tổ chức cho cán bộ và nhân dân học tập chính sách hậu phương quân đội. Sau đợt học tập, nhân dân Phú Lương cùng với nhân dân hai huyện Phú Bình và Phổ Yên đã tự nguyện đóng góp, ủng hộ gia đình thương binh, liệt sỹ, gia đình bộ đội neo đơn: 8.260 cây tre, 8.550 tàu lá cọ, 309 công, làm mới 30 ngôi nhà⁽²⁾. Nhân dịp các ngày lễ, tết, ngày Thương binh-Liệt sỹ (27/7)

⁽¹⁾ Báo cáo của BCH Đảng bộ huyện Phú Lương trước Đại hội đại biểu huyện lần thứ XII

⁽²⁾ Thái Nguyên: Lịch sử kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954-1975) - 2001 - Tr.319.

hàng năm, các cấp uỷ Đảng, chính quyền và các đoàn thể quần chúng trong huyện đều tổ chức thăm viếng, dâng hoa, thắp hương tại nghĩa trang liệt sĩ; thăm hỏi, động viên và tặng quà các gia đình thương binh, liệt sĩ, các gia đình có công với nước...

Thông qua việc giáo dục, động viên bằng nhiều hình thức kết hợp với việc thực hiện tốt chính sách hậu phương quân đội, Đảng bộ và nhân dân các dân tộc Phú Lương thường xuyên đảm bảo hoàn thành và vượt chỉ tiêu tuyển quân hàng năm. Riêng đợt tuyển quân năm 1974, Phú Lương đã vượt 1% so với chỉ tiêu được giao.

Cùng với nhiệm vụ tuyển quân chi viện chiến trường miền Nam đánh Mỹ, lực lượng dân quân, tự vệ của huyện được bổ sung, huấn luyện thường xuyên, góp phần đập tan mọi âm mưu, hành động phá hoại của bọn gián điệp và tội phạm khác, đảm bảo trật tự an ninh trên địa bàn. Ngày 28/8/1974, Bộ chỉ huy quân sự tỉnh quyết định thành lập Đại đội dân quân, du kích xã Động Đạt làm nhiệm vụ tác chiến tại chỗ và cơ động chiến đấu trên địa bàn các huyện Phú Lương, Đại Từ, Định Hoá, Võ Nhai.

Năm 1974, lực lượng vũ trang Phú Lương hoàn thành tốt công tác huấn luyện quân sự trước thời hạn và công tác xây dựng hậu phương tác chiến ở những nơi xung yếu, được Ủy ban hành chính tỉnh Bắc Thái tặng Bằng khen.

Bước sang năm 1975, thời cơ kết thúc cuộc kháng chiến chống Mĩ, cứu nước, giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước đã đến. Yêu cầu chi viện chiến trường miền Nam trở thành nhiệm vụ số một và là tình cảm thiêng liêng của toàn Đảng, toàn dân và toàn quân trong cả nước.

Với khẩu hiệu “Vì đồng bào miền Nam ruột thịt”, “Vì trách nhiệm giải phóng miền Nam”, ngay từ đầu năm 1975, cùng với các địa phương khác, huyện Phú Lương đã tiến hành một chiến dịch động viên tuyển quân quy mô lớn, dồn dập trong 3 đợt liên, huy động được 467 con, em ưu tú của mình vào bộ đội, đảm bảo giao quân nhanh, gọn, vượt chỉ tiêu.

Trên chiến trường miền Nam đánh Mỹ, con, em nhân dân các dân tộc huyện Phú Lương đã từng lập nhiều chiến công và góp phần to lớn vào Đại thắng mùa Xuân 1975 của dân tộc. Trong số đó, tiêu biểu là đồng chí Trần Xuân Thiện (sinh năm 1954, quê ở xã Động Đạt, trú quán tại xã Phấn Mễ, nhập ngũ tháng 9/1972), đã lập công xuất sắc trong cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân năm 1975: Bắn cháy 1 xe tăng, 1 xe bọc thép M.113, tịch thu 1 xe bọc thép M.113 và 1 xe ô tô GMC, tiêu diệt và bắt gọn gần 100 tên địch, thu 3 máy thông tin và 1 máy ảnh. Ngày 6/11/1978, đồng chí đã được Đảng và Nhà nước phong tặng danh hiệu cao quý: Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân.

Trải qua 10 năm cùng cả nước trực tiếp kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1965-1975), Đảng bộ Phú Lương đã lãnh đạo nhân dân trong huyện thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ vừa sản xuất, vừa chiến đấu chống chiến tranh phá hoại, đồng thời đóng góp sức người, sức của cho các chiến trường.

Trên mặt trận động viên tuyển quân, xây dựng lực lượng vũ trang, chi viện chiến trường, trong 10 năm kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, huyện Phú Lương đã thực hiện 40 chiến dịch tuyển quân lớn, nhỏ; huy động 4.052 con, em ưu tú thuộc đủ các dân tộc sinh sống trên địa bàn vào bộ đội. Riêng xã Phấn Mễ đạt kỷ lục cao nhất so với các xã, phường và thị trấn trong tỉnh, có tới 17% số dân trong xã lên đường tòng quân đánh giặc. Con, em đồng bào các dân tộc Phú Lương đã từng tham gia chiến đấu trên khắp các chiến trường ba nước Đông Dương. Trong số đó, nhiều người đã lập công xuất sắc, được Đảng và Nhà nước tặng thưởng các danh hiệu vẻ vang: Anh hùng lực lượng vũ trang, Chiến sĩ Thi đua, Chiến sĩ Quyết thắng, Dũng sĩ diệt Mỹ, Dũng sĩ diệt ngụy...; 672 người con ưu tú của Phú Lương đã vĩnh viễn nằm lại trên các chiến trường, được Tổ quốc ghi công là liệt sĩ; 311 người con để lại một phần xương máu, được Nhà nước ghi nhận là thương binh.

Huyện Phú Lương cũng có biết bao người mẹ, người vợ đã sẵn sàng hy sinh cống hiến những người thân ruột thịt của mình cho sự nghiệp giải phóng và bảo vệ Tổ

quốc. Mẹ Nguyễn Thị Định, quê ở xã Yên Trạch, lấy chồng ở xã Phượng Tiến (huyện Định Hoá) đã 3 lần tiễn 3 người con lên đường đánh Mỹ. Mẹ Nguyễn Thị Mùi ở xã Vô Tranh, có chồng là liệt sỹ thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược (1945-1954), 1 con là liệt sỹ trong thời chống Mỹ (1954-1975) và 1 con hy sinh trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc (1975 đến nay). Các mẹ Vũ Thị Ba ở Phấn Mễ, Phó Thị Thanh, Nguyễn Thị Tẻo ở Sơn Cẩm, Nguyễn Thị Nhượng, Hoàng Thị Sỏi ở Cổ Lũng có con độc nhất là liệt sỹ chống Mỹ. Các mẹ đã được Đảng và Nhà nước phong tặng và truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng.

Sự hy sinh cống hiến vô giá của các bà mẹ, của các anh hùng, liệt sỹ, thương binh và nhân dân các dân tộc huyện Phú Lương đã góp phần cùng với quân và dân cả nước làm nên Đại thắng mùa Xuân năm 1975 lịch sử.

Trong niềm vui giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước, Đảng bộ và nhân dân các dân tộc huyện Phú Lương rất tự hào đã phát huy tốt truyền thống của quê hương cách mạng, góp phần xứng đáng vào thắng lợi vĩ đại của dân tộc.

Từ thực tiễn 10 năm lãnh đạo nhân dân các dân tộc thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ sản xuất, chiến đấu và chỉ viện chiến trường, Đảng bộ Phú Lương rút được nhiều bài học kinh nghiệm quý báu để tiếp tục vận dụng thành công trong thời kỳ thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược: Xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Chương III

THỰC HIỆN HAI NHIỆM VỤ CHIẾN LƯỢC: XÂY DỰNG VÀ BẢO VỆ TỔ QUỐC (1975 - 1985)

I- ĐẨY MẠNH SẢN XUẤT, ỔN ĐỊNH VÀ TÙNG BƯỚC CẢI THIẾN ĐỜI SỐNG NHÂN DÂN (1975-1980)

Với Đại thắng mùa Xuân năm 1975, đỉnh cao là Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử, nhân dân ta đã thực hiện trọn vẹn lời mong ước của Bác Hồ: “Đánh cho Mỹ cút, đánh cho ngụy nhào”. Cách mạng nước ta từ đây chuyển sang thời kỳ mới - thời kỳ cả nước độc lập, thống nhất và cùng đi lên chủ nghĩa xã hội.

Trong niềm vui chung của cả nước, được sự nhất trí của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ, từ ngày 3 đến 7/5/1975, Đảng bộ huyện Phú Lương tổ chức Đại hội đại biểu lần thứ XII. Đại hội phân tích, đánh giá những thành tựu và

những mặt hạn chế, yếu kém trong công tác lãnh đạo của Đảng bộ nhiệm kỳ trước. Trên cơ sở đó, Đại hội đã thông qua phương hướng, nhiệm vụ phát triển kinh tế-xã hội của địa phương trong 2 năm 1976-1978; đề ra mục tiêu cụ thể đến năm 1976 sản lượng lương thực đạt 17.570 tấn (tăng trên 1.000 kg so với năm 1975); phân bón đảm bảo 10 tấn trên 1 hécta gieo trồng; nâng tổng số đàn lợn lên 18.300 con (tăng 10% so với năm 1974), trong đó đàn lợn nái sinh sản và lợn đực giống là 15.000 con; đàn trâu là 15.000 con (tăng 5% so với năm 1974). Đối với nhiệm vụ củng cố hợp tác xã, Đại hội nêu rõ: “Trên cơ sở quán triệt Nghị quyết 19, Nghị quyết 20, Nghị quyết 22 của Trung ương, Chỉ thị 208 của Ban Bí thư, thông qua học tập, vận động thực hiện Điều lệ chi tiết hợp tác xã cho phù hợp với phân vùng cụ thể, từ đó nêu rõ những biện pháp quản lý, chủ trương cải tiến kỹ thuật, tổng kết cho được những kinh nghiệm làm ăn tiên tiến của các đơn vị điển hình trong huyện, phổ biến học tập kinh nghiệm... nhằm ra sức bồi dưỡng giáo dục cho cán bộ, đảng viên, xã viên nâng cao trình độ giác ngộ xã hội chủ nghĩa, trình độ quản lý kinh tế hợp tác xã, trình độ khoa học kỹ thuật... đẩy mạnh xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật, phát huy mạnh mẽ quyền làm chủ tập thể của quần chúng xã viên... Tổ chức lại sản xuất cho phù hợp với yêu cầu, phấn đấu tăng các hợp tác xã tiên tiến lên chiếm tỷ lệ 30%, hợp tác xã khá 70%, xoá hợp tác xã kém nát...; đưa 95% hộ nông dân

toàn huyện vào hợp tác xã”⁽¹⁾. Đối với công tác tài chính, thương nghiệp, Đại hội nhấn mạnh phải làm tốt chức năng giúp đỡ các hợp tác xã xây dựng ngân sách, đảm bảo thu, chi đúng chính sách hiện hành. Ngành Ngân hàng bảo đảm nguồn vốn cho vay kịp thời và đúng đối tượng, đáp ứng nhu cầu phát triển sản xuất. Đại hội cũng nêu rõ lực lượng quân sự địa phương phối hợp cùng lực lượng công an đảm bảo công tác an ninh trật tự và chi viện cho phía trước khi có yêu cầu. Đối với công tác xây dựng Đảng, Đại hội chỉ rõ tiếp tục quán triệt Nghị quyết 23, Chỉ thị 225 của Trung ương Đảng về nâng cao chất lượng đảng viên, chi bộ Đảng; phấn đấu đến năm 1976, toàn Đảng bộ có 100% chi bộ đạt tiêu chuẩn phấn đấu tốt, trong đó có 60% xuất sắc.

Đại hội khẳng định vai trò to lớn của khối đoàn kết toàn dân. Vì vậy, Đại hội nêu mục tiêu cần kiện toàn tổ chức Mặt trận cơ sở, phát huy chức năng động viên, tập hợp mọi tầng lớp nhân dân tham gia các phong trào thi đua yêu nước: “Phải phát động phong trào sâu rộng của quần chúng theo ba hướng lớn: Hăng hái thi đua lao động sản xuất và thực hành tiết kiệm; tích cực tham gia xây dựng nền nếp quản lý kinh tế, củng cố hợp tác xã và hoàn thiện một bước quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa; đấu

⁽¹⁾ Báo cáo chính trị tại Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Phú Lương lần thứ XII.

tranh xoá bỏ những tệ nạn xã hội và những hiện tượng tiêu cực trong đời sống và sản xuất... Phong trào thi đua lao động sản xuất và thực hành tiết kiệm nhằm vào mục tiêu: Không ngừng tăng năng suất lao động, nâng cao chất lượng, hạ giá thành sản phẩm, hoàn thành và hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao”⁽¹⁾.

Để đảm bảo cho phong trào thi đua trên phạm vi toàn huyện được sôi nổi và liên tục, Đại hội giao nhiệm vụ cho các cấp uỷ phải ra sức lãnh đạo toàn diện; các ngành, các giới cần giáo dục sâu sắc cho quần chúng, nhất là giai cấp công nhân, giai cấp nông dân tập thể, tầng lớp trí thức xã hội chủ nghĩa hiểu rõ nghĩa vụ và quyền lợi của người công dân, quyền làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa, tiếp tục động viên các tầng lớp nhân dân hăng hái tiến quân vào mặt trận kinh tế, mặt trận khoa học kỹ thuật, phấn đấu hoàn thành và hoàn thành vượt mức nhiệm vụ, mục tiêu của Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XII.

Đại hội bầu Ban Chấp hành Đảng bộ gồm 21 uỷ viên chính thức, 2 uỷ viên dự khuyết, do đồng chí Phan Mục Vinh làm Bí thư; các đồng chí Phan Công Nhượng và Ma Văn Quyền làm Phó Bí thư. Ban Thường vụ Huyện uỷ gồm 11 đồng chí.

⁽¹⁾ Báo cáo chính trị tại Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Phú Lương lần thứ XII.

Nghị quyết Đại hội Đảng bộ lần thứ XII có tác dụng soi sáng cho cán bộ, đảng viên và nhân dân các dân tộc trong huyện thực hiện nhiệm vụ chính trị. Phú Lương là một huyện miền núi, kinh tế còn rất nhiều khó khăn, diện tích đất canh tác chiếm tỷ lệ thấp, đời sống nhân dân còn hết sức thiếu thốn. Sau ngày giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước, quán triệt tinh thần Chỉ thị 218/CT-TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng, Nghị quyết 61/CP của Hội đồng Chính phủ, các Nghị quyết 45, 46 của Tỉnh uỷ về tổ chức lại sản xuất theo hướng làm ăn lớn xã hội chủ nghĩa, Huyện uỷ ra Nghị quyết số 55 ngày 8 tháng 5 năm 1976 về xác định phương hướng sản xuất trên địa bàn toàn huyện và từng vùng sản xuất. Ngày 27 tháng 8 năm 1976, Huyện uỷ thông qua đề án về phương hướng nhiệm vụ và các mục tiêu kinh tế-xã hội của địa phương trong thời kỳ mới.

Trên mặt trận sản xuất nông - lâm nghiệp, trong hai năm 1975-1976, huyện Phú Lương gặp nhiều khó khăn do thời tiết thất thường. Liên tiếp trong hai vụ Đông-Xuân 1974-1975 và 1975-1976, nhiều đợt rét đậm kéo dài, nhiệt độ xuống thấp, mạ chiêm xuân bị chết nhiều, diện tích gieo cấy bị thiếu nước nghiêm trọng. Đến vụ mùa năm 1976, lại xảy ra hạn hán lớn kéo dài chưa từng có. Bên cạnh đó là sâu bệnh phá hoại lúa và hoa mầu trên diện rộng...

Dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng bộ và chính quyền các cấp, nhân dân các dân tộc trong huyện đã nỗ

lực, phần đầu đạt diện tích gieo, trồng từ 92% đến 97% so với kế hoạch. Năng suất lúa các năm nhìn chung đều đạt ở mức độ khá. Năm 1975, năng suất lúa bình quân hai vụ đạt 43 tạ/ha; riêng vụ mùa đạt 25,21 tạ/ha. Vụ Đông-Xuân 1975-1976, mặc dù thời tiết khắc nghiệt, nhưng năng suất lúa toàn huyện vẫn đạt 18,45 tạ/ha. Tổng sản lượng thóc trong năm 1975 đạt 14.206 tấn 926 kg.

Để khắc phục tình trạng thiếu hụt về lương thực, toàn huyện tập trung phát triển cây mầu. Nhờ có những chủ trương và biện pháp tích cực, diện tích trồng mầu trên địa bàn huyện tăng từ 7% đến 12% so với hai năm trước (1973, 1974); đồng thời bước đầu đã hình thành những vùng chuyên canh.

Đối với huyện Phú Lương, trước đây cây ngô vốn là cây mầu truyền thống, được gieo trồng theo phương thức quảng canh, năng suất thấp và chưa trở thành cây mầu chính. Thực hiện đề án phát triển kinh tế do Huyện uỷ đề ra, từ những năm 1975-1976, cây ngô được đưa vào đồng ruộng và bước đầu cho năng suất khá, bình quân mỗi ha đạt 13 tạ. Bên cạnh việc mở rộng diện tích trồng ngô, Phú Lương còn trồng thí điểm khoai tây, dong giềng, đỗ tương xuân, v.v... trên phạm vi toàn huyện. Tuy diện tích gieo, trồng còn ít và đang trong giai đoạn thực nghiệm, nhưng năng suất thu hoạch khá cao, mở ra hướng mới trong việc phát triển hoa mầu trên địa bàn huyện.

Chè là cây công nghiệp chủ yếu của huyện Phú Lương, nhưng diện tích trồng chè còn manh mún, tự phát trong dân. Bước vào thời kỳ mới, theo đề án kinh tế của Huyện uỷ, từ năm 1975, trên địa bàn Phú Lương bước đầu đã hình thành một số vùng chuyên canh chè, với tổng diện tích 664,5 ha; trong đó có 1/3 diện tích đã cho thu hoạch, bán cho Nhà nước và trao đổi trên thị trường tự do. Do có đầu tư, áp dụng các biện pháp thâm canh, cây chè đã cho năng suất tương đối cao. Đến năm 1976, năng suất toàn huyện đạt bình quân 733 kg chè búp tươi/ha (vượt chỉ tiêu do Đại hội Đảng bộ lần thứ XII đề ra là 133 kg).

Cùng với cây chè, căn cứ vào đặc điểm địa hình, đất đai của địa phương, cây mía bước đầu cũng được mở rộng diện tích canh tác ở các xã phía Bắc để cung cấp nguyên liệu cho Xí nghiệp đường của huyện. Năm 1974, toàn huyện chỉ có 20 ha trồng mía. Đến năm 1976, diện tích trồng mía đã tăng lên 51,1 ha. Tuy nhiên, việc phát triển cây mía mới chỉ là bước đầu, chưa có kinh nghiệm thâm canh, nên năng suất còn thấp.

Ngành chăn nuôi tiếp tục được giữ vững. Tính đến năm 1975, tổng đàn trâu toàn huyện có 14.217 con, tăng 1,3%; đàn lợn có 20.211 con, tăng 4,7% so với năm 1974. Việc chăn nuôi lợn trong các gia đình xã viên phát triển tốt. Trên 90% hộ gia đình tự túc được thức ăn, nhất là thức ăn tinh cho lợn; do đó, số lợn xuất chuồng đều đạt tiêu

chuẩn. Công tác tiêm phòng cho gia súc, gia cầm được quan tâm chú ý, nên không có dịch bệnh xảy ra. Toàn huyện có 4 cơ sở nuôi, ương cá giống, bước đầu đảm bảo nhu cầu tối thiểu cung cấp con giống trên địa bàn huyện.

Các hợp tác xã nghề rừng và khai thác tài nguyên rừng bước đầu làm ăn có lãi⁽¹⁾. Trong hai năm 1975- 1976, các hợp tác xã trồng được trên 40 ha rừng. Giá trị sản lượng năm 1975 tăng 11,78%, năm 1976 vượt 8,25%. Nạn phá rừng, khai thác lâm sản trái phép và làm nương rẫy giảm hẳn.

Do sản xuất phát triển, nên mặc dù còn rất nhiều khó khăn, nhưng nhân dân các dân tộc trong huyện vẫn tích cực đóng góp nghĩa vụ cho Nhà nước. Trong năm 1975, nhân dân huyện Phú Lương nộp cho Nhà nước 1.476 tấn; đến năm 1976, nộp 1.100 tấn, đóng góp thực phẩm năm 1975 là 186.342 kg, năm 1976 là 241.882 kg lợn hơi. Ngoài ra, nhân dân còn bán thêm cho Nhà nước: 44.835 kg thịt trâu, 1.112 kg thịt gia cầm, 1.860 kg cá. Sản phẩm cây công nghiệp bán cho Nhà nước mỗi năm một tăng. Năm 1975, bán 31.328 kg thuốc lá, 9.254 kg chè búp tươi. Đến năm 1976, bán được 53.141 kg thuốc lá (vượt 33% kế hoạch), 12.237 kg chè búp tươi. Các mặt hàng lâm thổ sản và trâu cày bán cho Nhà nước hằng năm đều vượt chỉ tiêu tỉnh giao. Năm 1975, bán được 2.195.175 tấn lá cọ;

⁽¹⁾ Năm 1975 lãi 95.000 đồng, năm 1976 lãi 145.000 đồng.

455.050 cây tre, nửa các loại (vượt 51%), 150 con trâu (đạt 107%). Năm 1976, bán 2.466.166 tàu lá cọ, 544.577 cây tre, nửa (vượt chỉ tiêu 47%), 159 con trâu, vượt 9% kế hoạch tỉnh giao.

Công tác tuyển quân và tuyển lao động đều vượt kế hoạch trên giao. Năm 1975, cả hai đợt tuyển quân vượt 4,83%; năm 1976 vượt 1%. Tuyển lao động trong năm 1975 được 276 người; năm 1976 được 412 người, vượt 6% kế hoạch. Với kết quả đó, huyện Phú Lương được xếp thứ hai của tỉnh về chỉ tiêu tuyển lao động cho các ngành.

Ngành Tiểu thủ công nghiệp ở Phú Lương tuy còn rất nhỏ bé và manh mún, nhưng bước đầu đã phát huy được kết quả. Nhờ biết khai thác thế mạnh tài nguyên, đảm bảo cung cấp nguyên liệu, cho nên trong hai năm (1975-1976), Xí nghiệp giấy Phùng Chí Kiên đều hoàn thành chỉ tiêu sản xuất do Nhà nước giao; đời sống công nhân dần dần ổn định và từng bước được cải thiện. Xí nghiệp đường Chợ Mới, dù còn nhiều khó khăn, nhưng bước đầu đã sắp xếp được việc làm cho công nhân và từng bước ổn định bộ máy tổ chức. Các hợp tác xã May đo, Mành xuất khẩu, Xí nghiệp vận tải thô sơ... bước đầu được củng cố lại, từng bước làm ăn có hiệu quả.

Quán triệt các nghị quyết chuyên đề của Trung ương, của tỉnh về củng cố các hợp tác xã yếu kém, Huyện uỷ và Uỷ ban hành chính huyện quan tâm lãnh đạo và chỉ đạo

thực hiện cuộc cách mạng quan hệ sản xuất, coi đó là nhiệm vụ trọng tâm, gắn với trách nhiệm của mỗi cán bộ, đảng viên trong toàn huyện. Nhờ có sự lãnh đạo và chỉ đạo sâu sát của các cấp bộ Đảng và chính quyền, từ năm 1975 đến cuối năm 1976, toàn huyện đã kết nạp thêm gần 1.000 hộ nông dân vào hợp tác xã; xây dựng thêm 10 hợp tác xã với trên 520 hộ; số hộ xã viên từ 82% (năm 1974), tăng lên 91% tổng số hộ nông dân (năm 1976). Ba xã: Bình Văn, Quảng Chu, Phú Đô và 5 xóm: Thanh Trà (xã Sơn Cẩm), Tiên Thông, Na Mụ, Kim Lan, Đèo Lam (xã Yên Lạc) từ chỗ là những “xã trắng”, “xóm trắng”, đã xây dựng được hợp tác xã nông nghiệp.

Huyện uỷ đã lãnh đạo hợp nhất 21 hợp tác xã quy mô nhỏ thành 9 hợp tác xã có quy mô vừa và lớn; trong đó có 4 hợp tác xã quy mô toàn xã. Như vậy, đến cuối năm 1976, toàn huyện có 12 hợp tác xã quy mô toàn xã. Để tổ chức lại sản xuất theo tinh thần Chỉ thị 208 của Ban Bí thư Trung ương Đảng và Nghị quyết 61 của Hội đồng Chính phủ, Huyện uỷ tập trung lãnh đạo củng cố 2 hợp tác xã Phấn Mễ và Liên Hoàn; bước đầu rút được một số kinh nghiệm cho công tác lãnh đạo, chỉ đạo các hợp tác xã trong toàn huyện.

Nhìn chung, sau hai năm lãnh đạo tổ chức, sắp xếp lại, các hợp tác xã trong huyện đã có những tiến bộ rõ nét về tổ chức sản xuất, thành lập các đội chuyên (chuyên cây,

chuyên con), cũng như về quản lý lao động. Tình trạng lãng phí lao động, “dơ công phóng điểm”, được hạn chế một bước; việc phân công, phân nhiệm, ăn chia phân phối được cải tiến, khắc phục một bước tình trạng tham ô lãng phí.

Thực hiện Nghị quyết 45 và 46 của Tỉnh uỷ, Nghị quyết 55 và 102 của Huyện uỷ, nhiều hợp tác xã trong huyện đã xây dựng được phương hướng sản xuất lâu dài đến năm 1980 và đề ra nhiệm vụ cụ thể trong 2 năm trước mắt (1977-1978); xác định được các loại cây, con cơ bản; đồng thời có kế hoạch mở rộng diện tích gieo trồng cây lúa, hoa màu, cây công nghiệp và nghề rừng. Cán bộ, đảng viên trong Đảng bộ và các xã viên hợp tác xã được tổ chức học tập chính sách quản lý ruộng đất theo tinh thần Nghị quyết 125/CP và Chỉ thị 231 của Chính phủ. Trên cơ sở đó, Huyện uỷ tập trung chỉ đạo thí điểm ở một số xã; đồng thời hướng dẫn các xã còn lại lập biểu mẫu, kê khai chuẩn bị thực hiện theo chính sách hiện hành.

Quy mô hợp tác xã toàn xã cũng có chiều hướng phát triển tốt. Toàn huyện có 304 đội sản xuất tổng hợp và đội chuyên ở quy mô vừa phải; trong đó có 260 đội sản xuất tổng hợp, 8 đội chuyên thuỷ lợi, 5 đội chuyên chăn nuôi lợn, 9 đội chuyên chăn thả cá, 22 đội chuyên cây chè...; không kể một số đội chuyên sản xuất lâm nghiệp, vật liệu xây dựng... Quy mô thích hợp cùng với việc thành lập các

đội chuyên là một trong những yếu tố nâng cao chất lượng các hợp tác xã nông nghiệp. Theo tiêu chuẩn của Trung ương quy định, toàn huyện có khoảng 92,5% số hợp tác xã với 95,2% tổng số hộ xã viên và 94,7% tổng số ruộng đất được xếp loại khá và trung bình. Số hợp tác xã yếu, kém chiếm 7,5% với 4,8% tổng số hộ xã viên và 5,3% ruộng đất.

Thực hiện chủ trương của Đảng và Chính phủ, các cấp Đảng bộ và chính quyền lãnh đạo nhân dân các xã Tức Tranh, Yên Lạc, Vô Tranh, Phú Đô tiếp nhận 731 hộ gồm 4.025 nhân khẩu của huyện Phú Xuyên, tỉnh Hà Tây lên xây dựng và phát triển kinh tế, văn hoá. Những hộ gia đình này được tổ chức thành 5 hợp tác xã, chủ yếu chuyên canh cây chè và cây mía. Được sự quan tâm của Đảng bộ, chính quyền và sự giúp đỡ của nhân dân địa phương, đồng bào nhanh chóng ổn định cuộc sống và bắt tay vào sản xuất.

Nhằm nâng cao sản lượng lương thực và hoa màu, được sự quan tâm lãnh đạo của các cấp Đảng bộ, các hợp tác xã trong huyện đẩy mạnh việc áp dụng tiến bộ khoa học vào sản xuất. Các giống lúa mới có năng suất cao được đưa vào gieo, trồng trên 90% diện tích vụ mùa và 80% diện tích vụ xuân. Phong trào làm phân bón và nuôi bèo hoa dâu được duy trì và mở rộng trong các hợp tác xã. Trong vụ sản xuất Đông-Xuân 1975 - 1976, toàn huyện

có gần 300 ha lúa được thả bèo dậu. Nếu tính cả nguồn phân các loại, bình quân mỗi héc ta được bón từ 7 đến 7,5 tấn phân; một số hợp tác xã đạt chỉ tiêu từ 8 đến 10 tấn phân/ha, chấm dứt tình trạng cấy chay. Các biện pháp cấy đúng kỹ thuật cũng được các hợp tác xã thực hiện, bảo đảm mật độ từ 35-40 khóm/m². Nhiều hợp tác xã duy trì việc gieo mạ trên sân, gieo thẳng đạt kết quả tốt.

Song song với quá trình lãnh đạo các hợp tác xã đẩy mạnh việc áp dụng các thành tựu khoa học kỹ thuật vào sản xuất, Đảng bộ rất coi trọng công tác thuỷ lợi kết hợp với làm đường giao thông nông thôn.

Dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp uỷ Đảng và chính quyền, các hợp tác xã đã huy động hàng ngàn ngày công làm mới và sửa chữa nhiều công trình thuỷ lợi vừa và nhỏ. Tính riêng trong hai năm 1975 - 1976, toàn huyện đã hoàn thành 2 công trình, 7 hồ đập ngăn nước và hàng chục km nương máng dẫn nước. Nhờ đó, Phú Lương đã vượt qua được trận hạn hán gay gắt kéo dài chưa từng có trong vụ mùa năm 1976.

Mạng lưới giao thông nông thôn cũng được cải tạo và xây dựng mới. Ngoài việc huy động nhân công sửa chữa hệ thống cầu, đường sẵn có, Phú Lương còn hoàn thành xây dựng 400 km đường liên thôn, liên xã và trên 40 km đường bờ vùng, bờ thửa. Một số hợp tác xã đã tự mua sắm được xe trâu, không kể các loại xe cải tiến, xe quét... để

vận chuyển, góp phần giải phóng đôi vai cho người lao động. Đáng chú ý có một số hợp tác xã, do làm ăn có tích lũy, đã tự mua sắm và sử dụng máy móc cơ khí nhỏ (máy xay xát, máy cày Đông Phong, máy bơm nước chạy dầu...)

Cùng với sản xuất nông nghiệp và củng cố hợp tác xã nông nghiệp, trong hai năm (1975-1976), Đảng bộ và Ủy ban nhân dân huyện quan tâm đến công tác khôi phục và củng cố hợp tác xã mua bán cũng như hợp tác xã tín dụng ở nông thôn. Đến năm 1976, 23/24 xã trong toàn huyện có hợp tác xã mua bán, 20/24 xã có hợp tác xã tín dụng. Cũng vào thời điểm này, huyện Phú Lương đã cơ bản xoá bỏ được các hợp tác xã kém nết, cơ sở vật chất được tăng cường; các hình thức kinh doanh và phục vụ được củng cố, nên hoạt động bước đầu có hiệu quả.

Ngành Giáo dục Phú Lương có những bước chuyển biến khá mạnh ở cả 3 ngành học: Phổ thông, bổ túc văn hoá và võ lòng. Tính đến năm 1976, toàn huyện có gần 2 vạn học sinh phổ thông và học viên bổ túc văn hoá các cấp; đạt bình quân cứ 3 người dân có một người đi học. Phong trào bổ túc văn hoá không chỉ được đẩy mạnh trong các cơ quan, mà còn bắt đầu được nhen nhóm ở nông thôn. Trên 300 cán bộ chủ chốt và nam, nữ thanh niên hăng hái theo học các lớp bổ túc văn hoá cấp 1 và cấp 2. Trong các nhà trường phổ thông, phong trào thi

đua “2 tốt” tiếp tục được đẩy mạnh. Cơ sở vật chất phục vụ cho việc dạy và học trong nhà trường được tăng cường, cho nên về cơ bản đã giải quyết được tình trạng học 3 ca. Cũng nhờ đó, chất lượng giảng dạy và học tập có phần được nâng lên.

Công tác y tế, chăm lo sức khoẻ cho cán bộ và nhân dân được các cấp bộ Đảng và chính quyền quan tâm. Tính đến năm 1976, toàn huyện có 21/24 xã đã xây dựng được trạm xá. Nhiều trạm xá có nhiều cố gắng trong việc chữa bệnh theo phương pháp Đông-Tây y kết hợp. Các chỉ tiêu khám, chữa bệnh đều hoàn thành; công tác bảo vệ bà mẹ, trẻ em từng bước được hoàn thiện và có chiều hướng phát triển tốt. So với năm 1974, số nhà trẻ tăng 11%; số cháu đến nhà trẻ tăng 7%. Công tác tuyên truyền, vận động sinh đẻ có kế hoạch được đông đảo chị em phụ nữ, trong đó có 2/3 là chị em nữ nông thôn tích cực hưởng ứng.

Phong trào vệ sinh phòng bệnh được thường xuyên kiểm tra, đôn đốc. Toàn huyện có 1/4 số hộ hoàn thành 3 công trình: Nhà tắm, giếng nước, hố tiêu 2 ngăn. Vì vậy, các ổ dịch bệnh, đặc biệt là dịch sốt rét ác tính đã kịp thời phát hiện và dập tắt.

Các hoạt động văn hoá, xã hội cũng có bước chuyển biến tốt. Khoảng 70% số cơ quan, đơn vị và 50% số xã trong toàn huyện có phong trào thường xuyên rèn luyện sức khỏe. Phòng Văn hoá-Thông tin huyện có nhiều cố

gắng vươn lên khắc phục khó khăn về cơ sở vật chất, hoàn thành tốt nhiệm vụ chính trị của địa phương. Các buổi chiếu bóng, biểu diễn văn nghệ, cũng như công tác phát hành báo chí... được duy trì, góp phần to lớn vào nhiệm vụ tuyên truyền chủ trương chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước, nâng cao nhận thức chính trị và cải thiện đời sống tinh thần cho nhân dân. Việc thực hiện và xây dựng nếp sống văn minh theo tinh thần Chỉ thị 214 của Ban Bí thư và Quyết định 56/CP của Hội đồng Chính phủ được đẩy mạnh, góp phần hạn chế các hủ tục và mê tín dị đoan. Các chế độ, chính sách đối với gia đình có công, gia đình thương binh, liệt sỹ... được các cấp bộ Đảng, chính quyền quan tâm giải quyết kịp thời.

Những kết quả đạt được trên các mặt công tác trong những năm 1975-1976 không tách rời vai trò lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng bộ, Ủy ban nhân dân và đoàn thể quần chúng các cấp trong huyện.

Nhằm nâng cao sức chiến đấu của các tổ chức Đảng, Huyện ủy đặc biệt coi trọng công tác xây dựng Đảng bộ vững mạnh trên cả ba mặt: Chính trị, tư tưởng và tổ chức. Ban Chấp hành Đảng bộ tiếp tục triển khai trong cán bộ, đảng viên học tập Chỉ thị 192, Nghị quyết 23, Nghị quyết 24 của Trung ương về công tác kiện toàn các cấp ủy Đảng. Trong năm 1976, Đảng bộ cử 12 đồng chí đi học dài hạn, 26 đồng chí đi học ngắn hạn; trong đó có 15

đồng chí là cán bộ xã. 100% chi bộ khối cơ quan, 23/24 đảng bộ khối nông thôn cũng được bồi dưỡng lý luận chủ nghĩa Mác-Lênin. Thông qua các đợt học tập, sinh hoạt chính trị, nhìn chung cán bộ, đảng viên trong Đảng bộ có tư tưởng lập trường kiên định, nêu cao tinh thần tiên phong, gương mẫu.

Số cơ sở đảng và số lượng đảng viên của Đảng bộ ngày càng tăng. Trong năm 1975, toàn Đảng bộ có 49 chi, đảng bộ cơ sở, trong đó có 19 đảng bộ xã và cơ quan; 56 chi bộ nhỏ dưới đảng uỷ. Đến cuối năm 1976, Đảng bộ Phú Lương đã có 56 chi, đảng bộ cơ sở trong đó có 24 đảng bộ xã và cơ quan; 109 chi bộ nhỏ ở đội sản xuất và các đội chuyên. Cùng thời gian này, Đảng bộ Phú Lương có 2.004 đảng viên, chiếm 3,3% số dân trong huyện.

Cùng với sự phát triển về số lượng, chất lượng của các tổ chức cơ sở đảng được nâng cao. Đến năm 1976, theo sơ bộ phân loại, toàn Đảng bộ có 16 cơ sở đạt loại khá; 28 cơ sở loại trung bình và 5 cơ sở vào loại kém. Số cán bộ trẻ, có trình độ khoa học kỹ thuật được bổ sung tham gia vào các cấp uỷ Đảng, đáp ứng yêu cầu mới ngày càng cao hơn của sự nghiệp cách mạng. Chất lượng đảng viên cũng được nâng lên. Năm 1975, trong tổng số 1.268 đảng viên tham gia phân loại, có 636 đồng chí đạt loại tích cực (chiếm 50%); 481 đồng chí loại trung bình (chiếm 37%); 151 đồng chí thuộc loại kém (chiếm 13%). Đến năm

1976, trong tổng số 1.949 đảng viên tham gia phân loại, có 1.244 đồng chí đạt danh hiệu đảng viên tích cực (chiếm 63%); 595 đồng chí loại trung bình (chiếm 31,1%); 110 đồng chí thuộc loại kém (chiếm 6,9%).

Trong cuộc vận động thực hiện Chỉ thị 192, cùng với công tác phát triển đảng viên mới, Đảng bộ thi hành kỉ luật 415 đảng viên vi phạm khuyết điểm (chiếm 22,7% tổng số đảng viên).

Được sự quan tâm lãnh đạo của Đảng bộ, cuộc bầu cử Hội đồng nhân dân hai cấp huyện và xã thành công tốt đẹp. Trên cơ sở đó, Ủy ban nhân dân từ huyện xuống xã từng bước được củng cố và kiện toàn, có nhiều cố gắng cải tiến lề lối làm việc. Bộ máy chính quyền các cấp trong huyện bước đầu phát huy được vai trò, chức năng của mình về chỉ đạo sản xuất, quản lý hành chính và quản lý kinh tế theo địa bàn lãnh thổ.

Mặt trận và các đoàn thể Công đoàn, Thanh niên, Phụ nữ... làm tốt công tác động viên, tổ chức và giáo dục quần chúng nêu cao tinh thần đoàn kết nhất trí, vượt mọi khó khăn, phấn đấu hoàn thành các chỉ tiêu phát triển kinh tế, xã hội do Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XII đã đề ra.

Lực lượng dân quân, tự vệ được các cấp ủy Đảng và chính quyền quan tâm, vừa củng cố tổ chức, giáo dục chính trị tư tưởng, vừa tích cực tham gia huấn luyện

chuyên môn, nghiệp vụ. Các cơ quan Công an, Viện Kiểm soát, Tòa án cũng được kiện toàn, phát huy tốt chức năng của mình trong quá trình thực hiện nhiệm vụ chính trị ở địa phương. Nhờ đó, công tác an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn huyện vẫn được đảm bảo tốt.

Với những thành tích đạt được trong hai năm 1975-1976, Đảng bộ và nhân dân các dân tộc Phú Lương đã được Chính phủ tặng 108 Bằng khen; hàng ngàn người đạt danh hiệu Lao động tiên tiến, 9 Chiến sỹ thi đua; hàng chục Chiến sỹ quyết thắng; 6 đơn vị được Nhà nước công nhận là Tổ, Đội Lao động xã hội chủ nghĩa; hàng chục đơn vị đạt danh hiệu Đơn vị tiên tiến cấp tỉnh.

Đó là nguồn động viên to lớn tiếp thêm sức mạnh cho Đảng bộ và nhân dân các dân tộc Phú Lương tiếp tục thi đua phấn đấu thực hiện những nhiệm vụ chính trị do Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện lần thứ XIII (vòng 2) nêu lên⁽¹⁾. Đại hội được tổ chức từ ngày 4 đến ngày 8 tháng 6 năm 1977 nhằm kiểm điểm, đánh giá những thành tích và hạn chế trong nhiệm kỳ XII; đồng thời xác định nhiệm vụ của Đảng bộ trong nhiệm kỳ mới (1977-1979) là: “Ra sức phát triển sản xuất nông-lâm nghiệp, cây công nghiệp và thủ công nghiệp một cách toàn diện. Tích cực xây dựng

(1) Đại hội lần thứ XIII (vòng 1) họp từ ngày 27/10 -- 1/11/1976. Đại hội vòng 1 có nhiệm vụ thảo luận đóng góp bản dự thảo Sửa đổi Điều lệ Đảng và Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng tại Đại hội đại biểu Đảng toàn quốc lần thứ IV.

cơ sở vật chất, kỹ thuật, phát triển mạnh giao thông, thủy lợi, tăng cường công tác lưu thông phân phối. Tiếp tục củng cố và hoàn thiện quan hệ sản xuất, ra sức cải tiến quản lý kinh tế, tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa. Nâng cao hơn nữa chất lượng hoạt động văn hoá, giáo dục, y tế, thể dục thể thao... nhằm cải thiện một bước đời sống vật chất, văn hoá của nhân dân. Ra sức xây dựng Đảng vững mạnh cả về chính trị, tư tưởng và tổ chức, củng cố và phát huy vai trò của chính quyền và các đoàn thể quần chúng, đảm bảo cho từng tổ chức của Đảng, đoàn thể và bộ máy chính quyền đủ sức làm tròn nhiệm vụ trong giai đoạn mới⁽¹⁾. Đại hội cũng chỉ ra những khâu trọng yếu trong quá trình lãnh đạo, chỉ đạo nhằm phát huy sức mạnh toàn Đảng, toàn dân hoàn thành thắng lợi các nhiệm vụ, mục tiêu kinh tế-xã hội:

- Một là, thông qua cuộc vận động tổ chức lại sản xuất, cải tiến quản lý trong các ngành kinh tế trọng yếu nông-lâm nghiệp, toàn huyện phải thực hiện tốt Nghị quyết 125/CP của Hội đồng Chính phủ, các nghị quyết của Trung ương và của tỉnh về ruộng đất, nhằm đẩy mạnh sản xuất lương thực, thực phẩm, từng bước phát huy tiềm năng của một địa phương có thế mạnh về nghề rừng, cây công nghiệp và chăn nuôi.

⁽¹⁾ Báo cáo chính trị tại Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Phú Lương lần thứ XIII.

- Hai là, tăng nhanh tốc độ xây dựng cơ sở vật chất-kỹ thuật để đáp ứng yêu cầu phát triển Ngành Nông-Lâm nghiệp, phục vụ cho xây dựng cơ bản, giao thông, thủy lợi.

- Ba là, tổ chức tốt công tác lưu thông phân phối, phục vụ kịp thời cho sản xuất và đời sống.

Để thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ trên đây, Đại hội chỉ ra những giải pháp quan trọng như sau:

1- Kiện toàn các tổ chức Đảng, chính quyền và các đoàn thể quần chúng từ huyện đến xã. Đảng phải thật sự trở thành hạt nhân, đoàn kết nhất trí, trên cơ sở đường lối, chính sách và nguyên tắc của Đảng, luôn luôn kiên định lập trường tư tưởng của giai cấp công nhân và tính tiên phong gương mẫu của cán bộ, đảng viên.

2- Củng cố vững chắc quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa, đặc biệt coi trọng củng cố hợp tác xã sản xuất nông nghiệp, để hợp tác xã thực sự là đơn vị kinh tế tập thể xã hội chủ nghĩa bước đầu đủ ăn và có tích lũy... Từng bước phân bố lại lao động một cách hợp lý trong các hợp tác xã và các ngành, nghề, chú trọng đào tạo đội ngũ cán bộ, nhất là cán bộ quản lý kinh tế, khoa học kỹ thuật.

3- Phát huy quyền làm chủ tập thể của quần chúng nhân dân trong việc tham gia quản lý kinh tế, quản lý xã hội. Phải tạo cho được phong trào cách mạng thật sôi nổi đều khắp trong nhân dân các dân tộc toàn huyện. Nêu cao tinh thần tự lực tự cường, dám nghĩ, dám làm, không ỷ lại, trông chờ.

Trên cơ sở xác định phương hướng phát triển sản xuất nông-lâm công nghiệp theo hướng tổ chức lại sản xuất và cải tiến quản lý hợp tác xã, Đại hội đã nêu lên một số chỉ tiêu phấn đấu đến năm 1978: Diện tích cấy lúa xuân đạt 1.800 ha, diện tích cấy lúa mùa đạt 5.700 ha; năng suất thu hoạch bình quân đạt 27 tạ/ha; sản lượng lương thực đạt 21.434 tấn, trong đó sản lượng thóc đạt 17.010 tấn. Đối với các loại cây công nghiệp, Đại hội nêu rõ mức phấn đấu trong nhiệm kỳ phải trồng thêm 800 ha chè, 100 ha mía... Ngành Lâm nghiệp huyện phải tiến tới giao đất, giao rừng cho các hợp tác xã quản lý và kinh doanh từ việc trồng rừng, tu bổ, bảo vệ đến khai thác...

Quan tâm đến sự nghiệp giáo dục, y tế, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ nêu rõ từng bước xây dựng cơ sở vật chất cho nhà trường, tiến tới xây dựng phòng học kiên cố và bán kiên cố; phát triển ngành học mẫu giáo, thu hút 100% số cháu đến tuổi đi học; thường xuyên bồi dưỡng đội ngũ giáo viên để không ngừng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ. Thường xuyên chăm lo sức khoẻ nhân dân, đẩy mạnh công tác vệ sinh phòng bệnh, tiếp tục chỉ đạo thực hiện dứt điểm 3 công trình vệ sinh (giếng nước, nhà tắm, hố tiêu 2 ngăn) đến tất cả các thôn xóm, bản làng trong huyện.

Để thực hiện thắng lợi các mục tiêu trên, Đại hội nhấn mạnh; “Ra sức xây dựng, củng cố chính quyền và các đoàn thể quần chúng, tạo thành sức mạnh tổng hợp của

chuyên chính vô sản, hoàn thành mọi nhiệm vụ Đảng giao”⁽¹⁾.

Đại hội bầu Ban Chấp hành Đảng bộ gồm 23 uỷ viên chính thức và 1 uỷ viên dự khuyết. Tại kỳ họp lần thứ nhất (9/6/1977), Ban Chấp hành Đảng bộ khoá XIII bầu ra Ban Thường vụ Huyện uỷ, gồm 10 đồng chí. Đồng chí Phan Công Nhượng được bầu làm Bí thư Huyện uỷ; các đồng chí Bế Văn Xuân và Nông Văn Minh được bầu làm Phó Bí thư.

Khi bước vào thực hiện nhiệm vụ chính trị và các mục tiêu kinh tế xã hội những năm 1977 - 1979, cùng với cả nước, Đảng bộ và nhân dân Phú Lương có nhiều thuận lợi. Đó là lúc nhân dân ta đã hoàn thành thắng lợi nhiệm vụ khắc phục hậu quả chiến tranh. Việc thống nhất đất nước về Nhà nước cũng đã hoàn thành, tạo cơ sở cho việc thống nhất đất nước trên mọi phương diện. Đại hội đại biểu Đảng toàn quốc lần thứ IV (12/1976) đã xác định đường lối chung và đường lối xây dựng, phát triển kinh tế của nước ta trong suốt thời kỳ quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội.

Song bên cạnh đó, trong bối cảnh chung của cả nước, Đảng bộ và nhân dân Phú Lương đã phải đối mặt với nhiều khó khăn ngày càng gay gắt. Vừa ra khỏi cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước kéo dài trên 20 năm ác liệt, nhân dân ta lại phải đương đầu với cuộc chiến tranh

(1) Báo cáo chính trị tại Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Phú Lương lần thứ XIII.

xâm lấn biên giới ở phía Tây Nam và phía Bắc Tổ quốc. Huyện Phú Lương chẳng những phải tiếp tục khắc phục những mặt yếu kém trong những năm trước, mà còn cùng với cả nước làm tốt công tác hậu phương chi viện kịp thời sức người, sức của cho phía trước.

Sẵn có truyền thống yêu nước, cần cù và sáng tạo trong lao động sản xuất, được sự quan tâm chỉ đạo trực tiếp của Tỉnh uỷ, các cấp uỷ Đảng tập trung lãnh đạo nhân dân và các lực lượng vũ trang trong huyện nhanh chóng chuyển trạng thái từ thời bình sang thời chiến, xây dựng phương án phòng thủ, phương án chiến đấu khi tình huống xảy ra; xác định quyết tâm xây dựng huyện Phú Lương trở thành hậu phương vững mạnh của trận tuyến phía Bắc.

Từ kết quả bước đầu trên mặt trận sản xuất nông nghiệp của những năm 1976-1977, trong những năm 1978-1979, diện tích cấy lúa không ngừng tăng lên từ 4,6% đến 8%; riêng vụ lúa Đông-Xuân năm 1979-1980, diện tích gieo trồng đạt 114,7%; năng suất đạt 18,16 tạ/ha; vụ mùa đạt năng suất 23,19 tạ/ha.

Trong ba năm (1977-1979), thời tiết cũng diễn ra hết sức khắc nghiệt, ảnh hưởng rất lớn đến năng suất cây trồng. Quán triệt tư tưởng chỉ đạo của Trung ương, của tỉnh, bám sát đề án phát triển kinh tế từng vùng, Đảng bộ huyện lãnh đạo nhân dân chú trọng phát triển các loại cây

mẫu (ngô, khoai lang, sắn...) và đã cho kết quả tốt, làm tăng tỷ trọng mẫu trong lương thực từ 13,8% (1976) lên 21% (1979). Đặc biệt, sản lượng cây mẫu trong khu vực tập thể ngày càng cao, xuất hiện nhiều điển hình tốt trong thâm canh cây ngô xuống ruộng. Sản lượng cây mẫu tăng đã giúp cho nhân dân trong huyện khắc phục được một phần sự thiếu hụt lương thực do thời tiết gây nên.

Sau cây lúa và hoa mẫu, cây chè được tiếp tục quan tâm phát triển. Riêng 3 năm (1977-1979), toàn huyện trồng mới 488,6 ha. Vùng chè tập trung đã hình thành ở 6 xã phía Nam huyện là những địa phương vốn có truyền thống làm cây chè nhiều năm. Một số cây công nghiệp ngắn ngày, có giá trị xuất khẩu (thuốc lá, hương nhu, bạc hà...) tuy mới thu hoạch bước đầu, nhưng qua khảo nghiệm cho thấy rất phù hợp với đất đai thổ nhưỡng ở Phú Lương, hứa hẹn khả năng thâm canh tăng năng suất trên diện rộng.

Ngành chăn nuôi của huyện sau thời kỳ khó khăn do thời tiết, dịch bệnh, con giống không đảm bảo, lúc này được đầu tư phát triển có chiều hướng tốt. Đặc biệt, khu vực chăn nuôi tập thể từng bước được mở rộng cả về số lượng và chất lượng, làm tiền đề phát triển cho những năm tới theo tinh thần Nghị quyết 11 của Ban Thường vụ Huyện uỷ. Các loại vật nuôi đại gia súc, gia cầm hàng năm đều tăng. Tính đến năm 1979, toàn huyện có 6 trại

chăn nuôi lợn tập thể với 342 lợn nái cơ bản; không kể đàn trâu, bò gồm hàng ngàn con. Các Trại cá Phấn Mễ, Yên Trạch hằng năm sản xuất con giống cung cấp đủ cho nhu cầu trong huyện.

Ngành Lâm nghiệp từ chỗ hầu hết là những cơ sở yếu kém trong những năm trước, đã vươn lên loại khá. Trong các đơn vị thuộc khu vực quốc doanh, kết quả khai thác cung cấp các mặt hàng lâm sản cần thiết cho Nhà nước đều vượt kế hoạch và bước đầu làm ăn có lãi.

Những tiến bộ đạt được trong sản xuất nông-lâm nghiệp không chỉ góp phần cải thiện đời sống nhân dân, mà còn giúp cho huyện làm tốt nghĩa vụ đối với Nhà nước. Thu nhập bình quân mỗi nhân khẩu từ 13 kg thóc/tháng (năm 1977), đã tăng lên 15 kg (1978) và 17kg (1979). Năm 1977, toàn huyện thu mua được 1.315,556 tấn lương thực, 160,024 tấn thực phẩm; đến năm 1979, số lượng thu mua lương thực tăng lên 1.528,726 tấn, thu mua thực phẩm tăng lên 214 tấn. Các chỉ tiêu thu mua sản phẩm cây công nghiệp (chè, thuốc lá), chỉ tiêu tuyển quân, tuyển lao động cho các ngành trong 3 năm đều đạt và vượt kế hoạch trên giao.

Trong quá trình lãnh đạo sản xuất, Đảng bộ rất quan tâm đến việc củng cố và hoàn thiện quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa. Huyện uỷ đã tổ chức học tập, quán triệt và vận dụng các Nghị quyết 08 và 12 của Ban Thường vụ

Tỉnh uỷ vào hoàn cảnh cụ thể của địa phương. Thông qua đó, trong 2 năm (1977-1978), phong trào hợp tác hoá được củng cố và bước đầu phát triển. Toàn huyện có thêm 784 hộ nông dân vào hợp tác xã, đưa số hộ xã viên từ 86% tổng số hộ nông dân trong năm 1976, lên 95% trong năm 1978. Quy mô hợp tác xã được mở rộng. Năm 1977, toàn huyện có 34 hợp tác xã được hợp nhất thành 13 hợp tác xã lớn. Năm 1978, cùng với việc lãnh đạo tổ chức thực hiện chủ trương công hữu ao, hồ và đất rừng ở xã Ôn Lương, Huyện uỷ chỉ đạo hợp nhất 10 hợp tác xã thành 4 hợp tác xã quy mô toàn xã. Đến năm 1980, toàn huyện có 18 hợp tác xã quy toàn xã. Quy mô các đội sản xuất cũng được tổ chức lại cho phù hợp; mỗi đội trực tiếp quản lý từ 30 đến 45 ha đất canh tác. Hoạt động của các hợp tác xã và các đội sản xuất dần dần di vào nền nếp. Các hợp tác xã đã tự xác định được phương hướng sản xuất, kinh doanh lâu dài, xây dựng được kế hoạch sản xuất từng năm, từng vụ.

Các hợp tác xã tiểu thủ công nghiệp tiếp tục được duy trì và phát triển. Hằng năm, lực lượng lao động trong các hợp tác xã được bổ sung, chỉ tiêu kế hoạch do Nhà nước giao đều hoàn thành và hoàn thành vượt mức. Các hợp tác xã mạnh cộ Giang Tiên và Đu sản xuất được các mặt hàng xuất khẩu có giá trị.

Nhằm phục vụ sản xuất nông nghiệp, Huyện uỷ và Uỷ ban nhân dân huyện tập trung lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức

thực hiện dứt điểm các công trình thủy nông: Hồ Thẩm Bồ (Bình Văn), hồ Khuổi Sao (Như Cố), đập Na Phảng (Yên Trạch). Hệ thống giao thông trên địa bàn huyện tiếp tục được sửa chữa và làm mới. Riêng tuyến đường Yên Định đi Như Cố, huyện đã huy động 1.000 lao động lên công trường. Ngoài ra, nhân dân còn tự sửa chữa và làm mới 55 km các tuyến đường dân sinh liên thôn, liên xóm.

Cùng với nhiệm vụ phát triển kinh tế, xã hội, Đảng bộ Phú Lương rất quan tâm đến công tác giáo dục, động viên các lực lượng vũ trang và nhân dân trong huyện tích cực thực hiện nhiệm vụ cấp trên giao. Từ ngày 27/2 đến ngày 31/5/1978, Bộ chỉ huy quân sự tỉnh phối hợp với các ngành huy động lực lượng dân quân, tự vệ và Trung đoàn 677 bộ đội địa phương của tỉnh tiến hành chiến dịch làm đường Bắc Chợ Rã. Cùng với một số huyện, thành trong tỉnh, huyện Phú Lương huy động 500 đoàn viên thanh niên tham gia chiến dịch, với tổng số 15.530 ngày công. Nhờ thực hiện tốt việc tổ chức quân sự hoá, quản lý và duy trì kỷ luật lao động chặt chẽ, tích cực cải tiến công cụ lao động (làm máng trượt, làm xe cải tiến), trải qua hai tháng lao động, Phú Lương đạt 170% so với kế hoạch được giao⁽¹⁾. Đảng bộ và nhân dân các dân tộc huyện Phú Lương còn làm tròn vai trò hậu phương, chi viện quân và

⁽¹⁾ Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Thái nguyên: Lịch sử lực lượng vũ trang nhân dân tỉnh Thái Nguyên (1975-2000). NXB QĐND-2004, tr. 58.

dân biên giới phía Bắc. Không những là nơi đứng chân của các đơn vị bộ đội chủ lực thuộc Quân đoàn III, huyện Phú Lương đã huy động nhiều con, em tham gia chiến đấu ngay từ những ngày đầu chống quân xâm lược ở tuyến biên giới phía Bắc để bảo vệ toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc. Trong tuyển quân đợt 1 năm 1979 (giao quân tháng 2 và tháng 4), Phú Lương đã vượt chỉ tiêu trên giao 1%.

Quán triệt tinh thần chỉ đạo của Trung ương về xây dựng phòng tuyến phía Bắc, Đảng bộ huyện chủ trương phát huy sức mạnh của lực lượng thanh niên với phong trào “Ba xung kích làm chủ tập thể”. Hưởng ứng chủ trương của Đảng bộ, toàn huyện đã có 4.000 đoàn viên, thanh niên đăng ký sẵn sàng nhận nhiệm vụ khi có lệnh. Đó là không kể trên 400 đoàn viên thanh niên với trên 10.000 ngày công tham gia xây dựng phòng tuyến tại huyện Na Rì (Bắc Kạn). Ngoài ra, lực lượng đoàn viên thanh niên huyện còn đảm nhận công việc xây dựng hệ thống hầm, hào, phòng tuyến chiến đấu ở các xã, các cơ quan, đơn vị, trường học; tham gia lực lượng dân quân, tự vệ, ngày đêm luyện tập, canh phòng, sẵn sàng chiến đấu bảo vệ quê hương.

Sau khi ngừng tiếng súng trên tuyến biên giới phía Bắc, theo chủ trương của Huyện uỷ, với tinh thần giúp đỡ đồng bào Cao Bằng khắc phục hậu quả chiến tranh, nhân

dân các dân tộc Phú Lương đã ủng hộ 6.042,8 mét phiếu vải; 28.335,05 đồng; 14.082,1 kg thóc; 1.013,5 kg gạo; 775,3 kg ngô hạt; 79 kg sắn lát; 4.699 kg sắn tươi. Ngoài ra, hai hợp tác xã Ôn Lương và Yên Trạch ủng hộ 2.000 kg thóc giống. Huyện Phú Lương còn đưa lên Cao Bằng 120.000 tàu lá cọ, 6.000 cây tre, 3446 cây vầu, 19.607 cây nứa, 56 tấm ván gỗ và một số nông cụ.

Song song với việc lãnh đạo thực hiện các nhiệm vụ, mục tiêu kinh tế-xã hội, Đảng bộ đặc biệt quan tâm công tác xây dựng Đảng. Quán triệt tinh thần Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IV (12/1976), nhằm nâng cao chất lượng đảng viên, Đảng bộ chú trọng công tác giáo dục chính trị tư tưởng, tổ chức tốt các đợt sinh hoạt chính trị. Mọi chỉ thị, nghị quyết của Trung ương, Tỉnh uỷ và Huyện uỷ được kịp thời triển khai đến từng cán bộ, đảng viên. Chất lượng sinh hoạt Đảng cũng được nâng cao theo tinh thần Thông tư 22 và Chỉ thị 72 của Ban Bí thư Trung ương Đảng. Công tác kiểm tra đảng viên và tổ chức cơ sở đảng thực hiện Điều lệ Đảng và nghị quyết của Đảng được tăng cường. Nhờ đó, chế độ sinh hoạt trong nhiều đảng bộ, chi bộ dần dần đi vào nền nếp theo quy định thống nhất của Huyện uỷ vào ngày 5 hằng tháng. Tinh thần trách nhiệm, ý thức tổ chức kỉ luật, ý thức chấp hành nghị quyết... của cán bộ, đảng viên được nâng lên một bước. “Công tác xây dựng Đảng đã có những chuyển biến

đáng kể, cán bộ, đảng viên nhận thức được tình hình nhiệm vụ mới. Tổ chức đảng các cấp được kiện toàn một bước, phù hợp với yêu cầu của tổ chức lại sản xuất. Nhiều cấp uỷ thành những tập thể lãnh đạo đoàn kết nhất trí, chung lưng đấu cật, bất chấp mọi khó khăn, quyết đưa phong trào địa phương tiến lên những bước mới⁽¹⁾.

Tóm lại, trải qua 5 năm (1975-1979), dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Đảng bộ huyện, nhân dân các dân tộc Phú Lương khắc phục mọi khó khăn, trở ngại, thực hiện thắng lợi những nhiệm vụ chính trị do Nghị quyết các Đại hội Đảng bộ lần thứ XII, XIII đề ra. Những thành tựu đạt được trong thời gian này đã tạo đà cho Đảng bộ và nhân dân các dân tộc trong huyện tiếp tục vươn lên thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XIV cũng như kế hoạch nhà nước 5 năm (1981-1985) do Đại hội đại biểu Đảng toàn quốc lần thứ V (3/1982) thông qua.

II- TIẾP TỤC PHÁT TRIỂN KINH TẾ, VĂN HOÁ; THI ĐUA HOÀN THÀNH KẾ HOẠCH NHÀ NƯỚC (1980-1985)

Bước vào năm 1980, mặc dù đã đập tan cuộc chiến tranh xâm lược biên giới ở phía Tây Nam và phía Bắc, nhân dân ta vẫn phải đương đầu với cuộc chiến tranh phá hoại nhiều mặt của các thế lực phản động quốc tế. Đó

⁽¹⁾ B/c chính trị của BCH ĐB tại Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện lần thứ XIV (1/1980).

cũng là năm cuối cùng, có tính quyết định trong việc thực hiện kế hoạch nhà nước 5 năm (1976-1980) do Đại hội đại biểu Đảng toàn quốc lần thứ IV đề ra.

Trong bối cảnh lịch sử ấy, được sự nhất trí của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ, Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Phú Lương lần thứ XIV được triệu tập từ ngày 15 đến 19/1/1980. Tham dự Đại hội có 115 đại biểu sinh hoạt tại 47 tổ chức cơ sở Đảng trong toàn Đảng bộ. Trên cơ sở kiểm điểm, đánh giá công tác lãnh đạo của Đảng bộ trong nhiệm kỳ 1977-1979, căn cứ vào tình hình, nhiệm vụ chung của cả nước, của tỉnh và tình hình thực tế của địa phương, Đại hội nhất trí thông qua nhiệm vụ trong những năm 1980-1981 là: “Ra sức phát triển sản xuất nông-lâm nghiệp, công nghiệp và thủ công nghiệp một cách toàn diện, ổn định và đảm bảo đời sống nhân dân. Tích cực xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật cho việc thâm canh cây trồng và chăn nuôi, phát triển ngành giao thông, thủy lợi. củng cố, hoàn thiện quan hệ sản xuất, ra sức cải tiến quản lý kinh tế, quản lý xã hội, lưu thông phân phối, tăng cường xây dựng lực lượng dân quân, tự vệ, bảo vệ an ninh, sẵn sàng chiến đấu chống quân xâm lược, bảo vệ quê hương Tổ quốc. Kiên quyết đấu tranh khắc phục những mặt tiêu cực trong hoạt động kinh tế và xã hội, nhất là tệ cờ bạc, ăn cắp, mê tín, vi phạm quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động. Ra sức xây dựng Đảng vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức, củng cố và phát huy vai trò của chính

quyền và các đoàn thể quần chúng, đảm bảo cho từng tổ chức của Đảng, đoàn thể và bộ máy chính quyền đủ sức làm tròn nhiệm vụ trong giai đoạn cách mạng mới hết sức khẩn trương và cấp bách”⁽¹⁾.

Đại hội đề ra các mục tiêu cụ thể về kinh tế, xã hội trong nhiệm kỳ 1980-1981. Đối với sản xuất nông nghiệp, phải đẩy mạnh thâm canh, tăng vụ, mở rộng diện tích bằng khai hoang, phục hoá, đảm bảo diện tích cấy lúa xuân toàn huyện năm 1980-1981 đạt 2.000 ha, đưa năng suất lên 20 tạ/ha để đạt 4.000 tấn thóc. Diện tích lúa mùa năm 1981 phải đạt 4.800 ha, đưa năng suất lên 24 tạ/ha để đạt 11.520 tấn thóc. Phấn đấu đến năm 1981, sản lượng lương thực toàn huyện đạt 22.000 tấn, trong đó sản lượng thóc đạt 15.520 tấn, nâng mức ăn bình quân từ 18 kg lên 20 kg/người/tháng.

Về chăn nuôi, Đại hội đề ra mức phấn đấu đến năm 1981, đàn lợn trên địa bàn huyện phải có từ 22.700 con đến 22.900 con; đàn trâu có 15.500 con. Muốn vậy, phải tiếp tục triển khai Nghị quyết 05 của Uỷ ban nhân dân tỉnh, Nghị quyết 11 của Huyện uỷ về công tác chăn nuôi đối với hộ gia đình và chăn nuôi tập thể, tăng nhanh sản lượng thực phẩm, cung cấp sức kéo, bổ sung nguồn phân chuồng cho thâm canh cây trồng.

(1) Báo cáo chính trị của BCHĐB khoá XIII tại Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện lần thứ XIV (1/1980)

Về lâm nghiệp, phấn đấu mỗi năm trồng thêm 400 ha rừng mới.

Phân tích tình hình và triển vọng trong thời gian tới, Đại hội khẳng định: “Tuy trước mắt chúng ta còn nhiều khó khăn, nhưng với lòng yêu nước xã hội chủ nghĩa và chủ nghĩa anh hùng cách mạng, nắm vững đường lối của Đảng, dựa vào nhân dân lao động, mạnh dạn dám nghĩ dám làm và kiên quyết cải tiến phương pháp chỉ đạo từ huyện đến cơ sở, nhất định chúng ta sẽ tạo nên một sự chuyển biến mới trong sản xuất, tổ chức đời sống và bảo vệ vững chắc Tổ quốc”⁽¹⁾.

Đại hội đã bầu Ban Chấp hành Đảng bộ gồm 27 uỷ viên. Đồng chí Phan Công Nhượng tiếp tục được Ban Chấp hành tín nhiệm tái cử giữ chức Bí thư; các đồng chí Bé Văn Xuân và Hoàng Văn Thủ được bầu làm Phó Bí thư Huyện uỷ. Ban Thường vụ gồm 9 đồng chí.

Bước vào thực hiện nhiệm vụ chính trị những năm 1980 - 1982 theo tinh thần Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XIV, ngoài những khó khăn do chiến tranh phá hoại nhiều mặt của các thế lực thù địch gây ra, Phú Lương còn gặp thiên tai, sâu bệnh, hạn hán kéo dài làm thiệt hại nghiêm trọng đến kinh tế, đời sống của nhân dân, làm mất cân đối nghiêm trọng giữa cung và cầu.

(1) Báo cáo chính trị của BCHĐB khoá XIII tại Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện lần thứ XIV (1/1980)

Trước tình hình trên, quán triệt sâu sắc các chỉ thị, nghị quyết của Trung ương và của Tỉnh, nhất là Chỉ thị 100 của Ban Bí thư Trung ương về khoán sản phẩm đến nhóm và người lao động, Huyện uỷ cùng Uỷ ban nhân dân huyện tập trung lãnh đạo, chỉ đạo các mặt công tác lớn nhằm hoàn thành các chỉ tiêu về sản xuất, đời sống và quản lý xã hội. Cán bộ, đảng viên và nhân dân các dân tộc trong huyện đã nêu cao lòng yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội, phát huy ý thức tự lực tự cường, thi đua lao động sản xuất, tổ chức đời sống, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, củng cố quốc phòng... Đó chính là những nhân tố hết sức quan trọng giúp cho Đảng bộ và nhân dân Phú Lương từng bước tháo gỡ khó khăn, vươn lên hoàn thành thắng lợi các mục tiêu kinh tế, xã hội do Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện lần thứ XIV đề ra.

Trên mặt trận sản xuất, diện tích cấy lúa xuân từ năm 1980 đến năm 1982 đều đạt và vượt chỉ tiêu. Năm 1980, toàn huyện cấy được 1.762 ha (đạt 103,6%); đến năm 1982, cấy được 2.020 ha (đạt 101% kế hoạch). Sản lượng lúa xuân các năm cũng đều tăng: Từ 3.167 tấn (năm 1980) lên 3.554 tấn (năm 1981) và năm 1982 là 3.526 tấn. Diện tích cấy lúa mùa năm 1980 đạt 4.718 ha, năng suất 21,7 tạ/ha, sản lượng đạt 10.206 tấn; đến năm 1982, năng suất đạt 27 tạ/ha, sản lượng đạt 13.159 tấn. Các loại giống lúa mới có năng suất cao (K3, Nông nghiệp 8, Bao

thai...) tiếp tục được đưa vào đồng ruộng. Những thành tựu khoa học kỹ thuật tiếp tục được áp dụng vào sản xuất.

Các loại cây màu (ngô, khoai lang...) tuy được đẩy mạnh, nhưng diện tích, năng suất và sản lượng trong các năm 1981, 1982 có chiều hướng giảm sút.

Diện tích trồng các loại cây công nghiệp nhìn chung có những bước tăng trưởng đáng kể:

Diện tích gieo trồng	Năm 1980	Năm 1981	Năm 1982
Đậu tương	133%	203%	115,2%
Chè	60%		100%
Thuốc lá	116%		113%

Trong lãnh đạo phát triển chăn nuôi, Huyện uỷ kịp thời chuyển đổi phương thức, giao cho các hộ gia đình xã viên. Nhờ đó, đàn trâu từ 14.263 con (trong năm 1980), đã tăng lên 14.554 con (trong năm 1982). Đàn lợn nái cũng tăng lên hàng năm, bước đầu có điều kiện cung cấp con giống cho nhân dân địa phương. Ở các vùng sâu, vùng xa, con ngựa là một loài vật rất hữu ích trong việc vận chuyển hàng hoá và cũng được dùng làm phương tiện đi lại của đồng bào các dân tộc. Vì vậy, các cấp uỷ Đảng và chính quyền quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo phát triển đàn

ngựa. Năm 1980, toàn huyện chỉ có 423 con (đạt 84%); đến năm 1982, đã tăng lên 567 con (đạt 115% kế hoạch).

Nhìn chung về lãnh đạo phát triển sản xuất lương thực, cây công nghiệp và chăn nuôi đàn gia súc, trong 3 năm (1980-1982), các cấp uỷ Đảng, chính quyền từ huyện đến cơ sở đã có nhiều cố gắng tìm biện pháp để thực hiện thắng lợi các chỉ tiêu mà Đại hội XIV đề ra. Điều đáng chú ý là huyện đã xây dựng được kế hoạch cụ thể cho từng vụ, từng ngành; quy mô các đội sản xuất cũng được điều chỉnh cho phù hợp. Nhờ đó, dù gặp nhiều khó khăn, nhưng về cơ bản, tình hình sản xuất và đời sống của nhân dân trong huyện vẫn được giữ vững. Tuy nhiên, một số chỉ tiêu lớn do Đại hội Đảng bộ lần thứ XIV đề ra chưa được thực hiện. Toàn huyện Phú Lương có diện tích ao, hồ khoảng 250 ha, nhưng mới tổ chức chăn, thả cá được 200 ha; các cơ sở ương cá giống hằng năm mới sản xuất được từ 2.000.000 đến 3.000.000 con, nên chưa bảo đảm nhu cầu cung cấp cho địa phương.

Trong quá trình lãnh đạo sản xuất nông nghiệp, Đảng bộ rất coi trọng phát triển hệ thống thuỷ lợi. Trong 3 năm (1980-1982), với số vốn đầu tư cho thuỷ lợi là 2.800.000 đồng; không kể 1.000.000 đồng do nhân dân đóng góp (29.910 công lao động), Phú Lương đã hoàn thành xây dựng 10 công trình thuỷ nông; trong đó có 2 công trình loại vừa, đảm bảo tưới và tiêu nước cho 2.000 ha lúa trong cả hai vụ (tăng hơn 380 ha so với trước).

Cùng với thủy lợi, việc xây dựng cơ sở hạ tầng cũng được đẩy mạnh. Với phương châm Nhà nước và nhân dân cùng làm, trong ba năm (1980-1982), Đảng bộ đã lãnh đạo các cấp, các ngành hoàn thành nhiều công trình quan trọng. Ngoài việc làm mới hai cầu treo Yên Đĩnh và Sơn Cẩm, làm mới và củng cố mạng lưới đường giao thông liên xã, liên thôn, huyện còn xây dựng kiên cố và bán kiên cố khu nhà ở và làm việc cho cán bộ, công nhân viên; hệ thống sân phơi, nhà kho, hội trường... của các Hợp tác xã Túc tranh, Cổ Lũng, Sơn Cẩm; Trạm xá các xã vùng cao: Yên Hân, Yên Cư, Phòng khám Đu. Đó là chưa kể 271 phòng học, 2.600 m² nhà ở cho các hộ giáo viên của các trường phổ thông cơ sở cũng được xây dựng cùng với việc trang bị những tiện nghi tối thiểu.

Ngành Tài chính, Ngân hàng Phú Lương đã vượt qua nhiều khó khăn, đảm bảo thu đủ và vượt chỉ tiêu, đáp ứng nhu cầu tối thiểu cho công tác phát triển sản xuất của địa phương.

Tiểu thủ công nghiệp Phú Lương trong những năm 1980-1982 phát triển chưa toàn diện, chủ yếu tập trung ở một số ngành nghề truyền thống, như đóng gạch, sản xuất ngói lợp, vôi xây dựng và một số nông cụ cầm tay (dao, cuốc, xẻng...) phục vụ cho sản xuất nông, lâm nghiệp. Một số mặt hàng phục vụ xuất khẩu, như mảnh cọ, tấm mảnh, cật cọ, hoa hồi, dầu bạc hà... chưa được chú ý đầu tư phát triển.

Công tác văn hoá, giáo dục, y tế luôn luôn được Đảng bộ quan tâm lãnh đạo. Nhờ đó, phong trào văn nghệ, rèn luyện sức khoẻ trong các cơ quan, đơn vị, trường học... vẫn được giữ vững. Ngành Giáo dục phổ thông tiếp tục tăng lên về số lượng. Toàn huyện có 25 trường phổ thông cơ sở, 2 trường phổ thông trung học, với tổng số 18.831 học sinh. Ngành Mẫu giáo có 31 lớp, với tổng số 676 cháu. Ngành Bồi dưỡng văn hoá đến năm 1982 còn duy trì được 5 lớp và 156 học viên. Chất lượng thi tốt nghiệp trong các trường đạt từ 93% trở lên... Ngành Y tế huyện tiếp tục được củng cố và các hoạt động từng bước đi vào chiều sâu. Đến năm 1982, 100% số xã đã có trạm xá; phương châm khám, chữa bệnh bằng phương pháp Đông-Tây y kết hợp được thực hiện ở nhiều cơ sở. Công tác vệ sinh phòng bệnh với phong trào “3 đứt điểm”⁽¹⁾ tiếp tục được duy trì và đẩy mạnh. Do vậy, trong ba năm, toàn huyện không xảy ra một ổ dịch bệnh nào. Cuộc vận động sinh đẻ có kế hoạch bước đầu đạt kết quả, từ 3% giảm xuống 2,6%. Phong trào xây dựng và tổ chức nhà trẻ tiếp tục được củng cố. Đến năm 1982, toàn huyện có 57 nhà trẻ với đội ngũ cô giáo bước đầu được tuyển chọn có tinh thần yêu ngành, yêu nghề, làm tốt nhiệm vụ bảo mẫu, được các bậc cha mẹ tin yêu.

⁽¹⁾ Ba đứt điểm: Giếng nước, Nhà tắm, Hố tiêu 2 ngăn

Dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ, theo tinh thần Nghị quyết 15 của Huyện uỷ về công tác xây dựng lực lượng an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, các xã đã tự xây dựng phương án phòng thủ; củng cố lực lượng dân quân, tự vệ có đủ khả năng hoàn thành nhiệm vụ khi có tình huống xảy ra. Đối với công tác tuyển quân, trong 3 năm (1980-1982), Phú Lương luôn luôn hoàn thành và vượt chỉ tiêu được giao.

Việc củng cố và từng bước hoàn thiện quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa ở nông thôn là một trong những nhiệm vụ quan trọng và khó khăn nhất đối với huyện Phú Lương. Vào thời gian này, toàn huyện có 49 hợp tác xã nông nghiệp; trong đó chỉ có 2 hợp tác xã đạt loại tiên tiến (chiếm 4%); 24 hợp tác xã loại khá (chiếm 49%); 26 hợp tác xã loại trung bình (chiếm 33%) và 7 hợp tác xã thuộc loại yếu kém (14,3%). Sự yếu kém của phong trào hợp tác xã đã gây nên những ảnh hưởng không tốt đến tinh thần lao động của bà con xã viên. Đời sống của các hộ nông dân xã viên gặp nhiều khó khăn.

Từ sau thực hiện Chỉ thị khoán 100 của Ban Bí thư Trung ương, trong nông thôn nói chung như có một luồng sinh khí mới. Đặc biệt trong các hợp tác xã nông nghiệp, bà con nông dân rất phấn khởi khảng định lại lòng tin vào đường lối của Đảng và Nhà nước. Bộ máy điều hành công việc từ đội sản xuất đến Ban Quản trị hợp tác xã có nhiều chuyển biến tích cực. Cũng từ đó, các chỉ tiêu, kế

hoạch sản xuất được đảm bảo; các quy trình kỹ thuật sản xuất được triển khai thực hiện đầy đủ; năng suất các loại cây trồng tăng lên rõ rệt ... Tính riêng vụ mùa năm 1982, năng suất đạt bình quân từ 17 tạ đến 28 tạ/ha; ruộng cao sản đạt từ 30 - 32 tạ/ha. Đời sống của cán bộ, công nhân viên Nhà nước cũng như nhân dân các dân tộc trong huyện bước đầu được cải thiện; những yêu cầu tối thiểu về ăn, ở, mặc, học hành... được đáp ứng từng bước.

Để thực hiện thắng lợi các mục tiêu kinh tế, xã hội do Đại hội lần thứ XIV đề ra, Đảng bộ huyện có nhiều biện pháp chăm lo xây dựng và phát huy sức mạnh tổng hợp của các đoàn thể quần chúng.

Đoàn Thanh niên với phong trào “3 xung kích” đã khơi dậy trong tuổi trẻ tinh thần dám nghĩ, dám làm; không ngừng phát huy sáng kiến, đi đầu trong các lĩnh vực khoa học kỹ thuật, thúc đẩy sản xuất phát triển.

Hội Phụ nữ với các phong trào “3 dứt điểm”, “Sạch làng tốt ruộng”, “Sinh đẻ có kế hoạch”... đã động viên chị em tích cực tham gia các hoạt động xã hội. Nhiều chị em được các cấp bộ Đảng, chính quyền và nhân dân tín nhiệm giao trọng trách quản lý kinh tế, quản lý xã hội...

Xây dựng Đảng vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức luôn luôn là nhiệm vụ then chốt hàng đầu, được các cấp uỷ quan tâm thường xuyên. Coi trọng công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, Đảng bộ huyện thường xuyên tổ chức các đợt học tập, bồi dưỡng, sinh hoạt chính trị nhằm

nâng cao lập trường tư tưởng, ý thức tổ chức kỷ luật, vai trò tiên phong, gương mẫu trong cán bộ, đảng viên. Cùng với nhiệm vụ giáo dục chính trị, tư tưởng, Đảng bộ thường xuyên quan tâm đến việc kiện toàn các cấp uỷ, công tác cán bộ; coi đây là một biện pháp quan trọng để tạo sức mạnh cho tổ chức cơ sở đảng.

Trong những năm 1980-1982, Đảng bộ vẫn tiếp tục triển khai thực hiện Chỉ thị 72 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về nâng cao chất lượng đảng viên, kết hợp với việc triển khai Chỉ thị 83 của Trung ương về phát Thẻ Đảng viên. Ngay sau khi có hướng dẫn của Tỉnh uỷ, Ban Thường vụ Huyện uỷ triệu tập hội nghị bàn kế hoạch, biện pháp chỉ đạo tổ chức thực hiện các chỉ thị của Trung ương; đồng thời phát động một đợt sinh hoạt chính trị trong toàn Đảng bộ. Tiếp theo cuộc hội nghị Ban Thường vụ Huyện uỷ, hội nghị cán bộ chủ chốt trong toàn huyện cũng được tổ chức để thống nhất kế hoạch triển khai chủ trương của Trung ương, của Tỉnh uỷ và Huyện uỷ.

Nhằm rút kinh nghiệm cho công tác chỉ đạo trên toàn huyện, Huyện uỷ quyết định trong đợt đầu tập trung lãnh đạo thực hiện ở 6 tổ chức cơ sở đảng: Đảng bộ xã Ôn Lương, Đảng uỷ khối Dân-Đảng, Đảng uỷ khối Chính quyền, Chi bộ Công an huyện, Chi bộ Ngân hàng và Chi bộ Quân sự huyện. Kết thúc đợt 1 ở 6 điểm chỉ đạo (1980), có 715 đồng chí được nhận Thẻ Đảng. Từ kinh nghiệm chỉ đạo thực hiện đợt 1, Huyện uỷ quyết định

thành lập Tổ công tác gồm các đồng chí lãnh đạo các Ban Xây dựng Đảng, các Huyện uỷ viên cùng số cán bộ giúp việc trực tiếp xuống các tổ chức cơ sở Đảng hướng dẫn thực hiện Chỉ thị 83 của Trung ương. Do làm tốt các bước chuẩn bị, nên công tác phát Thẻ Đảng trong Đảng bộ đạt kết quả tốt: Năm 1980, có 715 đồng chí; năm 1981, có 781 đồng chí; năm 1982, có 571 đồng chí được trao Thẻ Đảng

Công tác kiểm tra Đảng cũng được quan tâm đúng mức, kịp thời uốn nắn những sai sót trong quá trình thực hiện Điều lệ Đảng và các chỉ thị, nghị quyết của Đảng. Trong 3 năm (1980-1982), Đảng bộ đã xử lý 207 đảng viên; góp phần làm trong sạch nội bộ Đảng, nâng cao uy tín của Đảng bộ trong quần chúng.

Bên cạnh những thành tựu đạt được, trong công tác lãnh đạo của Đảng bộ vẫn còn bộc lộ nhiều hạn chế. Sản xuất tăng chậm kéo theo tình trạng mất cân đối giữa sản xuất và đời sống, giữa chăn nuôi và trồng trọt, giữa thâm canh cây trồng và mở rộng diện tích. Sự phân công lao động ngành, nghề chưa hợp lý. Việc vận dụng Chỉ thị 100 của Ban Bí thư Trung ương về khoán sản phẩm đến nhóm và người lao động chưa thật đồng bộ; thậm chí có nhiều xã và hợp tác xã thực hiện không đúng, hoặc không thực hiện. Sự vận dụng chủ trương, đường lối của Trung ương và Tỉnh uỷ vào hoàn cảnh thực tiễn ở địa phương còn thiếu sáng tạo. Công tác quản lý kinh tế nặng về hành

chính, giáo điều, bảo thủ... Đó cũng chính là những vấn đề được đặt ra cho Đảng bộ tiếp tục tìm cách khắc phục trong những năm sau.

Được sự đồng ý của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ, Đảng bộ Phú Lương tổ chức Đại hội đại biểu lần thứ XV (vòng 2, từ ngày 8 đến ngày 12/1/1982)⁽¹⁾. Đại hội khẳng định những thành tích, ưu điểm; đồng thời nghiêm khắc vạch ra những hạn chế, thiếu sót trong công tác lãnh đạo của Đảng bộ nhiệm kỳ 1980-1982. Trên cơ sở đó, Đại hội nhất trí thông qua phương hướng, nhiệm vụ của Đảng bộ trong nhiệm kỳ tới. Nghị quyết Đại hội nêu rõ:

1- Ra sức phát triển nông nghiệp, lâm nghiệp, thủ công nghiệp theo quy hoạch, kế hoạch đã được huyện và tỉnh phê duyệt. Đảm bảo sản xuất lương thực, thực phẩm đủ cân đối trên địa bàn huyện, đồng thời góp cho tỉnh và Trung ương.

2- Đẩy mạnh sản xuất, chế biến nhiều hàng hoá, tăng cường công tác thu mua nắm nguồn hàng, đảm bảo đáp ứng nhu cầu cân đối hàng hai chiều, đặc biệt là hàng xuất khẩu để đổi lấy phân bón, vải mặc và các mặt hàng thiết yếu phục vụ đời sống nhân dân.

(1) Đại hội Đảng bộ lần thứ XV được tiến hành 2 vòng: Vòng 1 từ 30/12/1981 đến 3/1/1982 để thảo luận dự thảo Báo cáo Chính trị, Báo cáo công tác xây dựng Đảng, Phương hướng- nhiệm vụ năm 1982.

3- Khai thác các nguồn thu và giao nghĩa vụ nộp ngân sách cho các đơn vị sản xuất kinh doanh và các hộ tư nhân, điều tiết cho được các khoản thu nhập bất hợp lý, không chính đáng. Tăng cường quản lý thị trường, đấu tranh chống đầu cơ buôn lậu... Đảm bảo thu ngân sách vượt kế hoạch, phấn đấu tự cân đối thu chi trên địa bàn huyện và có đóng góp cho ngân sách tỉnh.

4- Phân công lại lao động trên địa bàn huyện, đảm bảo cho các công dân đến tuổi lao động có việc làm. Phát triển các ngành nghề thủ công trong hợp tác xã nông nghiệp ở các thị trấn, thị tứ, nhất là nghề chế biến nông-lâm sản, hàng xuất khẩu, tạo ra những chuyển biến bước đầu cho công tác quản lý lao động trên địa bàn huyện đi dần vào nền nếp.

Đại hội cũng tập trung thảo luận và đề ra các chỉ tiêu cụ thể về các mặt:

- Trong sản xuất nông nghiệp, phấn đấu đưa năng suất lúa đạt từ 24 đến 26 tạ/ha; mở rộng diện tích trồng sắn từ 900 ha (năm 1983) lên 1.000 ha (năm 1985), năng suất đạt 100 tạ/ha; diện tích trồng ngô là 1.000 ha và năng suất từ 12 đến 13 tạ/ha. Phấn đấu mức bình quân lương thực quy thóc đến năm 1985 đạt 18-20 kg/người/tháng.

- Đưa diện tích trồng cây thuốc lá từ 200 lên 250 ha, sản lượng 120-175 tấn; diện tích trồng chè từ 1.160 đến 1.360 ha và đạt sản lượng 1.110-1.648 tấn.

- Đẩy mạnh phát triển chăn nuôi ở cả hai khu vực tập thể và gia đình, với phương châm huy động vốn tập thể, vốn gia đình và vốn vay tín dụng. Phấn đấu nâng tổng đàn trâu từ 15.166 con lên 17.300 con, trong đó trâu cày, kéo từ 11.500 đến 13.000 con; đàn bò từ 350 con lên 450 con; đàn lợn từ 22.000 con lên 26.000 con, trong đó phát triển giống lợn lai kinh tế từ 5.700 con lên 7.300 con.

- Phát huy thế mạnh của địa phương về rừng và đất rừng. Đại hội đề ra mục tiêu bảo vệ từ 913 ha (năm 1983) lên 1.113 ha (năm 1985), trồng mới rừng quốc doanh từ 100 ha (năm 1983) lên 300 ha (năm 1985) và diện tích rừng do nhân dân trồng là 400 ha.

- Đẩy mạnh phát triển ngành nghề tiểu thủ công, trong đó tập trung vào các nghề sản xuất hàng xuất khẩu; phấn đấu đưa giá trị tổng sản lượng tiểu thủ công nghiệp từ 1.124.000 đồng (năm 1983) lên 1.924.000 đồng (năm 1985).

Đại hội bầu Ban Chấp hành Đảng bộ gồm 27 uỷ viên chính thức và 2 uỷ viên dự khuyết. Tại kỳ họp lần thứ 1 (1/1/1982) và lần thứ 2 (17/1/1982), Ban Chấp hành Đảng bộ (khoá XV) đã bầu Ban Thường vụ Huyện uỷ gồm 11 đồng chí. Đồng chí Phan Công Nhượng được tái cử giữ chức Bí thư Huyện uỷ; các đồng chí Mạc Văn Đạt và Bế Văn Xuân được bầu làm Phó Bí thư.

Tiếp theo Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XV, một sự kiện chính trị quan trọng trong cả nước lại đến với cán bộ,

đảng viên và nhân dân các dân tộc Phú Lương. Đó là Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ V của Đảng (3/1982). Xuất phát từ đặc điểm tình hình đất nước, Đại hội chỉ rõ: “Trong giai đoạn mới của cách mạng, toàn dân, toàn quân ta... đoàn kết một lòng, ra sức phấn đấu làm hai nhiệm vụ chiến lược: Một là xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội; hai là sẵn sàng chiến đấu bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa”⁽¹⁾. Đại hội khẳng định tiếp tục thực hiện đường lối chung của cách mạng xã hội chủ nghĩa và đường lối xây dựng kinh tế xã hội chủ nghĩa trong thời kỳ quá độ do Đại hội IV đề ra. Đồng thời, Đại hội đã bổ sung, điều chỉnh và cụ thể hoá đường lối ấy cho phù hợp với từng chặng đường, từng thời kỳ cụ thể.

Quán triệt Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ V và các nghị quyết của Tỉnh uỷ, xuất phát từ đặc điểm tình hình của địa phương, Đảng bộ huyện xác định nhiệm vụ trọng tâm là lãnh đạo phát triển sản xuất nông-lâm nghiệp; đồng thời đẩy mạnh chăn nuôi và các ngành, nghề tiểu thủ công nghiệp; chú trọng phát triển các loại cây mầu và cây công nghiệp...

Được sự lãnh đạo sát sao của Huyện uỷ, trong 3 năm (1983 - 1985), năng suất và sản lượng lương thực đều tăng. Bình quân mỗi năm trong thời kỳ này, sản lượng lương thực tăng 6,33%; tổng sản phẩm xã hội tăng 9,3%;

⁽¹⁾ Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ V, T.I, NXB Sự Thật, Hà Nội, 1982, tr. 49, 50.

thu nhập quốc dân tăng 8%. Tính đến năm 1985, với tổng sản lượng lương thực 25.071 tấn (vượt 2%; riêng năng suất lúa vượt 4,7% so với chỉ tiêu Đại hội Đảng bộ đề ra), lần đầu tiên huyện Phú Lương có 108 tấn lương thực được đưa vào nguồn dự trữ. Đây là một thành tích nổi bật của Đảng bộ và nhân dân Phú Lương trên mặt trận sản xuất nông nghiệp.

Ngoài lương thực, một số cây công nghiệp gần đây cũng đạt kết quả khả quan cả về diện tích và sản lượng. Đến năm 1985, toàn huyện thu hoạch được 2.544 tấn chè búp tươi (vượt 696 tấn so với chỉ tiêu); 70 tấn thuốc lá (đạt 112% kế hoạch); 5.303 tấn mía (đạt 217% kế hoạch).

Trong những năm 1983-1985, ngành chăn nuôi toàn huyện có bước phát triển tốt: Tổng đàn trâu có 15.883 con (tăng 9%); đàn bò có 450 con (tăng 136,4%); đàn lợn có 24.359 con (tăng 12%).

Thế mạnh về lâm nghiệp của huyện được phát huy. Các kế hoạch trồng rừng, khai thác gỗ và các lâm sản khác, đặc biệt khai thác nguyên liệu cung cấp cho Nhà máy giấy Sáu Hai của địa phương đều đảm bảo chỉ tiêu đề ra. Thực hiện chủ trương của tỉnh, Đảng bộ huyện lãnh đạo tiến hành việc giao đất, giao rừng cho các hợp tác xã, các hộ gia đình quản lý. Từ chủ trương đúng đắn này, tình trạng đốt, phá rừng làm nương rẫy, khai thác bừa bãi tài nguyên rừng... giảm rõ rệt.

Những năm 1983-1985 cũng đánh dấu bước chuyển biến mới của Ngành Tiểu thủ công nghiệp. Nghề sản xuất giấy, đường, vật liệu xây dựng, cơ khí nhỏ, giao thông thô sơ... đều vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch của huyện đề ra.

Việc xây dựng cơ sở vật chất tiếp tục được đẩy mạnh. Mặc dù trong điều kiện vật tư, tiền vốn đều thiếu nghiêm trọng, nhưng với phương châm Nhà nước, tập thể, nhân dân cùng làm, nên chỉ trong 3 năm, Phú Lương đã hoàn thành nhiều công trình thuỷ lợi. Các tuyến giao thông nông thôn liên xã, liên xóm được tu bổ và làm mới, tạo điều kiện thuận lợi cho bà con nông dân trong việc vận chuyển phân bón ra đồng ruộng và chuyên chở sản phẩm thu hoạch về nhà... Đáng chú ý là mạng điện lưới quốc gia được đưa về đến trung tâm huyện, tạo ra những tiền đề rất vững chắc cho sự nghiệp phát triển kinh tế, xã hội của toàn huyện những năm sau này.

Nhằm củng cố quan hệ sản xuất trong nông nghiệp, Đảng bộ tiếp tục lãnh đạo thực hiện Chỉ thị 100 của Ban Bí thư Trung ương về khoán sản phẩm đến nhóm và người lao động. Với phương châm vừa triển khai thực hiện, vừa rút kinh nghiệm cho công tác chỉ đạo, Đảng bộ huyện đã xây dựng mô hình kết hợp Nông-Lâm-Công-Thương-Tín ở hai xã: Túc Tranh và Yên Trạch. Đây là một mô hình vừa sản xuất, vừa kinh doanh tổng hợp, mở ra hướng phát triển mới trong phong trào xây dựng hợp tác xã ở Phú

Lương. Chất lượng các hợp tác xã cũng được nâng lên. Trong tổng số 50 hợp tác xã, có 13 hợp tác xã tiên tiến (bằng 26% so với 4% trong những năm 1980-1982); 28 hợp tác xã loại khá và trung bình (chiếm 54%); 9 hợp tác xã yếu, kém (chiếm 18%). Trong số các hợp tác xã tiên tiến, nổi bật là Hợp tác xã Túc Tranh đã có nhiều thành tích xuất sắc trong việc thực hiện kế hoạch nhà nước năm 1983 và các nhiệm vụ công tác khác, góp phần vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Với thành tích này, ngày 18/5/1984, Hội đồng Nhà nước Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã ban hành Quyết nghị-Số 498-KT-HĐNN tặng thưởng Huân chương Lao động hạng Ba cho cán bộ, xã viên Hợp tác xã Túc Tranh.

Tự hào với những thành tích đạt được, cán bộ, đảng viên và nhân dân xã Túc Tranh tiếp tục đẩy mạnh thi đua lao động sản xuất, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao. Nhờ đó, ngày 29/8/1985, Hợp tác xã Túc Tranh lại được Hội đồng Nhà nước kí Quyết định số 785 phong tặng danh hiệu Anh hùng Lao động.

Những thành tích đạt được trên các lĩnh vực kinh tế, xã hội trong những năm 1983-1985 chính là kết quả của Đảng bộ trong công tác xây dựng Đảng. Thông qua đợt sinh hoạt chính trị theo tinh thần Chỉ thị 72 của Ban Bí thư Trung ương về nâng cao chất lượng đảng viên và Chỉ thị 83 của Trung ương về công tác phát Thở Đảng, phẩm

chất, tư cách của cán bộ, đảng viên trong Đảng bộ được nâng cao. Tình trạng các chi, đảng bộ kém nát tồn tại trong nhiều năm đã được khắc phục. Số chi, đảng bộ đạt tiêu chuẩn trong sạch vững mạnh từ 3 cơ sở (trong năm 1983) đã tăng lên 8 cơ sở (trong năm 1985). Uy tín của các tổ chức cơ sở đảng trong nhân dân các dân tộc được nâng lên. Trong ba năm (1983-1985), Đảng bộ đã bồi dưỡng 687 quần chúng thuộc diện cảm tình, đối tượng Đảng; kết nạp 139 đảng viên mới.

Tóm lại, trong 10 năm (1975-1985), Đảng bộ Phú Lương luôn nêu cao tinh thần trách nhiệm, biết vận dụng sáng tạo các nghị quyết của Trung ương và của tỉnh, lãnh đạo nhân dân các dân tộc trong huyện vượt qua mọi khó khăn, phấn đấu thực hiện thắng lợi nhiệm vụ phát triển kinh tế, xã hội. Mặc dù còn nhiều mặt yếu kém, nhưng những kết quả đạt được đã tạo niềm tin và sức mạnh cho Đảng bộ và nhân dân huyện Phú Lương tiếp tục vươn lên trên chặng đường đổi mới của đất nước.

Chương IV

LÃNH ĐẠO THỰC HIỆN SỰ NGHIỆP ĐỔI MỚI 1986 - 2000

I- ĐẢNG BỘ VÀ NHÂN DÂN PHÚ LƯƠNG TRONG MƯỜI NĂM ĐẦU THỰC HIỆN ĐỔI MỚI (1986-1995)

Kết thúc kế hoạch 5 năm (1981-1985) cũng là lúc kết thúc nhiệm kỳ XV Ban Chấp hành Đảng bộ huyện. Được sự quan tâm lãnh đạo trực tiếp của Tỉnh uỷ Bắc Thái, Đảng bộ và nhân dân các dân tộc Phú Lương đã kiên trì phấn đấu xây dựng và phát triển kinh tế, văn hoá, từng bước cải thiện đời sống của nhân dân. Để đánh giá đúng những thành tích đã đạt được trong nhiệm kỳ XV, chỉ ra những yếu kém, tồn tại cần khắc phục, làm cơ sở cho việc xây dựng phương hướng, nhiệm vụ phát triển kinh tế-xã hội trong những năm trước mắt, ngày 24/9/1986, Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XVI được triệu tập. Tham dự Đại hội có 207 đại biểu chính thức, sinh hoạt tại 51 cơ sở đảng trong toàn Đảng bộ. Với tinh thần làm việc khẩn trương, nghiêm túc quán triệt sâu sắc tinh thần chỉ đạo của Ban

Chấp hành Trung ương Đảng khoá V, “nhìn thẳng vào sự thật, nói rõ sự thật, đánh giá đúng sự thật”, sau 4 ngày làm việc (24-27/9/1986), Đại hội thảo luận đóng góp ý kiến và thông qua Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Đảng bộ khoá XV; quyết định phương hướng, nhiệm vụ kinh tế-xã hội của huyện 3 năm (1986 - 1988). Đại hội bầu Ban Chấp hành Đảng bộ khoá XVI gồm 33 uỷ viên chính thức, 6 uỷ viên dự khuyết. Ban Thường vụ Huyện uỷ gồm 9 đồng chí. Đồng chí Mạc Văn Đạt được bầu làm Bí thư; các đồng chí Nguyễn Ân và Bàn Hữu Dân là Phó Bí thư Huyện uỷ.

Căn cứ vào tình hình, nhiệm vụ chung của cả nước, cả tỉnh, vào khả năng và những yêu cầu bức thiết của địa phương, Đại hội đề ra mục tiêu tổng quát cho chặng đường mới là: “Ra sức phát triển sản xuất Nông-Lâm-Công nghiệp một cách toàn diện, ổn định và từng bước cải thiện đời sống nhân dân; xây dựng thêm cơ sở vật chất kỹ thuật cho nông nghiệp; tiếp tục củng cố và hoàn thiện quan hệ sản xuất mới; tạo ra bước chuyển biến đáng kể về mặt xã hội, tăng cường bảo đảm giữ vững an ninh quốc phòng trên địa bàn huyện”⁽¹⁾.

Dưới ánh sáng Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ V, để thực hiện những mục tiêu do Đại hội XVI đề ra, trên cơ sở

(1) Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ lần thứ XVI (27/9/1986)

khảo sát, đánh giá lại điều kiện, đặc điểm cụ thể từng vùng, đầu năm 1987, Hội nghị Ban Chấp hành đã xây dựng mục tiêu 3 chương trình kinh tế của huyện gồm các nội dung: “Coi chương trình lương thực, thực phẩm là mặt trận hàng đầu, trong đó sản xuất lương thực là mục tiêu số 1, đồng thời đẩy mạnh sản xuất mặt hàng tiêu dùng và tăng nhanh hàng xuất khẩu”.

Hướng đi và bước đi đã được xác định rõ là điều kiện thuận lợi để phát triển kinh tế, nhưng thực tế đây lại là thời kỳ cực kỳ khó khăn của nền kinh tế cả nước, cả tỉnh nói chung và của huyện nói riêng. Từ khi thực hiện Nghị quyết 08 của Trung ương về Giá-Lương-Tiền (năm 1985), giá cả vật tư, hàng hoá tăng vọt, nhiều ngành sản xuất đình trệ, trong đó có những cơ sở sản xuất vật tư hàng hoá phục vụ nông nghiệp. Nông dân không đủ phân bón, thuốc trừ sâu... để đầu tư cho đồng ruộng. Chỉ thị số 100 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về khoán sản phẩm đến nhóm và người lao động sau mấy năm phát huy tác dụng tốt, đã xuất hiện những bất hợp lý trong xây dựng định mức lao động giao nộp và phân chia sản phẩm. Nghị quyết số 10 của Bộ Chính trị (5/4/1988) “Về đổi mới quản lý kinh tế nông nghiệp” đang trong giai đoạn triển khai, còn nhiều vướng mắc, chưa phát huy tác dụng, tranh chấp ruộng đất xảy ra ở nhiều nơi⁽¹⁾. Thời tiết lại có nhiều diễn biến phức tạp, hạn hán và sâu bệnh gây hại lớn cho sản

⁽¹⁾ Báo cáo tình hình 8 tháng đầu năm 1988 của Ủy ban nhân dân huyện.



Đưa giống lúa mới vào sản xuất tại xã Phấn Mễ



Phòng học mới của Trường trung học phổ thông Phú Lương.



Huấn luyện quân sự sân sàng chiến đấu.



Một mô hình chăn nuôi bò của huyện

xuất; mất mùa liên tiếp mấy vụ, nặng nhất là vụ lúa đông - xuân 1986-1987. Năng suất lúa chiêm xuân (trên 2.200 ha) bình quân chỉ đạt 16 tạ/ha, thấp hơn vụ chiêm-xuân năm 1986 tới 7 tạ; sản lượng giảm 1.400 tấn. Trước tình hình đó, các cấp uỷ Đảng tăng cường chỉ đạo sản xuất bằng nhiều biện pháp kỹ thuật chăm sóc lúa và cây trồng nhằm tăng năng suất, tăng sản lượng lương thực để “lấy mùa bù chiêm”. Do vậy, năng suất lúa vụ mùa năm 1987 đạt 29,17 tạ/ha, cao hơn tất cả các năm trước. Với 4.737 ha lúa mùa (95,2% kế hoạch), toàn huyện đã thu gần 14.000 tấn thóc. Tuy nhiên, do vụ chiêm thất bát nặng, nên tổng sản lượng lương thực quy thóc cả năm chỉ đạt 22.278 tấn, giảm 2.793 tấn so với năm 1985.

Do liên tiếp 2 năm 1986, 1987 sản lượng lương thực giảm sút, phần cung cấp của Trung ương cho các đối tượng ăn gạo sổ thường xuyên thiếu hụt và chậm so với kế hoạch⁽¹⁾, cho nên kỳ giáp hạt đầu năm 1988, toàn tỉnh xảy ra tình trạng thiếu đói nghiêm trọng. Tính đến cuối tháng 5/1988, số người thiếu đói trong toàn tỉnh lên tới 42,4 vạn người (62% tổng số nông dân), trong đó diện đói gay gắt trên 10 vạn người (14,8%). Huyện Phú Lương có 51.789 nhân khẩu thiếu, đói (66%), trong đó 12.328 người ở diện thiếu, đói gay gắt. Tình hình thiếu, đói trên diện rộng và

⁽¹⁾ Năm 1987, lương thực do TW cấp cho tỉnh Bắc Thái giảm 16.150 tấn ở mức thấp nhất từ trước đến lúc đó. Quý I năm 1988, phần cung cấp của TW chậm và chỉ đạt 50% kế hoạch.

kéo dài đã ảnh hưởng lớn đến sản xuất. Sự cưu mang giúp đỡ lẫn nhau trong nhân dân ở các thôn xóm cũng có phần bị hạn chế; nhiều gia đình đã phải bán lúa non lấy tiền mua gạo hoặc ăn rau, măng thay cơm. Vì thiếu lương thực, tháng 2/1988, 18 xã viên trong đội trồng chè ở Phú Nam (xã Phú Đô) kéo lên tỉnh đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo địa phương bán lương thực cho họ; giáo viên Trường phổ thông cấp I - II Động Đạt gửi đơn kiến nghị huyện bán gạo theo tiêu chuẩn để thầy, cô giáo có lương ăn duy trì hoạt động của nhà trường. Một vài nơi xảy ra xô xát do dân đói đi đào trộm sản của nhau.

Trước những diễn biến phức tạp của tình trạng thiếu, đói, ngày 16/4/1988, Ủy ban nhân dân tỉnh đã chỉ đạo Công ty Lương thực cấp cho mỗi huyện, thành, thị từ 15 đến 20 tấn gạo; đồng thời giao cho đồng chí Chủ tịch các huyện, thành, thị trực tiếp quản lý, tổ chức kiểm tra phát hiện và duyệt bán hoặc trợ cấp gạo cho những gia đình thực sự thiếu ăn. Ủy ban nhân dân tỉnh còn chỉ đạo Ngân hàng Nông nghiệp trích số dư tiền gửi tiết kiệm để cho nông dân vay mua gạo chống đói với lãi suất 10%/tháng⁽¹⁾.

Theo sự chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh, từ trung tuần tháng 4 đến tháng 7/1988, Công ty Lương thực đã cấp cho huyện Phú Lương 45 tấn gạo. Huyện đã cấp, bán

(1) Trong giai đoạn này, lãi suất huy động tiền gửi của nhân dân ở Ngân hàng Công thương là 12%/tháng

cho các đối tượng chính sách, gia đình cán bộ công nhân viên chức và nông dân thiếu, đói 42.628 kg gạo. Do có sự chỉ đạo kiên quyết và kịp thời, tình hình thiếu đói trong huyện dần dần được khắc phục.

Tình trạng thiếu đói và kết quả cứu đói 6 tháng đầu năm 1988 là bài học bổ ích cho Đảng bộ và nhân dân Phú Lương. Từ đây, công tác chỉ đạo sản xuất phấn đấu bảo đảm các chỉ tiêu về diện tích, năng suất, sản lượng lương thực được Huyện uỷ và các cấp uỷ cơ sở quan tâm sát sao hơn. Nhân dân tích cực sản xuất, chăm sóc lúa và hoa mầu hơn trước. Trong 3 năm (1987 - 1989), huyện đã xây dựng 20 công trình thuỷ lợi vừa và nhỏ (gồm 2 hồ chứa nước, 2 đập, 12 trạm bơm điện); hoàn thành 16 km kênh mương với tổng số đầu tư trên 130 triệu đồng; nâng cấp hồ 19/5, hệ thống Trạm bơm điện Liên Sơn (xã Sơn Cẩm), trạm bơm điện xã Cổ Lũng, Phấn Mễ. Các công trình được cải tạo, nâng cấp hoặc làm mới, chủ động tưới tiêu cho hơn 300 ha lúa; trong đó có 83 ha ruộng từ 1 vụ đã trở thành ruộng cấy 2 vụ lúa. Các biện pháp kỹ thuật về giống, bảo vệ thực vật được tăng cường. Vì vậy, tổng sản lượng thóc bình quân 3 năm đạt 19.400 tấn, tăng 900 tấn so với 1986; tổng sản lượng lương thực quy thóc năm 1989 đạt 26.245 tấn, tăng 3.967 tấn so với năm 1987.

Nét mới trong những năm này là sản xuất lương thực vụ đông đã được chú trọng. Nhiều địa phương đã trồng khoai lang và ngô đông xuống chân ruộng 2 vụ lúa, bước

đầu đạt kết quả tốt, mở ra hướng bố trí lại mùa vụ, tiến tới đưa vụ đông thành vụ sản xuất chính.

Các loại cây công nghiệp, như thuốc lá, mía, lạc, đỗ tương chưa được chú trọng đầu tư, nên diện tích, sản lượng tăng, giảm thất thường. Riêng cây chè, diện tích tăng từ 800 ha năm 1986, lên 1.290 ha năm 1989; năng suất từ 3,9 tạ/ha lên 4,7 tạ/ha; tổng sản lượng năm 1989 đạt 606 tấn chè búp khô, tăng hơn 2 lần so với năm 1986.

Ngành chăn nuôi của huyện phát triển khá. Tổng đàn trâu trong 3 năm tăng 4.600 con, nguyên nhân là do trong quá trình thực hiện Nghị quyết 10, người nông dân thật sự được chủ động trên đồng ruộng; nhu cầu về sức kéo, yêu cầu về tính thời vụ trong sản xuất ngày càng cao. Đàn lợn tăng từ 26.000 con năm 1987, lên 31.000 con trong năm 1989. Các loại vật nuôi khác, như bò, dê và đàn gia cầm cũng được chú trọng phát triển, đáp ứng nhu cầu thực phẩm cho nhân dân.

Huyện Phú Lương có nhiều điều kiện thuận lợi trong việc phát triển lâm nghiệp. Đầu năm 1989, huyện Phú Lương đã căn bản hoàn thành việc giao rừng, đất rừng cho tập thể và gia đình quản lý. Mô hình kinh tế Nông-Lâm nghiệp kết hợp được triển khai ở một số nơi, điển hình là Hợp tác xã Túc tranh. Đến năm 1990, toàn huyện đã trồng được 966 ha rừng tập trung, trong đó có 878 ha rừng trồng theo Dự án PAM. Ngoài ra, mỗi năm nhân dân trong huyện còn trồng trên 300.000 cây các loại. Cây trồng

được chăm sóc và bảo vệ tốt. Nhiệm vụ khai thác gặp nhiều khó khăn do chưa kết hợp tốt giữa khai thác, chế biến và tiêu thụ sản phẩm, do giá cả biến động lớn. Sản lượng gỗ tròn khai thác giảm từ 2.040 m³ năm 1987, xuống 990 m³ năm 1989.

Ngành Thủ công nghiệp tuy gặp nhiều khó khăn, nhưng vẫn giữ được nhịp độ sản xuất bình thường. Mặt hàng sản xuất chủ yếu của Ngành là các loại mây, tre đan, màn cọ. Tổng giá trị hàng thủ công nghiệp trong 3 năm tăng lên 8 lần (tính cả yếu tố trượt giá). Các mặt hàng khác phát triển chậm.

Giá trị hàng xuất khẩu đạt thấp, bình quân mỗi năm chỉ xuất được 230.000 Rúp - Đô la (tương đương 2,2 Rúp - Đô la đầu người) và chỉ bằng 22% kế hoạch.

Do kinh tế phát triển chậm, đời sống nhân dân khó khăn, nên kết quả thu ngân sách trong thời gian này mỗi năm một giảm. Năm 1987, số thu đạt 101% kế hoạch, năm 1988 đạt 86,6% và đến năm 1989, chỉ đạt 75% kế hoạch. Kết quả thu ngân sách thấp còn là do công tác quản lý, khai thác nguồn thu chưa triệt để, kiên quyết; việc hướng dẫn chỉ đạo thu ngân sách xã còn bị buông lỏng. Đại bộ phận các cơ sở đều nợ đọng thuế. Tính đến 30/11/1990, toàn huyện có 7 xã nợ đọng thuế nông nghiệp (khoảng 267 tấn thóc), điển hình là các xã Động Đạt (82

tấn), Yên Lạc (42 tấn), Sơn Cẩm (38 tấn), Ôn Lương (30 tấn)⁽¹⁾.

Nhìn chung, từ 1986 đến 1989 là thời kỳ cực kỳ khó khăn đối với huyện Phú Lương do nền kinh tế nước ta rơi vào tình trạng khủng hoảng. Trong tình hình đó, với sự nỗ lực vượt bậc, Đảng bộ và nhân dân Phú Lương phấn đấu thực hiện 3 chương trình kinh tế. Từ sau đợt đói giáp hạt đầu năm 1988, sản xuất nông nghiệp bắt đầu được phục hồi và từng bước phát triển. Tuy vậy, việc thực hiện chương trình hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu còn nhiều hạn chế, lúng túng, chưa tìm được hướng đi do công nghệ lạc hậu, chất lượng hàng hoá thấp, giá thành cao, không được người tiêu dùng ưa chuộng. Mặt hàng xuất khẩu, chủ yếu là hàng mây, tre đan, mảnh cọ giảm mạnh vì mất thị trường truyền thống do Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu đang lâm vào khủng hoảng nghiêm trọng. Sản xuất không phát triển đã ảnh hưởng không tốt đến đời sống nhân dân và các mặt công tác khác.

Tình hình an ninh chính trị trên địa bàn tuy được giữ vững; song, trật tự an toàn xã hội có nhiều diễn biến phức tạp. Tình trạng tranh chấp ruộng đất chưa được giải quyết dứt điểm, tệ nạn xã hội có chiều hướng gia tăng.

(1) Báo cáo của UBND huyện tại kỳ họp thứ 4 HĐND huyện khoá XIV.

Chất lượng của Ngành Giáo dục có nhiều biểu hiện xuống cấp. Mặc dù số học sinh đến trường hàng năm vẫn tăng (năm 1989 tăng 1.182 em so với năm 1986), nhưng kết quả học tập giảm sút nghiêm trọng. Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp các cấp liên tục giảm từ 73,8% năm 1987, xuống 61,08% trong năm 1988 và đến năm 1989, chỉ đạt 34,7%. Số học sinh lưu ban cũng ngày càng nhiều; học sinh bỏ học ngày càng tăng (từ 3,5% trong năm học 1986 - 1987, lên 10,8% trong năm học 1988 - 1989).

Ngành Y tế cũng rơi vào tình trạng khó khăn: Cơ sở vật chất nghèo nàn, thuốc chữa bệnh khan hiếm; cuộc vận động sinh đẻ có kế hoạch đạt tỷ lệ thấp. Tính đến tháng 4/1989, tỷ lệ sinh đẻ trên địa bàn huyện là 2,45% (so với chỉ tiêu 1,7%).

Nguyên nhân chủ yếu của những mặt yếu kém trên đây là do công tác lãnh đạo “quản lý nền kinh tế, xã hội của huyện nhà kinh nghiệm còn ít, còn nhiều bỏ ngỡ trong quá trình chuyển đổi từ cơ chế tập trung quan liêu bao cấp sang hạch toán kinh tế kinh doanh xã hội chủ nghĩa”⁽¹⁾.

Trong bối cảnh lịch sử ấy, ngày 22/3/1989, Đại hội đại biểu lần thứ XVII Đảng bộ huyện Phú Lương được tổ chức. 167 đại biểu của 50 chi, đảng bộ cơ sở thay mặt cho

⁽¹⁾ Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Phú Lương lần thứ XVII (24/3/1989).

gần 3.000 đảng viên trong toàn Đảng bộ về dự Đại hội. Sau 3 ngày làm việc khẩn trương, nghiêm túc, các đại biểu tập trung thảo luận, thống nhất đánh giá kết quả lãnh đạo, chỉ đạo phát triển kinh tế, xã hội của Đảng bộ trong nhiệm kỳ XVI: “Phú Lương vẫn chưa thoát khỏi một nền kinh tế tự cấp tự túc, mất cân đối, cho nên đời sống của cán bộ và nhân dân gặp nhiều khó khăn...”. Đại hội bầu Ban Chấp hành Đảng bộ khoá XVII, gồm 35 uỷ viên (trong đó có 2 uỷ viên dự khuyết). Ban Thường vụ Huyện uỷ gồm 9 đồng chí. Đồng chí Mạc Văn Đạt được Ban Chấp hành tín nhiệm bầu làm Bí thư Huyện uỷ; đồng chí Bàn Hữu Dân làm Phó Bí thư ⁽¹⁾.

Căn cứ vào tình hình đặc điểm của địa phương, quán triệt tư tưởng chỉ đạo của Trung ương và Tỉnh uỷ, Đại hội xác định phương hướng, nhiệm vụ trong 2 năm (1989-1990) là “Tiếp tục đổi mới quản lý kinh tế, tập trung cho 3 chương trình kinh tế lớn; chương trình dân số kế hoạch hoá gia đình; chống thất thu ngân sách và hạn chế dần mức bội chi tiền mặt; từng bước ổn định đời sống cho cán bộ công nhân viên chức, lực lượng vũ trang và nhân dân lao động trong toàn huyện”. Đại hội cũng nêu lên một số nội dung cụ thể của Đảng bộ về công tác lãnh đạo phát triển kinh tế, xã hội trong nhiệm kỳ mới. Nghị quyết Đại

(1) Từ tháng 8/1989, do yêu cầu công tác, đồng chí Lê Văn Văn được Tỉnh uỷ điều động lên Phú Lương làm Phó Bí thư thường trực Huyện uỷ. Tháng 8/1990, đồng chí Mạc Văn Đạt nghỉ hưu; đồng chí Lê Văn Văn được bầu làm Bí thư Huyện uỷ.

hội nhấn mạnh: “Tập trung sức phát triển nông nghiệp một cách toàn diện, coi nông nghiệp thực sự là mặt trận hàng đầu, trọng tâm là lương thực, thực phẩm. Sản xuất lương thực cần coi trọng cả lúa và hoa màu... Phấn đấu đạt từ 30.000 đến 32.000 tấn lương thực quy thóc mỗi năm”.

Để đạt mục tiêu trên, Đại hội đưa ra 9 giải pháp:

- Đẩy mạnh thâm canh tăng năng suất lúa, đưa năng suất bình quân của 7.800 ha lúa toàn huyện lên 32 tạ/ha/vụ.

- Đưa cây ngô đông vào đất hai vụ lúa, phấn đấu đạt 1.000 ha, năng suất bình quân 20 tạ/ha để có sản lượng 2.000 tấn ngô đông mỗi năm.

- Khai thác có hiệu quả các công trình thủy lợi đã có, thường xuyên sửa chữa và tu bổ kịp thời những trạm bơm, hồ, đập, hệ thống kênh mương để chủ động tưới nước cho sản xuất nông nghiệp.

- Đẩy mạnh công tác cải tạo giống, nhập một số giống mới ngắn ngày có năng suất cao; xây dựng các khu vực chuyên sản xuất giống cấp 2 ở các vùng trọng điểm lúa.

- Mở rộng các hình thức cung ứng vật tư cho các hợp tác xã và cho hộ nông dân bảo đảm thuận tiện, kịp thời. Phải hết sức coi trọng sản xuất, chế biến phân hữu cơ, khuyến khích việc sản xuất vôi bón ruộng.

- Tăng cường công tác bảo vệ thực vật bằng các biện pháp tổng hợp, phát động và hướng dẫn quần chúng

tham gia bảo vệ thực vật bằng những kinh nghiệm sẵn có và bằng những biện pháp tiên tiến.

- Đưa cán bộ khoa học kỹ thuật về cơ sở, có chính sách thoả đáng để cán bộ kỹ thuật gắn với kết quả cuối cùng của hợp tác xã và hộ gia đình.

- Có biện pháp đầu tư cụ thể về vốn, vật tư và khoa học kỹ thuật đối với vùng trọng điểm lúa.

- Tận dụng hết quỹ đất hiện có để trồng cây mầu, lương thực, bảo đảm hằng năm có trên 6.000 tấn mầu quy thóc.

Đối với các cây công nghiệp chính (chè, thuốc lá), huyện chủ trương lấy thâm canh là chính; đồng thời tiếp tục mở rộng diện tích để sản xuất, chế biến nhiều sản phẩm hàng hoá cho xuất khẩu, trao đổi và phục vụ đời sống; khuyến khích phát triển các loại cây công nghiệp khác (lạc, cà phê, bông, hồi...) theo vùng để có nhiều hàng hoá phục vụ xuất khẩu và tiêu dùng.

Để đảm bảo cho nông nghiệp phát triển, Đại hội nêu rõ phải “tiếp tục củng cố và hoàn thiện quan hệ sản xuất trong các hợp tác xã nông nghiệp theo tinh thần Nghị quyết 10 của Bộ Chính trị, các quyết định của Hội đồng Bộ trưởng và các nghị quyết của Tỉnh uỷ, Huyện uỷ. Đảm bảo cho mỗi hộ xã viên và lao động nông nghiệp có đất canh tác, có việc làm để duy trì đời sống, bảo đảm sự công bằng, đoàn kết ở nông thôn”.

Khi bước vào thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ lần thứ XVII, một trong những khó khăn lớn tác động tiêu cực đến quá trình phát triển kinh tế, xã hội ở địa phương là tình trạng tranh chấp ruộng đất diễn ra ngày càng căng thẳng và phức tạp. Tình trạng này xảy ra từ khi thực hiện Nghị quyết 10 (4/1988) của Bộ Chính trị về “Đổi mới quản lý trong nông nghiệp”. Đến giữa năm 1989, toàn huyện đã có 18/26 xã trong huyện xảy ra tranh chấp đất đai dưới nhiều hình thức và mức độ khác nhau:

- Đòi lại toàn bộ ruộng đất của gia đình trước đây đã góp vào khi tham gia hợp tác xã (thường gọi là “ruộng đất ông, cha”).

- Đòi lại “ruộng ông, cha” để phân phối cho những gia đình trong dòng họ theo định mức chung; còn thừa cho ai tùy thích.

- Đòi lại “ruộng đất ông, cha” theo mức bình quân chung của hợp tác xã, nhưng phải được ưu tiên chọn ruộng tốt, thuận lợi cho canh tác, hoặc được ưu tiên hơn từ 10 đến 20% diện tích bình quân.

Tình hình trên diễn ra trầm trọng ở các xã phía bắc, đặc biệt là Yên Định, Nông Thịnh. Nguyên nhân dẫn đến sự tranh chấp này, trước hết là do nhận thức của nhân dân, trong đó có cả cán bộ, đảng viên về Nghị quyết 10 của Bộ Chính trị chưa thấu đáo, do đó “đã có những Đảng bộ ra nghị quyết về phân chia ruộng đất trái với chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, những quy định cụ thể

của tỉnh, của huyện”⁽¹⁾; chính quyền cơ sở nhìn chung yếu kém; Ban Quản lý hợp tác xã nhiều nơi mất vai trò lãnh đạo, không còn khả năng điều hành phân chia ruộng đất cho nhân dân. Khi tình trạng tranh chấp ruộng đất xảy ra, chính quyền xã không dám mạnh dạn giải quyết do ngại va chạm, trông chờ, ỷ lại vào cấp trên.

Tình trạng tranh chấp ruộng đất đã ảnh hưởng xấu đến sản xuất. Những nơi xảy ra tranh chấp ruộng đất thì việc gieo cấy thường không kịp thời vụ, không được đầu tư chăm sóc. Nhiều diện tích chỉ “bừa chùi cấy chay”. Do đó, năng suất, sản lượng lúa giảm nhiều. Một số diện tích phải bỏ hoang, thời tiết khắc nghiệt, chủ yếu là hạn hán gây thiệt hại cả vụ chiêm lẫn vụ mùa. Tổng diện tích lúa bị hạn trong năm 1990 lên tới 3.805 ha, đã làm cho tổng sản lượng lương thực quy thóc cả năm giảm sút, chỉ đạt 20.045 tấn, bằng 76,2% kế hoạch. Sáu tháng đầu năm 1991, sản lượng lương thực giảm 3.674 tấn so với cùng kỳ năm trước và giảm 4.437 tấn so với kế hoạch. Đó là nguyên nhân dẫn đến tình trạng thiếu, đói xuất hiện trở lại trên địa bàn Phú Lương. Đến cuối tháng 5/1991, “số hộ ở nông thôn thiếu ăn đã diễn ra phổ biến và ở diện rộng”⁽²⁾.

Trước tình hình trên, nhằm từng bước tháo gỡ khó khăn để phát triển sản xuất, sau khi thành lập Ban chỉ đạo

(1) Báo cáo công tác 6 tháng đầu năm 1990 của Huyện uỷ Phú Lương-8/8/1990.

(2) Thông báo của Ban Thường vụ Huyện uỷ ngày 22/5/1991.

giải quyết đất đai (gồm đại diện Ủy ban nhân huyện, các ngành trong khối nội chính, các ngành chức năng và đoàn thể quần chúng, do đồng chí Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện làm Trưởng ban), ngày 10/1/1989, Huyện ủy ban hành Chỉ thị chuyên đề-Số 01-CT/HU “Về việc giải quyết tranh chấp, lấn chiếm ruộng đất”. Trên cơ sở nhận định, đánh giá tình hình, Huyện ủy yêu cầu các đảng ủy cơ sở, thủ trưởng các ban, ngành, đoàn thể triển khai những nội dung sau đây:

- Các xã, thị trấn giữ nguyên tình trạng ruộng đất phân phối theo các phương án đã được huyện duyệt.

- Các xã cùng với Ban chỉ đạo của huyện rà soát kiểm tra toàn bộ các trường hợp lấn chiếm ruộng đất đã và đang giải quyết...

- Các chi, đảng bộ cùng Ban Tổ chức, Ban Kiểm tra Huyện ủy rà soát kiểm tra đảng viên ở những nơi có tranh chấp ruộng đất, kiên quyết xử lý các trường hợp đảng viên thiếu gương mẫu, vi phạm Luật đất đai theo tinh thần Chỉ thị ngày 31/8/1988 của Bộ Chính trị Trung ương Đảng.

Thực hiện Chỉ thị của Huyện ủy, các Ban Xây dựng Đảng, các chi, đảng bộ cơ sở cùng các ngành, các cấp tích cực triển khai kế hoạch giải quyết tranh chấp ruộng đất. Nhờ có sự lãnh đạo, chỉ đạo chặt chẽ của các cấp đảng bộ và chính quyền, đến giữa năm 1990, việc giải quyết tình trạng tranh chấp ruộng đất ở một số xã bước đầu đạt kết quả tốt. Phát huy kết quả này, từ tháng 7/1990, Ban

Thường vụ Huyện uỷ tiếp tục chỉ đạo: “Những nơi đã và đang giải quyết phải kiên quyết làm cho xong mới thôi; những nơi chưa làm phải chuẩn bị mọi điều kiện, giao trên sổ sách, có ký kết rõ ràng, sau vụ gặt tới giao ruộng trên thực tế. Phải coi việc giải quyết đất đai là một nhiệm vụ trọng tâm từ nay đến cuối năm. Trong quá trình giải quyết phải có quan điểm rõ ràng, không được nơi nào tùy tiện, hữu khuynh”⁽¹⁾. Cùng thời gian này, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ ra Thông báo số 06; Uỷ ban nhân dân tỉnh liên tiếp ban hành các Quyết định 106, 109 và 210 về chủ trương giải quyết tranh chấp đất đai trong tỉnh. Nhiều đoàn cán bộ của tỉnh được cử về giúp các huyện giải quyết vấn đề phức tạp và nóng bỏng này.

Tại Phú Lương, đoàn cán bộ liên ngành đến một số xã có tranh chấp phức tạp nhất (Yên Định, Nông Thịnh, Ôn Lương) để giải quyết dứt điểm, rút kinh nghiệm cho các xã và hợp tác xã.

Từ cuối năm 1990 đến cuối năm 1991, tất cả các xã có tranh chấp đất đai từng bước giải quyết vấn đề ruộng đất, bảo đảm sự công bằng, đoàn kết ở nông thôn, tạo điều kiện cho các hộ có đất canh tác phát triển sản xuất.

Nhằm giải quyết khó khăn về đời sống, giữ vững sản xuất trong nông nghiệp, nhất là những nơi bị thiên tai, mất mùa, cùng với việc tích cực giải quyết tranh chấp đất đai,

⁽¹⁾ Thông báo của Ban Thường vụ Huyện uỷ ngày 21/7/1990.

Ban Thường vụ Huyện uỷ đề ra nhiều biện pháp cấp bách: Tập trung chỉ đạo các xã gieo cấy vụ mùa kịp thời vụ và hết diện tích; tranh thủ sự viện trợ, giúp đỡ của tỉnh về vốn, vật tư, lương thực; cho nông dân vay 45,6 tấn thóc giống, 26,7 tấn phân đạm để sản xuất, gần 100 tấn thóc ăn và trợ cấp 30.590.000 đồng để ổn định đời sống⁽¹⁾.

Từ kinh nghiệm giải quyết thiếu, đói năm 1988, lại được sự chỉ đạo và hỗ trợ kịp thời của tỉnh, nên tình trạng thiếu, đói lần này được giải quyết nhanh và hiệu quả hơn.

Trong khi sản xuất nông nghiệp gặp khó khăn thì Ngành Lâm nghiệp có bước phát triển khá. Đến cuối quý III năm 1991, huyện đã phân cấp quản lý lâm nghiệp cho 8 xã phía Bắc, giao đất, giao rừng đến hộ gia đình ở 13 xã. Phong trào trồng rừng tập trung, trồng cây phân tán được đẩy mạnh và có hiệu quả. Kế hoạch trồng rừng theo Chương trình PAM đạt trên 2.200 ha. Việc thực hiện khoanh nuôi rừng theo Chương trình tài trợ của CIDSE đạt 240 ha (vượt chỉ tiêu 120 ha).

Mặc dù đạt nhiều kết quả trong việc mở rộng diện tích trồng rừng, nhưng công tác quản lý rừng chưa chặt chẽ; nguồn gỗ quý hiếm còn dễ thất thoát lớn; tiềm năng rừng chưa trở thành thế mạnh của địa phương.

Một trong những biện pháp khắc phục tình trạng phá rừng bừa bãi là đẩy mạnh cuộc vận động định canh định

⁽¹⁾ Báo cáo 6 tháng đầu năm 1991 của Huyện uỷ Phú Lương.

cư. Thông qua công tác giáo dục, tuyên truyền, kết hợp với việc trợ cấp vốn, giải quyết vật tư, giống, đầu tư xây dựng một số công trình thủy lợi ở những điểm định canh định cư, trong năm 1991, huyện đã vận động được 22 hộ đồng bào HMông từ Quảng Chu ra Động Đạt. Với kết quả này, về cơ bản, huyện Phú Lương đã hoàn thành cuộc vận động định canh định cư. Tuy nhiên, nhìn chung hơn 500 hộ đồng bào ở các điểm định canh định cư còn gặp nhiều khó khăn; sản xuất chưa ổn định, ruộng đất thiếu, đại bộ phận đồng bào thiếu, đói triền miên. Do vậy, một số gia đình trở lại cuộc sống du canh du cư.

Ngành Thủ công nghiệp Phú Lương trong những năm đầu thập kỷ 90 gặp nhiều khó khăn. Trừ các nghề may mặc, sản xuất gạch, ngói, đóng đồ gỗ... vẫn được duy trì trong các hộ gia đình, các hợp tác xã sản xuất hàng xuất khẩu (chổi chít, màn cọ...) do mất thị trường truyền thống ở Liên Xô và Đông Âu, nên hàng hoá sản xuất ra không tiêu thụ được, dẫn đến thua lỗ lớn. Các hợp tác xã buộc phải giải thể.

Hầu hết các đơn vị kinh tế thuộc khu vực quốc doanh được sắp xếp lại bộ máy, thu gọn đầu mối, giảm nhẹ biên chế, giảm mạnh lực lượng lao động gián tiếp. Một số đơn vị (Dịch vụ vật tư nông nghiệp, Lương thực, Thương nghiệp) bước đầu có những cải tiến, phục vụ nhân dân tốt hơn.

Thành phần kinh tế ngoài quốc doanh (chủ yếu là Thương nghiệp) phát triển mạnh dưới hình thức kinh doanh tổng hợp theo quy mô hộ gia đình, góp phần làm cho thị trường hàng hoá trong huyện thêm sôi động.

Công tác quốc phòng an ninh được Đảng bộ quan tâm lãnh đạo chặt chẽ. Thực hiện Nghị quyết 02 của Bộ Chính trị, huyện đã có nhiều cố gắng củng cố lực lượng dân quân, tự vệ, tăng cường quản lý lực lượng dự bị động viên. Nhiệm vụ tập huấn cán bộ, huấn luyện dân quân, tự vệ hàng năm được triển khai tích cực. Từ năm 1989 đến năm 1990, huyện Phú Lương tổ chức 2 đợt diễn tập thực hành phương án phòng thủ, được đánh giá đạt kết quả khá và tốt. Các phương án “Phòng, chống gây rối, bạo loạn” và “Kế hoạch tác chiến bảo vệ trị an cơ sở” ở 25 xã, thị trấn được xây dựng, luyện tập thường xuyên. Công tác động viên tuyển quân hàng năm đều đạt và vượt chỉ tiêu trên giao, bảo đảm chất lượng và đúng Luật nghĩa vụ quân sự.

Mặc dù hoàn cảnh quốc tế và trong nước có nhiều diễn biến phức tạp, nhưng nhìn chung tình hình an ninh chính trị trong huyện luôn luôn được giữ vững; trật tự an toàn xã hội được bảo đảm. Các cấp uỷ, chính quyền luôn chú trọng xây dựng mạng lưới an ninh nhân dân, chỉ đạo tuyên truyền trong nhân dân ý thức bảo vệ an ninh Tổ quốc. Việc triển khai Chỉ thị 135/HĐBT được tiến hành

tích cực và thu được kết quả rõ rệt, góp phần tăng cường kỉ cương pháp luật, hạn chế những tiêu cực xã hội.

Bên cạnh đó, tình hình trật tự an toàn xã hội vẫn có những diễn biến phức tạp. Tội phạm và các tệ nạn xã hội (trộm cắp, cờ bạc, mê tín dị đoan, nghiện hút, buôn lậu, tham nhũng...) chưa được ngăn chặn, thậm chí có mặt còn nghiêm trọng hơn. Nhiều hành vi tiêu cực, phạm pháp chưa được xử lý nghiêm minh, kịp thời. Việc giáo dục cho mọi người dân hiểu và tự giác “Sống và làm việc theo hiến pháp và pháp luật” còn yếu. Việc kiểm tra, kiểm soát của các cơ quan bảo vệ pháp luật có lúc còn lỏng lẻo. Đó là những nguyên nhân dẫn tới kỉ cương phép nước chưa nghiêm, trật tự an toàn xã hội còn nhiều vấn đề bức xúc.

Nhận thức rõ vai trò lãnh đạo của Đảng là nhân tố quyết định thắng lợi sự nghiệp đổi mới, trước những diễn biến bất lợi của tình hình quốc tế, Đảng bộ kịp thời triển khai các chỉ thị, nghị quyết của Trung ương Đảng và Bộ Chính trị; định hướng nhận thức, khẳng định rõ sự đúng đắn của đường lối, quan điểm đổi mới do Đảng đề ra, góp phần nâng cao ý thức Đảng, nâng cao vai trò, trách nhiệm của đông đảo cán bộ, đảng viên đối với sự nghiệp cách mạng trong giai đoạn mới.

Đảng bộ có nhiều cố gắng trong việc làm trong sạch và nâng cao sức chiến đấu của đảng viên và các tổ chức cơ sở Đảng. Nhiều cơ sở đảng trong Đảng bộ triển khai thực hiện thực hiện khá tốt Nghị quyết 04 của Bộ Chính

trị và Nghị quyết 04 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, tăng cường kiểm tra đảng viên chấp hành Điều lệ Đảng. Thông qua tự phê bình và phê bình, lấy ý kiến quần chúng để đánh giá, xem xét tư cách đảng viên, cấp uỷ các cấp quan tâm giải quyết các vụ việc tiêu cực, giải quyết các đơn, thư tố cáo cán bộ, đảng viên vi phạm kỷ luật Đảng và pháp luật của Nhà nước... Những việc làm trên có tác dụng thiết thực trong công tác xây dựng Đảng.

Nhằm giữ nghiêm kỷ luật của Đảng, từ năm 1989 đến cuối năm 1991, Đảng bộ đã thi hành kỷ luật 151 đảng viên, trong đó có 105 trường hợp bị khai trừ và đưa ra khỏi Đảng.

Cũng từ năm 1989 đến năm 1991, toàn Đảng bộ đã bồi dưỡng, kết nạp được 120 đảng viên mới, hầu hết là đảng viên trẻ, khoẻ, có tri thức, hăng hái, nhiệt tình trong công tác, góp phần tăng cường sức chiến đấu cho Đảng.

Các cấp Đảng bộ trong huyện chú trọng chấn chỉnh, sắp xếp lại bộ máy lãnh đạo Đảng và bộ máy quản lý Nhà nước theo hướng gọn nhẹ, tinh giản, kiên quyết thay thế những cán bộ yếu kém về năng lực, hoặc suy giảm về đạo đức, phẩm chất.

Sự đổi mới lãnh đạo của Đảng bộ còn thể hiện ở quy chế làm việc, quy định rõ mối quan hệ giữa các cấp uỷ Đảng trong hệ thống chính trị, quy trình xây dựng nghị quyết, quy trình về công tác cán bộ... Nội dung sinh hoạt

chị bộ được cải tiến, thể hiện tính dân chủ và thiết thực hơn.

Tuy nhiên, công tác xây dựng Đảng còn bộc lộ những yếu kém. Trình độ kiến thức, năng lực lãnh đạo của Đảng (nhất là ở cơ sở) nói chung còn thấp. Năng lực quản lý Nhà nước, quản lý kinh tế, lãnh đạo sản xuất, kinh doanh theo cơ chế mới còn nhiều mặt yếu. “Cấp uỷ một số cơ sở chưa làm tròn vai trò lãnh đạo, tính chiến đấu thấp, còn biểu hiện trông chờ, né tránh và rất lúng túng khi giải quyết những vấn đề phức tạp nảy sinh. Tính tiên phong gương mẫu bị giảm sút ở khá đông đảng viên. Hiện tượng đảng viên thoái thác nhiệm vụ trong điều kiện khó khăn xảy ra ở một số nơi. Tính dân chủ trong Đảng còn hạn chế. Kỷ luật của Đảng vẫn chưa được giữ nghiêm. Việc phân loại đảng viên ở nhiều cơ sở làm hời hợt, chiếu lệ. Còn khá nhiều đảng viên sa sút ý chí, thoái hoá biến chất vẫn chưa được xử lý thích đáng. Công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ chưa làm tốt. Còn thiếu đội ngũ cán bộ giỏi về quản lý Nhà nước, về sản xuất kinh doanh. Còn có những hăng hực, lúng túng trong việc bố trí hạt nhân lãnh đạo ở cả huyện và cơ sở”⁽¹⁾. Đó là những nguyên nhân dẫn đến tình trạng đội ngũ đảng viên đông, nhưng chưa mạnh.

(1) Báo cáo chính trị của BCH Đảng bộ tại Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XVIII (vòng 2).

Trong nhiệm kỳ XVII, bộ máy quản lý Nhà nước tiếp tục được kiện toàn theo luật định. Cuộc bầu cử Hội đồng nhân dân các cấp (11/1989) theo luật mới được triển khai đạt kết quả tốt. Năng lực đại biểu và chất lượng hoạt động của Hội đồng nhân dân được nâng cao. Hội đồng nhân dân các cấp ngày càng thực sự là cơ quan quyền lực, đại diện cho quyền lợi của nhân dân lao động ở địa phương. Sau cuộc bầu cử Hội đồng nhân dân, chính quyền từ huyện đến cơ sở được kiện toàn theo yêu cầu gọn nhẹ, bảo đảm năng lực điều hành hoạt động. Phương thức hoạt động và lề lối làm việc bước đầu được cải tiến. Chính quyền ở nhiều cơ sở có sự vươn lên rõ rệt trong quá trình điều hành, quản lý Nhà nước, quản lý xã hội trên địa bàn.

Mặt yếu của bộ máy Nhà nước vẫn là chức năng giám sát của Hội đồng nhân dân chưa mạnh. Các ban của Hội đồng nhân dân hoạt động chưa đều tay. Hội đồng nhân dân nhiều xã hoạt động yếu, tính dân chủ hình thức còn khá phổ biến. Bộ máy quản lý Nhà nước chậm đổi mới theo yêu cầu của cơ chế quản lý mới, nhất là các phòng, ban chuyên môn chưa thật sự hướng về cơ sở, thiếu sâu sát với dân.

Nét đổi mới nổi bật của các đoàn thể quần chúng là thông qua các phong trào, các cuộc vận động, đã hướng vào mục tiêu phát triển sản xuất, giải quyết khó khăn về kinh tế ở địa phương. Do vậy, hoạt động của các đoàn thể

đã góp phần tạo nên sức mạnh tổng hợp, thúc đẩy sản xuất phát triển.

Trên chặng đường 5 năm thực hiện đường lối đổi mới, tuy chưa tạo được sự chuyển biến lớn trong phát triển kinh tế, nhưng trước những khó khăn chồng chất, dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ, nhịp độ sản xuất vẫn được giữ vững; đời sống nhân dân cơ bản được ổn định; an ninh chính trị được bảo đảm. Tính dân chủ trong Đảng, chính quyền, các đoàn thể quần chúng và trong toàn xã hội bước đầu được phát huy. Bên cạnh đó, công tác lãnh đạo của Đảng bộ vẫn có nhiều thiếu sót, khuyết điểm: Sản xuất tăng chậm và chưa vững chắc; nhiều tiềm năng, thế mạnh chưa được khai thác một cách có hiệu quả; đời sống nhân dân so với yêu cầu vẫn ở mức thấp; các tệ nạn xã hội chưa bị đẩy lùi và có chiều hướng gia tăng.

Trước tình hình trên, nhằm từng bước tháo gỡ khó khăn để phát triển đi lên, quán triệt tư tưởng chỉ đạo của Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VII: “Trí tuệ-Đổi mới-Dân chủ-Kỷ cương-Đoàn kết”, Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện lần thứ XVIII (vòng 2) được tổ chức (22-24/10/1991). Sau khi kiểm điểm, đánh giá kết quả thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ lần thứ XVII và đề ra phương hướng nhiệm vụ trong nhiệm kỳ mới, Đại hội đã bầu Ban Chấp hành Đảng bộ gồm 31 uỷ viên. Ban Thường vụ Huyện uỷ gồm 7 đồng chí. Đồng chí Lê Văn Văn được Ban Chấp hành tín nhiệm bầu làm Bí thư Huyện uỷ. Các

đồng chí Đoàn Đình Thế và Nguyễn Mạnh Long được bầu làm Phó Bí thư ⁽¹⁾.

Đối với nhiệm vụ phát triển kinh tế, Đại hội nhấn mạnh: “Từ nguồn nhân lực, kinh tế-xã hội hiện có, 5 năm tới (1991-1995) phấn đấu hình thành cơ cấu kinh tế Nông-Lâm-Dịch vụ-Tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn huyện. Trong đó, nông nghiệp được đặt ở vị trí hàng đầu, vừa chuyên canh, vừa kinh doanh tổng hợp, kết hợp thâm canh, luân canh tăng vụ, mở rộng diện tích gieo trồng, lấy sản xuất lương thực, thực phẩm làm nhiệm vụ trọng tâm. Phấn đấu sản xuất lương thực tại chỗ đạt bình quân 24.000 tấn quy thóc mỗi năm. Phát triển mạnh cây công nghiệp, chủ yếu là chè, thuốc lá, mía, cây đặc sản (hồi, quế), cây ăn quả (mơ, mận, hồng, cam, quýt).

“Phát triển đàn trâu, bò, ngựa ở các xã phía Bắc và các xã miền núi, đáp ứng đủ nhu cầu sức kéo trong huyện, tạo thành nguồn hàng hoá giao lưu ngoài huyện. Phát triển đàn lợn trên toàn bộ địa bàn huyện, song song với phát triển gia cầm, thủy sản... tạo nguồn hàng hoá thực phẩm ngày một dồi dào.

“Nhiệm vụ trọng tâm của Ngành Lâm nghiệp trong giai đoạn này là tái tạo rừng bằng cách khoanh nuôi, bảo vệ, trồng rừng và làm giàu vốn rừng. Trước mắt, tiếp

(1) Ngày 23/9/1993, Ban chấp hành Đảng bộ bầu đồng chí Đoàn Đình Thế làm Bí thư Huyện uỷ thay cho đồng chí Lê Văn Văn được cấp trên điều động nhận công tác khác.

tục làm tốt việc giao đất, giao rừng, cấp sổ lâm bạ đến từng đơn vị quốc doanh, hợp tác xã và hộ gia đình để đảm bảo yêu cầu quản lý, kinh doanh rừng lâu dài... Tăng cường quản lý lâm sản quý hiếm; phát triển kinh tế đồi rừng...”.

Để đạt được những mục tiêu trên, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện xác định 4 vùng kinh tế với những thế mạnh khác nhau:

- Vùng Bắc, từ xã Yên Ninh, Yên Trạch trở lên, có nhiệm vụ chủ yếu là phát triển mạnh kinh tế đồi rừng: Trồng rừng, tu bổ, bảo vệ, phát triển cây ăn quả (mơ, mận, hồng không hạt) và cây mầu. Đồng thời, phát triển mạnh chăn nuôi trâu, bò, tạo thành nguồn hàng hoá.

- Vùng Nam, từ Yên Đỗ trở xuống, là vùng có nhiều thế mạnh, nhiều tiềm năng, Nhiệm vụ trọng tâm của vùng này là đẩy mạnh sản xuất lương thực (lúa, ngô, khoai), phát triển mạnh cây chè, thuốc lá thành vùng ổn định về hàng hoá xuất khẩu và nội địa.

- Vùng núi cao, gồm 4 xã: Như Cố, Bình Văn, Yên Hân, Yên Cư, có nhiệm vụ chuyển dần kinh tế tự nhiên tự cấp tự túc sang sản xuất hàng hoá bằng cách phát triển mạnh kinh tế rừng với các loại cây đặc sản (quế, hồi) và cây ăn quả (mận, cam, quýt), kết hợp phát triển cây mầu và cây công nghiệp (thuốc lá); đồng thời phát triển mạnh đàn trâu, bò, ngựa, từng bước phát triển tiểu thủ công

nghiệp, chế biến lâm sản, khai thác tài nguyên khoáng sản quý hiếm (vàng).

- Vùng thị trấn, gồm thị trấn Chợ Mới, Giang Tiên và khu vực huyện lỵ Đu⁽¹⁾. Nhiệm vụ trọng tâm của vùng này là phát triển thành trung tâm dịch vụ (thương nghiệp, văn hoá, khoa học kỹ thuật) với sự tham gia của các ngành nghề kinh tế, phát triển mạnh tiểu thủ công nghiệp chế biến nông-lâm sản, sản xuất hàng tiêu dùng, hàng xuất khẩu.

Đại hội còn xác định vị trí, giải pháp để phát triển các thành phần kinh tế quốc doanh, tập thể và tư nhân; đồng thời đề ra yêu cầu cho các cơ quan quản lý Nhà nước phải nhanh chóng “đổi mới cơ chế quản lý kinh tế, thực hiện cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước bằng pháp luật, kế hoạch, chính sách và các công cụ khác”; trong đó tập trung giải quyết tốt các yếu tố: Vốn, sức lao động, vật tư thiết bị và dịch vụ thông tin.

Nhờ có chủ trương đúng, lại có sự đoàn kết, quyết tâm của các cấp uỷ Đảng, chính quyền cùng các đoàn thể quần chúng và nhân dân, từ năm 1992, sản xuất dần dần đi vào thế ổn định và phát triển. Năng suất lúa bình quân trong 5 năm (1991-1995) đạt 25,66 tạ/ha một vụ, tăng 2,66 tạ so với chỉ tiêu Đại hội Đảng bộ lần thứ XVIII đề

(1) Thị trấn Giang Tiên được thành lập theo Quyết định số 618-VP 18-23/2/1977 của Phủ Thủ tướng. Thị trấn Đu được thành lập theo Nghị định số 36 CT-3/1/1993 của Thủ tướng Chính phủ.

ra. Tổng sản lượng lương thực năm 1994 đạt 29.353 tấn⁽¹⁾. Kết quả trên trước hết là do những tiến bộ khoa học kỹ thuật được ứng dụng ngày càng rộng trên đồng ruộng, đặc biệt là khâu giống.

Chương trình cấp một hoá giống lúa được triển khai thực hiện trên diện rộng, với các giống lúa có năng suất cao, đã mang lại hiệu quả rõ rệt. Hoạt động khuyến nông ngày càng tốt hơn. Tình trạng tranh chấp đất đai đã được giải quyết về căn bản. Việc giao quyền sử dụng ruộng đất lâu dài cho nông dân được thực hiện khá tốt. Đến tháng 4/1994, toàn huyện có 19/26 xã, thị trấn về cơ bản đã hoàn thành việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Việc làm này đem lại nhiều tác dụng thiết thực: Ruộng đất được ổn định, nông dân yên tâm đầu tư vốn và sức lao động để phát triển sản xuất.

Do sản xuất lương thực tăng nhanh và do nhu cầu của thị trường, nên ngành chăn nuôi có điều kiện phát triển mạnh. Đàn trâu trong huyện tăng từ 18.900 con năm 1991, lên 21.400 con năm 1995; đàn bò tăng gần 2 lần trong vòng 5 năm; đến năm 1995, tổng đàn bò đạt 1.165 con. Đặc biệt, đàn lợn năm 1995 lên tới 39.300 con, tăng gần 7.000 con so với năm 1991. Đàn gia cầm và cá cũng phát triển mạnh. Bước chuyển biến mới trong giai đoạn này là đã có một số cơ sở, một số hộ gia đình tổ chức

(1) Số liệu thống kê kinh tế-xã hội tỉnh Bắc Thái 1991-1995. Chi cục TK Bắc Thái 12/1995

chăn nuôi theo thị trường hàng hoá. Các khâu giống, chế biến thức ăn và phòng trừ dịch bệnh được quan tâm hàng đầu. Chăn nuôi phát triển không chỉ đảm bảo sức kéo, phân bón cho sản xuất, mà còn cung cấp nguồn thực phẩm dồi dào cải thiện bữa ăn trong mỗi gia đình.

Bằng nguồn vốn của các dự án quốc gia và vốn đầu tư của nước ngoài, trong 5 năm (1991-1995), toàn huyện trồng mới được 900 ha chè. Riêng năm 1991, trồng được 453 ha, đưa tổng diện tích chè được thu hoạch lên 1.673 ha, mỗi năm thu hơn 6.000 tấn chè búp tươi. Cùng với chè, hơn 100 ha cây ăn quả các loại, cây đặc sản khác được đầu tư phát triển, tạo nên diện mạo kinh tế mới trên địa bàn.

Trong những năm 1991-1995, sản xuất lâm nghiệp phát triển mạnh trên cơ sở các Dự án 327, 135. Công tác trồng rừng và bảo vệ rừng đều có tiến bộ. trong 5 năm , toàn huyện đã khoanh nuôi, bảo vệ gần 5.700 ha rừng; giao gần 10.000 ha đất rừng cho các hộ quản lý; tổ chức trồng mới gần 4.000 ha rừng các loại. Kinh tế đồi rừng với các loại cây lấy gỗ, cây ăn quả, cây đặc sản có giá trị kinh tế cao ngày càng phát triển đã mang lại hiệu quả rõ rệt. Nhiều hộ nông dân làm giàu nhanh chóng từ kinh tế đồi rừng.

Cuộc vận động định canh, định cư vừa mang tính kinh tế, vừa mang tính xã hội được các cấp uỷ Đảng quan tâm. Chỉ trong 2 năm (1992-1993), huyện đã đầu tư 160 triệu

đồng tập trung xây dựng các công trình phúc lợi (trường học, bệnh xá, đường giao thông, hệ thống nước sinh hoạt), phát triển sản xuất bằng việc trồng mía, chè và cây ăn quả ở các điểm định canh định cư, góp phần cải thiện đời sống của đồng bào. Tuy vậy, nhìn chung trên địa bàn huyện còn nhiều điểm định canh định cư chưa ổn định sản xuất, đời sống nhân dân còn nhiều khó khăn, thiếu thốn. Đến giữa năm 1994, toàn huyện vẫn còn 140 hộ với 1.068 nhân khẩu, chủ yếu là đồng bào HMông, vẫn sống du canh du cư.

Trong thủ công nghiệp và dịch vụ, các ngành nghề sản xuất vật liệu xây dựng (gạch, vôi) được giữ vững và có xu hướng phát triển mạnh do nhu cầu xây dựng cơ sở hạ tầng ngày càng tăng. Gạch làng Phan không chỉ nổi tiếng khắp trong tỉnh, mà còn sang các tỉnh bạn. Hằng năm, các cơ sở sản xuất gạch trên địa bàn huyện cho ra lò hàng chục triệu viên phục vụ nhu cầu xây dựng trong và ngoài huyện, vừa tạo việc làm cho hàng ngàn người lao động, vừa tạo nguồn thu nhập đáng kể cho nhân dân.

Thương nghiệp quốc doanh được sắp xếp lại với quy mô nhỏ, hợp lý hơn, nhưng hiệu quả kinh doanh vẫn thấp. Dịch vụ thương nghiệp ngoài quốc doanh hoạt động theo hình thức cá thể, hộ gia đình có xu hướng phát triển mạnh ở các thị trấn, thị tứ và các vùng dân cư tập trung.

Nhờ kinh tế ổn định và có chiều hướng phát triển tốt, nên hoạt động tài chính tiền tệ có bước tiến rõ rệt. Năm 1991, tổng thu ngân sách toàn địa bàn đạt gần 1,3 tỷ

đồng; năm 1992 thu đạt 2,2 tỷ đồng và năm 1995 lên tới 5,14 tỷ đồng. Đáng chú ý là thu thuế nông nghiệp có bước tiến bộ vượt bậc. Nếu như năm 1992, thu thuế nông nghiệp chỉ đạt 65,4% kế hoạch và chỉ có 4 xã: Sơn Cẩm, Cổ Lũng, Giang Tiên và Túc Tranh hoàn thành chỉ tiêu thuế nông nghiệp về thóc, thì đến năm 1993, tổng thu thuế nông nghiệp đạt 2.143 triệu đồng, bằng 107% kế hoạch. Đây là năm đầu tiên Phú Lương hoàn thành và hoàn thành vượt mức chỉ tiêu thuế nông nghiệp; trong đó có 6 xã: Phấn Mễ, Sơn Cẩm, Giang Tiên, Nông Hạ, Cổ Lũng và Động Đạt hoàn thành vượt mức chỉ tiêu ngân sách. Phát huy thành tích đó, năm 1995, một lần nữa Phú Lương lại hoàn thành vượt mức 27% chỉ tiêu thuế nông nghiệp. Đây là năm vượt mức cao nhất so với nhiều năm trước.

Tuy nhiên, công tác quản lý và thu thuế công thương nghiệp còn nhiều yếu kém. Số hộ kinh doanh thương nghiệp và dịch vụ tư nhân toàn huyện tăng từ 659 hộ năm 1991 lên 922 hộ năm 1995, trong đó chỉ có 632 hộ có đăng ký kinh doanh và 440 hộ có đóng thuế. Như vậy, toàn huyện còn 192 hộ hoạt động thương nghiệp dịch vụ có đăng ký nhưng không đóng thuế, 290 hộ không đăng ký và không đóng thuế.

Hoạt động của Ngân hàng huyện ngày càng đáp ứng tốt hơn yêu cầu phát triển sản xuất và đời sống. Toàn huyện đã có trên 22.000 lượt hộ nông dân được vay vốn

phát triển sản xuất. Doanh số cho vay hằng năm đều tăng. Đến năm 1995, tổng dư nợ tiền vay đã lên trên 11 tỷ đồng.

Cũng do kinh tế phát triển, nguồn thu ngân sách tăng, nên công tác đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng đạt kết quả cao. Trong 5 năm, huyện đã đầu tư cho công tác thủy lợi trên 4 tỷ đồng, xây dựng nhiều hồ đập (hồ Cốc Lùng, Đồng Xiên, đập Nà Rao). Các hệ thống kênh, mương được sửa chữa, nâng cấp hoặc làm mới, chủ động tưới cho hàng ngàn ha lúa hai vụ.

Ngành Giao thông huyện được đầu tư gần 6 tỷ đồng, đã cải tạo, xây dựng 266 km đường vào các xã, làm mới và sửa chữa 11 cầu treo. Nhìn chung, hệ thống giao thông trên địa bàn khá thuận lợi. Tuy vậy, do chủ yếu là đường đất, đường cấp phối, lại có độ dốc lớn, nên sau mỗi mùa mưa lại hư hỏng nhiều, nên năm nào huyện cũng phải huy động một lực lượng lớn nhân công vào việc tu sửa đường. Đến đầu năm 1994, toàn huyện vẫn còn 5 xã chưa có đường ô tô vào đến trung tâm xã, việc giao thông đến xóm, bản gặp nhiều khó khăn. Nhiệm vụ lập quy hoạch xây dựng các thị trấn, thị tứ, khu trung tâm các xã cũng được triển khai. Đến hết năm 1995, 10/26 xã, thị trấn trong huyện đã có điện lưới quốc gia phục vụ cho sản xuất và đời sống nhân dân. Trong 16 xã còn lại, đồng bào vẫn còn phải sinh hoạt bằng đèn dầu. Đời sống vật chất và văn

hoá tinh thần của nhân dân còn nhiều khó khăn, thiếu thốn.

Sự nghiệp giáo dục được phát triển tương đối đồng đều ở các bậc học, ngành học. Toàn huyện có 50 trường; trong đó có 12 trường mẫu giáo, 36 trường tiểu học và phổ thông cơ sở, 1 trường phổ thông trung học, 1 trường liên cấp phổ thông cơ sở và phổ thông trung học. Tổng số học sinh toàn huyện hơn 31.000 em. Số trẻ em trong độ tuổi được đến trường học đạt tỷ lệ 98%. Số học sinh phổ thông tăng bình quân hằng năm là 1.471 em. Tuy vậy, tỷ lệ học sinh theo học lên đến bậc phổ thông trung học rất thấp: Năm 1991 chỉ có 341 em, bằng 1,5% số học sinh phổ thông; năm cao nhất (1995) cũng mới có 927 em, bằng 3,2% tổng số học sinh.

Được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp uỷ Đảng và chính quyền, cùng với sự giúp đỡ của các ngành, các đoàn thể quần chúng, Phòng Giáo dục huyện đã đầu tư xây dựng cơ sở vật chất của các trường, bảo đảm cho dạy và học. Tổng số lớp học tăng từ 734 năm 1991, lên 892 năm 1995. Phong trào thi đua dạy tốt, học tốt được khơi dậy và duy trì. Chất lượng giảng dạy và học tập trong các trường từng bước được nâng cao. Số học sinh lên lớp và thi tốt nghiệp mỗi năm một tăng. Trong năm học 1994-1995, học sinh tốt nghiệp cả 3 cấp đạt từ 92,64% đến 96,15%. Cũng trong năm học này, 15 thầy, cô giáo đã phấn đấu đạt tiêu chuẩn giáo viên giỏi cấp huyện; 3 thầy,

cô giáo được đề nghị công nhận giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh. Tính đến hết năm 1995, toàn huyện có 24 trên 26 xã, thị trấn đạt tiêu chuẩn quốc gia về phổ cập tiểu học. Phong trào học ngoại ngữ bước đầu được phát động ở các cơ quan, trường học.

Công tác chăm sóc, bảo vệ sức khỏe nhân dân có những cố gắng và tiến bộ mới. Toàn huyện có 2 bệnh viện, 26 trạm xá ở 26 xã (trong đó có 21 trạm xá được xây dựng kiên cố và bán kiên cố). Nhìn chung, từ bệnh viện huyện đến trạm xá ở các xã đều được đầu tư trang thiết bị và cơ sở vật chất phục vụ khám, chữa bệnh ngày càng tốt hơn. Với 171 cán bộ, mỗi năm Ngành Y tế huyện khám và điều trị cho trên 30.000 lượt người. Các chương trình y tế quốc gia được triển khai ngày càng hiệu quả hơn. Sức khỏe nhân dân được đảm bảo và tăng cường.

Hoạt động văn hoá, thể thao được đẩy mạnh và hướng về cơ sở, phục vụ thiết thực nhiệm vụ tuyên truyền các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước đến với nhân dân các dân tộc trong huyện. Ở một số xã, hoạt động thể thao đã thành phong trào, thu hút đông đảo các tầng lớp nhân dân, nhất là thanh, thiếu niên tham gia, góp phần xây dựng đời sống tinh thần của nhân dân các dân tộc trong huyện ngày càng vui tươi, lành mạnh.

Cuộc vận động xoá đói giảm nghèo, đền ơn đáp nghĩa, các hoạt động nhân đạo, từ thiện phát triển sâu rộng và mang tính xã hội hoá cao. Chỉ trong vòng 5 năm (1991-

1995), toàn huyện đã đầu tư hơn 1,5 tỷ đồng vào việc xây dựng Nhà tình nghĩa cho thương binh và gia đình liệt sỹ; tặng 228 Sổ tình nghĩa với tổng số trên 22 triệu đồng; đầu tư hơn 200 triệu đồng xây dựng Nghĩa trang liệt sỹ và Đài tưởng niệm. Việc phòng, chống các tệ nạn xã hội trên địa bàn thu được kết quả bước đầu. Tuy nhiên, đây là vấn đề hết sức khó khăn, phức tạp, cần phải có sự phối hợp chặt chẽ của nhiều cấp, nhiều ngành, sự đồng lòng của cả cộng đồng mới có thể thu được kết quả cao.

Nhận thức rõ: “Xây dựng Đảng là nhiệm vụ then chốt, có ý nghĩa quyết định cho sự ổn định chính trị phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm an ninh quốc phòng”⁽¹⁾, Huyện uỷ chú trọng xây dựng Đảng bộ vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức.

Đảng bộ thường xuyên quan tâm đến công tác giáo dục lý luận chính trị cho cán bộ, đảng viên. Ngoài việc mở một lớp trung cấp lý luận tại chức cho 70 cán bộ theo học, Huyện uỷ còn cử nhiều cán bộ tham dự các chương trình bồi dưỡng lý luận chính trị do Trung ương và tỉnh tổ chức; 85% số Bí thư chi bộ và cấp uỷ viên cơ sở được bồi dưỡng nghiệp vụ công tác Đảng. Đa số cán bộ, đảng viên đều được học tập quán triệt các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, nên nhìn chung có nhận thức và hành động đúng, giữ vững và phát huy tính tiên phong

(1) Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XIX

gương mẫu trong công tác, được nhân dân tín nhiệm. Mọi tin tức thời sự, chính sách, chế độ mới cũng được phổ biến kịp thời đến đông đảo quần chúng nhân dân.

Từ khi thực hiện Nghị quyết 10 của Bộ Chính trị về cải tiến quản lý trong nông nghiệp, nhiều tổ chức đảng, chính quyền cơ sở bộc lộ sự yếu kém. Trình độ nhận thức và khả năng lãnh đạo của cán bộ không theo kịp với tình hình và nhiệm vụ mới. Nhằm khắc phục tình trạng đó, thực hiện Nghị quyết 3 của Ban chấp hành Trung ương khoá VII và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ lần thứ XVIII, từ năm 1992, Huyện uỷ tổ chức đợt sinh hoạt chính trị sâu rộng trong toàn Đảng bộ và trong quần chúng. Hầu hết các chi, đảng bộ đều xây dựng chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Trung ương 3; từng bước nâng cao chất lượng đảng viên, chất lượng sinh hoạt Đảng và củng cố tổ chức cơ sở Đảng.

Thực hiện phương châm: Trí tuệ-Đổi mới-Dân chủ-Kỷ cương-Đoàn kết, qua Đại hội vòng II của 44/46 tổ chức cơ sở đảng, toàn Đảng bộ đã có 30 cơ sở thay đổi Bí thư (68,19%). Sau Đại hội vòng II, Huyện uỷ tập trung chỉ đạo sắp xếp đội ngũ cán bộ từ huyện đến cơ sở. Những cán bộ được thay thế phần lớn là cán bộ trẻ, có chuyên môn nghiệp vụ, nhiệt tình, năng động; cho nên về cơ bản đã đáp ứng được yêu cầu của nhiệm vụ chính trị đặt ra.

Sau hơn 2 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VII, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh

lần thứ VI và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XVIII, tình hình kinh tế-xã hội trên địa bàn huyện Phú Lương đã đi vào thế ổn định, có chiều hướng phát triển tốt. Dưới sự lãnh đạo của Trung ương, của tỉnh, từ ngày 26 đến ngày 28/4/1994, Hội nghị đại biểu Đảng bộ huyện giữa nhiệm kỳ (khoá XVIII) được tổ chức. Trên cơ sở đánh giá những thành tích, ưu điểm và hạn chế, thiếu sót, Hội nghị xác định trong 2 năm còn lại của nhiệm kỳ (1994-1995), Đảng bộ cần tập trung lãnh đạo thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội Đảng bộ lần thứ XVIII nhằm “ổn định và phát triển kinh tế-xã hội, hình thành cơ cấu kinh tế hàng hoá nhiều thành phần, nâng cao hiệu lực quản lý của Nhà nước, đổi mới phương thức hoạt động của các đoàn thể nhân dân”.

Thực hiện Nghị quyết Hội nghị giữa nhiệm kỳ, song song với việc bố trí, sắp xếp lại đội ngũ cán bộ, Huyện uỷ tiếp tục chỉ đạo thực hiện Nghị quyết số 109 của Hội đồng Bộ trưởng. Thông qua đó, bộ máy hành chính được tinh giảm và gọn nhẹ hơn. Tổng biên chế khối Đảng, đoàn thể, chính quyền huyện đã giảm được 20 người (13,3%) và giảm 2 đầu mối thuộc khối chính quyền. Bộ máy cán bộ cấp xã cũng được tinh giảm từ 20 xuống 15 cán bộ, phù hợp với yêu cầu đổi mới, nâng cao chất lượng công tác.

Công tác phát triển Đảng được Đảng bộ coi trọng. Dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Huyện uỷ, những quần

chúng tiêu biểu đã được các cấp uỷ Đảng quan tâm đầu tư, bồi dưỡng thông qua các đợt sinh hoạt chính trị và các lớp đối tượng Đảng. Vì vậy, số đối tượng được kết nạp vào Đảng ngày càng tăng⁽¹⁾.

Tổng số đảng viên được kết nạp từ 1992 đến 1995 là 293 đồng chí, phần lớn là những đảng viên trẻ, khoẻ, nhiệt tình sẵn sàng đảm đương gánh vác nhiệm vụ mà Đảng giao phó.

Ủy ban kiểm tra Đảng các cấp có nhiều cố gắng trong việc thực hiện chức năng chuyên môn và nhiệm vụ cấp uỷ giao. Cùng với việc kiểm tra phục vụ Đại hội Đảng bộ cơ sở vòng 2, Hội nghị giữa nhiệm kỳ của Đảng bộ huyện, trong những năm 1993-1995, công tác kiểm tra của huyện tập trung vào việc thực hiện bước 2 Nghị quyết Trung ương 3, tập trung xử lý số đảng viên loại 3, loại 4, góp phần làm trong sạch đội ngũ và nâng cao sức chiến đấu của tổ chức Đảng ở địa phương. Từ 1992 đến 1995, Ủy ban kiểm tra các cấp đã kiểm tra, đề nghị xử lý kỷ luật 135 đảng viên, xoá tên 57 đảng viên khác. Riêng trong năm 1994, Đảng bộ phải xử lý 104 trường hợp.

Được Đảng bộ quan tâm lãnh đạo thường xuyên, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể quần chúng tích cực đổi mới cả về tổ chức và nội dung, phương thức hoạt động.

⁽¹⁾ Số đảng viên kết nạp 1992 = 36 đ/c; 1993 = 52 đ/c; 1994 = 74 đ/c; 1995 = 131 đồng chí.

Thực hiện Nghị quyết 07 của Bộ Chính trị, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc các cấp được củng cố và kiện toàn; hoạt động có chương trình, nội dung cụ thể, thiết thực, góp phần tích cực vào việc hoàn thành các mục tiêu kinh tế - xã hội của địa phương.

Thông qua các phong trào “Thanh niên lập nghiệp” và “Tuổi trẻ giữ nước”, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh đã bám sát nhiệm vụ chính trị của Đảng bộ, tạo ra sự chuyển biến mới ở hầu khắp các cơ sở Đoàn, góp phần tích cực vào các hoạt động kinh tế, xã hội của địa phương.

Chị em phụ nữ các dân tộc trong Hội Liên hiệp phụ nữ tiếp tục phát huy khả năng vào việc tham gia công tác quản lý Nhà nước. Với phong trào “Giúp nhau làm kinh tế gia đình, nuôi con khỏe, dạy con ngoan”, hoạt động của Hội đã góp phần tích cực hoàn thành các mục tiêu kinh tế, văn hoá, xã hội trên địa bàn huyện.

Hội Nông dân, với phong trào “Thi đua lao động sản xuất giỏi, thực hiện xoá đói giảm nghèo”, đã góp phần tích cực tạo ra sản phẩm nông nghiệp ngày càng cao. Phong trào xây dựng nông thôn mới đã có những kết quả rõ nét, tạo nên sự đoàn kết, tương trợ, giúp đỡ lẫn nhau trong sản xuất và đời sống giữa bà con các dân tộc.

Mặc dù mới ra đời, nhưng Hội Cựu chiến binh đã nhanh chóng phát triển. Đến cuối năm 1995, toàn huyện đã có 20 trong tổng số 26 xã và thị trấn kiện toàn xong tổ

chức Hội. Đội ngũ cán bộ của Hội từ huyện đến cơ sở đều nhiệt tình, gương mẫu. Thông qua hoạt động, Hội Cựu chiến binh đã thực sự là chỗ dựa, là nòng cốt trong các phong trào ở địa phương.

Tóm lại, trải qua 10 năm thực hiện sự nghiệp đổi mới (1986-1995), Đảng bộ và nhân dân các dân tộc Phú Lương đã kiên trì phấn đấu, vượt qua khó khăn gay gắt của thời kỳ đầu, từng bước ổn định và phát triển kinh tế theo hướng sản xuất hàng hoá. Các thế mạnh về kinh tế đồi rừng, cây công nghiệp đã và đang được khai thác có hiệu quả. Dịch vụ thương nghiệp phát triển mạnh; hàng hoá ngày càng đa dạng, phong phú, đáp ứng kịp thời nhu cầu sản xuất và tiêu dùng của nhân dân. Các mặt văn hoá, xã hội được ổn định và phát triển. Đời sống nhân dân được cải thiện.

Bên cạnh những thành tựu đạt được, công tác lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp uỷ Đảng, chính quyền và đoàn thể vẫn bộc lộ nhiều yếu kém, chưa đáp ứng kịp yêu cầu của công cuộc đổi mới. Cũng do đó, nền kinh tế của huyện phát triển chưa vững chắc, không đồng đều giữa các vùng. Việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế còn chậm, còn nhiều lúng túng trong quản lý kinh tế nhiều thành phần, nhất là trong chỉ đạo xây dựng củng cố quan hệ sản xuất mới theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp còn phân tán, nhỏ lẻ và chậm phát triển.

Lĩnh vực xã hội cũng còn có nhiều mặt yếu kém: Chất lượng giáo dục còn thấp; công tác chăm sóc sức khoẻ cho nhân dân chưa đáp ứng được yêu cầu chung; tệ nạn xã hội, như buôn lậu, làm ăn phi pháp, tham nhũng, trộm cắp, nghiện hút chưa được ngăn chặn có hiệu quả.

Những thành tựu đạt được cùng với những khó khăn, yếu kém trong 10 năm đầu thực hiện đổi mới đã giúp cho Đảng bộ có thêm nhiều kinh nghiệm trong công tác lãnh đạo thực hiện các mục tiêu kinh tế, xã hội những năm tiếp theo.

II- TIẾP TỤC ĐẨY MẠNH CÔNG CUỘC ĐỔI MỚI, THỰC HIỆN CÔNG NGHIỆP HOÁ, HIỆN ĐẠI HOÁ (1996-2000)

Dưới sự lãnh đạo của Đảng, sau 10 năm đổi mới (1986-1996), nhân dân ta đã thu được những thành tựu to lớn, có ý nghĩa rất quan trọng. Đất nước ta đã vượt ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội, giữ vững sản xuất và ổn định chính trị; tạo được những tiền đề cần thiết để chuyển sang thời kỳ mới. Tuy nhiên, nước ta vẫn đang ở trình độ phát triển rất thấp về kinh tế và công nghệ; các mặt văn hoá, xã hội vẫn còn tồn tại nhiều vấn đề bức xúc. Nhiệm vụ của chặng đường đổi mới tiếp theo lại có phạm vi sâu rộng hơn, có nhiều khó khăn hơn, phải tiếp cận và giải quyết nhiều vấn đề phức tạp của kinh tế thị trường và sự hội nhập kinh tế quốc tế.

Trước thực tế đó, Đại hội đại biểu Đảng toàn quốc lần thứ VIII (1996) đã đề ra nhiệm vụ “Đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước”, “Tập trung mọi lực lượng, tranh thủ thời cơ, vượt qua thử thách, đẩy mạnh công cuộc đổi mới một cách toàn diện và đồng bộ, tiếp tục phát triển nền kinh tế nhiều thành phần, vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa, phấn đấu đạt và vượt mục tiêu đề ra trong chiến lược ổn định và phát triển kinh tế - văn hoá đến năm 2000: Tăng trưởng kinh tế nhanh, hiệu quả cao và bền vững đi đôi với giải quyết những vấn đề bức xúc về xã hội, bảo đảm an ninh quốc phòng, cải thiện đời sống nhân dân...”

Quán triệt đường lối Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VIII, từ 27 đến 28/3/1996, Đại hội Đảng bộ huyện Phú Lương lần thứ XIX được triệu tập. Tham dự Đại hội có 157 đại biểu (trong đó 147 đại biểu chính thức) thay mặt cho hơn 3.000 đảng viên trong Đảng bộ.

Đại hội thảo luận và thông qua bản dự thảo Báo cáo tình hình thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ lần thứ XVIII; nghiêm khắc kiểm điểm những thành tựu và khuyết điểm về công tác lãnh đạo của Đảng bộ trong nhiệm kỳ 1991-1995. Trên cơ sở đó, Đại hội nhất trí thông qua Nghị quyết phương hướng nhiệm vụ của Đảng bộ giai đoạn 1996 - 2000.

Nghị quyết Đại hội Đảng bộ chỉ rõ: “Đất nước ta đang chuyển sang thời kỳ mới, thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá. Phú Lương là một huyện miền núi chủ yếu sản xuất nông - lâm nghiệp, vì vậy phải tiến hành từng bước chuyển dịch công nghiệp hoá, hiện đại hoá trong nông nghiệp và nông thôn, chuyển dịch cơ cấu kinh tế Nông - Lâm nghiệp - Tiểu thủ công nghiệp - Dịch vụ sang sản xuất hàng hoá, nâng tỷ trọng nền kinh tế Thủ công nghiệp - Công nghiệp - Dịch vụ trong GDP của huyện qua các năm. Tăng cường xây dựng cơ sở hạ tầng, nâng cao dân trí, tiến bộ xã hội, đẩy lùi tệ nạn xã hội, giữ vững an ninh quốc phòng, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho nhân dân các dân tộc ...”.

Đại hội bầu Ban Chấp hành Đảng bộ, gồm 33 uỷ viên và bầu 14 đại biểu tham dự Đại hội Đảng bộ tỉnh. Tại kỳ họp lần thứ nhất của Ban Chấp hành Đảng bộ khoá XIX, đồng chí Đoàn Đình Thế được tín nhiệm tái cử chức Bí thư Huyện uỷ; các đồng chí Nguyễn Mạnh Long và Bảo Văn Lạc được bầu làm Phó Bí thư.

Để phát triển kinh tế, Đại hội xây dựng 8 mục tiêu tổng quát và đưa ra 11 giải pháp cơ sở để thực hiện mục tiêu đó.

Thực hiện Nghị quyết kỳ họp thứ 10 Quốc hội khoá IX (12/1996) và Chỉ thị của Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng về việc tái lập tỉnh Thái Nguyên, ngày 18/12/1996, tại thị trấn Đu, Huyện uỷ, Hội đồng nhân

dân, Ủy ban nhân dân huyện đã tổ chức “Lễ bàn giao 10 xã phía Bắc huyện về huyện Bạch Thông tỉnh Bắc Kạn”⁽¹⁾.

Từ sau khi bàn giao 10 xã phía Bắc, huyện Phú Lương có nhiều thay đổi về điều kiện tự nhiên và kinh tế, xã hội. Vì vậy, tháng 10/1997, Đảng bộ huyện tiến hành Đại hội, tiếp tục khẳng định, đồng thời xác định rõ hơn một số mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội trong những năm 1997 - 2000. Nghị quyết Đại hội nhấn mạnh cần “Đẩy nhanh quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế, tập trung phát triển mạnh nông - lâm nghiệp theo hướng sản xuất hàng hoá gắn liền với phát triển tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ và chế biến nông, lâm sản. Mở rộng phát triển các ngành nghề trong nông thôn”⁽²⁾.

Đại hội xây dựng 6 giải pháp lớn, trong đó xác định, phân vùng kinh tế được coi là yếu tố hàng đầu. Từ đặc điểm của huyện, để chỉ đạo đầu tư tập trung và có hiệu quả, huyện chia thành ba tiểu vùng kinh tế:

- Vùng Tây Bắc, gồm 6 xã: Hợp Thành, Phú Lý, Ôn Lương, Yên Đổ, Yên Ninh, Yên Trạch, được xác định với cơ cấu kinh tế Lâm - Nông nghiệp; tập trung phát triển mạnh nghề rừng, trồng cây ăn quả; khuyến khích phát triển kinh tế theo mô hình trang trại Lâm - Nông kết hợp.

⁽¹⁾ - Gồm các xã: Yên Hân, Yên Cư, Như Cố, Bình Văn, Quảng Chu, Yên Đình, Thanh Bình, Nông Hạ, Nông Thịnh và Thị trấn Chợ Mới.

⁽²⁾ Báo cáo chính trị Đại hội Đảng bộ tháng 10/1997.

- Vùng phía Đông, gồm 4 xã : Vô Tranh, Tức Tranh, Phú Đô, Yên Lạc, tập trung phát triển thâm canh cây công nghiệp, cây ăn quả, chủ yếu là mở rộng diện tích và đầu tư thâm canh cây chè.

- Vùng sản xuất lương thực, thực phẩm, trồng cây ăn quả, phát triển tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ, gồm 4 xã: Động Đạt, Phấn Mễ, Cổ Lũng, Sơn Cẩm và 2 thị trấn: Đu và Giang Tiên.

Trên cơ sở xác định các tiểu vùng kinh tế, quán triệt các quan điểm của Đảng về phát triển kinh tế, các cấp, các ngành từ huyện đến cơ sở đã cụ thể hoá các mục tiêu, nhiệm vụ kinh tế do Đại hội Đảng bộ đề ra thành các chương trình, kế hoạch với các biện pháp sát thực, đầu tư có trọng điểm, huy động mọi nguồn lực cho phát triển sản xuất, củng cố và phát triển kết cấu hạ tầng. Nhìn chung qua 5 năm thực hiện, kinh tế của huyện vẫn ổn định, sản xuất phát triển, cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tích cực.

Đối với sản xuất nông - lâm nghiệp, nhân dân các dân tộc trong huyện ngày càng nhận thức sâu sắc hơn về vai trò của khoa học kỹ thuật; do đó bà con nông dân tích cực tiếp thu và ứng dụng có hiệu quả những tiến bộ khoa học vào sản xuất. Việc tổ chức, phân công lao động cũng ngày càng hợp lý hơn. Việc khai thác tiềm năng thế mạnh của từng vùng, thâm canh tăng năng suất lao động được đẩy mạnh, tạo ra sự chuyển đổi tích cực về cơ cấu giống cây

trồng, vật nuôi, đưa nền kinh tế của huyện phát triển mạnh theo hướng sản xuất hàng hoá.

Cùng với sự chuyển đổi trong nông thôn, Đảng bộ tập trung lãnh đạo các cấp, các ngành hỗ trợ tích cực cho nhân dân từng bước tháo gỡ khó khăn. Để khắc phục tình trạng hạn hán gây thiệt hại mùa màng, Huyện uỷ đã chỉ đạo Ngành Ngân hàng hỗ trợ vốn với lãi suất ưu đãi để nông dân mua máy bơm, chống hạn. Các công ty giống, vật tư, phân bón còn trợ giá giống, cước vận chuyển, tạo điều kiện cho nhân dân có khả năng đầu tư lớn nhất vào đồng ruộng. Nhờ vậy, tuy diện tích trồng cây lương thực giảm gần 500 ha từ 1995 đến 1999, nhưng sản lượng lương thực quy thóc vẫn tăng bình quân 1.060 tấn mỗi năm, vượt 60 tấn so với chỉ tiêu Đại hội Đảng bộ đề ra.

Chè là cây công nghiệp mũi nhọn của huyện. Diện tích chè tập trung chủ yếu ở 4 xã phía đông của huyện là Vô Tranh, Túc Tranh, Yên Lạc, Phú Đô. Trong 5 năm, toàn huyện đã trồng được 585 ha, đưa tổng diện tích chè lên 3.368 ha; trong đó 2.865 ha đã cho thu hoạch. Năng suất bình quân mỗi năm đạt 5,8 tạ chè búp khô trên 1 ha. Tổng sản lượng chè toàn huyện đạt 13.800 tấn, đứng thứ hai toàn tỉnh (sau huyện Đại Từ). Cùng với nhà máy chế biến chè ở Túc Tranh được mở rộng, dự án sản xuất “chè sạch” tiếp tục được đầu tư vào khu vực này, góp phần giải quyết tiêu thụ sản phẩm chè; tạo điều kiện cho nhân dân

mạnh dạn đầu tư, chăm sóc nâng cao sản lượng thu hoạch chè.

Diện tích trồng cây ăn quả các loại tiếp tục tăng nhanh. Trong 5 năm (1996-2000), toàn huyện trồng mới thêm 595 ha, nâng tổng diện tích trồng cây ăn quả trên 1.297 ha; trong đó có 468 ha trồng nhãn, vải.

Nhằm phát huy thế mạnh của huyện, các Chương trình 327, Dự án 661 tiếp tục được triển khai tích cực, hiệu quả. Toàn huyện hiện có 5.461 ha rừng tự nhiên đã được khoanh nuôi; 4.192 ha rừng trồng được bảo vệ tốt, độ che phủ của rừng trên địa bàn đã đạt 47,3%.

Ngành chăn nuôi phát triển mạnh tại các hộ gia đình. Công tác phòng, trừ dịch bệnh cho gia súc, gia cầm luôn được coi trọng. Tổng đàn gia súc, gia cầm tăng hằng năm từ 4 đến 6%. Trong 5 năm (1996-2000), đàn trâu, bò tăng 700 con; đàn lợn tăng gần 4.000 con; trọng lượng xuất chuồng tăng gần 300 tấn. Đáng chú ý là các loại giống mới chất lượng cao chiếm tỷ lệ lớn trong cơ cấu vật nuôi. Nhiều hộ sản xuất tăng vốn đầu tư mở rộng quy mô chăn nuôi, mang lại hiệu quả cao. Với 280 ha mặt nước có khả năng nuôi, thả thủy sản, hằng năm Phú Lương còn nuôi, thả, đánh bắt gần 400 tấn cá, 3 tấn tôm, góp phần cải thiện bữa ăn cho nhân dân.

Đến năm 2000, toàn huyện có khoảng 50 hộ phát triển kinh tế theo mô hình trang trại, với diện tích từ 2 đến 10

ha, chủ yếu trồng cây các loại kết hợp chăn nuôi; thu hoạch bình quân từ 20 đến 70 triệu đồng/năm (3 đến 7 triệu đồng một nhân khẩu/năm).

Sản xuất tiểu, thủ công nghiệp và dịch vụ phát triển khá, ngày càng được mở rộng về quy mô, đa dạng về ngành nghề. Dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp uỷ Đảng và chính quyền, sản xuất thủ công nghiệp và dịch vụ đã khai thác và tận dụng nguồn nguyên, vật liệu sẵn có ở địa phương, mở rộng nhiều ngành nghề, thu hút nhiều lao động, giải quyết được việc làm trong nhân dân. Các ngành sản xuất, khai thác vật liệu xây dựng, khai thác than, gia công cơ khí phục vụ nông nghiệp, chế biến lâm sản, chế biến chè, dịch vụ kỹ thuật nông nghiệp, sửa chữa cơ khí điện tử, vận tải, bưu điện và dịch vụ thương nghiệp tiếp tục phát triển với tốc độ khá nhanh. Giá trị sản xuất tiểu, thủ công nghiệp tăng bình quân 31,15% một năm; riêng năm 1999 đạt 16 tỷ đồng. Số lượng máy cơ khí đưa vào sản xuất thay thế, hỗ trợ sức người ngày càng nhiều, như máy làm đất, bơm nước, máy xay xát, máy xẻ gỗ, máy vò chè, xe vận tải các loại. Thị tứ và hệ thống chợ nông thôn phát triển, mạng lưới dịch vụ được mở rộng, tạo điều kiện cho sản xuất, tiêu dùng, giao lưu trao đổi hàng hoá, kích thích sản xuất phát triển.

Việc xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế được nhân dân đồng tình, ủng hộ. Từ năm 1997 đến năm 2000, toàn huyện đẩy mạnh việc xây dựng, cải tạo hệ thống đường giao thông nông thôn. Với tổng số vốn đầu tư cho giao

thông trong 5 năm lên tới 6,7 tỷ đồng, đến năm 2000, toàn huyện đã có 650 km đường liên xóm, 90 km đường liên xã, trong đó một số tuyến được cải tạo đạt chất lượng khá. Tuy vậy, hiện vẫn còn 15 xóm chưa có đường cho xe vận tải đi lại; hàng hoá vẫn phải vận chuyển bằng xe thô sơ và đôi vai của con người.

Cùng với hệ thống đường giao thông, toàn huyện đã xây dựng mới 4 công trình và phục hồi 2 công trình thủy lợi, tu sửa và làm mới trên 75 km kênh mương; trong đó có 11 km đã được kiên cố hoá, chủ động nước tưới cho trên 2.000 ha lúa và hoa mầu, tăng 204 ha so với năm 1996.

Trong những năm 1996-2000, mạng lưới điện được mở rộng. Tính đến tháng 6 năm 2000, toàn huyện Phú Lương có 12 xã và thị trấn, gồm 15.641 hộ (chiếm 70% tổng số hộ) được sử dụng điện lưới quốc gia (đạt 75% chỉ tiêu do Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XIX đề ra). Tổng vốn đầu tư cho mạng lưới điện nông thôn là 4.813 triệu đồng; trong đó Nhà nước hỗ trợ 1.964 triệu đồng, nhân dân đóng góp 2.849 triệu đồng. Trong quá trình xây dựng hệ thống điện, một số xã đã tạo điều kiện cho nhân dân vay vốn ngân hàng để đầu tư xây dựng đạt kết quả tốt. Đây là một trong những biện pháp quan trọng có hiệu quả cần nhân rộng để phủ nhanh lưới điện trên địa bàn. Tuy vậy, trên địa bàn huyện vẫn còn tới 30% dân số, chủ yếu là những làng bản vùng sâu, vùng xa chưa được

sử dụng điện. Đó là một trong những vấn đề cấp bách cần được quan tâm giải quyết trong những năm trước mắt.

Việc thu chi ngân sách của huyện trong những năm 1996-2000 luôn bảo đảm chỉ tiêu. Do làm tốt công tác tuyên truyền, quản lý nguồn thu và công khai mức thu bảo đảm sự công bằng, nhân dân phấn khởi, tin tưởng, nên công tác thu ngân sách đạt kết quả cao, tăng bình quân 10% mỗi năm. Riêng trong năm 1998, thu ngân sách đạt 133% kế hoạch.

Trải qua 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ lần thứ XIX, các ngành kinh tế huyện Phú Lương có bước phát triển khá rõ; cơ cấu kinh tế chuyển dịch nhanh cả về ngành nghề, cơ cấu sản phẩm và phân công lao động. Sản phẩm hàng hoá ngày càng nhiều, bộ mặt kinh tế-xã hội đổi mới rõ nét.

Những năm 1996-2000 cũng đánh dấu bước chuyển biến tích cực trên lĩnh vực văn hoá, xã hội. Các hoạt động văn hoá, xã hội nói chung đều được chỉ đạo phát triển theo hướng xã hội hoá. Đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân các dân tộc trong huyện tiếp tục được nâng cao.

Việc thực hiện Nghị quyết 2 của Ban Chấp hành Trung ương (khoá VIII) và Luật Giáo dục đã tạo được sự chuyển biến tích cực về chất lượng dạy và học ở các bậc học, ngành học. Công tác xã hội hoá giáo dục được nhân dân đồng tình ủng hộ. Từ năm 1996 đến 2000, nhân dân



Đại hội thể dục thể thao cơ sở.



các dân tộc đã đóng góp hàng ngàn ngày công, hàng trăm triệu đồng cùng với vốn ngân sách Nhà nước và vốn vay của Ngân hàng phát triển châu Á (ADB) (1.395 triệu đồng), xây dựng 160 phòng học; trong đó có 60 phòng từ cấp 4 trở lên, đưa tổng số phòng học trong toàn huyện lên 433 phòng, bảo đảm đủ chỗ cho con em nhân dân học tập. Ba mục tiêu trong giáo dục: Nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài được các cấp uỷ Đảng và chính quyền quan tâm chỉ đạo đạt kết quả khá. Các ngành học, bậc học phát triển cân đối, đồng bộ. Trong thời gian này, huyện Phú Lương đã đạt tiêu chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học, tiến tới phổ cập giáo dục trung học cơ sở. Nhiệm vụ xoá mù và chống tái mù chữ cũng đạt kết quả cao. Kỷ cương, nề nếp trong các nhà trường được tăng cường; chất lượng đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý cũng như chất lượng giáo dục có những chuyển biến đáng kể. Chất lượng giáo dục đại trà, giáo dục mũi nhọn đều có nhiều tiến bộ; kết quả thi tốt nghiệp hằng năm đều đạt tỷ lệ khá cao; số học sinh giỏi các cấp hằng năm đều tăng. Tính riêng năm học 1998 - 1999, kết quả thi tốt nghiệp trung học cơ sở đạt 97,99%; trung học phổ thông đạt 74,2%; kết quả thi học sinh giỏi xếp thứ 3 toàn tỉnh, với 92 em đoạt giải.

Mặc dù vậy, cơ sở vật chất của nhà trường nói chung còn nhiều khó khăn. Tính đến cuối năm 2000, toàn huyện vẫn còn tới 111 phòng học tạm (chiếm 26% tổng số

phòng học). Nhiệm vụ đào tạo nghề cho học sinh còn hạn chế. Hội đồng giáo dục từ huyện đến cơ sở đều ít hoạt động, chưa làm tốt vai trò lãnh đạo, chỉ đạo. Chất lượng giáo dục được nâng lên, nhưng nhìn chung còn thấp và chưa đồng đều giữa các vùng. Cơ sở vật chất, chất lượng dạy và học ở một số xã phía Đông, phía Bắc thấp hơn các xã phía Nam. Ở một số xã, tỷ lệ học sinh trung học phổ thông còn thấp; số học sinh giỏi ở bậc học này còn ít.

Đội ngũ những người làm công tác chăm sóc sức khỏe cho nhân dân có nhiều cố gắng trong việc triển khai đồng bộ các chương trình y tế quốc gia; trong đó tập trung đẩy mạnh chương trình phòng chống lao, sốt rét, tiêu chủng mở rộng. Chương trình dân số kế hoạch hoá gia đình đạt kết quả cả về việc thực hiện chỉ tiêu cơ bản đến tuyên truyền lồng ghép. Công tác quản lý dân số ngày càng khoa học, chặt chẽ hơn. Dịch vụ kế hoạch hoá gia đình phục vụ nhân dân ngày càng tốt hơn. Nhìn chung, hoạt động dân số kế hoạch hoá gia đình đã góp phần quan trọng vào việc hạ tỷ lệ sinh đẻ hàng năm. Trình độ chuyên môn và trách nhiệm nghề nghiệp của đội ngũ cán bộ thầy thuốc đều được nâng cao, mỗi năm khám và chữa bệnh cho hàng chục ngàn lượt người. Khó khăn lớn nhất của Ngành Y tế huyện là thiếu cán bộ y tế giỏi, thiếu trang thiết bị hiện đại. Đến năm 2000, trên địa bàn huyện vẫn còn 4 trạm xá chưa có bác sỹ phụ trách; số trẻ em suy dinh dưỡng dưới 5 tuổi còn chiếm 32%.

Phong trào thể dục thể thao tiếp tục phát triển mạnh. Các hoạt động rèn luyện thân thể và thi đấu thể thao giữa các địa phương thu hút đông đảo các tầng lớp nhân dân tham gia, nhất là lực lượng thanh, thiếu niên. Các hoạt động văn hoá tiếp tục được duy trì và phát triển theo hướng khai thác bản sắc văn hoá các dân tộc trong huyện.

Cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống mới ở khu dân cư” và “Xây dựng làng bản và gia đình văn hoá” được đẩy mạnh và mang lại nhiều kết quả thiết thực. Đến năm 1999, toàn huyện có 142 làng bản đăng ký xây dựng làng văn hoá, với 10.783 hộ. Đến năm 2000, Phú Lương có 87 xóm đã xây dựng Nhà văn hoá. Mạng lưới thông tin liên lạc được mở rộng đến cơ sở. Trụ sở các xã, thị trấn đều có máy điện thoại.

Công tác phát thanh, truyền hình được quan tâm đầu tư về cơ sở vật chất, thường xuyên bám sát nhiệm vụ chính trị, đổi mới nội dung và hình thức tuyên truyền, nâng cao chất lượng tin, bài, kịp thời chuyển tải thông tin thời sự, chính sách và những gương điển hình về phát triển kinh tế, văn hoá để nhân dân tham khảo, học tập.

Trước những diễn biến về chính trị, quân sự trên thế giới, trước âm mưu và thủ đoạn phá hoại của các thế lực thù địch đối với đất nước ta, cùng với nhiệm vụ phát triển kinh tế, văn hoá, cán bộ, đảng viên và nhân dân trong huyện ngày càng nhận thức rõ hơn về nhiệm vụ xây dựng nền quốc phòng toàn dân, thế trận chiến tranh nhân dân. Từ huyện đến các xã, thị trấn đều thực hiện tốt cơ chế

Đảng lãnh đạo, chính quyền điều hành, cơ quan quân sự làm tham mưu. Công tác giáo dục chính trị, huấn luyện quân sự, bồi dưỡng kiến thức pháp luật cho lực lượng vũ trang được thực hiện theo chương trình cơ bản, do đó lực lượng quân sự địa phương ngày càng trưởng thành. Lực lượng dân quân, tự vệ được thường xuyên củng cố, bảo đảm cả số lượng và chất lượng cho phù hợp với tình hình, nhiệm vụ phát triển kinh tế, xã hội của địa phương. Các cuộc diễn tập quân sự được tổ chức tốt, không ngừng nâng cao trình độ sẵn sàng chiến đấu của các lực lượng vũ trang và hoàn thiện phương án tác chiến phòng thủ cơ bản. Công tác tuyển quân, tuyển sinh quân sự hằng năm đều bảo đảm chỉ tiêu quân số và chất lượng ngày càng cao.

Lực lượng công an thường xuyên được kiện toàn về tổ chức, giáo dục về chính trị tư tưởng, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, đề cao trách nhiệm trước nhân dân. Do vậy, công an huyện thực sự trở thành lực lượng nòng cốt trong đấu tranh và huy động các lực lượng xã hội khác tham gia đấu tranh chống tội phạm, ngăn chặn các tệ nạn, giữ vững an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội.

Thắng lợi trên tất cả các mặt kinh tế, chính trị, văn hoá, xã hội trong những năm 1996-2000 phản ánh kết quả công tác xây dựng Đảng bộ. Để tăng cường vai trò lãnh đạo đối với mọi mặt công tác, Đảng bộ thường xuyên chăm lo xây dựng, củng cố tổ chức cơ sở đảng. Các cấp uỷ đảng thường xuyên chủ động tổ chức cho cán bộ, đảng

viên nghiên cứu, học tập lý luận, quán triệt quan điểm, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước. Đồng thời, Huyện uỷ cử nhiều cán bộ đi đào tạo bồi dưỡng dưới nhiều hình thức. Qua 5 năm, Huyện uỷ đã tạo điều kiện cho 2 cán bộ đi học trên đại học, cử 23 cán bộ theo lớp đào tạo đại học chuyên ngành, 113 cán bộ theo học chương trình trung cấp lý luận chính trị. Ngoài ra, Huyện uỷ còn mở các lớp bồi dưỡng nâng cao kiến thức cho 7.164 lượt học viên..

Hệ thống tổ chức và cán bộ các cơ quan đảng, chính quyền, đoàn thể từ huyện đến cơ sở được kiện toàn. Năm 1999, huyện Phú Lương được tỉnh chọn làm điểm chỉ đạo để tiến hành cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2). Do làm tốt công tác quán triệt mục đích, yêu cầu và tầm quan trọng của cuộc vận động, các tổ chức cơ sở đảng trong toàn Đảng bộ đã xây dựng kế hoạch và chương trình hành động cụ thể sát với tình hình, đặc điểm của đơn vị mình. Nhìn chung, việc triển khai Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) của Đảng bộ đạt yêu cầu đề ra.

Công tác bồi dưỡng đối tượng, phát triển Đảng luôn luôn được các cấp uỷ quan tâm. Từ năm 1996 đến tháng 6 năm 2000, toàn Đảng bộ kết nạp được 539 đảng viên mới. Nhìn chung, chất lượng đảng viên mới ngày càng cao. Tỷ lệ đảng viên mới có trình độ từ phổ thông trung học đến cao đẳng, đại học ngày càng nhiều (năm 1999 tỷ lệ này là

61,5%). Tuy nhiên, số đảng viên trẻ còn ít, tuổi bình quân của đảng viên mới là 32,65.

Tuy nhiên, công tác xây dựng Đảng trong thời gian này còn nhiều thiếu sót, khuyết điểm. Tinh thần đấu tranh tự phê bình và phê bình chưa cao, chưa thẳng thắn. Phong cách làm việc của một số cán bộ lãnh đạo còn biểu hiện tính gia trưởng. Có lúc, trong cấp uỷ và một số cơ sở có biểu hiện bè phái, cục bộ, mất đoàn kết...

Từ năm 1997, Huyện uỷ trực tiếp chỉ đạo các cơ sở đảng trong Đảng bộ tổ chức quán triệt một cách sâu sắc nội dung Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) về xây dựng, chỉnh đốn Đảng đến toàn thể cán bộ, đảng viên. Đợt học tập đã tạo ra được sự chuyển biến cơ bản về nhận thức, ý thức trách nhiệm của cán bộ, đảng viên đối với công tác xây dựng Đảng.

Trong công tác xây dựng Đảng, Đảng bộ chú trọng tăng cường hoạt động của Uỷ ban Kiểm tra, kịp thời phát hiện và kiên quyết xử lý những cán bộ, đảng viên vi phạm Điều lệ Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, sa sút về phẩm chất đạo đức. Từ năm 1996 đến năm 2000, Đảng bộ Phú Lương đã xử lý kỷ luật 65 đảng viên (có 16 trường hợp bị khai trừ ra khỏi Đảng); trong số đó, có 4 uỷ viên Ban Thường vụ Huyện uỷ, 3 uỷ viên Ban Chấp hành Đảng bộ huyện và 27 uỷ viên cấp uỷ cơ sở.

Đảng bộ còn thường xuyên quan tâm chỉ đạo đổi mới và nâng cao hiệu lực của bộ máy chính quyền. Huyện uỷ đã lãnh đạo tốt cuộc bầu cử Hội đồng nhân dân các cấp,

đồng thời tạo mọi điều kiện để Hội đồng nhân dân thực hiện tốt vai trò, chức năng và nhiệm vụ của cơ quan quyền lực ở địa phương. Nhờ đó, Hội đồng nhân dân hoạt động ngày càng hiệu quả hơn. Ủy ban nhân dân từ huyện xuống đến xã cũng không ngừng nâng cao năng lực quản lý, điều hành, đặc biệt là quản lý kinh tế theo cơ chế thị trường; đồng thời từng bước cải cách thủ tục hành chính, tạo điều kiện cho nhân dân phát huy quyền dân chủ xây dựng kinh tế, xã hội ngày càng tốt hơn.

Đổi mới nội dung và phương thức công tác, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể quần chúng thu hút ngày càng nhiều hội viên, đoàn viên tham gia vào các hoạt động. Mặt trận và các đoàn thể quần chúng đã thực sự trở thành lực lượng quan trọng góp phần thắng lợi vào việc thực hiện các cuộc vận động “Xóa đói giảm nghèo”, “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá” cùng các hoạt động cứu trợ nhân đạo, bài trừ tệ nạn xã hội, tạo môi trường xã hội lành mạnh, củng cố niềm tin cho nhân dân vào thắng lợi của công cuộc đổi mới đất nước.

Nhìn lại chặng đường 15 năm đổi mới, nhất là trong 5 năm (1996-2000), có thể khẳng định: Dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ, nhân dân các dân tộc Phú Lương đã giành được nhiều thắng lợi to lớn. Bộ mặt kinh tế, xã hội trong huyện có nhiều chuyển biến và ngày càng khởi sắc: Kinh tế tiếp tục phát triển, kết cấu hạ tầng được xây dựng; hoạt động văn hoá giáo dục, y tế có nhiều tiến bộ; quốc phòng an ninh được giữ vững và ổn định; Đảng bộ, Chính quyền,

Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân hoạt động ngày càng có hiệu quả; đời sống nhân dân không ngừng được cải thiện.

Tuy nhiên, trước mắt vẫn còn nhiều khó khăn, thách thức: Kinh tế tuy phát triển, nhưng chưa vững chắc và không đồng đều giữa các vùng; thế mạnh từng vùng chưa được khai thác một cách hiệu quả; tiêu cực và tệ nạn xã hội vẫn diễn biến phức tạp; công tác xây dựng Đảng của Đảng bộ vẫn còn những vấn đề bất cập và chưa đáp ứng yêu cầu tình hình nhiệm vụ mới; năng lực quản lý, điều hành của bộ máy chính quyền còn có mặt hạn chế.

Đó cũng chính là những nhiệm vụ cấp bách được đặt ra trong những năm tiếp theo, đòi hỏi Đảng bộ và các cấp chính quyền phải có những giải pháp thiết thực và có hiệu quả, không ngừng đưa Phú Lương phát triển đi lên cùng với đất nước.

Đáp ứng yêu cầu trên, từ ngày 1 đến ngày 3/12/2000, Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Phú Lương lần thứ XX được tổ chức. Về dự Đại hội, có 149 đại biểu thay mặt cho gần 3.000 đảng viên sinh hoạt ở 46 chi, đảng bộ trong toàn Đảng bộ. Đại hội đóng góp nhiều ý kiến quan trọng bổ sung vào báo cáo chính trị do Ban Chấp hành Đảng bộ khoá XIX khởi thảo.

Đại hội xác định mục tiêu tổng quát cho giai đoạn 2000-2005 là: Từng bước đưa nền kinh tế phát triển với nhịp độ cao và bền vững. Đẩy mạnh công nghiệp hoá hiện đại hoá nông nghiệp và nông thôn; tiếp tục chuyển dịch

cơ cấu kinh tế, tăng tỷ trọng giá trị công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ trong tổng thu nhập kinh tế của huyện; đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng nông thôn; nâng cao dân trí và tiến bộ xã hội; củng cố quốc phòng-an ninh; xây dựng hệ thống chính trị trong sạch vững mạnh; nâng cao một bước đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân.

Để thực hiện thắng lợi mục tiêu tổng quát trên đây, Đại hội đề ra 10 mục tiêu chủ yếu:

- Tổng sản lượng lương thực quy thóc hằng năm tăng 3,5% đến 4%.

- Thu ngân sách mỗi năm tăng 10%.

- Thu nhập bình quân đầu người đến năm 2005 tăng từ 25% đến 30% so với năm 2000.

- Mỗi năm trồng mới 200 ha rừng, 140 ha chè, 80 ha cây ăn quả.

- Giá trị công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp tăng bình quân mỗi năm từ 8% đến 10%.

- Giảm tỷ suất sinh thô hằng năm 0,5%.

- Cơ bản xoá bỏ hộ đói, giảm hộ nghèo.

- 50% làng bản trở lên đạt tiêu chuẩn “Làng văn hoá”.

- 80% số xã, thị trấn hoàn thành phổ cập giáo dục trung học cơ sở.

- Xây dựng Đảng bộ trong sạch vững mạnh, trong đó có trên 70% tổ chức cơ sở đảng đạt tiêu chuẩn trong sạch vững mạnh.

Ban chấp hành đã chỉ đạo xây dựng và thông qua 10 Đề án, chương trình công tác của Đảng bộ trong nhiệm kỳ 2000 - 2005:

- 1- Đề án phát triển sản xuất, chế biến và tiêu thụ chè.
- 2- Đề án phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp.
- 3- Đề án phát triển kinh tế trang trại.
- 4- Đề án phát triển cơ sở hạ tầng.
- 5- Đề án xây dựng, củng cố quan hệ sản xuất thông qua việc thực hiện chuyển đổi và xây dựng hợp tác xã theo luật.
- 6- Đề án phổ cập giáo dục trung học cơ sở.
- 7- Đề án xây dựng gia đình, làng bản, cơ quan văn hoá.
- 8- Chương trình phòng, chống tội phạm và tệ nạn xã hội.
- 9- Đề án xây dựng chi bộ trong sạch vững mạnh.
- 10- Đề án nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ.

Đại hội bầu Ban Chấp hành Đảng bộ khoá XX, gồm 31 uỷ viên. Ban Thường vụ Huyện uỷ gồm 9 đồng chí. Đồng chí Đỗ Mạnh Hùng được bầu giữ chức vụ Bí thư Huyện uỷ; các đồng chí Lê Thiện Đán và Nông Văn Trân được bầu làm Phó Bí thư.

Chặng đường trước mắt còn nhiều khó khăn, trở ngại; nhưng với những thành tựu đạt được cùng với những kinh nghiệm trong 15 năm đổi mới, Đảng bộ Phú Lương tiếp tục lãnh đạo nhân dân trong huyện thực hiện thành công Nghị quyết do Đại hội Đảng bộ lần thứ XX đề ra.

Chương V

SỰ TRƯỞNG THÀNH CỦA ĐẢNG BỘ PHÚ LƯƠNG

Sau thắng lợi của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954), miền Bắc bước vào thời kỳ quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội, bỏ qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa.

Ngày 5/9/1954, Bộ Chính trị Trung ương Đảng ra Nghị quyết chỉ rõ nhiệm vụ trước mắt của toàn Đảng, toàn dân ta ở cả hai miền Bắc - Nam trong thời kỳ mới. Đối với miền Bắc, nhiệm vụ chủ yếu là hàn gắn vết thương chiến tranh, phục hồi kinh tế quốc dân; trước hết và chủ yếu là phục hồi và phát triển sản xuất nông nghiệp.

Dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Đảng bộ Phú Lương, nhân dân các dân tộc trong huyện bắt tay vào khôi phục kinh tế trong hoàn cảnh có nhiều khó khăn, nhưng cũng có nhiều thuận lợi rất cơ bản. Đồng đảo mọi tầng lớp nhân

dân các dân tộc trong huyện được thử thách trong lò lửa đấu tranh cách mạng và kháng chiến, được tận mắt chứng kiến những thắng lợi vĩ đại của dân tộc và thừa hưởng thành quả do Đảng, Bác Hồ đem lại nên càng thêm tin tưởng, phấn khởi hướng theo sự lãnh đạo của Đảng bộ, đoàn kết đẩy mạnh sản xuất.

Trong kháng chiến chống Pháp, một số xã của huyện Phú Lương thuộc địa bàn ATK; nhiều cơ quan Trung ương, Bộ Quốc phòng và quân đội đóng trên hầu hết các xã trong huyện; đem lại cho nhân dân trong huyện không chỉ về mặt dân trí mà còn cả về phúc lợi xã hội như y tế, giáo dục⁽¹⁾.

Phú Lương có các mỏ than Quan Triều⁽²⁾, Phấn Mễ, Nhà máy Cơ khí mỏ Giang Tiên đã phục vụ đắc lực cho kháng chiến, giờ đây là cơ sở quan trọng phục vụ cho nhiệm vụ phục hồi kinh tế quốc dân.

Phú Lương là một huyện nằm ở trung tâm tỉnh Thái Nguyên. Trong kháng chiến chống Pháp, đồng bào các tỉnh miền xuôi tản cư lên Phú Lương và đa số trong họ hoạt động buôn bán, dần dần hình thành một thị trường tương đối nhộn nhịp. Những năm cuối của cuộc kháng chiến, những yếu tố thương nghiệp xã hội chủ nghĩa bước

⁽¹⁾ Trong kháng chiến chống Pháp, Quân y viện và Đội điều trị của Đại đoàn 308 đóng ở Phú Lương.

⁽²⁾ Trước thuộc xã Sơn Cẩm; năm 1963 cắt về thành phố Thái Nguyên.

đầu được xây dựng (hợp tác xã mua bán); giá cả tương đối ổn định. Nhờ vậy, ngân sách của huyện được bổ sung bằng nguồn thuế công thương khá lớn, có điều kiện đầu tư cho sản xuất nông nghiệp và các hoạt động văn hoá, xã hội...

Song, Phú Lương là huyện miền núi, có nền kinh tế tự nhiên, tự cấp, tự túc với nông nghiệp lạc hậu; công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp còn rất nhỏ bé, không đáp ứng được nhu cầu sản xuất và đời sống của nhân dân trong huyện v.v...

Trong khi đó, tổ chức Đảng các cấp trong huyện đứng trước thách thức nghiêm ngặt: Ban Huyện uỷ và các cơ quan giúp việc, do nhiều nguyên nhân chủ quan và khách quan, trong những năm đầu sau ngày hoà bình lập lại gần như không có người và điều kiện để hoạt động. Đảng bộ có 389 đảng viên sinh hoạt ở 14 chi bộ xã và 3 chi bộ cơ quan (Dân Đảng, Chính quyền và Huyện đội). Khi chỉnh đốn tổ chức trong giảm tô ở 14 chi bộ xã, 72 đảng viên bị xử trí (trong phát động thành lập Khu Tự trị Việt Bắc còn xử trí thêm 3 đồng chí); trong đó có 4 Bí thư chi bộ, 6 chi ủy viên. Như vậy, số đảng viên bị xử trí trong hai cuộc vận động chiếm trên 19% tổng số đảng viên; số chi uỷ viên bị xử trí chiếm hơn 16% tổng số chi uỷ viên của Đảng bộ. Trong số chi uỷ, đảng viên còn lại, nhiều đồng chí có biểu hiện mệt mỏi, muốn nghỉ ngơi, củng cố gia

đình; “vai trò lãnh đạo của chi bộ bị lu mờ, đảng viên và chi ủy có nhiều biểu hiện xấu...”⁽¹⁾.

Tổ chức chính quyền từ huyện đến cơ sở chưa được chấn chỉnh, kiện toàn. Ủy ban hành chính các xã “chưa củng cố lại được, nhất là về tư tưởng và lề lối làm việc. Một số uỷ viên các xã Yên Ninh, Phú Đô, Tức Tranh nằm im...”⁽²⁾. Các đoàn thể quần chúng cũng trong tình trạng cán bộ vừa thiếu, vừa yếu, không có phong trào, không trở thành chỗ dựa vững chắc của Đảng bộ trong công tác vận động quần chúng.

Trong kháng chiến chống Pháp, Phú Lương là vùng tự do thuộc căn cứ địa Việt Bắc, mọi nguồn lực của huyện phải dồn vào phục vụ kháng chiến, chưa có điều kiện tập trung cho phát triển kinh tế. Các tài nguyên giàu có của huyện chưa được khai thác một cách có kế hoạch, có hiệu quả nhằm nâng cao đời sống vật chất và văn hoá cho nhân dân. Vì vậy, việc khôi phục và đẩy mạnh sản xuất, phát triển kinh tế của huyện lúc này cũng có ý nghĩa quan trọng như các huyện khác trên miền Bắc. Hơn thế, đây còn là tiền đề, là cơ sở vững chắc để Đảng bộ và nhân dân các dân tộc Phú Lương cùng nhân dân miền Bắc bước vào thời kỳ xây dựng chế độ xã hội chủ nghĩa.

⁽¹⁾ Báo cáo 3 tháng đầu năm 1955 của Huyện uỷ Phú Lương-Số 1/BC-PL.

⁽²⁾ Báo cáo 3 tháng đầu năm 1955 của Huyện uỷ Phú Lương-Số 1/BC-PL.

Tất cả những điều trình bày ở trên phản ánh tình hình thực tế của Đảng bộ Phú Lương sau ngày hoà bình lập lại. Muốn thực hiện thắng lợi nhiệm vụ khôi phục, phát triển kinh tế - xã hội, trước hết vai trò lãnh đạo của Đảng bộ phải được đề cao, uy tín của Đảng bộ từ huyện đến cơ sở phải được nâng cao trong đồng bào các dân tộc; Ủy ban hành chính các cấp phải đủ sức quản lý, điều hành, động viên, giáo dục hướng dẫn quần chúng chấp hành luật pháp, sống theo pháp luật; Các đoàn thể quần chúng phải đoàn kết rộng rãi các dân tộc, các tầng lớp nhân dân xung quanh Đảng bộ, thi đua phấn đấu thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chính trị.

Muốn đạt được mục tiêu trên đây, vấn đề củng cố tổ chức cơ sở đảng, tổ chức chính quyền và các đoàn thể quần chúng là biện pháp hàng đầu; trong đó công tác củng cố, xây dựng Đảng về cả 3 mặt chính trị, tư tưởng và tổ chức được coi là khâu then chốt.

Một chủ trương quan trọng đầu tiên của Huyện uỷ được triển khai thực hiện đầu năm 1955 là tổ chức học tập trong Đảng và quần chúng về phong trào thi đua “Yêu nước chống Mỹ” và Chỉ thị ngày 3/11/1954 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về việc “Chống đói, phòng đói và phục hồi sản xuất”. Sau lớp học, huyện chọn xã Động Đạt làm điểm chỉ đạo và từ đó mở rộng ra 17 chi bộ. 87% đảng viên trong Đảng bộ đã tham gia học tập. Những tư tưởng sai lầm của đảng viên được kiểm điểm; nội bộ chi

bộ, chi uỷ đoàn kết thống nhất; chế độ sinh hoạt Đảng được duy trì... Tư tưởng và hành động của đảng viên trong Đảng bộ từng bước chuyển biến; sản xuất phát triển; trật tự xã hội ổn định; đời sống nhân dân được cải thiện; nghĩa vụ với Nhà nước hoàn thành và hoàn thành vượt mức. Nơi nào, chi bộ nào tổ chức học tập không nghiêm túc thì kết quả không cao. “Riêng Chi bộ Phú Đô, Túc Tranh chưa tổ chức học tập nên vai trò của Chi bộ vẫn lu mờ”⁽¹⁾.

Tháng 9-1956, Hội nghị lần thứ 10 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khoá II) đã kết luận về thắng lợi và sai lầm của cải cách ruộng đất. Hội nghị cho rằng: Cuộc vận động giảm tô và cải cách ruộng đất đã căn bản hoàn thành nhiệm vụ phản phong kiến ở miền Bắc, đem lại quyền lợi cho nông dân, sức sản xuất ở nông thôn được giải phóng, quan hệ sản xuất ở nông thôn đang được đổi mới, đời sống nông dân bước đầu được cải thiện... Nhưng trong cuộc vận động này, chúng ta đã phạm những sai lầm nghiêm trọng trên một số vấn đề có tính chất nguyên tắc. Sai lầm nghiêm trọng nhất là trong việc chỉnh đốn tổ chức. Hội nghị khẳng định: “Chúng ta không sợ vạch rõ sai lầm, khi đã thấy sai lầm thì chúng ta kiên quyết sửa chữa và nhất định sửa chữa được”. Hội nghị đề ra chủ trương sửa sai gồm 10 điểm; trong đó có điểm quy định xoá bỏ các quyết định đối với những chi bộ bị giải tán sai; khôi phục Đảng tịch và quyền lợi chính trị, danh dự, công

⁽¹⁾ Báo cáo 3 tháng đầu năm 1955 của Huyện uỷ Phú Lương

tác và quyền công dân đối với đảng viên và nhân dân bị xử trí sai...

Phú Lương là huyện miền núi nên không tiến hành cải cách ruộng đất, mà chỉ thực hiện cuộc vận động giảm tô (từ năm 1953). Trong quá trình thực hiện, chúng ta phạm sai lầm, nhất là trong chỉnh đốn tổ chức. So với các huyện khác trong tỉnh, số cán bộ, đảng viên bị xử trí sai chỉ chiếm trên 19%, trong khi các đảng bộ khác lên tới 25 - 30% tổng số đảng viên trong Đảng bộ; song nghiêm trọng ở chỗ, có một chi bộ (Yên Trạch) bị giải tán, tất cả 22 đảng viên của chi bộ đều bị xử trí không công nhận Đảng tịch.

Chấp hành Nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương Đảng và Chỉ thị của Tỉnh uỷ Thái Nguyên, cuối năm 1956, Huyện uỷ Phú Lương chỉ đạo sửa sai đợt I ở 8 xã; năm 1957 tiến hành đợt II ở 6 xã còn lại. Sau sửa sai, Chi bộ Yên Trạch được phục hồi, tất cả đảng viên bị xử trí sai đều được trả lại Đảng tịch; các Ban chi uỷ được bầu lại theo hướng kiện toàn và nâng cao chất lượng lãnh đạo. Đa số các đồng chí được sửa sai đều chia sẻ với Đảng những mất mát; tin tưởng, tiếp tục hoạt động. Tuy nhiên, sau sửa sai còn tới 1/3 số đảng viên trong Đảng bộ có “biểu hiện mệt mỏi, chán nản công tác, không hoạt động”; riêng “Chi bộ Động Đạt và Vô Tranh có 2/3 số đảng viên không hoạt động”. “Trong 7 Ban chi uỷ được củng cố sau đợt I sửa sai, chỉ có 3 Ban hoạt động khá, Ban Chi uỷ xã Vô

Tranh từ khi bầu lại có đồng chí không nhận công tác"⁽¹⁾. Một số xin rút khỏi Ban chi uỷ, xin ra Đảng...

Nguyên nhân có tính bao trùm dẫn đến tình trạng trên là do: Hầu hết đảng viên của Đảng bộ được kết nạp trong kháng chiến, rất hăng hái đánh giặc, đi dân công hoả tuyến và làm mọi việc kháng chiến yêu cầu, không sợ hy sinh, gian khổ. Do công việc kháng chiến, nên các đồng chí ít có điều kiện tham gia học tập chính trị, văn hoá để nâng cao trình độ. Trong khi đó, tổ chức Đảng cũng xem nhẹ công tác giáo dục, bồi dưỡng, rèn luyện đảng viên. Đảng bộ Phú Lương có trên 55% đảng viên thuộc dân tộc ít người, sinh hoạt ở vùng sâu, vùng xa; việc giao lưu và tiếp cận thông tin có phần bị hạn chế. Trong số gần 400 đảng viên của Đảng bộ (tính đến 1956), chỉ có gần 10 đồng chí có trình độ văn hoá lớp 3 (cũ); số còn lại chỉ biết đọc, biết viết thông qua các lớp bình dân học vụ. Nhiều đảng viên lâu năm, kể cả chi uỷ viên, hiểu biết về Đảng, nguyên tắc tổ chức của Đảng, chế độ sinh hoạt Đảng còn nông cạn, không đầy đủ.

Trong đợt kết nạp đảng viên "Lớp 6/1", toàn Đảng bộ có 92,56% tổng số đảng viên được tổ chức học tập Chỉ thị 169 của Ban Bí thư Trung ương (11/1959). Từ tháng 11/1959 đến tháng 2/1960, Đảng bộ kết nạp được 66 đảng

(1) Báo cáo công tác tổ chức 3 tháng 7, 8, 9 của Huyện uỷ Phú Lương-Số 36-BC/TC/PL ngày 5/10/1957

viên mới; đồng thời bồi dưỡng được 160 đối tượng phát triển Đảng và 268 quần chúng tích cực. Song, công tác phát triển Đảng còn có biểu hiện tràn lan, chạy theo số lượng. Chi bộ Hợp Thành kết nạp 18 đảng viên mới, trong khi đảng viên cũ của Chi bộ có 13 đồng chí. Chi bộ Yên Trạch có 27 đảng viên đã giới thiệu 3 đối tượng kết nạp Đảng và 28 quần chúng tích cực, trong đó có cả phần tử xấu. Nguyên tắc, thủ tục xét duyệt và tổ chức kết nạp đảng viên mới cũng bị vi phạm nghiêm trọng, không thẩm tra lý lịch người xin vào Đảng (Chi bộ Yên Trạch); có chi bộ (Chi bộ Cổ Lũng)⁽¹⁾ xét kết nạp cả quần chúng chưa được công nhận là đối tượng kết nạp Đảng.

Rõ ràng, trình độ của đảng viên trong Đảng bộ Phú Lương thời kỳ 1955 - 1959 còn hạn chế về nhiều mặt, ảnh hưởng không tốt tới phong trào cách mạng địa phương. Tình trạng này đặt ra cho Đảng bộ, trước hết là Huyện uỷ, phải đẩy mạnh công tác giáo dục, bồi dưỡng, rèn luyện đảng viên cả về lý luận, chính trị, tư tưởng, văn hoá, đặc biệt là nhận thức về Đảng, năng lực lãnh đạo, vận động quần chúng, nhằm nâng cao vai trò, vị trí của đảng viên ngang tầm với nhiệm vụ cách mạng trong thời kỳ mới.

Bước vào năm 1960- một năm có nhiều ngày kỷ niệm lớn- Trung ương Đảng chủ trương tiến hành sâu rộng

(1) Báo cáo tổng kết công tác phát triển Đảng "Lớp 6/1", ngày 2/3/1960 của Huyện uỷ Phú Lương.

trong toàn Đảng đợt sinh hoạt chính trị nhằm ôn lại truyền thống 30 năm đấu tranh anh dũng và vẻ vang của Đảng. Ban Bí thư ra chỉ thị tiến hành Đại hội đảng các cấp, tiến tới Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ III (9/1960).

Dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Tỉnh uỷ Thái Nguyên, Huyện uỷ Phú Lương tập trung cán bộ xuống các chi bộ xã hướng dẫn tổ chức lễ kỷ niệm và tiến hành học tập lịch sử 30 năm đấu tranh của Đảng. Trong học tập, mỗi đảng viên tự liên hệ, kiểm điểm những ưu điểm và thiếu sót của bản thân qua các thời kỳ; xác định quyết tâm sửa chữa khuyết điểm, nêu cao tính tiên phong gương mẫu của người cộng sản, vượt mọi khó khăn hoàn thành mọi nhiệm vụ chi bộ giao cho. 92,56% số đảng viên trong Đảng bộ đã tham gia đợt sinh hoạt chính trị. Ngay sau đó, Huyện uỷ mở đợt Giáo dục Mùa Xuân, chuẩn bị cho cuộc vận động xây dựng, củng cố và phát triển hợp tác xã nông nghiệp, thu hút 85% đảng viên nông thôn tham gia học tập (Chi bộ Phủ Lý đạt 100%)...

Thông qua các đợt giáo dục chính trị, nhận thức về Đảng, về nhiệm vụ cách mạng trong thời kỳ mới của cán bộ, đảng viên được nâng lên một bước; ý thức trách nhiệm, tính tổ chức, tính kỷ luật của đảng viên được đề cao; hiểu biết và giác ngộ về chủ nghĩa xã hội tuy chưa thật sự sâu sắc, nhưng cũng là cơ sở để tiếp thu đường lối,

chủ trương của Đảng trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc trong thập kỷ 60.

Ngoài việc tổ chức cho cán bộ, đảng viên tham gia nhiều đợt sinh hoạt, học tập tại chi bộ, năm 1960, Huyện uỷ còn quyết định cử 155 đảng viên là cán bộ thoát ly, cán bộ xã đi học chính trị, văn hoá, nghiệp vụ tại các trường của Khu, của tỉnh; tổ chức tập huấn nghiệp vụ cho 438 cán bộ xã; bồi dưỡng chính trị cho 191 đối tượng kết nạp Đảng.

Có thể nói, trong năm 1960, Huyện uỷ Phú Lương đã tập trung lãnh đạo công tác giáo dục, bồi dưỡng nâng cao trình độ mọi mặt cho đảng viên trong Đảng bộ. Nhờ đó, tính tiên phong, sức chiến đấu và năng lực lãnh đạo của Đảng bộ được nâng cao rõ rệt, tác động mạnh mẽ đến phong trào cách mạng ở địa phương⁽¹⁾.

Chấp hành chỉ thị của Tỉnh uỷ, Ban Chấp hành huyện Đảng bộ Phú Lương họp trong hai ngày 24, 25/3/1960 để thảo luận và quyết định tiến hành đại hội đảng các cấp trong Đảng bộ.

Hội nghị Ban Chấp hành Đảng bộ xác định: Đại hội đảng bộ các cấp trong huyện lần này có ý nghĩa bước

(1) Đầu năm 1960, toàn huyện có 43% số nông hộ vào hợp tác xã, cuối năm lên tới 76%, sản xuất phát triển, công tác 3 thu (thu thuế, thu nợ và thu mua) đều vượt năm 1959.

ngoặt lịch sử⁽¹⁾), do đó các cấp uỷ đảng cần nắm chắc 3 phương châm tiến hành đại hội: Phải tập trung được trí tuệ của Đảng bộ, phản ánh đầy đủ tình hình và hoạt động mọi mặt của Đảng bộ; Mở rộng dân chủ đi đôi với tăng cường sự lãnh đạo tập trung của cấp uỷ đảng; Thể hiện tinh thần đoàn kết nhất trí cao trong quá trình chuẩn bị cũng như trong đại hội.

Hội nghị nhấn mạnh: Đại hội cơ sở cần tập trung thảo luận kỹ dự thảo Điều lệ (sửa đổi) của Đảng, nhằm làm

⁽¹⁾ Theo “Báo cáo tổng kết bầu cử Huyện, Thị, Đảng uỷ”-12/1958 của Tỉnh uỷ Thái Nguyên, “Các Ban Huyện uỷ từ năm 1951, 52 đến nay chưa được bầu lại”. Để đảm bảo sự lãnh đạo của Huyện uỷ, được sự chỉ đạo của Tỉnh uỷ, tháng 12/1958, Huyện uỷ Phú Lương triệu tập Đại hội Đảng bộ lần thứ V để bầu Ban Chấp hành Đảng bộ huyện.

Để xác minh Đại hội IV của Đảng bộ huyện Phú Lương, Tổ Biên soạn đã gặp một số nhân chứng lịch sử thời kỳ 1954-1960:

- Ngày 20/5/2004, tập thể Tổ Biên soạn gặp bà Lê Thị Gạo (tạ số nhà 18, Tổ 21, Phường Quang Trung, Thành phố Thái Nguyên), nguyên Phó Bí thư Huyện uỷ Phú Lương từ tháng 1/1956 đến tháng 2/1963. Theo lời kể của bà Gạo: Tháng 1/1956, bà được Thường vụ Tỉnh uỷ Thái Nguyên điều về làm Phó Bí thư Huyện uỷ Phú Lương. Lúc đó, các đồng chí trong Ban Huyện uỷ được điều động tham gia cải cách ruộng đất. Huyện uỷ chỉ còn có đồng chí Nguyễn Quang Oánh (Chính trị viên phó Huyện đội) là Huyện uỷ viên phụ trách chung. Bà Gạo khẳng định, trong thời gian 1956-1957 không tổ chức đại hội Đảng bộ huyện.

- Ngày 23/5/2004, Tổ Biên soạn gặp ông Nguyễn Quang Oánh (ở xóm Trường Thịnh, xã Nam Tiến huyện Phổ Yên) được điều về làm Chính trị viên phó Huyện đội Phú Lương và tham gia Huyện uỷ Phú Lương từ năm 1954. Theo lời ông kể lại, khi ông được điều về tham gia Huyện uỷ Phú Lương, Bí thư Huyện uỷ là ông Nguyễn Bình Sơn (ở xã Kha Sơn, huyện Phú Bình). Trong thời gian cải cách ruộng đất, hầu hết cán bộ Ban Huyện uỷ Phú Lương được cấp trên điều động, chỉ còn lại ông Oánh và đồng chí Thư ký Văn phòng Huyện uỷ. Từ khi ông Oánh được điều về Phú Lương (năm 1954) đến năm 1958, chỉ có 1 cuộc Hội nghị Đảng do bà Lê Thị Gạo đọc báo cáo và ông Oánh bổ sung. Qua lời kể của các nhân chứng lịch sử, Tổ Biên soạn khẳng định: Từ năm 1954 đến trước tháng 12/1958, Đảng bộ huyện Phú Lương không tổ chức đại hội.

cho mọi đảng viên trong Đảng bộ nhận thức được những điểm mới rất quan trọng trong dự thảo Điều lệ (sửa đổi), như tiêu chuẩn đảng viên, nhiệm vụ của người đảng viên, tổ chức cơ sở đảng sắp xếp cho phù hợp với điều kiện mới...

Khi bước vào đại hội, Đảng bộ Phú Lương có 579 đảng viên sinh hoạt ở 18 chi bộ cơ sở (14 chi bộ xã, 3 chi bộ cơ quan: Dân Đảng, Chính quyền, Hợp tác xã mua bán và Chi bộ Nông trường Đuổm, được thành lập cuối năm 1957, sau này đổi tên là Nông trường Lê Hồng Phong).

Được sự chỉ đạo của Thường trực Huyện uỷ theo tinh thần Nghị quyết Ban Chấp hành Đảng bộ, cuối tháng 4-1960, đại hội đảng từ cơ sở đến huyện đã kết thúc thắng lợi. Toàn Đảng bộ có 97% đảng viên tham gia đại hội chi bộ, trong đó 8 chi bộ đạt 100% (Phủ Lý, Yên Ninh, Hợp Thành, Túc Tranh, 3 chi bộ cơ quan và chi bộ Nông trường).

Việc tổ chức thành công đại hội đảng các cấp trong năm 1960 “là một cuộc giáo dục cho đảng viên rất lớn và sâu sắc, đã phát huy được trí tuệ tuyệt đại đa số đảng viên bàn bạc tham gia vào Điều lệ của Đảng, qua đó đã nâng cao trình độ hiểu biết về Đảng cho toàn thể đảng viên, làm cho đảng viên nhận rõ tính chất giai cấp, tính chất tiên phong của Đảng, nhận rõ về nguyên tắc tổ chức và kỷ luật của Đảng; thấy được nhiệm vụ xây dựng chủ nghĩa xã

hội ở miền Bắc và đấu tranh giải phóng miền Nam, thống nhất nước nhà...”⁽¹⁾.

Đó là bước chuyển biến nhận thức của đảng viên trong Đảng bộ về vai trò lãnh đạo của Đảng, đảm bảo cho việc thực hiện thắng lợi nhiệm vụ của cách mạng trong thời kỳ mới.

Để thực hiện thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hoá xã hội chủ nghĩa, mở đầu bằng việc thực hiện kế hoạch 5 năm lần thứ nhất (1961-1965), tháng 2-1961, Bộ Chính trị quyết định mở cuộc Chỉnh huấn Mùa Xuân 1961. Đây là đợt sinh hoạt chính trị không chỉ diễn ra sâu sắc trong toàn Đảng, mà còn được tiến hành rộng rãi trong toàn dân, nhằm xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa, có quan điểm đúng đắn: Mình vì mọi người và mọi người vì mình.

Chấp hành chỉ thị của Bộ Chính trị và Tỉnh uỷ Thái Nguyên, tháng 3-1961, Huyện uỷ tổ chức cho toàn Đảng bộ và các đoàn thể quần chúng tham gia đợt Chỉnh huấn Mùa Xuân. Căn cứ vào tình hình cụ thể của huyện, Ban Thường vụ Huyện uỷ chủ trương tổ chức học tập ở chi bộ 10 ngày; sau đó, từng đảng viên viết thu hoạch, kiểm điểm tính tiền phong gương mẫu của người đảng viên và xác định phương hướng phấn đấu. Trong nhân dân, dựa vào các đoàn thể, các hợp tác xã tổ chức học tập trong 6

⁽¹⁾ Báo cáo tổng kết công tác tổ chức xây dựng Đảng năm 1960 của Huyện uỷ Phú Lương 28/1/1961.

buổi, mở rộng dân chủ để quần chúng tự do tư tưởng, liên hệ thiếu sót bản thân và phê bình lãnh đạo, đảng viên.

Nhằm mục đích nâng cao chất lượng đảng viên và tổ chức đảng ở cơ sở, sau đợt Chỉh huấn Mùa Xuân năm 1961, Ban Thường vụ Huyện uỷ mở các đợt Giáo dục Mùa Thu vào các năm 1962, 1963 và 1964. Tại hội nghị chuyên đề về công tác xây dựng Đảng (từ ngày 26 đến ngày 31-8-1963), Huyện uỷ quyết nghị: Cứ 6 tháng, các chi bộ phải tổ chức cho đảng viên học lại Điều lệ Đảng một lần.

Đi đôi với công tác giáo dục, Huyện uỷ Phú Lương tập trung chỉ đạo đẩy mạnh phong trào thi đua “4 tốt” trong Đảng; củng cố các chi bộ yếu kém; thúc đẩy chi bộ trung bình vươn lên. Kết quả phân loại đảng viên ở một số tổ chức cơ sở đảng trong 2 năm 1962-1963 cho thấy rõ điều đó:

Loại	Năm 1962	Năm 1963
Khá	119 đồng chí	252 đồng chí
Trung bình	264 đồng chí	228 đồng chí
Kém	111 đồng chí	85 đồng chí

Về tổ chức, năm 1962 chưa có chi bộ đạt tiêu chuẩn “4 tốt”; 4 chi, đảng bộ loại khá; 7 chi, đảng bộ loại trung bình; 17 chi, đảng bộ yếu kém. Năm 1963, cũng trong 28

chi, đảng bộ, có 2 cơ sở đạt “4 tốt”; 17 cơ sở loại khá; 9 cơ sở loại trung bình và 3 cơ sở yếu kém (Chi bộ Yên Lạc, Phú Đô, Phủ Lý). Năm 1963, cuộc vận động xây dựng “Chi bộ 4 tốt” được triển khai trong Đảng bộ, nhưng còn nhiều lúng túng. Sang năm 1964, cuộc vận động đi dần vào nền nếp; nhưng kế hoạch hướng dẫn của Huyện uỷ đối với các chi, đảng bộ cơ sở thiếu cụ thể, thiếu kiểm tra, đôn đốc. Mặt khác, quyết tâm xây dựng chi, đảng bộ “4 tốt” trong các cấp uỷ cơ sở chưa cao.

Năm 1965, toàn Đảng bộ có 8 đảng bộ xã (có 37 chi bộ trực thuộc), 6 chi bộ xã và 16 chi bộ cơ quan, công, nông trường, xí nghiệp... Trong số đó, có 15 chi, đảng bộ “4 tốt”; 29 chi, đảng bộ khá; 3 chi bộ kém; số còn lại thuộc loại trung bình.

Tháng 4-1965, Huyện uỷ tập trung lãnh đạo tổ chức học tập Nghị quyết 11 (3/1965) của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khoá III) về chuyển hướng xây dựng và phát triển kinh tế miền Bắc cho phù hợp với thời chiến. Đợt học tập đã thu hút 87,5% đảng viên nông thôn, 100% đảng viên cơ quan trong Đảng bộ tham gia. Thông qua học tập, mỗi cán bộ, đảng viên đều nhận rõ tình hình, nhiệm vụ mới; tự liên hệ tự kiểm điểm, phê bình, xác định quyết tâm phấn đấu hoàn thành nhiệm vụ.

Sau đợt học tập, tư tưởng đảng viên có nhiều chuyển biến; phong trào hợp tác hoá nông nghiệp được đẩy mạnh; các đoàn thể thanh niên, phụ nữ được củng cố; lực lượng

dân quân, tự vệ được chấn chỉnh... Bên cạnh đó, nhiều mặt yếu kém vẫn tồn tại: Một số đảng viên không nhận nhiệm vụ chi bộ phân công; trong Đảng bộ còn tới 40% đảng viên không vào hợp tác xã; nhận thức của cán bộ, đảng viên về xây dựng chủ nghĩa xã hội, về kháng chiến chống Mỹ, cứu nước chưa thấu đáo, chưa sâu sắc. Từ tháng 4/1960 đến tháng 2/1965, với 4 kỳ đại hội, các cấp uỷ Đảng ở Phú Lương trải qua 4 lần được củng cố, kiện toàn. Song, lãnh đạo của các cấp uỷ chưa toàn diện, chưa sâu sát, thiếu kiểm tra, đôn đốc; cấp dưới ỷ lại cấp trên; việc thực hiện chế độ thỉnh thị, báo cáo không nghiêm túc; nội bộ cấp uỷ, nhất là cấp xã nhiều nơi còn có biểu hiện mất đoàn kết, ảnh hưởng xấu đến hoạt động của chi bộ... Cũng do đó, hoạt động của chính quyền, đoàn thể quần chúng có nhiều mặt yếu.

Số lượng đảng viên trong Đảng bộ tăng khá nhanh, từ 552 đồng chí (năm 1959), tăng lên 774 (năm 1963) và 897 đồng chí (năm 1965). Bình quân trong 6 năm (1960-1965), mỗi năm Đảng bộ Phú Lương kết nạp 80 đảng viên mới; riêng năm 1965 kết nạp 104 người. Việc đẩy mạnh công tác phát triển Đảng không những làm cho đội ngũ đảng viên trong Đảng bộ tăng, mà còn thu hút được nhiều phần tử ưu tú, tiên tiến trong quần chúng vào Đảng; do đó sức chiến đấu của tổ chức Đảng được nâng lên. Song, qua thực tế cho thấy, có lúc sự chỉ đạo của cấp trên, của Ban Huyện uỷ quá nhấn mạnh chỉ tiêu phát triển Đảng. Năm

1965, Đảng bộ đã kết nạp được 104 đảng viên mới (bằng 12% tổng số đảng viên trong Đảng bộ); nhưng nếu so với chỉ tiêu tỉnh giao, mới đạt 69,3%; so với Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ IX, mới đạt 41,6%. Như vậy, nếu đạt chỉ tiêu thì số lượng đảng viên mới phải tăng trên 26% so với tổng số đảng viên trong Đảng bộ. Trong khi đó, số thanh niên được kết nạp vào Đoàn năm 1961 là 156; năm 1963 là 208 và 2 năm 1964-1965 kết nạp được 280 đoàn viên. Đến cuối năm 1965, Đoàn Thanh niên huyện mới có 1.119 đoàn viên.

Nhìn lại trong 10 năm đầu (1955-1965), Đảng bộ Phú Lương đã thực sự quan tâm xây dựng Đảng cả trên 3 mặt chính trị, tư tưởng và tổ chức. Đặc biệt, Ban Chấp hành Đảng bộ huyện thường xuyên tập trung lực lượng, trí tuệ để chăm lo công tác xây dựng Đảng, củng cố cơ sở đảng yếu kém. Đảng viên trong Đảng bộ tham gia sinh hoạt, học tập, chỉnh huấn mỗi năm từ 1 đến 2 đợt; có đợt kéo dài trên 10 ngày với tỷ lệ khá cao, từ 87,5% đến 100% tổng số đảng viên tham gia.

Tuy vậy, Đảng bộ Phú Lương vẫn không phải là Đảng bộ khá của Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên. Chất lượng các mặt giáo dục, củng cố tổ chức và phát triển Đảng còn thấp, chưa đạt yêu cầu nâng cao tính tiên phong gương mẫu và vai trò lãnh đạo của Đảng ở cơ sở như các Nghị quyết của Trung ương đã nhiều lần nhấn mạnh. Đảng bộ chưa tạo được phong trào thi đua trong Đảng cũng như ở

các tổ chức quần chúng; chưa xây dựng được điển hình. Các phong trào thi đua, xây dựng điển hình tiên tiến tuy được phát động nhưng chỉ sôi nổi thời gian đầu, rồi lắng dần...

Trên thực tế, huyện Phú Lương đã từng xuất hiện một điển hình tiên tiến không chỉ có tiếng vang trong huyện, mà cả trong Khu Tự trị Việt Bắc, trong Ngành Giáo dục và trong Đoàn Thanh niên Lao động toàn miền Bắc lúc bấy giờ. Đó là Trường Thanh niên lao động xã hội chủ nghĩa huyện Phú Lương (đóng tại xã Phủ Lý). Ngày 31-12-1962, Chủ tịch Hồ Chí Minh về thăm Nhà trường. Người biểu dương thành tích của thầy và trò, động viên nhắc nhở giáo viên, học sinh Nhà trường đã cố gắng cần cố gắng hơn nữa. Người cũng căn dặn cán bộ, đảng viên và nhân dân xã Phủ Lý phải nêu cao tinh thần làm chủ, đoàn kết giúp nhau xây dựng hợp tác xã.

Bác Hồ đến thăm Nhà trường là niềm vinh dự, tự hào của Đảng bộ và nhân dân các dân tộc trong huyện; là sự kiện chính trị quan trọng có ý nghĩa lịch sử của huyện Phú Lương, có sức cổ vũ mạnh mẽ tinh thần hăng hái cách mạng của cán bộ, đảng viên và nhân dân các dân tộc trong huyện. Đảng bộ đã không tìm thấy ý nghĩa chính trị to lớn của sự kiện lịch sử quan trọng này để tích cực động viên, giáo dục cán bộ, đảng viên và quần chúng làm theo lời Bác, thúc đẩy phong trào cách mạng địa phương tiến lên.

Từ đầu năm 1965, đế quốc Mỹ đẩy cuộc “chiến tranh đặc biệt” đến đỉnh cao nhất, bắt đầu đưa quân đội viễn chinh và quân chư hầu vào miền Nam nước ta; đồng thời, chúng gây ra cuộc chiến tranh phá hoại bằng không quân và hải quân đối với miền Bắc. Cả nước ta bước vào thời kỳ có chiến tranh. Chống Mỹ, cứu nước trở thành nhiệm vụ thiêng liêng nhất của dân tộc ta.

Chấp hành Chỉ thị của Tỉnh ủy Thái Nguyên⁽¹⁾, Huyện ủy Phú Lương đã triển khai đợt Chỉnh huấn Mùa Xuân, tổ chức học tập Nghị quyết 11 (3/1965) và 12 (tháng 12/1965) của Ban Chấp hành Trung ương Đảng. Qua học tập, chỉnh huấn, sức chiến đấu, năng lực lãnh đạo của các chi bộ, đảng bộ cơ sở được nâng cao một bước. Các cấp ủy Đảng biết vận dụng đúng đắn, sáng tạo đường lối, chủ trương của Trung ương Đảng vào điều kiện cụ thể ở mỗi cơ sở, lãnh đạo tổ chức chính quyền, các đoàn thể quần chúng và các hợp tác xã hoàn thành thắng lợi nhiệm vụ chính trị do Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ IX đề ra.

Huyện ủy xác định nhiệm vụ quan trọng bậc nhất của Đảng bộ lúc này là động viên, tổ chức, lãnh đạo nhân dân các dân tộc giữ vững quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa; đẩy mạnh sản xuất, sẵn sàng chiến đấu với khẩu hiệu

⁽¹⁾ Từ ngày 1/7/1965 là Tỉnh ủy Bắc Thái

“Tay cày, tay súng”; bảo vệ miền Bắc, chi viện miền Nam, đánh thắng giặc Mỹ và bè lũ tay sai.

Việc nâng cao vai trò lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ chính trị của Đảng bộ tùy thuộc một phần rất quan trọng vào chất lượng đảng viên. Ngoài việc thấu suốt đường lối, nghị quyết của Đảng, đặt lợi ích của dân tộc, của đất nước lên trên lợi ích cá nhân, đảng viên phải luôn luôn gương mẫu, đi đầu trong sản xuất, chiến đấu, không sợ gian khổ, hy sinh, không lùi bước trước khó khăn...

Đặt vấn đề như trên, Ban Thường vụ Huyện ủy đã tập trung làm tốt công tác giáo dục chính trị cho đảng viên. Số đảng viên tham gia học tập nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương và Chỉ thị huấn Mùa Thu đạt tỷ lệ khá cao: 87,5% đảng viên nông thôn, 92% đảng viên khối cơ quan. Các xã Cổ Lũng, Yên Ninh, Phủ Lý đạt 97,3%; thấp nhất là Động Đạt (74%), Yên Lạc (77%).

Sau đợt chỉnh huấn, sức chiến đấu, vai trò lãnh đạo của các tổ chức cơ sở Đảng được nâng cao; phong trào cách mạng trong huyện chuyển biến thật sự; đa số đảng viên là đầu tàu lôi kéo phong trào. Trước đợt chỉnh huấn, xã Phú Đô có hai hợp tác xã; sau chỉnh huấn, đã đưa 94% số hộ nông dân vào hợp tác xã; xã Tức Tranh từ 60% số hộ vào hợp tác xã, đã tăng lên 98%. Xã Động Đạt có 16 đảng viên, Yên Lạc 10 đảng viên làm đơn xin vào hợp tác xã. Sản xuất lương thực, hoa mầu và chăn nuôi đều phát

triển. Công tác 3 thu đạt 105% kế hoạch. Các đoàn thể quần chúng hoạt động khá, gây dựng được phong trào. Đoàn Thanh niên huyện nhận hơn 3.000 đơn của đoàn viên và thanh niên tình nguyện “3 sẵn sàng”; hơn 4.000 phụ nữ đăng ký “3 đảm đang” (đạt 95% lực lượng phụ nữ trong huyện). Các đơn vị dân quân hoàn thành kế hoạch huấn luyện sẵn sàng chiến đấu và là đơn vị khá của tỉnh, được Quân khu Việt Bắc khen thưởng (năm 1964 là loại kém).v.v....

Chất lượng tổ chức cơ sở đảng và đảng viên được nâng lên một bước mới. Nếu năm 1964, trong số 68 chi, đảng bộ (trong đó có 43 chi bộ dưới đảng uỷ cơ sở), thì số chi bộ “4 tốt” chiếm 17,6%; khá 41,3%; trung bình 29,4% và kém 11,7%; sang năm 1965, số đảng bộ đạt tiêu chuẩn “4 tốt” tăng lên 22%; khá 47,1%; trung bình 25% và kém còn 5,9%. Số đảng viên năm 1964 đạt tiêu chuẩn “4 tốt” chiếm 29,2%; khá: 24,9%; trung bình: 38,3% và loại kém chiếm 7,6% tổng số đảng viên trong Đảng bộ. Năm 1965, số đảng viên “4 tốt” chiếm 39,7%; khá: 36,7%; trung bình: 17,9% và loại kém còn 5,7% tổng số đảng viên.

Công tác phát triển Đảng có nhiều tiến bộ. Năm 1964, toàn Đảng bộ kết nạp được 74 đảng viên mới; đến năm 1965, tăng lên 97 đồng chí, chất lượng cũng cao hơn. Một thành công trong công tác phát triển Đảng năm 1965 là đã giải quyết được nhiều “xóm trắng”, “hợp tác xã trắng”

đảng viên; cả huyện chỉ còn 1 xóm chưa có đảng viên (An Thắng thuộc xã Yên Đổ).

Từ khi miền Bắc chuyển từ thời bình sang thời chiến, việc nâng cao sức chiến đấu và năng lực lãnh đạo của tổ chức cơ sở đảng và chất lượng đảng viên ngang tầm với nhiệm vụ mới có ý nghĩa cực kỳ quan trọng. Đảng bộ Phú Lương đã thành công trong công tác xây dựng, củng cố cơ sở đảng cả về 3 mặt chính trị, tư tưởng và tổ chức; chuyển nhanh toàn bộ hoạt động của Đảng bộ từ lãnh đạo phát triển kinh tế, văn hoá thời bình sang thời chiến, tạo tiền đề vững chắc để Đảng bộ và nhân dân các dân tộc trong huyện hoàn thành nhiệm vụ chiến đấu và sản xuất.

Từ kết quả của công tác xây dựng Đảng trong những năm đầu chống chiến tranh phá hoại lần thứ nhất bằng không quân của đế quốc Mỹ, Đảng bộ Phú Lương rút ra được nhiều bài học kinh nghiệm. Bài học bao trùm là phải tạo được sự chuyển biến nhận thức để đi tới thống nhất hành động trong tập thể Ban Chấp hành Đảng bộ, Ban Thường vụ Huyện uỷ; là quyết tâm cao trong chỉ đạo gắn liền với tính kế hoạch, có trọng điểm, có bước đi cụ thể. Việc chọn Đảng bộ xã Túc Tranh làm điểm chỉ đạo trước khi triển khai đợt chỉnh huấn trong toàn Đảng bộ, cũng như việc cử những cán bộ Huyện uỷ viên có năng lực và kinh nghiệm trực tiếp xuống chỉ đạo các cơ sở yếu, kém... là cách làm đúng đắn của Đảng bộ, mang lại hiệu quả rõ rệt.

Từ tháng 4/1967, sau khi tiếp nhận 10 tổ chức cơ sở đảng từ Đảng bộ huyện Bạch Thông (tỉnh Bắc Kạn), Đảng bộ Phú Lương tăng từ 14 đảng bộ xã lên 24 đảng bộ xã, thị trấn. Theo đó, số đảng viên cũng từ gần 1.200 tăng lên 1.632 đồng chí. Phần lớn trong số 10 tổ chức cơ sở đảng vừa tiếp nhận đều thuộc loại yếu, kém. Vì vậy, khi tổng kết công tác xây dựng Đảng năm 1967, Đảng bộ nhận thấy chất lượng cơ sở đảng và đảng viên giảm xuống rõ rệt so với năm 1965⁽¹⁾.

Tình hình trên đây đặt ra cho Huyện uỷ Phú Lương, trước hết là Ban Thường vụ Huyện uỷ, cần có chủ trương, biện pháp giúp đỡ những đảng bộ yếu kém vươn lên.

Thực hiện chỉ thị của Trung ương Đảng và Tỉnh uỷ Bắc Thái, từ năm 1969 đến năm 1975, Ban Thường vụ Huyện uỷ (từ khoá X đến khoá XII) đã tổ chức cho cán bộ, đảng viên trong Đảng bộ học tập, tham gia nhiều cuộc vận động và sinh hoạt chính trị lớn: Vận động xây dựng, củng cố tổ chức cơ sở đảng; nâng cao chất lượng đảng viên và kết nạp đảng viên “Lớp Hồ Chí Minh”; vận động bảo vệ Đảng; đợt sinh hoạt chính trị tăng cường sự lãnh đạo và nâng cao sức chiến đấu của Đảng... Trong đó,

(1) Năm 1965, tỷ lệ “Đảng bộ 4 tốt”: 22%; khá: 47,1%; trung bình: 25%; kém: 5,9%. Đến năm 1967: “Đảng bộ 4 tốt”: 18%; khá: 20,4%; trung bình: 43% và kém: 18,6%. Tỷ lệ đảng viên “4 tốt” và khá cũng giảm đi; số đảng viên loại trung bình và kém tăng lên. (Tình hình và số liệu dẫn theo báo cáo tổng kết công tác củng cố xây dựng Đảng năm 1967 của Huyện uỷ Phú Lương – số 17/BC-HU ngày 16/5/1968).

Đảng bộ tập trung lãnh đạo thực hiện cuộc vận động “Nâng cao chất lượng đảng viên và kết nạp đảng viên “Lớp Hồ Chí Minh” theo tinh thần Nghị quyết 195-NQ/TW của Bộ Chính trị và Chỉ thị 175-CT/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng (đưa những người không đủ tư cách đảng viên ra khỏi Đảng); Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ 23 (12/1974) “Về tăng cường sự lãnh đạo và nâng cao sức chiến đấu của Đảng”.

Rút kinh nghiệm của nhiều đợt học tập, chỉnh huấn, sinh hoạt chính trị của những năm trước đây, trước khi triển khai tổ chức học tập cho đảng viên, Ban Thường vụ Huyện uỷ triệu hội nghị gồm các đồng chí trong Ban đảng uỷ, chi uỷ trực thuộc nhằm quán triệt Nghị quyết; thống nhất kế hoạch, phương pháp tổ chức học tập cho đảng viên. Sau cuộc hội nghị này, cấp uỷ cơ sở xây dựng phương hướng sửa chữa khuyết điểm của đảng bộ, chi bộ gắn với nhiệm vụ chính trị; sơ bộ phân loại đảng viên trong chi bộ theo 4 mức: Xuất sắc, khá, kém và quá kém để từng đảng viên và cấp uỷ có biện pháp khắc phục.

Ban Thường vụ Huyện uỷ chia các đảng bộ xã thành 3 cụm (cụm các xã phía Bắc, Trung tâm và phía Nam huyện)⁽¹⁾. Mỗi cụm do một số đồng chí trong Ban Thường vụ và Ban Huyện uỷ trực tiếp chỉ đạo. Kết quả,

(1) Các Chi bộ cơ quan xung quanh huyện nằm ở cụm Trung tâm.

trừ Đảng bộ xã Bình Văn và Đảng bộ xã Phú Lý chưa tổ chức học tập, còn tất cả chi, đảng bộ đều triển khai theo kế hoạch của Huyện uỷ. Tính chung toàn Đảng bộ có 70,7% tổng số đảng viên tham gia học tập; trong đó, các chi bộ cơ quan đạt tỷ lệ 87,55%; chi bộ nông thôn đạt 63,26%.

Trong quá trình lãnh đạo tổ chức cuộc vận động, Ban Thường vụ Huyện uỷ chú trọng giúp đỡ cấp uỷ cơ sở cải tiến lề lối làm việc, sửa đổi tác phong công tác; đồng thời củng cố, kiện toàn cấp uỷ trên cơ sở coi trọng chất lượng. Nhờ đó, bộ máy các cấp uỷ vừa tinh giản, vừa làm việc có hiệu quả hơn trước. Một số tổ chức cơ sở đảng từ yếu kém đã vươn lên trung bình khá và khá; điển hình là các Đảng bộ Yên Hân, Thanh Bình, Ôn Lương, Yên Đỗ, Phấn Mễ, Cổ Lũng, Yên Đĩnh, Chi bộ Cửa hàng vật liệu điện, máy; Cửa hàng dược phẩm. Tại các cơ sở này, nhiệm vụ sản xuất, chiến đấu và phục vụ chiến đấu, cũng như việc thực hiện nghĩa vụ đều hoàn thành; đời sống nhân dân được cải thiện; sinh hoạt Đảng đi vào nề nếp, có nội dung cụ thể; các đoàn thể quần chúng tích cực hoạt động.

Kết quả quan trọng do cuộc vận động đem lại là sự đoàn kết nhất trí trong nội bộ các tổ chức cơ sở đảng và trong cấp uỷ được củng cố. Trước đây, có lúc trong cấp uỷ, trong các chi bộ, đảng bộ Yên Đĩnh, Ôn Lương, Ngân hàng... có biểu hiện mất đoàn kết nghiêm trọng và kéo

dài, gây ảnh hưởng tai hại không chỉ trong nội bộ Đảng, mà còn lan rộng ra quần chúng. Sau cuộc vận động, mỗi cán bộ, đảng viên nhận rõ khuyết điểm, kiên quyết sửa chữa, nguyện làm theo lời Bác Hồ căn dặn: “giữ gìn sự đoàn kết nhất trí trong Đảng như giữ gìn con ngươi của mắt mình”⁽¹⁾. Một số cơ sở (Yên Định, Ôn Lương, Trường Thanh niên dân tộc...) từ yếu kém đã vươn lên thành những đơn vị xuất sắc. Song bên cạnh đó, một số tổ chức cơ sở đảng (Phủ Lý, Sơn Cẩm, Vô Tranh) chậm chuyển biến. Tình trạng chia rẽ, bè phái trong đảng không được giải quyết; ý thức tổ chức, kỷ luật ở một số cán bộ, đảng viên không được đề cao; sinh hoạt đảng lỏng lẻo... Vì vậy, sức chiến đấu của đảng bộ suy giảm; vai trò lãnh đạo của tổ chức đảng bị mờ nhạt, phong trào ở cơ sở bị sa sút nghiêm trọng.

Tháng 12/1974, Ban Chấp hành Trung ương Đảng họp Hội nghị lần thứ 23 bàn về tăng cường sự lãnh đạo và nâng cao sức chiến đấu của Đảng. Sau khi đánh giá tình hình, khẳng định những thành tích lớn đã đạt được, Hội nghị chỉ ra một số nhược điểm, khuyết điểm. Hội nghị cho rằng: Số tổ chức cơ sở đảng thuộc loại yếu kém và trung bình tương đối nhiều, số đảng viên kém chiếm tỷ lệ không nhỏ; tình trạng thiếu tinh thần trách nhiệm, kỷ luật lỏng lẻo, mất đoàn kết tương đối phổ biến...

⁽¹⁾ Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Đảng bộ Phú Lương cũng nằm trong tình trạng chung nói trên. Ban Thường vụ Huyện uỷ đã sớm nhận thấy được những mặt yếu kém của Đảng bộ trong công tác xây dựng Đảng: “Chưa kiên quyết có kế hoạch đấu tranh giải quyết những đảng viên thoái hoá, quá kém. Số đảng viên lẩn chiếm ruộng đất, ra hợp tác xã, số đảng viên không sinh hoạt Đảng, không nhận công tác khi chỉ bộ phân công; tham ô, nơ nần hợp tác xã chồng chất vẫn ngang nhiên nằm trong Đảng, làm cho tổ chức đảng khó khăn, phức tạp...”.

Đầu năm 1975, cùng với nhiệm vụ lãnh đạo thực hiện các mục tiêu kinh tế, xã hội, tích cực chỉ viện chiến trường theo khẩu hiệu “Tất cả cho tiền tuyến, tất cả để chiến thắng!”, Đảng bộ Phú Lương bước vào đợt sinh hoạt chính trị nhằm quán triệt Nghị quyết 23, xây dựng hành động cụ thể của toàn thể đảng viên trong Đảng bộ; sắp xếp một bước đội ngũ cán bộ lãnh đạo từ huyện xuống cơ sở (thông qua Đại hội Đảng bộ lần thứ XII); cải tiến một bước chế độ làm việc; khắc phục các mặt tiêu cực, đưa ra khỏi Đảng những người không đủ tư cách đảng viên.

Thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XII (5/1975), Đảng bộ Phú Lương mở cuộc vận động chính trị lớn: “Tăng cường sự lãnh đạo và nâng cao sức chiến đấu của Đảng” theo tinh thần Nghị quyết 23 của Ban Chấp hành Trung ương; đồng thời tiếp tục thực hiện Chỉ thị 192 của Ban Bí thư.

Nhận thức sâu sắc Nghị quyết 23 của Ban chấp hành Trung ương Đảng là một văn kiện quan trọng về công tác xây dựng Đảng, rút kinh nghiệm của nhiều cuộc vận động, xây dựng, chỉnh đốn Đảng trước đây, trong 2 năm (1975-1976), Huyện uỷ tập trung chỉ đạo, tổ chức thành nhiều đợt để đảm bảo cho tất cả cán bộ, đảng viên trong Đảng bộ đều được tham gia học tập. Kết quả đã có 100% đảng viên khối cơ quan và 23/24 đảng bộ xã, thị trấn tham gia học tập quán triệt Nghị quyết.

Trong quá trình chỉ đạo học tập và tiến hành cuộc vận động theo tinh thần Nghị quyết 23 với phương châm : Xây dựng Đảng phải gắn liền với việc nâng cao năng lực quản lý, kiện toàn tổ chức chính quyền và việc xây dựng, củng cố các đoàn thể quần chúng; nâng cao chất lượng đảng viên phải kết hợp với nâng cao chất lượng cán bộ, với kiện toàn cơ quan lãnh đạo từ huyện xuống đến cơ sở, đến hợp tác xã; phát triển Đảng phải coi trọng chất lượng, phát triển đi đôi với củng cố, Ban Thường vụ Huyện uỷ đã chỉ ra 3 nhiệm vụ cụ thể trong công tác xây dựng Đảng bộ :

1. Tăng cường công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, rèn luyện nâng cao lập trường quan điểm giai cấp; phấn đấu mỗi cán bộ, đảng viên thật sự trở thành những chiến sĩ tiên phong cách mạng của giai cấp công nhân, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ trong giai đoạn mới.

2. Tích cực củng cố, nâng cao chất lượng và sức chiến đấu của chi, đảng bộ cơ sở đi đôi với nâng cao năng lực và phẩm chất cán bộ, đảng viên.

3. Nhanh chóng kiện toàn tổ chức, thực hiện tốt việc đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ cốt cán để đáp ứng yêu cầu và nhiệm vụ trong giai đoạn mới⁽¹⁾.

Nhờ đẩy mạnh công tác giáo dục chính trị tư tưởng thông qua việc quán triệt các Nghị quyết của Trung ương, của Tỉnh uỷ và của Huyện uỷ, cùng với đợt sinh hoạt chính trị (theo tinh thần Nghị quyết 254 của Bộ Chính trị), các lớp bồi dưỡng lý luận cơ sở và nhiều hình thức giáo dục khác, cán bộ, đảng viên trong Đảng bộ được nâng cao nhận thức, ý chí rèn luyện và khả năng vận động quần chúng; những khuynh hướng và biểu hiện sai trái của một số cán bộ, đảng viên đã được phê phán và ngăn chặn.

Hệ thống tổ chức Đảng các cấp trong Đảng bộ cũng được củng cố và xây dựng phù hợp với đơn vị công tác và sản xuất. Tính đến cuối năm 1976, toàn Đảng bộ có 52 chi, đảng bộ trực thuộc Huyện uỷ, trong đó có 24 đảng uỷ cơ sở; 109 chi bộ được tổ chức theo đơn vị hợp tác xã và đội chuyên trực thuộc đảng uỷ. Đảng uỷ các cấp được kiện toàn gắn liền với việc xây dựng chế độ, chức trách, cải tiến lề lối làm việc và nâng cao chất lượng đảng viên. Nhờ đó, chất lượng cơ sở đảng và đảng viên năm sau tiến bộ hơn năm trước. Theo tiêu chuẩn phân loại cơ sở đảng và đảng viên do Ban Tổ chức Trung ương hướng dẫn,

(1) Đề án về phương hướng và các mục tiêu kinh tế- xã hội 5 năm (1975-1980)- huyện Phú Lương.

trong năm 1975, số chi bộ, đảng bộ cơ sở xuất sắc và khá chiếm 64,9%; loại trung bình 20,4%; số yếu kém 14,7%. Trong số 56 chi bộ dưới đảng uỷ, có 22 chi bộ loại xuất sắc và khá; 26 chi bộ thuộc loại trung bình và 8 chi bộ thuộc diện yếu kém.

Tính đến tháng 12/1976, toàn Đảng bộ có 2.004 đảng viên; trong đó số đảng viên tích cực chiếm 63% (so với 50% trong năm 1975); loại trung bình chiếm 30,1% (so với 37% trong năm 1975) và loại kém còn 6,9% (so với 13% trong năm 1975).

Đất nước hoà bình xây dựng phát triển kinh tế, văn hoá cần có 1 đội ngũ cán bộ đông đảo, nhất là cấp xã và hợp tác xã được đào tạo về quản lý kinh tế, chuyên môn, kỹ thuật. Theo đề án “Về phương hướng và các mục tiêu kinh tế trong 5 năm (1976-1980) trong phạm vi cả huyện của Huyện uỷ Phú Lương” được xây dựng ngày 27/8/1976, mỗi hợp tác xã cần có 31 cán bộ có trình độ từ sơ cấp đến đại học ở các lĩnh vực quản lý kinh tế, trồng trọt, chăn nuôi, thú y, giao thông, thuỷ lợi, nghề rừng, đất đai, thổ nhưỡng v.v... Như vậy, cả huyện cần tới hàng ngàn cán bộ; trong khi đó, 2 năm (1975-1976) Trường Đảng của huyện chỉ mở được 4 lớp tập huấn nghiệp vụ quản lý hợp tác xã; bồi dưỡng lý luận cơ sở cho hơn 200 lượt cán bộ, đảng viên; đồng thời cử 53 cán bộ (trong số này có 15 cán bộ xã) đi học lớp dài hạn tại các trường của

Trung ương, của tỉnh. Để đáp ứng nhu cầu cán bộ cho những năm về sau, ngay trong năm 1976, huyện đã lựa chọn những đảng viên trẻ, đoàn viên thanh niên các dân tộc trong huyện có trình độ văn hoá từ lớp 7 trở lên (hệ 10 năm) gửi vào các trường Nhà nước nhờ đào tạo, hợp tác xã chi phụ cấp theo chế độ học bổng như Nhà nước quy định.

Những kết quả đạt được trong công tác xây dựng Đảng và đào tạo cán bộ là một trong những nhân tố có tính quyết định, thúc đẩy mạnh mẽ sự nghiệp phát triển kinh tế văn hoá ở địa phương. Vì vậy, toàn huyện có 6 đơn vị được công nhận Tổ, Đội Lao động xã hội chủ nghĩa; 108 đơn vị và cá nhân được Chính phủ và Ủy ban nhân dân tỉnh tặng Bằng khen; 9 cá nhân được bầu là Chiến sỹ thi đua; hàng ngàn người được tập thể lao động bình bầu Lao động tiên tiến, Chiến sỹ quyết thắng.

Tuy nhiên, “Công tác xây dựng Đảng và các tổ chức quần chúng còn nhiều mặt yếu, việc giáo dục chính trị, tư tưởng, nội dung yêu cầu cách mạng xã hội chủ nghĩa cho cán bộ, đảng viên ở nhiều đảng bộ cơ sở còn thiếu sâu sắc, thiếu liên tục và toàn diện. Các nguyên tắc của Đảng chưa được chấp hành nghiêm chỉnh, một số cán bộ, đảng viên còn những lệch lạc về phẩm chất đạo đức, thiếu gương mẫu chấp hành các chủ trương chính sách của Đảng, ảnh hưởng đến vai trò tiên phong, sức chiến đấu và

sự lãnh đạo của Đảng. Về tổ chức, chưa được kiện toàn một cách đầy đủ, đội ngũ cốt cán thiếu nghiêm trọng... Kết nạp đảng viên mới còn yếu..."⁽¹⁾.

Ngày 26/11/1979, Ban Bí thư Trung ương Đảng (Khoá IV) ra Chỉ thị 83/CT-TW về việc phát Thẻ Đảng viên, nhằm đưa công tác quản lý đảng viên vào nền nếp, đồng thời nâng cao ý thức, trách nhiệm của mỗi đảng viên. Chỉ thị quy định: "Thẻ Đảng viên chỉ phát cho đảng viên đủ tư cách đảng viên và làm tròn nhiệm vụ đảng viên như Điều lệ Đảng quy định..."

Năm 1980, Huyện uỷ tổ chức cho đảng viên trong Đảng bộ học tập Chỉ thị 83 và đẩy mạnh cuộc "Vận động xây dựng Đảng vững mạnh và trong sạch"; nâng cao chất lượng đảng viên, nhất là số đảng viên xếp loại trung bình; kiên quyết xử lý những đảng viên thoái hoá, biến chất, vi phạm kỷ luật Đảng.

Trong 3 năm (1980-1982), Đảng bộ đã thi hành kỷ luật 207 đảng viên (bằng 8% số đảng viên của Đảng bộ); trong số này có 36 người lưu lại trong Đảng một thời gian để xem xét; 52 người bị khai trừ ra khỏi Đảng; 75 người đưa ra khỏi Đảng bằng các hình thức khác. Trong số đảng

(1) Báo cáo chính trị Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Phú Lương lần thứ XIII (vòng 2) – Số 04/BC-HU, ngày 31/5/1977.

viên bị thi hành kỷ luật, có 33 là cấp uỷ viên và 21 nữ. Ban đảng uỷ cơ sở bị thi hành kỷ luật⁽¹⁾.

Được sự đồng ý của Tỉnh uỷ Bắc Thái, từ năm 1981, Huyện uỷ Phú Lương tiến hành phát Thẻ Đảng viên cho những đảng viên đủ tiêu chuẩn. Thông qua các đợt phát Thẻ Đảng, Đảng bộ huyện tiếp tục chăm lo giáo dục, bồi dưỡng phẩm chất chính trị cho cán bộ, đảng viên.

Nhìn lại chặng đường 10 năm xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, Huyện uỷ Phú Lương luôn bám sát yêu cầu của cách mạng trong mỗi giai đoạn; biết vận dụng các chỉ thị, nghị quyết của Trung ương và của tỉnh vào công tác xây dựng Đảng bộ địa phương. Do đó, nhìn chung, Đảng bộ đã phát huy được vai trò lãnh đạo quần chúng thực hiện thắng lợi nhiệm vụ phát triển kinh tế, xã hội ở địa phương.

Từ cuối năm 1986, với Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng toàn quốc lần thứ VI, đất nước ta bước vào thời kỳ đổi mới. Để đảm bảo thắng lợi cho sự nghiệp đổi mới, Đại hội VI của Đảng nêu lên 4 bài học kinh nghiệm; trong đó có một bài học cực kỳ quý báu là : “Chăm lo xây dựng Đảng ngang tầm với một Đảng cầm quyền lãnh đạo nhân dân tiến hành cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa”. Báo cáo chính trị Đại hội cũng nêu ra 6 yêu cầu nhằm nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng: 1- Đổi mới

⁽¹⁾ Báo cáo của Ban chấp hành Đảng bộ huyện Phú Lương tại Đại hội Đảng bộ lần thứ XV (31/12/1982).

tư duy, nâng cao phẩm chất cách mạng của cán bộ, đảng viên là nhiệm vụ chủ yếu của công tác tư tưởng; 2- Đổi mới cán bộ, kiện toàn các cơ quan lãnh đạo và quản lý; 3- Đổi mới phong cách làm việc, mở rộng dân chủ, khuyến khích năng động, sáng tạo trên cơ sở nguyên tắc, đường lối của Đảng; 4- Nâng cao chất lượng đảng viên. Mở cuộc vận động làm trong sạch Đảng; 5- Nâng cao sức chiến đấu của tổ chức cơ sở. Tạo điều kiện để quần chúng tham gia xây dựng Đảng; 6- Tăng cường đoàn kết nhất trí trong Đảng.

Ngày 12/9/1987, Bộ Chính trị ra Nghị quyết về cuộc vận động làm trong sạch và nâng cao sức chiến đấu của tổ chức Đảng và bộ máy Nhà nước, làm lành mạnh các quan hệ xã hội.

Cuối tháng 10/1987, Huyện uỷ Phú Lương lấy 2 Đảng bộ xã (Yên Ninh, Động Đạt) và 4 chi bộ, đảng bộ cơ quan (Đảng bộ Chính quyền, Chi bộ Công an, Lương thực, Thương nghiệp) làm điểm chỉ đạo cuộc vận động để rút kinh nghiệm; sau đó được triển khai ra toàn Đảng bộ huyện.

Sau một năm thực hiện đổi mới và trước khi bước vào cuộc vận động, "...về nhận thức, tầm nhìn và cách nghĩ của đại bộ phận cán bộ, đảng viên được nâng lên một bước. Từ Huyện uỷ, Ban Thường vụ, Thường trực Hội đồng, Thường trực Uỷ ban nhân dân huyện đến các Phòng, Ban

trên huyện đã bước đầu đổi mới về tác phong, lề lối làm việc, thể hiện bằng quy chế, chương trình hành động cụ thể, thiết thực”. “... Việc đổi mới trong công tác tổ chức cán bộ thông qua việc chỉ đạo đại hội đảng bộ cơ sở và cuộc bầu cử Hội đồng nhân dân 2 cấp huyện, xã (4/1987) đã chú ý lựa chọn, đổi mới cán bộ có năng lực, trình độ chuyên môn, chính trị, có phẩm chất đạo đức. Các Phòng, Ban được xếp sắp gọn nhẹ, hợp lý hơn. Công tác phát triển Đảng có tiến bộ (kết nạp được 56 người, hơn năm 1986 là 23 người). Kỷ luật Đảng được đề cao, 40 đảng viên có sai phạm bị thi hành kỷ luật, trong đó khai trừ ra khỏi Đảng 27 trường hợp...”⁽¹⁾.

Vào những năm cuối cùng của thập kỉ 80 đầu thập kỉ 90, tình hình thế giới có nhiều biến động phức tạp. Đặc biệt, sự sụp đổ của chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô và các nước Đông Âu đã gây nên những tác động xấu đến tư tưởng, tình cảm trong cán bộ và nhân dân ta. Một bộ phận cán bộ, đảng viên và nhân dân bị quan, dao động, giảm lòng tin, mất phương hướng.

Trước những diễn biến phức tạp tình hình trong nước và quốc tế, ngày 16/6/1992, Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khoá VII) đã họp Hội nghị lần thứ 3, ra Nghị quyết “Về một số nhiệm vụ đổi mới chính đốn Đảng”, xác định

(1) Huyện uỷ Phú Lương: Kiểm điểm thực hiện nhiệm vụ kinh tế – xã hội năm 1987- Báo cáo số 01, ngày 28/1/1988

4 nhiệm vụ quan trọng: Tăng cường xây dựng Đảng về chính trị, tư tưởng; chỉnh đốn Đảng về tổ chức; tạo bước chuyển biến quan trọng về công tác cán bộ; đổi mới phương thức lãnh đạo Đảng.

Trải qua 5 năm (1987-1992) lãnh đạo tiến hành đổi mới ở cơ sở, Đảng bộ huyện Phú Lương có bước tiến bộ và trưởng thành; nắm bắt được chủ trương, chính sách mới của Đảng, Nhà nước và nguyện vọng của nhân dân; quyết tâm sửa chữa những sai lầm, khuyết điểm của mình. Nhiều tổ chức cơ sở đảng ở nông thôn đã bước đầu đổi mới, chấn chỉnh về tổ chức, cán bộ và phương thức lãnh đạo phù hợp với yêu cầu của sự nghiệp đổi mới. Một số đảng uỷ xã (tiêu biểu là Túc Tranh) có năng lực, trí tuệ; phong cách làm việc dân chủ, sâu sát, hết lòng vì nhân dân.

Tuy nhiên, nhìn chung tổ chức cơ sở đảng cấp xã chưa mạnh. Số đảng bộ, chi bộ yếu kém còn chiếm tỷ lệ cao (trên 15%). Trong một số tổ chức cơ sở đảng, việc thực hiện dân chủ và kỷ cương còn yếu; nội bộ cấp uỷ có biểu hiện mất đoàn kết, làm hạn chế vai trò lãnh đạo của Đảng và mọi hoạt động ở địa phương; một bộ phận đảng viên giảm sút ý chí chiến đấu, phai nhạt lý tưởng, dao động, mất lòng tin trước sự đổ vỡ chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và Đông Âu, một bộ phận đảng viên thiếu gương

mẫu, bị chủ nghĩa cá nhân thực dụng cuốn hút, lôi kéo, bè cánh dòng họ, tranh chấp đất đai, vi phạm pháp luật...⁽¹⁾.

Xuất phát từ tình hình trên, Ban Thường vụ đặc biệt coi trọng công tác giáo dục chính trị tư tưởng. Trong những năm 1991 - 1995, Huyện uỷ tổ chức nhiều đợt sinh hoạt chính trị, học tập Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VII; Nghị quyết hội nghị giữa nhiệm kỳ; các Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ 3, 4, 5, 6, 7; Nghị quyết Đại hội tỉnh Bắc Thái lần thứ VI, v.v...

Thông qua các đợt học tập, sinh hoạt chính trị, thông tin thời sự, các cấp uỷ kịp thời phát hiện, đấu tranh phê phán những quan điểm, tư tưởng, hành động tiêu cực; đồng thời bồi dưỡng nâng cao bản lĩnh chính trị, trí tuệ và năng lực lãnh đạo của Đảng; xây dựng niềm tin và ý chí kiên định lý tưởng cách mạng, kiên định mục tiêu chủ nghĩa xã hội cho cán bộ, đảng viên.

Hàng năm, Huyện uỷ chỉ đạo các đảng uỷ cơ sở phân công và định kỳ kiểm tra đảng viên thực hiện nhiệm vụ

(1) Năm 1991-1993 tranh chấp đất đai diễn ra ở nhiều xã. Đảng uỷ xã Yên Trạch ra Nghị quyết: Ruộng nhà ai nhà ấy lấy. Ở xã Yên Ninh có người chém nhau vì tranh giành ruộng đất. Huyện uỷ thi hành kỷ luật nhiều cán bộ, đảng viên do vi phạm chính sách, tranh chấp ruộng đất, trong này có cả đảng viên là cán bộ hưu trí, cán bộ công tác ở các cơ quan trong huyện.

Do tình hình trên, năm 1992 không phân tích được chất lượng đảng viên trong Đảng bộ

(Theo Báo cáo tổng kết công tác xây dựng Đảng năm 1992 của Huyện uỷ, ngày 29/5/1993).

được giao và kiểm tra thi hành Điều lệ Đảng. Cấp uỷ căn cứ vào tự nhận xét của đảng viên, vào kết quả thực hiện nhiệm vụ, vào ý kiến xây dựng của quần chúng, và ý kiến phê bình của đảng viên trong chi bộ mà đánh giá chất lượng đảng viên mỗi năm một lần vào cuối năm.

Thông qua kết quả phân tích chất lượng đảng viên, Ban Thường vụ Huyện uỷ chỉ đạo cấp uỷ cơ sở có giải pháp cụ thể đối với từng loại đảng viên: Bồi dưỡng những đảng viên giữ được tư cách, đảng viên phát huy tính tiên phong gương mẫu, vươn lên hoàn thành các nhiệm vụ công tác được giao; giúp đỡ những đảng viên hạn chế về kiến thức, năng lực hoặc hoàn cảnh quá khó khăn... để các đồng chí này vươn lên hoàn thành nhiệm vụ; giáo dục, xử lý hoặc định thời hạn phấn đấu, sửa chữa khuyết điểm cho những đảng viên vi phạm tư cách đảng viên, vi phạm nguyên tắc tổ chức sinh hoạt Đảng, không hoàn thành nhiệm vụ; khai trừ và đưa ra khỏi Đảng những người không còn đủ tư cách đảng viên.

Xuất phát từ tình hình cụ thể của địa phương, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện (10/1997) nhấn mạnh công tác xây dựng Đảng bộ trong sạch, vững mạnh về mọi mặt; coi đây là nhiệm vụ then chốt có ý nghĩa quyết định thành công sự lãnh đạo của Đảng bộ. Trọng tâm công tác xây dựng Đảng là công tác đảng viên, xây dựng tổ chức cơ sở

đảng, công tác cán bộ...⁽¹⁾. Đại hội quyết định tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 3 (khoá VII) về đổi mới và chỉnh đốn Đảng; triển khai thực hiện tốt Nghị quyết Trung ương 3 (khoá VIII).

Thực hiện Nghị quyết Đại hội, Ban Chấp hành Đảng bộ huyện đã vận dụng và cụ thể hoá 7 vấn đề⁽²⁾ có tính chất mấu chốt có quan hệ chặt chẽ với nhau trong đổi mới và chỉnh đốn Đảng phù hợp với tình hình thực tế của Đảng bộ.

Đánh giá công tác xây dựng Đảng trong 5 năm (1996-2000), Đại hội Đảng bộ lần thứ XX khẳng định: “Đảng bộ huyện có 2.738 đảng viên, gồm 46 chi, đảng bộ trực thuộc (16 đảng bộ xã, thị trấn, 30 chi bộ cơ quan) có truyền thống đoàn kết, biết dựa vào quần chúng, khơi dậy và phát huy truyền thống tốt đẹp trong nhân dân các dân tộc. Nhân dân các dân tộc tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng, vào đường lối đổi mới cần cù, sáng tạo trong lao động... Đảng bộ đã lãnh đạo nhân dân nêu cao tinh thần tự chủ, sáng tạo, đẩy mạnh các phong trào thi đua yêu nước,

⁽¹⁾ Huyện uỷ Phú Lương: Dự thảo báo cáo chính trị tại Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Phú Lương 1997-2000 (10/1997).

⁽²⁾ 7 vấn đề đó là: Giữ vững và tăng cường bản chất giai cấp công nhân của Đảng; nâng cao bản lĩnh chính trị, phẩm chất và năng lực cán bộ, đảng viên; củng cố Đảng về tổ chức, thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ; chăm lo xây dựng đội ngũ cán bộ; nâng cao sức chiến đấu của tổ chức cơ sở Đảng; tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng; đổi mới công tác kiểm tra và kỷ luật của Đảng.



Hội thi bí thư chi bộ giới.



phát huy sức mạnh tổng hợp phấn đấu thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ Đại hội Đảng bộ đề ra và thu được nhiều thành tựu quan trọng trên các lĩnh vực. Đảng bộ và nhân dân các dân tộc từng bước trưởng thành..."⁽¹⁾.

Trong quá trình chỉ đạo xây dựng Đảng theo tinh thần các Nghị quyết của Trung ương, của Tỉnh uỷ Bắc Thái (sau này là Tỉnh uỷ Thái Nguyên), Huyện uỷ nhận thức đầy đủ tầm quan trọng công tác giáo dục chính trị, tư tưởng cho đội ngũ cán bộ, đảng viên trong Đảng bộ. Nhận thức này đã ảnh hưởng tích cực đến phần lớn cán bộ, đảng viên có ý thức tự giác học tập, nghiên cứu lý luận về Chủ nghĩa Mác-Lê nin, Tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối, quan điểm của Đảng; tiếp tục đổi mới nhận thức, qua đó củng cố niềm tin, nâng cao tinh thần trách nhiệm, năng lực lãnh đạo, quản lý điều hành, từng bước đáp ứng yêu cầu mới.

Trong những năm gần đây, nhất là từ 1996 đến 2000, Huyện uỷ động viên cán bộ, đảng viên trong Đảng bộ không ngừng học tập để nâng cao trình độ. Ban Thường vụ Huyện uỷ coi công tác đào tạo, bồi dưỡng chính trị, chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ, đảng viên là một công tác vừa có ý nghĩa chiến lược, vừa mang tính cấp bách. Trong 5 năm (1996-2000), huyện đã cử nhiều cán bộ theo học các hệ bồi dưỡng nâng cao trình độ. Một thành công

⁽¹⁾ Báo cáo của BCH Đảng bộ khoá XIX tại Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XX.

quan trọng trong công tác giáo dục, bồi dưỡng và đào tạo cán bộ của Đảng bộ Phú Lương trong 15 năm đổi mới là chọn những hình thức thiết thực, phù hợp với từng đối tượng, từng cơ sở để có phương sách thích hợp. Nhờ vậy, công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ trong Đảng bộ thu được nhiều kết quả.

Cùng với công tác chính trị, tư tưởng, bồi dưỡng đào tạo cán bộ, Huyện uỷ chịu trách nhiệm về toàn bộ công tác cán bộ từ huyện đến xã, hợp tác xã. Đến nay, huyện đã có gần 4.000 cán bộ từ Trưởng xóm trở lên; trong đó, đa số cán bộ có năng lực và trình độ, gần gũi nhân dân, được nhân dân tin cậy và đủ sức hoàn thành nhiệm vụ.

Chế độ sinh hoạt Đảng (từ chi bộ đến Ban Huyện uỷ) đã có chất lượng, khắc phục được tình trạng lỏng lẻo, thiếu nền nếp kéo dài trong nhiều năm trước. Trong những năm gần đây, số cơ sở đảng đạt tiêu chuẩn trong sạch, vững mạnh và số đảng viên đủ tư cách loại I tăng lên khá nhiều; số cơ sở đảng và số đảng viên trung bình, yếu kém giảm đi rõ rệt. Bình quân hằng năm có 83,5% tổng số đảng viên trong Đảng bộ cơ bản hoàn thành nhiệm vụ được giao.

Trong quá trình đổi mới và thực hiện cơ chế: Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ, Huyện uỷ và Đảng bộ Phú Lương đã thu được nhiều kết quả và có bước trưởng thành quan trọng.

Những năm gần đây, nhất là sau khi có Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ 8 (khoá VII) về xây dựng và hoàn thiện chính quyền, thực hiện cải cách một bước nền hành chính Nhà nước từ Huyện uỷ đến các đảng uỷ cơ sở, ngoài kế hoạch bồi dưỡng, đào tạo và bố trí những cán bộ, đảng viên có năng lực, phẩm chất ứng cử các chức danh chủ chốt trong Hội đồng nhân dân, Uỷ ban nhân dân, Huyện uỷ còn đề ra chủ trương, phương hướng công tác quan trọng trong từng thời gian để lãnh đạo chính quyền thực hiện.

Những vấn đề thuộc chủ trương, biện pháp lớn liên quan đến quyền lợi và nghĩa vụ của đông đảo nhân dân các dân tộc trong huyện (phát triển kinh tế-xã hội, xây dựng nông thôn mới, an ninh quốc phòng...), trước khi trình Hội đồng nhân dân thảo luận và quyết định, các đồng chí cấp uỷ viên là Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Uỷ ban nhân dân đều có trách nhiệm chuẩn bị và báo cáo để Huyện uỷ thảo luận, định hướng lãnh đạo, đảm bảo cho chủ trương được thực hiện thắng lợi.

Trải qua 15 năm thực hiện đổi mới, dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ, nhân dân các dân tộc huyện Phú Lương đã thu được nhiều kết quả trên mọi lĩnh vực. Các ngành kinh tế trong huyện có nhiều mặt khởi sắc, đời sống vật chất và văn hoá tinh thần của nhân dân các dân tộc trong huyện được cải thiện rõ rệt. Tình hình chính trị-xã hội có nhiều chuyển biến tích cực.

Nhìn lại chặng đường trên nửa thế kỷ (1946-2000), Đảng bộ Phú Lương đã có những bước tiến dài cả về số lượng và chất lượng. Khi cùng cả nước bước vào cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược (12/1946), Đảng bộ Phú Lương mới có 116 đảng viên. Sau chiến thắng Việt Bắc Thu-Đông 1947 đến giữa năm 1948, Đảng bộ đã có 303 đảng viên (trong đó có 74 dự bị), sinh hoạt trong 14 chi bộ. Sau giảm tô (1955), số đảng viên của Đảng bộ tăng lên 389 đồng chí. Mười năm sau (năm 1965), số đảng viên tăng lên gần 3 lần (897 đồng chí), sinh hoạt trong 8 đảng bộ, 6 chi bộ xã và 16 chi bộ cơ quan (trong 8 đảng bộ xã có 43 chi bộ dưới cơ sở). Tháng 4/1967, sau khi tiếp nhận 10 chi bộ xã, thị trấn từ Đảng bộ huyện Bạch Thông chuyển về, đồng thời tiếp nhận một số đảng viên các tỉnh đồng bằng lên tham gia phát triển kinh tế, số đảng viên của Đảng bộ lên tới 1.654 đồng chí; trong đó có 221 nữ. Năm 2000, Đảng bộ có 2.738 đảng viên. Tỷ lệ đảng viên thuộc các dân tộc ít người, bình quân 40 năm trở lại đây, dao động từ 45 đến 50%.

Số đảng viên của Đảng bộ trong 45 năm (tính từ năm 1956) đã tăng hơn 7 lần, chủ yếu là do phát triển đảng viên mới. Tính bình quân từ năm 1995 trở về trước, mỗi năm Đảng bộ kết nạp được 65 đảng viên mới; từ năm 1996 đến năm 2000, con số đó lên tới 107 người. Phần lớn số người được kết nạp vào Đảng từ năm 1970 đến nay đều có trình độ văn hoá tốt nghiệp từ cấp II trở lên; nhiều

người có bằng đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp và đều qua các lớp bồi dưỡng chính trị. Do đó, trình độ tri thức của đội ngũ cán bộ, đảng viên trong Đảng bộ được nâng lên rất nhiều. Đây là một trong những nhân tố quan trọng giúp cho Đảng bộ và nhân dân các dân tộc huyện Phú Lương tiếp tục phấn đấu vươn lên, nhằm đáp ứng yêu cầu ngày cao của sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.

6- Đoàn Đình Thế: Ủy viên

7- Lê Trung: Ủy viên

8- Ma Hồng Chi: Ủy viên

9- Trịnh Xuân Uyển: Ủy viên

Tháng 8/1989, đồng chí Lê Văn Văn được Tỉnh ủy điều động lên làm Phó Bí thư thường trực Huyện ủy. Tháng 10/1990, đồng chí Mạc Văn Đạt nghỉ hưu, đồng chí Lê Văn Văn được bầu làm Bí thư Huyện ủy.

Khoá XVIII (1991-1995)

Ban Chấp hành Đảng bộ huyện gồm 31 ủy viên.

Ban Thường vụ Huyện ủy gồm 9 đồng chí:

1- Lê Văn Văn: Bí thư

2- Nguyễn Mạnh Long: Phó Bí thư

3- Đoàn Đình Thế: Phó Bí thư (từ tháng 1/1992).

4- Bàn Hữu Dân: Phó Bí thư (từ tháng 1/1992, chuyển công tác; đồng chí Đoàn Đình Thế lên thay)

5- Lê Thiện Đán: Ủy viên

6- Trần Trọng Tuyên: Ủy viên

7- Ma Hồng Chi: Ủy viên

8- Trương Minh Tú: Ủy viên

9- Bảo Văn Lạc: Ủy viên

Khoá XIX (1996-2000)

Ban Chấp hành Đảng bộ huyện gồm 33 uỷ viên.

Ban Thường vụ Huyện uỷ gồm 9 đồng chí:

- | | |
|----------------------|------------------------|
| 1- Đoàn Đình Thế: | Bí thư |
| 2- Nguyễn Mạnh Long: | Phó Bí thư Thường trực |
| 3- Bảo Văn Lạc: | Phó Bí thư |
| 4- Trần Trọng Tuyên: | Ủy viên |
| 5- Lê Thiện Đán: | Ủy viên |
| 6- Lê Trung: | Ủy viên |
| 7- Ma Hồng Chi: | Ủy viên |
| 8- Phan Công Minh: | Ủy viên |
| 9- Trương Minh Tú: | Ủy viên |

Thứ 7/1998, đồng chí Bảo Văn Lạc chuyển công tác lên Bắc Kạn; đồng chí Nông Văn Trân giữ chức Ủy viên Thường trực - Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện.

Khoá XX (2000-2005)

Ban Chấp hành Đảng bộ huyện gồm 31 uỷ viên.

Ban Thường vụ Huyện uỷ gồm 9 đồng chí:

- | | |
|-------------------|------------------------|
| 1- Đỗ Mạnh Hùng: | Bí thư |
| 2- Lê Thiện Đán: | Phó Bí thư Thường trực |
| 3- Nông Văn Trân: | Phó Bí thư |

- | | |
|----------------------|---------|
| 4- Nguyễn Toàn Dũng: | Ủy viên |
| 5- Lương Trung Hà: | Ủy viên |
| 6- Trương Minh Tú: | Ủy viên |
| 7- Bùi Hồng Sơn: | Ủy viên |
| 8- Nguyễn Vi Hồng: | Ủy viên |
| 9- Ma Bách Tuyền: | Ủy viên |

Tháng 11/2002, đồng chí Nông Văn Trân chuyển công tác; đồng chí Lê Thiện Đán giữ chức Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện. Đồng chí Nguyễn Toàn Dũng (Chủ nhiệm Ủy ban kiểm tra Huyện uỷ) được bầu giữ chức Phó Bí thư thường trực, Chủ tịch Hội đồng nhân dân huyện. Đồng chí Hoàng Thị Vinh (Huyện uỷ viên - Chủ tịch Hội phụ nữ huyện) được bầu giữ chức Chủ nhiệm Ủy ban kiểm tra Huyện uỷ (từ tháng 4/2003).

MỤC LỤC

Trang

- Lời nói đầu 3

Chương I: Phục hồi và phát triển kinh tế, thực hiện cải tạo xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội (1954-1965) 6

Chương II: Vừa sản xuất, vừa chiến đấu chống chiến tranh phá hoại, tích cực Chi viện chiến trường (1965 – 4/1975) 84

Chương III: Thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược: Xây dựng và bảo vệ tổ quốc (1975 - 1985) 171

Chương IV: Lãnh đạo thực hiện sự nghiệp đổi mới 1986 – 2000 222

Chương V: Sự trưởng thành của Đảng bộ Phú Lương 283

Phụ lục: 328

Chịu trách nhiệm xuất bản:

BAN THƯỜNG VỤ HUYỆN ỦY PHÚ LƯƠNG

HỘI ĐỒNG CHỈ ĐẠO:

- | | |
|---|--------------|
| 1. Đỗ Mạnh Hùng - Tỉnh ủy viên - Bí thư Huyện ủy - | Chủ tịch |
| 2. Lê Thiện Đán - Phó bí thư Huyện ủy - | Phó chủ tịch |
| 3. Nông Văn Trân - Phó bí thư Huyện ủy - | Phó chủ tịch |
| 4. Lương Trung Hà - Ủy viên BTV - Trưởng ban TGHU - | Ủy viên TT |
| 5. Bùi Hồng Sơn - Ủy viên BTV - Trưởng ban Tổ chức Huyện ủy - | Ủy viên |
| 6. Nguyễn Toàn Dũng - Ủy viên BTV - Chủ nhiệm UBKT huyện ủy - | Ủy viên |
| 7. Nguyễn Vy Hồng - Ủy viên BTV - Phó chủ tịch UBND huyện - | Ủy viên |
| 8. Trương Minh Tú - Ủy viên BTV - Chỉ huy trưởng BCHQS huyện - | Ủy viên |
| 9. Ma Bách Tuyền - Ủy viên BTV - Trưởng công an huyện - | Ủy viên |
| 10. Lèng Hữu Hiến - Huyện ủy viên - Chánh Văn phòng Huyện ủy - | Ủy viên |
| 11. Dương Công Nhuận - Phó Trưởng BTG Tỉnh ủy - Tham gia hội đồng | |

BIÊN SOẠN:

1. Tiến sỹ Nguyễn Xuân Minh (*chủ biên*)
2. Phạm Tất Quỳnh
3. Nguyễn Văn Thắng
4. Vũ Thanh Khôi
5. Dương Công Nhuận
6. Nguyễn Thu Huyền

Hoàn chỉnh bản thảo:

Tiến sỹ Nguyễn Xuân Minh

Sửa bản in:

Lương Trung Hà

Ảnh tư liệu:

Ngọc Định, Ngọc Sơn, Mai Hiến

In 1.000 cuốn khổ 14,5 x 20,5 cm tại Công ty in Thái Nguyên. Giấy phép xuất bản số 13/GPXBVH do Sở VHTT Thái Nguyên cấp ngày 24/5/2005. In xong và nộp lưu chiểu tháng 8-2005